

18. PHẨM TÂM QUÍ

KINH SỐ 1¹

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có hai pháp tinh diệu² thủ hộ thế gian. Thế nào là hai pháp? Có tâm, có quý.³ Nay các Tỳ-kheo, nếu không có hai pháp này, thế gian sẽ không phân biệt có cha, có mẹ, có anh, có em, vợ con, tri thức, tôn trưởng, lớn nhỏ; sẽ cùng với lục súc heo, gà, chó, ngựa, dê ... cùng một loại. Vì thế gian có hai pháp này thủ hộ, nên thế gian phân biệt có cha mẹ, anh em, vợ con, tôn trưởng, lớn nhỏ, và cũng không cùng đồng loại với lục súc.”

“Cho nên, nay các Tỳ-kheo, hãy học tập có tâm, có quý. Như vậy, nay các Tỳ-kheo, hãy học điều này.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 2

Tôi nghe như vậy:

¹ Tương đương Pāli, A. II. 1.9 Hirottapa (R i. 51).

² Hán: Diệu pháp 妙法. Pāli, ibid. : *dhammā sukkā*, hai pháp tinh trắng.

³ Hữu tâm hữu quý 有慚有愧. Pāli: *hirī ca ottapañca*.

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Thế gian có hai hạng người vì không biết chán đủ mà mạng chung. Hai hạng người ấy là gì? Người được tài vật luôn cất giấu và người có được tài vật lại thích cho người. Đó gọi là hai hạng người không biết chán đủ, mà mạng chung.”

Bấy giờ, có Tỳ-kheo bạch Thế Tôn:

“Bạch Thế Tôn, chúng con không hiểu nghĩa tóm lược này. Thế nào là được vật mà cất giấu? Thế nào là được vật mà đem cho người? Nguyện xin Thế Tôn giảng rộng nghĩa này.”

Thế Tôn bảo:

“Hãy lắng nghe, lắng nghe, suy nghĩ kỹ! Ta sẽ phân biệt nghĩa này cho các người.”

Thưa:

“Kính vâng.”

Bấy giờ Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Ở đây có người thiện gia nam tử học các kỹ thuật, hoặc theo nghề làm ruộng, hoặc học tập chép sách, hoặc tập kế toán, hoặc tập thiên văn, hoặc tập địa lý, hoặc tập bói tướng, hoặc học làm sứ giả phương xa, hoặc làm thần tá vua, không tránh nóng lạnh, đói rét, cần khổ mà tự mưu sống cho mình. Người ấy làm mọi công sức như vậy mà được tài vật, nhưng người kia không ăn tiêu, cũng không cấp cho vợ con, cũng không [587c01] cho nô tì, hay

những bà con quyến thuộc; tất cả đều không cho. Những tài vật có được ấy, hoặc bị vua tước đoạt, hoặc bị giặc trộm, hoặc bị lửa thiêu, nước cuốn, phân tán chỗ khác, lợi kia không được hưởng; hoặc ngay trong nhà có người phân tán vật này, không cho để yên một chỗ. Nay Tỳ-kheo, đó gọi là được tài vật mà cất giấu.

“Kia sao gọi là được tài vật mà đem phân cho? Có người thiện gia nam tử học các kỹ thuật, hoặc theo nghề làm ruộng, hoặc tập nghề chép sách, hoặc tập kế toán, hoặc tập thiên văn, hoặc tập địa lý, hoặc tập bói tướng, hoặc học sứ phương xa, hoặc làm thân tá vua, không tránh nóng lạnh, đói rét, cần khổ mà tự mưu sống cho mình. Người ấy làm mọi công sức như vậy mà được tài vật, nhưng rồi đem bố thí cho chúng sanh, phụng dưỡng cho cha mẹ, nô tì, vợ con, cũng chu cấp rộng rãi cho sa-môn, bà-la-môn, tạo ra các thứ công đức, gieo trồng phước cõi trời. Nay Tỳ-kheo, đó gọi là được tài mà đem bố thí.

“Nay Tỳ-kheo, đó gọi là hai hạng người không biết chán đủ. Như người thứ nhất, có được tài vật mà cất giấu, các người nên nghĩ tưởng tránh xa. Người thứ hai, có được mà đem bố thí rộng rãi, hãy học nghiệp này. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 3⁴

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Hãy là người thừa tự pháp, chớ nên là kẻ thừa tự tài vật.⁵ Vì sao vậy? Các người đã có được phước báo tốt đẹp,⁶ mong cho đệ tử của Ta cung kính pháp, không tham lợi dưỡng. Nếu người nào tham lợi dưỡng, người đó có lỗi lớn đối với Như Lai. Vì sao? Vì chúng sanh không phân biệt được pháp, nên hủy báng lời dạy Thế Tôn.⁷ Đã hủy báng lời dạy Thế Tôn, sau đó không còn đến được đạo Niết-bàn. Ta rất lấy làm xấu hổ. Vì sao vậy? Vì đệ tử của Như Lai tham đắm lợi dưỡng, không thực hành nơi pháp, không phân biệt pháp, hủy báng lời dạy Thế Tôn, không thuận chánh pháp. Đã hủy báng lời dạy Thế Tôn, sẽ không còn đến được đạo Niết-bàn.

“Này Tỳ-kheo, các người nên nghĩ đến thừa tự pháp,

⁴ Pāli tương đương, M 3 Dhammāyāda (R i. 12); Hán: Trung kinh 88.

⁵ Pháp thí 法施, thực thí 食施. Hán dịch không chính. *dāyāda*: (người) thừa tự, thừa kế; Hán hiểu là *dāya*: cho, bố thí. Xem nội dung dưới đây sẽ rõ. Pāli, *ibid.*: *dhammāyāda me, bhikkhave, bhavatha, mā āmisadāyādā*, này các Tỳ-kheo, hãy là kẻ thừa tự pháp của Ta, chớ đừng là kẻ thừa tự tài vật của Ta.

⁶ Pāli: *atthi me tumhesu anukampā*, Ta hằng thương tưởng đến các người.

⁷ Tham chiếu Pāli, *ibid.*, bị chỉ trích: Thầy trò bị chỉ trích là những kẻ thừa tự tài vật (*āmisadāyādā satthusāvakā viharanti*).

đừng tư duy đến thừa tự vật dục⁸, rồi các người được danh thơm vang khắp bốn phương. Cung kính pháp, không tham tài vật, Ta sẽ không lấy làm xấu hổ. Vì sao vậy? Vì đệ tử của Như Lai chỉ mong thừa tự pháp, không ham nghĩ thừa tự vật dục.

“Cho nên, các Tỳ-kheo, nên nghĩ thừa tự pháp, chớ học thừa tự tài vật. Tỳ-kheo các người, Ta nói nghĩa này, vì nhân [588a01] nghĩa gì mà nói duyên này?”

Bấy giờ các Tỳ-kheo, bạch Thế Tôn:

“Nguyện xin Thế Tôn phân biệt chi tiết.”

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Xưa kia, có một người thỉnh Ta cúng dường. Rồi bấy giờ Ta có thức ăn dư tàn,⁹ có thể vất bỏ. Có hai Tỳ-kheo từ phương xa đến, thân thể mệt mỏi, nhan sắc biến đổi. Bấy giờ Ta bảo hai Tỳ-kheo kia những lời như vậy: ‘Có thức ăn dư tàn có thể vất bỏ, nếu các người thấy cần thì có thể lấy mà dùng.’

“Lúc ấy, một Tỳ-kheo tự nghĩ: ‘Hôm nay Thế Tôn có thức ăn dư tàn dư thực có thể vất bỏ. Ai thấy cần thì có thể lấy. Nếu chúng ta không lấy ăn, thức ăn này sẽ được đem bỏ nơi đất sạch hay trút vào trong nước. Vậy, nay chúng ta nên lấy thức ăn này để lấp đầy vào chỗ đói thiếu, tăng trưởng khí lực.’

⁸ Hán: Dục thí 欲施; được hiểu là bố thí vật dục tức vật chất.

⁹ Hán: Di dư pháp 遺餘法; đây chỉ đồ ăn thuộc loại dư thừa. Pāli, ibid.: (*pinḍapāto*) *atirekadhammo*, đồ ăn khát thực (*pháp* = thuộc loại) còn dư tàn. *dhamma/ dharma*, thường dịch là *pháp*, ở đây hàm nghĩa “tính chất, đặc chất” (Wogihara).

“Bấy giờ, Tỳ-kheo kia lại học điều này: ‘Phật cũng đã từng dạy: Nên sống thừa tự pháp, chớ nghĩ đến thừa tự vật dục. Vì sao vậy? Vì cao nhất trong bố thí không gì hơn thí tài, nhưng thí pháp ở trong đó được tôn trọng nhất.¹⁰ Nay ta cam chịu suốt ngày không ăn mà vẫn có thể qua khỏi, không cần nhận phước tín thí kia.’ Tỳ-kheo kia liền tự quyết ý không lấy vật thí kia, thân thể mệt mỏi mà không cần để ý đến mạng sống.

“Trong khi ấy, Tỳ-kheo thứ hai lại tự nghĩ: ‘Thế Tôn có thức ăn tàn dư đáng bị vất bỏ. Nếu chúng ta không lấy ăn, sẽ mệt mỏi. Nay nên lấy thức ăn này để lấp đầy vào chỗ đói thiếu, tăng trưởng khí lực, ngày đêm an ổn.’ Bấy giờ, Tỳ-kheo kia liền lấy ăn, khí lực sung mãn, ngày đêm an ổn.”

Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Tuy Tỳ-kheo kia đã nhận lấy đồ cúng dường kia, đã trừ bỏ được cái thiếu đói, khí lực sung mãn, nhưng không như Tỳ-kheo trước là đáng kính, đáng quý, rất đáng được tôn trọng. Tỳ-kheo ấy lâu dài tiếng khen được đồn xa, ở trong luật mà biết đủ, dễ thỏa mãn. Nay các Tỳ-kheo, hãy học thừa tự pháp, chớ học nghĩ đến thừa tự vật dục. Những điều được Ta nói trước đó là do nhân duyên này.”

Sau khi Thế Tôn nói những lời này xong, rời chỗ ngồi đứng dậy ra về. Lúc ấy, các Tỳ-kheo lại tự nghĩ: “Thế Tôn vừa rời chỉ nói tóm lược điều cốt yếu, chớ không nói rộng rãi, rời từ chỗ ngồi đứng dậy, im lặng vào thất. Hiện tại trong chúng này, ai có khả năng kham nhận đối với

¹⁰ Câu này có thể là diễn dịch thêm của dịch giả Hán.

nghĩa sơ lược này mà diễn giải rộng nghĩa của chúng?”

Bấy giờ, số đông các Tỳ-kheo lại nghĩ: “Hiện nay [588b01] Tôn giả Xá-lợi-phất được Thế Tôn khen ngợi. Chúng ta hãy cùng nhau đến chỗ Tôn giả Xá-lợi-phất.” Rồi các Tỳ-kheo liền đến chỗ Tôn giả Xá-lợi-phất, vái chào nhau xong, ngồi qua một bên. Sau khi ngồi qua một bên rồi, các Tỳ-kheo đem những điều đã nghe được từ Thế Tôn trình lại hết cho Tôn giả Xá-lợi-phất.

Tôn giả Xá-lợi-phất bảo các Tỳ-kheo:

“Thế nào là đệ tử Thế Tôn tham đắm lợi dưỡng không tu hành pháp? Thế nào là đệ tử Thế Tôn ham tu hành pháp không tham lợi dưỡng?”

Lúc đó, các Tỳ-kheo thưa Xá-lợi-phất:

“Chúng tôi là những người từ xa đến, xin hỏi nghĩa này để tu hành. Tôn giả Xá-lợi-phất có khả năng xin diễn rộng nghĩa này cho chúng tôi.”

Tôn giả Xá-lợi-phất bảo:

“Hãy lắng nghe, lắng nghe, suy nghĩ kỹ, tôi sẽ diễn rộng nghĩa này cho các vị.”

Các Tỳ-kheo thưa:

“Xin vâng.”

Xá-lợi-phất bảo:

“Cái học của đệ tử¹¹ Thế Tôn là tịch tĩnh, niệm an tĩnh,

¹¹ Hai chữ *đệ tử* này nghi Hán chép dư. Xem cht. 12 tiếp theo.

nhưng đệ tử Thanh văn không học như vậy.¹² Thế Tôn tuôn ra giáo pháp, những điều phải diệt, mà các Tỳ-kheo đối với các pháp đó lười biếng không chịu diệt, lại khởi lên các loạn tưởng; những điều đáng làm mà không chịu làm, những điều không nên làm, thì lại làm.

“Bấy giờ, này Chư Hiền, Tỳ-kheo trưởng lão có ba trường hợp đáng hổ thẹn. Thế nào là ba? Thế Tôn thường ưa nơi tịch tĩnh¹³ nhưng các Thanh văn không học điều này, nên Tỳ-kheo trưởng lão liền có sự hổ thẹn. Thế Tôn dạy, các người hãy diệt pháp này, nhưng Tỳ-kheo lại không diệt pháp này, nên Tỳ-kheo trưởng lão có sự hổ thẹn. Ở trong đó khởi lên niệm tưởng loạn, ý không chuyên nhứt,¹⁴ nên Tỳ-kheo trưởng lão có sự hổ thẹn.

“Chư Hiền giả nên biết, Tỳ-kheo trung tọa có ba trường hợp đáng hổ thẹn. Thế nào là ba? Thế Tôn thường ưa nơi tịch tĩnh nhưng các Thanh văn không học điều này, nên Tỳ-kheo trung tọa có sự hổ thẹn. Thế Tôn dạy, các người hãy diệt pháp này, nhưng Tỳ-kheo lại không diệt pháp này, nên Tỳ-kheo trung tọa có sự hổ thẹn. Ở trong đó khởi lên niệm tưởng loạn, ý không chuyên nhứt, nên Tỳ-kheo trung tọa có sự hổ thẹn.

¹² Tham chiếu Pāli: *satthu pavivittassa viharato sāvakaṃ vivekaṃ nānusikkhanti*, “Tôn sư sống viễn ly, nhưng các đệ tử không học theo hành viễn ly.” Có sự trùng lặp trong bản Hán: *Thanh văn và đệ tử*, cả hai đều dịch từ một từ gốc: Skt. *śrāvaka* (Pāli: *sāvaka*).

¹³ Tịch tĩnh chỉ xứ 寂靜之處. Pāli: *viveka*, viễn ly, đời sống ẩn dật.

¹⁴ Pāli: Họ sống sung túc (*bahulikā*), lười nhác (*sāthlikā*), dẫn đầu đọa lạc (*okkame pubbaṅgamā*), quăng bỏ hạnh viễn ly (*paviveke nikkhattadhurā*).

“Chư Hiền giả nên biết, Tỳ-kheo-niên thiếu liền có ba trường hợp đáng hổ thẹn. Thế nào là ba? Đệ tử* Thế Tôn thường ưa nơi tịch tĩnh nhưng các Thanh văn không học điều này, nên Tỳ-kheo niên thiếu có sự hổ thẹn. Thế Tôn dạy, các người hãy diệt pháp này, nhưng Tỳ-kheo lại không [588c01] diệt pháp này, nên Tỳ-kheo-niên thiếu có sự hổ thẹn. Ở trong đó khởi lên niệm tưởng loạn, ý không chuyên nhứt, nên Tỳ-kheo-niên thiếu có sự hổ thẹn.

“Này chư Hiền giả, đó gọi là tham đắm tài, không đắm pháp.”

Các Tỳ-kheo thưa Xá-lợi-phất:

“Thế nào là Tỳ-kheo tham đắm pháp, không đắm tài?”

Xá-lợi-phất nói:

“Này Tỳ-kheo, ở đây Như Lai ưa nơi tịch tĩnh, Thanh văn cũng học theo Như Lai mà ưa nơi tịch tĩnh. Thế Tôn dạy, các người hãy nên diệt pháp này; các Tỳ-kheo liền diệt pháp này. Không lười biếng, không loạn, những điều đáng làm thì tu hành, những điều không đáng làm thì không làm.

“Chư hiền nên biết, Tỳ-kheo trưởng lão có ba trường hợp được tiếng khen. Thế nào là ba? Thế Tôn ưa nơi tịch tĩnh, Thanh văn cũng thích nơi tịch tĩnh, nên Tỳ-kheo trưởng lão được tiếng khen. Thế Tôn dạy, các người hãy diệt pháp này, bấy giờ Tỳ-kheo liền diệt pháp này, nên Tỳ-kheo trưởng lão được tiếng khen. Ở trong đó không khởi lên niệm tưởng loạn, ý thường chuyên nhứt, nên Tỳ-kheo trưởng lão được tiếng khen.

“Chư hiền nên biết, Tỳ-kheo trung tọa có ba trường hợp

được tiếng khen. Thế nào là ba? Thế Tôn ưa nơi tịch tĩnh, Thanh văn cũng thích nơi tịch tĩnh, nên Tỳ-kheo trung tọa được tiếng khen. Thế Tôn dạy, các người hãy diệt pháp này, bấy giờ Tỳ-kheo liền diệt pháp này, nên Tỳ-kheo trung tọa được tiếng khen. Ở trong đó không khởi lên niệm tướng loạn, ý thường chuyên nhứt, nên Tỳ-kheo trung tọa được tiếng khen.

“Chư hiền nên biết, Tỳ-kheo-niên thiếu có ba trường hợp được tiếng khen. Thế nào là ba? Ở đây, này Tỳ-kheo, Thế Tôn ưa nơi tịch tĩnh, Thanh văn cũng thích nơi tịch tĩnh, nên Tỳ-kheo-niên thiếu được tiếng khen. Thế Tôn dạy, các người hãy diệt pháp này, bấy giờ Tỳ-kheo liền diệt pháp này, nên Tỳ-kheo-niên thiếu được tiếng khen. Ở trong đó không khởi lên niệm tướng loạn, ý thường chuyên nhứt, nên Tỳ-kheo-niên thiếu được tiếng khen.

“Chư hiền nên biết, tham là bệnh,¹⁵ rất là đại tai hoạn. Sân nhuế cũng vậy. Ai diệt được tham dâm, sân nhuế, liền được trung đạo,¹⁶ sinh nhãn, sinh trí, các trói buộc được dứt trừ, đến được Niết-bàn.¹⁷ Xan tham, tật đó là bệnh, cũng lại rất nặng, bị phiền não nấu nung. Kiêu mạn cũng sâu. Huyền nguy không chơn thật, không tầm, không quý, không thể lìa bỏ dâm dục, bại hoại chánh chân; mạn, tăng thượng mạn cũng không bỏ. [589a01] Nếu hai

¹⁵ Pāli: *lobho ca pāpako*, tham là ác pháp.

¹⁶ Đắc xứ trung chi đạo 得處中之道. Pāli: *atthi majjhimā paṭipadā*.

¹⁷ Pāli: *cakkhukaraṇī nāṇakaraṇī upasamāya abhiññāya sambodhāya nibbānāya saṃvattati*, nó tác thành nhãn, tác thành trí, dẫn đến tịch tĩnh, thắng trí, chánh giác, Niết-bàn.

mạn¹⁸ này diệt, liền được ở vào trung đạo, sinh nhãn, sinh trí, các trói buộc được dứt trừ, đến được Niết-bàn.”

Tỳ-kheo thưa:

“Tôn giả Xá-lợi-phất, thế nào là ở trung đạo, sinh nhãn, sinh trí, các trói buộc được dứt trừ, đến được Niết-bàn?”

Xá-lợi-phất nói:

“Chư hiền, nên biết, đó là tám đạo phẩm của Hiền Thánh: Chánh kiến, chánh tư duy*, chánh ngữ, chánh nghiệp*, chánh mạng, chánh tinh tấn*, chánh niệm, chánh định*. Đó gọi là ở trung đạo, sinh nhãn, sinh trí, các trói buộc được dứt trừ, đến được Niết-bàn.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Tôn giả Xá-lợi-phất nói, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 4

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở tại Ca-lan-đà trong Trúc viên, thành La-duyet, cùng với năm trăm vị đại Tỳ-kheo.

Bấy giờ đã đến giờ Thế Tôn khoác y cầm bát vào thành La-duyet, khất thực tại một ngõ hẻm. Lúc ấy tại ngõ hẻm kia có vợ một người bà-la-môn muốn đãi cơm cho bà-la-môn, bèn ra ngoài cửa. Từ xa, trông thấy Thế Tôn, liền đến chỗ Thế Tôn, bà hỏi Thế Tôn rằng:

“Ngài có thấy bà-la-môn nào không?”

Bấy giờ Tôn giả Đại Ca-diếp đã có mặt trước nơi đó. Thế Tôn liền đưa tay chỉ, bảo rằng:

¹⁸ Pāli: *mada, pamāda*, kiêu xa và phóng dật.

“Đó là bà-la-môn.”

Người phụ nữ bà-la-môn nhìn chăm chăm vào mặt Như Lai, im lặng không nói.

Bảy giờ Thế Tôn liền nói kệ này:

*Người không dục, không nhuế,
Xả ngu, không có si;
Lậu tận A-la-hán,
Đó gọi là Bà-la-môn.¹⁹*

*Người không dục không nhuế,
Bỏ ngu, không có si;
Do bỏ tự kết sử,
Đó gọi là Bà-la-môn.*

*Người không dục, không nhuế,
Xả ngu, không có si;
Do đoạn mạn ngô, ngã,
Đó gọi là Bà-la-môn.*

*Nếu ai muốn biết pháp,
Những gì Chánh giác²⁰ nói;
Chỉ thành tự quy y,
Tội tôn không gì hơn.*

Rồi Thế Tôn bảo Tôn giả Đại Ca-diếp:

“Ông có thể đến người phụ nữ bà-la-môn, khiến thân hiện tại của bà thoát được tội cũ.” Ca-diếp vâng theo lời Phật, đi đến nhà người vợ bà-la-môn, ngồi vào chỗ ngồi.

¹⁹ Tham chiếu Pāli, Dhṛp. 407: *yassa rāgo ca doso ca māno makkho ca pātito/ sāsaporiva āraggā tam ahaṃ brūmo brāhmaṇaṃ//* Với ai mà tham, sân, mạn, phú tàng đã rơi rụng, như hạt cải rụng đầu kim, Ta nói người ấy là Bà-la-môn.

²⁰ Tam-phật-(đà) 三佛. Tức Pāli: *sambuddha*, Phật chánh giác.

Lúc ấy, vợ bà-la-môn kia liền bày biện các thứ đồ ăn thức uống ngon bổ để cúng dường Ca-diếp.

[589b01] Ca-diếp nhận đồ ăn thức uống, vì muốn độ người cho nên nói cho bà nghe bài kệ này:

*Tế tự, lửa trên hết,
Các thư, tụng²¹ hơn hết;
Vua tôn quý giữa người,
Các dòng, biển là nhất.
Các sao, trăng đứng đầu,
Chiếu sáng, mặt trời trước;
Bốn bên, trên và dưới,
Ở các phương, cảnh vức,
Trời cùng người thế gian,
Phật là bậc tối thượng.
Ai muốn cầu phước kia,
Nên quy y Tam-phật*.²²*

Vợ Bà-la-môn sau khi nghe những lời dạy, vui mừng hớn hở không tự làm chủ được, đến trước Đại Ca-diếp bạch:

“Nguyện xin Bà-la-môn thường xuyên nhận lời mời của tôi đến thọ thực tại nhà này.”

²¹ Tụng, đây chỉ thi kệ, Pāli: *chandaso*. Xem Trường, kinh 23: Cứu-la-đàn-đầu.

²² Xem Trường 15 kinh 23 “Cứu-la-đàn-đầu” (tr.101a5). Tham chiếu Pāli, Sn. 568: : *aggihuttamukhā yaññā, sāvittī chandaso mukhaṃ; rājā mukhaṃ manussānaṃ, nadīnaṃ sāgaro mukhaṃ. nakkhattānaṃ mukhaṃ cando, ādicco tapataṃ mukhaṃ; puññaṃ ākaṅkhamānānaṃ, saṅgho ve yajataṃ mukhaṃ*”ti. Trong các tế tự, tế lửa là trên hết; trong các tán ca, dẫn đầu là nhà ngữ; trong loài người, đứng đầu là vua; trong các sông, biển là nhất; trong các sao, trăng là nhất; trong các ánh sáng, mặt trời là nhất; những ai mong cầu phước báo, sự cúng dường Tăng là hàng đầu.

Đại Ca-diếp liền nhận lời mời thọ thực tại nơi đó. Vợ bà-la-môn thấy Ca-diếp thọ thực xong, liền trải một chỗ ngồi khiêm nhường, ngồi trước Ca-diếp. Sau đó, Ca-diếp nói pháp vi diệu cho bà như luận về bố thí, trì giới, sanh thiên, dục là bất tịnh, đoạn tận lậu là trên hết, xuất ly là thiết yếu.²³

Khi Tôn giả Đại Ca-diếp đã biết tâm ý của vợ bà-la-môn kia đã được khai mở, lòng rất vui mừng, bèn nói cho vợ bà-la-môn nghe pháp mà chư Phật thường nói là khổ, tập, tận, đạo. Vợ bà-la-môn liền ngay trên chỗ ngồi mà các trần cấu đều sạch hết, được pháp nhãn tịnh. Giống như tấm lụa mới trắng tinh, không có bụi dơ, dễ nhuộm màu; vợ bà-la-môn cũng như vậy, ngay ở trên chỗ ngồi mà được pháp nhãn tịnh. Bà đã đắc pháp, thấy pháp, phân biệt pháp kia không còn hồ nghi, đã đắc vô úy, tự qui y ba ngôi Phật, Pháp, Thánh chúng, và thọ trì năm giới. Bảy giờ, Tôn giả Đại Ca-diếp thuyết pháp vi diệu cho vợ bà-la-môn lần nữa, rồi rời chỗ ngồi đứng dậy mà ra về.

Sau khi Ca-diếp đi chưa bao lâu, người chồng trở về đến nhà. Ông bà-la-môn thấy nhan sắc vợ rất vui tươi, không còn như người thường. Bà-la-môn liền hỏi vợ mình. Người vợ đem nhân duyên này thuật lại đầy đủ cho chồng. Sau khi bà-la-môn nghe những lời này xong, liền dẫn vợ mình cùng đến tinh xá, đến chỗ Thế Tôn. Bà-la-môn chào hỏi Thế Tôn rồi ngồi qua một bên. [589c01] Vợ bà-la-môn đánh lễ sát chân Thế Tôn rồi, cũng ngồi qua một bên. Bà-la-môn bạch Thế Tôn rằng:

²³ 出家為要 xuất gia vi yếu; Hán dịch có thể nhầm. Định cú Pāli: *anupubbikathā... nekkhmmē ānisaṃsaṃ pakādeti*, diễn nói pháp theo thuận thứ... ích lợi của sự xuất ly. Pāli: *nekkhamma*, bản Hán hiểu là xuất gia; nhưng đây chỉ sự xuất ly hay ly dục, theo thuận tự pháp được nói. Xem *Trung* (Việt), kinh 38, ch. 3.

“Vừa rồi có ông Bà-la-môn đã đến nhà tôi, hiện ở đâu?”

Khi ấy Tôn giả Đại Ca-diếp hiện đang ngồi kiết già cách Thế Tôn không xa, chánh thân, chánh ý, đang tư duy pháp vi diệu.

Thế Tôn từ xa chỉ Đại Ca-diếp bảo:

“Đó là Tôn trưởng Bà-la-môn.”

Bà-la-môn nói:

“Thế nào Cù-đàm, sa-môn tức bà-la-môn chăng? Sa-môn cùng bà-la-môn há không khác chăng?”

Thế Tôn bảo:

“Muốn nói sa-môn thì chính thân Ta. Vì sao vậy? Ta tức là Bà-la-môn. Những giới luật gì mà các sa-môn phụng trì, Ta đều đã đắc. Vậy nay muốn luận về bà-la-môn, thì cũng chính là thân Ta. Vì sao vậy? Ta tức là Bà-la-môn. Các Bà-la-môn quá khứ, đã trì những pháp hạnh nào, Ta cũng đã biết hết.

“Muốn luận về sa-môn, thì chính là Đại Ca-diếp. Vì sao vậy? Những luật gì của các sa-môn, Tỳ-kheo Ca-diếp đều bao gồm cả. Muốn luận về bà-la-môn, thì cũng chính là Tỳ-kheo Ca-diếp. Vì sao vậy? Những cấm giới gì mà các bà-la-môn phụng trì, Tỳ-kheo Ca-diếp đều biết rõ hết.”

Bấy giờ Thế Tôn liền nói kệ này:

*Ta không nói Bà-la-môn,
Người rành biết chú thuật;
Nói rằng sinh Phạm thiên,
Đây vẫn chưa lìa trói.*

*Không trói, không đường sinh,
Hay thoát tất cả kết;*

*Không còn nói phước trời,
Tức Sa-môn Bà-la-môn.*

Bấy giờ, bà-la-môn bạch Thế Tôn:

“Nói kết phước, những gì gọi là kết?”

Thế Tôn bảo:

“Dục ái là kết. Sân nhuế là kết. Ngu si là kết. Như Lai không dục ái này, vĩnh viễn đã diệt tận không còn. Sân nhuế, ngu si cũng lại như vậy. Như Lai không còn kết này.”

Bà-la-môn thưa:

“Nguyện xin Thế Tôn thuyết pháp thâm diệu về sự không còn các kết phước này.”

Bấy giờ, Thế Tôn lần lượt nói các đề tài vi diệu cho bà-la-môn kia; đó luận về thí, luận về giới, luận về sanh thiên; dục là bất tịnh, đoạn tận lậu là trên hết, xuất ly* là thiết yếu.

Khi Thế Tôn biết tâm ý bà-la-môn kia đã khai mở, trong lòng rất hoan hỷ, bèn nói cho bà-la-môn pháp mà chư Phật thời xa xưa đã thuyết: khổ, tập, tận, đạo. Tức thì, [590a01] bà-la-môn ngay trên chỗ ngồi mà dứt sạch các trần cấu, đắc pháp nhãn tịnh. Giống như tấm lụa mới trắng tinh, không có bụi dơ, dễ nhuộm màu; bà-la-môn cũng như vậy, ngay trên chỗ ngồi mà đắc pháp nhãn tịnh. Ông đã đắc pháp, thấy pháp, phân biệt pháp kia không còn hồ nghi, đã được vô úy rồi, tự quy y tam tôn: Phật, Pháp, Thánh chúng, thọ trì ngũ giới, là đệ tử chơn thật Như Lai, không còn thối thất nữa.

Vợ chồng bà-la-môn kia sau khi nghe những gì đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 5

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ở tại Ca-lan-đà, trong Trúc viên, thành La-duyệt, cùng với năm trăm vị đại Tỳ-kheo.

Bấy giờ, vua A-xà-thế có con voi tên Na-la-kỳ-lê²⁴ rất là hung dữ, bạo ngược, dũng mãnh, thường đánh bại kẻ địch bên ngoài. Nhờ sức voi này mà khiến không đâu không phục một nước Ma-kiệt.

Một hôm, Đề-bà-đạt-đa* đi đến chỗ vua A-xà-thế, nói như vậy:

“Đại vương, nên biết, hiện tại con voi hung dữ này có khả năng hàng phục các kẻ thù. Nên dùng rượu mạnh cho voi này uống say. Sáng mai Sa-môn Cù-đàm ắt sẽ vào thành khát thực, hãy thả voi say này dẫm đạp chết ông ta!”

Vua A-xà-thế nghe lời xúi của Đề-bà-đạt-đa, ra lệnh trong nước: ‘Sáng sớm ngày mai sẽ thả voi say, cấm không cho người dân đi lại nơi các ngã đường trong thành.’

Rồi Đề-bà-đạt-đa nói với A-xà-thế rằng:

“Nếu Sa-môn Cù-đàm kia có nhất thiết trí biết việc tương lai, thì ngày mai ắt sẽ không vào thành khát thực.”

Vua A-xà-thế nói:

“Như lời Tôn giả dạy, nếu có nhất thiết trí thì sáng sớm ngày mai ông ấy sẽ không vào thành khát thực.”

Bấy giờ, nam nữ lớn nhỏ trong thành đều phụng sự Phật, nghe vua A-xà-thế sớm mai sẽ thả voi say hại Như Lai.

²⁴ Na-la-kỳ-lê 那羅祇梨. Pāli: Nālāgiri (Dhanapāla), cf. Vin.ii. 194f.

Nghe xong mọi người đều trong lòng buồn lo, liền đi đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, đứng qua một bên, bạch Thế Tôn:

“Sáng sớm ngày mai xin Thế Tôn chớ vào thành nữa. Vì sao vậy? Vua A-xà-thế hôm nay có ra lệnh, bắt mọi người dân trong thành, ngày mai chớ đi lại nơi các ngã đường, ta muốn thả voi say hại Sa-môn Cù-đàm. Nếu Sa-môn Cù-đàm có nhứt thiết trí, thì sáng sớm ngày mai sẽ không vào thành khát thực. Nguyên xin Thế Tôn chớ vào thành nữa! Nếu Như Lai mà bỗng dưng bị hại thì người thế gian sẽ mất [590b01] con mắt, không còn ai cứu giúp.”

Thế Tôn bảo:

“Thôi! Thôi! Các ru-bà-tắc chớ ôm lòng sầu não. Vì sao vậy? Thân của Như Lai không phải là thân thể tục, nên không bị người khác hại được. Không bao giờ có việc này. Các ru-bà-tắc, nên biết, đất Diêm-phù, Đông Tây rộng bảy nghìn do tuần, Nam Bắc dài hai mươi một nghìn do tuần. Cù-da-ni ngang rộng tám nghìn do tuần như nửa hình mặt trăng. Phất-vu-đãi ngang rộng chín nghìn do tuần đất đai vuông vức. Uất-đơn-việt ngang rộng mười nghìn do tuần đất đai tròn như mặt trăng đầy. Ví như voi say đầy khắp trong bốn thiên hạ này, giống như lúa mè, rừng rậm; số như vậy, cũng không thể nào đụng đến mảy may sợi lông của Như Lai, huống chi là hại được Như Lai. Không bao giờ có việc này. Ngoài bốn thiên hạ ra, dù có cả nghìn thiên hạ, nghìn mặt trời, mặt trăng, nghìn núi Tu-di, nghìn nước bốn biển, nghìn Diêm-phù-đề, nghìn Cù-da-ni, nghìn Phất-vu-đãi, nghìn Uất-đơn-việt, nghìn Tứ thiên vương, nghìn Tam thập tam thiên, nghìn Đâu-suất thiên, nghìn Diệm thiên, nghìn Hóa tự tại thiên, nghìn Tha hóa tự tại thiên, đó gọi là nghìn

thế giới. Cho đến hai nghìn thế giới, đó gọi là trung thiên thế giới. Cho đến ba nghìn thế giới, đó gọi là tam thiên đại thiên thế giới. Trong đó đầy khắp long vương Y-la-bát còn không thể động đến một sợi lông của Như Lai, huống lại là voi này muốn hại Như Lai được sao? không bao giờ có trường hợp đó. Vì sao vậy? Thần lực của Như Lai là bất khả tư nghì. Như Lai xuất hiện ở đời, vĩnh viễn không thể bị người đả thương được. Các người hãy trở về nhà mình. Như Lai tự biết việc gì sẽ xảy ra.”

Bấy giờ, Thế Tôn đã vì bốn bộ chúng thuyết pháp vi diệu rộng rãi. Các ưu-bà-tắc, ưu-bà-di sau khi nghe chánh pháp rồi, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ sát chân Phật, thối lui ra về.

Sáng sớm hôm đó, Thế Tôn khoác y, ôm bát tính vào thành La-duyệt khát thực. Khi ấy Thiên vương Đề-đâu-lại-tra dẫn Càn-thát-bà v.v... từ phương Đông đến theo hầu Thế Tôn. Lại có Tỳ-lưu-lặc vương dẫn chúng câu-bàn-trà, từ phương Nam đến theo hầu Như Lai. Phương Tây Thiên vương Tỳ-lưu-lặc-xoa dẫn các chúng rồng theo hầu Như Lai. Phương Bắc Thiên vương Câu-tỳ-la dẫn chúng quỷ la-sát theo hầu Như Lai. Lại có Thích Đề-hoàn Nhân dẫn nghìn vạn chúng các chư thiên biến mất từ trời Đâu-suất mà hiện đến chỗ Thế Tôn. Lại có Phạm thiên vương [590c0] dẫn nghìn vạn chúng các Phạm thiên từ trên Phạm Thiên đến chỗ Thế Tôn. Lại có Thích Phạm, Tứ thiên vương cùng nhị thập bát thiên, đại quý thần vương, cùng bảo nhau: “Hôm nay chúng ta phải xem hai thần voi và rồng đấu với nhau. Ai là người thắng, kẻ bại?”

Lúc này bốn bộ chúng thành La-duyệt, từ xa trông thấy Thế Tôn cùng các Tỳ-kheo vào thành khát thực, mọi người dân trong thành đều cất tiếng kêu la. Vua A-xà-thế lại nghe những tiếng này, hỏi tả hữu:

“Đây là những âm vang gì mà lọt thấu nơi này?”

Thị thân đáp:

“Đây là những âm thanh phát xuất từ nhân dân khi thấy Như Lai vào thành khất thực.”

A-xà-thế nói:

“Sa-môn Cù-đàm cũng không có Thánh đạo, không biết tâm người, rồi sẽ kinh nghiệm việc gì sẽ xảy ra.”

Vua A-xà-thế liền bảo tượng sư:

“Ngươi hãy mau đem rượu mạnh cho voi uống, cột kiếm bén vào vòi, và lập tức thả cho nó chạy.”

Bấy giờ Thế Tôn dẫn các Tỳ-kheo đến cửa thành, vừa cất chân vào cửa, khi ấy trời đất chấn động mạnh, các chư thiên tôn thần ở giữa hư không rải xuống các loại hoa. Tức thì, năm trăm Tỳ-kheo thấy voi say đến, mọi người đều bỏ chạy, không biết theo hướng nào! Lúc đó voi hung dữ kia thấy Như Lai từ xa, nó liền chạy đến. Thấy voi say đến, thị giả A-nan sau Thế Tôn lòng không an, bạch Thế Tôn:

“Voi này dữ quá! Coi chừng bị hại! Hãy tránh xa nó!”

Thế Tôn bảo:

“A-nan, chớ sợ! Nay Ta sẽ dùng thần lực hàng phục voi này.”

Như Lai quan sát voi hung bạo với khoảng cách không gần cũng không xa, liền hóa ra các sư tử vương ở hai bên, và phía sau voi kia là một hầm lửa lớn. Lúc này voi dữ kia thấy hai bên là sư tử vương cùng thấy hầm lửa, liền té vãi phân tiểu, không biết chạy đi đâu, nó cứ nhắm phía trước hướng Như Lai mà chạy đến.

Bây giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

*Người chớ làm hại Rồng,
Rồng hiện rất khó gặp.
Do người không hại Rồng,
Mà được sinh chỗ thiện.*

Lúc ấy voi hung bạo nghe Thế Tôn nói kệ này, như bị lửa đốt, liền tự gỡ kiếm hướng về Như Lai, quỳ hai gối phủ phục sát đất, lấy vòi liếm chân Như Lai. Bây giờ, Thế Tôn đưa tay phải duỗi thẳng, sờ vào đầu voi, mà nói kệ:

*Sân nhuế sinh địa ngục,
Cũng sinh thân rắn rít.
Cho nên phải trừ sân,
Chớ thọ thân này lại.*

[590c25] Lúc đó các vị Thiên thần ở giữa hư không dùng hàng trăm nghìn loài hoa tung rải trên Như Lai. Bây giờ Thế Tôn nói pháp vi diệu cho bốn bộ chúng trời, rồng, quỷ, thần. Hơn sáu vạn nam nữ, sau khi thấy Phật hàng phục voi, mọi trần cấu đều dứt sạch, đắc pháp nhãn tịnh; và tám vạn người trời cũng đắc pháp nhãn tịnh. Lúc đó tự trong thân voi say kia gió đao nổi dậy, thân hoại mạng chung, sinh về cung Tứ thiên vương.

Các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, các ưu-bà-tắc, ưu-bà-di, cùng thiên, long, quỷ, thần, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 6

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Tôn giả Nan-đà khoác y thật đẹp với màu sắc làm hoa mắt người, mang giày dép da viền vàng, lại tô vẽ hai mắt, tay cầm bình bát, đang đi vào thành Xá-vệ.

Lúc đó, có các Tỳ-kheo từ xa nhìn thấy Tôn giả Nan-đà khoác y thật đẹp, vào thành Xá-vệ khát thực. Các Tỳ-kheo liền đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, ngồi qua một bên. Sau đó ngồi thôi lui, bạch Thế Tôn:

“Vừa rồi Tỳ-kheo Nan-đà khoác y thật đẹp, màu chói mắt người, vào thành Xá-vệ khát thực.”

Bấy giờ, Thế Tôn bảo một Tỳ-kheo:

“Người hãy nhanh chóng đến chỗ Tỳ-kheo Nan-đà nói là Như Lai cho gọi.”

Thưa:

“Kính vâng, Thế Tôn!”

Tỳ-kheo kia vâng lời Thế Tôn dạy, đánh lễ sát chân, rồi đi đến chỗ Tỳ-kheo Nan-đà, nói với Tỳ-kheo Nan-đà rằng:

“Thế Tôn cho gọi người.”

Nan-đà sau khi nghe Tỳ-kheo nói, liền đến chỗ Thế Tôn. Đến rồi đánh lễ sát chân, ngồi qua một bên. Lúc ấy Thế Tôn bảo Nan-đà:

“Vì có gì hôm nay người khoác y thật đẹp này, còn mang giày dép da viền vàng, vào thành Xá-vệ khát thực?”

Tôn giả Nan-đà im lặng không nói. Thế Tôn lại bảo tiếp:

“Thế nào Nan-đà, người há không do lòng tin kiên cố, xuất gia học đạo ư?”

Nan-đà thưa:

“Thật vậy, Thế Tôn!”

Thế Tôn bảo:

“Ngươi nay là thiện gia nam tử không y luật mà hành!
Do lòng tin kiên cố xuất gia học đạo, sao lại khoác y thật
đẹp, chải chuốt dáng vóc để vào thành Xá-vệ khát thực,
cùng với những kẻ bạch y kia không khác?”

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

*Bao giờ thấy Nan-đà,
Trì hạnh a-lan-nhã;
[591b01] Tâm ưa pháp Sa-môn,
Đâu-đà đưa đến đích.*

“Nan-đà, nay ngươi đừng có tạo hạnh như vậy nữa!”

Tôn giả Nan-đà cùng bốn bộ chúng sau khi nghe những
giáo Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 7

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây
Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Tôn giả Nan-đà không kham hành phạm hạnh,
muốn cởi pháp y sống đời bạch y. Lúc ấy, các Tỳ-kheo
đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, ngồi qua một bên.
Các Tỳ-kheo bạch Thế Tôn:

“Tỳ-kheo Nan-đà không kham hành phạm hạnh, muốn
cởi pháp y, sống đời tại gia.”

Thế Tôn bảo một Tỳ-kheo:

“Ngươi hãy đến chỗ Nan-đà nói là Như Lai cho gọi.”

Thưa:

Tăng nhất A-hàm

“Kính vâng, Thế Tôn.”

Tỳ-kheo kia vâng lời Thế Tôn dạy, rời chỗ ngồi đứng dậy lễ sát chân Thế Tôn, rồi lui đi. Đến chỗ Tỳ-kheo Nan-đà kia, nói:

“Thế Tôn cho gọi Nan-đà.”

Đáp:

“Vâng.”

Lúc ấy Tỳ-kheo Nan-đà theo Tỳ-kheo này đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, ngồi qua một bên.

Thế Tôn bảo Nan-đà:

“Thế nào Nan-đà? Ngươi không thích tu phạm hạnh, muốn cưới pháp y, sống đời bạch y ư?”

Nan-đà thưa:

“Thật vậy, Thế Tôn!”

Thế Tôn bảo:

“Vì sao, Nan-đà?”

Nan-đà thưa:

“Dục tâm con hùng hực, không thể tự kiềm được!”

Thế Tôn bảo:

“Thế nào Nan-đà? Ngươi không phải là thiện gia nam tử xuất gia học đạo ư?”

Nan-đà thưa:

“Thật vậy, Thế Tôn! Con là thiện gia nam tử, do lòng tin kiên cố xuất gia học đạo.”

Thế Tôn bảo:

“Điều đó không thích hợp với người, là thiện gia nam tử đã bỏ nhà xuất gia học đạo, tu hạnh thanh tịnh, sao lại bỏ chánh pháp mà muốn sống đời ô uế? Nan-đà nên biết, có hai pháp không biết chán đủ. Nếu có người nào sống theo hai pháp này thì không bao giờ biết chán đủ. Hai pháp gì? Dâm dục và uống rượu, đó gọi là hai pháp không biết chán đủ. Nếu người nào sống theo hai pháp này, thì không bao giờ biết chán đủ. Do bởi hành quả này mà không thể đạt đến chỗ vô vi. Cho nên, này Nan-đà, hãy ghi nhớ bỏ hai pháp này, sau nhất định sẽ thành tựu quả báo vô lậu. Nan-đà, nay người khéo tu phạm hạnh; con đường dẫn đến quả đạo, không thể đều không do đây.”

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

[591c01] *Nhà lợp không kín,
Trời mưa ắt dột.
Người không thực hành,
Dâm, nộ, si dột.
Nhà khéo lợp kín,
Trời mưa không dột.
Người hay thực hành,
Không dâm, nộ, si.*²⁵

Thế Tôn lại tự nghĩ: “Thiện gia nam tử này dục ý quá nhiều. Nay Ta có thể dùng lừa trị lừa.”

Rồi Thế Tôn liền dùng thần lực, tay nắm Nan-đà; trong khoảnh khắc giống như lực sĩ co duỗi cánh tay, đem Nan-đà lên Hương sơn.²⁶ Bấy giờ trên núi có một hang đá, lại

²⁵ Cf. Dhṛp. 13, 14. *Yathā agāraṃ ducchannaṃ, vuttḥī samativijjhati; evaṃ abhāvitam cittaṃ, rāgo samativijjhati. Yathā agāraṃ suchannaṃ, vuttḥī na samativijjhati; evaṃ subhāvitam cittaṃ, rāgo na samativijjhati.*

²⁶ Hương sơn 香山, tức Hương túy sơn (Pāli, Skt.)

có một con khi cái mù lò đang ở nơi đó. Thế Tôn, tay phải nắm Nan-đà, bảo rằng:

“Nan-đà, người có thấy con khi cái mù lò này không?”

Thưa:

“Có thấy, Thế Tôn!”

Thế Tôn bảo:

“Đằng nào xinh đẹp? Tôn-đà-lợi cô gái họ Thích xinh đẹp hay con khi cái mù lò này xinh đẹp?”

Nan-đà thưa:

“Giống như có người đã thương lỗ mũi con chó dữ, lại bôi thêm độc vào, con chó kia càng thêm dữ hơn. Ở đây cũng như vậy, Thích nữ Tôn-đà-lợi, nếu đem con khi cái mù lò để cùng so sánh, thì không thể làm thí dụ được. Giống như đồng lửa lớn thiếu đốt sơn dã, còn dùng củi khô bỏ thêm vào thì lửa càng trở nên hùng hực. Ở đây cũng vậy, con nhớ cô gái họ Thích kia, không rời khỏi tâm được.”

Bấy giờ Thế Tôn trong khoảnh khắc như co duỗi cánh tay biến khỏi núi này, hiện đến Tam thập tam thiên. Khi ấy chư thiên trên Tam thập tam thiên đều tụ họp tại giảng đường Thiện pháp. Cách giảng đường Thiện pháp không xa, lại có cung điện, năm trăm ngọc nữ đang vui đùa với nhau, toàn là người nữ không có người nam. Nan-đà từ xa trông thấy năm trăm thiên nữ, đang ca hát kỹ nhạc vui đùa với nhau; bèn hỏi Thế Tôn:

“Đây là những đâu, mà có năm trăm thiên nữ ca hát kỹ nhạc vui đùa với nhau?”

Gandhamādana), xem *Trường*, kinh 18: Thế ký.

Thế Tôn bảo:

“Nan-đà, người tự đến đó mà hỏi!”

Tôn giả Nan-đà liền đi đến chỗ năm trăm thiên nữ; thấy cung điện nhà cửa kia, trái hàng trăm thứ tọa cụ tốt; toàn là người nữ không có người nam. Tôn giả Nan-đà hỏi thiên nữ kia:

“Các cô, có đúng là thiên nữ đang cùng nhau vui đùa khoái lạc phải không?”

Thiên nữ đáp:

“Chúng tôi có năm trăm người, tất cả đều thanh tịnh, không có phu chủ. Chúng tôi nghe Thế Tôn có đệ tử tên là Nan-đà, là con của di mẫu của Phật. Ngài đang ở chỗ Như Lai tu phạm hạnh thanh tịnh, sau khi mạng chung [592a01] sẽ sinh về cõi này làm phu chủ chúng tôi, cùng vui đùa với nhau.”

Lúc ấy Tôn giả Nan-đà lòng rất vui mừng không thể tự chế, liền tự nghĩ: “Hiện tại ta là đệ tử Thế Tôn, lại là con của di mẫu. Những thiên nữ này đều sẽ làm vợ của ta.”

Bấy giờ, Nan-đà thối lui, đi đến chỗ Thế Tôn. Thế Tôn hỏi:

“Thế nào Nan-đà, các ngọc nữ kia nói gì?”

Nan-đà thưa:

“Các ngọc nữ kia đều nói, chúng tôi đều không có phu chủ. Nghe có đệ tử Thế Tôn khéo tu phạm hạnh, sau khi mạng chung sẽ sinh về nơi này.”

Thế Tôn bảo:

“Nan-đà, ý người thế nào? Nan-đà, ý người thế nào?”

Nan-đà thưa:

“Khi ấy, con tự nghĩ, ‘Ta là đệ tử Thế Tôn, là con di mẫu của Phật. Những thiên nữ này tất cả đều sẽ làm vợ của ta.’”

Thế Tôn bảo:

“Khoái thay, Nan-đà! Khéo tu phạm hạnh, Ta sẽ xác chứng cho ngươi, khiến cho năm trăm người nữ này đều sẽ thành những người hầu hạ ngươi.”

Thế Tôn lại bảo:

“Thế nào Nan-đà? Thích nữ Tôn-đà-lợi xinh đẹp, hay là năm trăm thiên nữ xinh đẹp?”

Nan-đà thưa:

“Giống như con khi cái mù lòa trên đỉnh núi ở trước Tôn-đà-lợi, không tươi sáng cũng không nhan sắc. Ở đây cũng như vậy, Tôn-đà-lợi ở trước những thiên nữ kia cũng lại như vậy, không có tươi sáng.”

Thế Tôn bảo:

“Ngươi khéo tu phạm hạnh, Ta sẽ tác chứng cho ngươi được năm trăm thiên nữ này.”

Bấy giờ Thế Tôn lại nghĩ: “Nay Ta sẽ dùng lửa để diệt lửa Nan-đà.” Trong khoảnh khắc giống như lực sĩ co duỗi cánh tay, Thế Tôn tay phải nắm cánh tay Nan-đà, dẫn đến trong địa ngục. Lúc này chúng sanh địa ngục đang chịu ngàn ấy khổ não. Khi ấy trong địa ngục kia có một cái vạc lớn, trống không không có người. Thấy vậy, Nan-đà sinh lòng sợ hãi, lông áo đều dựng đứng, đến trước Thế Tôn thưa:

“Ở đây mọi chúng sanh đều chịu khổ đau, chỉ có độc nhất cái vạc này trống không không có người!”

Thế Tôn bảo:

“Đây gọi là địa ngục A-tỳ.”

Bấy giờ, Nan-đà lại càng sợ hãi hơn, lông áo đều dựng đứng lên, bạch Thế Tôn:

“Đây là địa ngục A-tỳ, mà sao có một chỗ trống không có tội nhân?”

Thế Tôn bảo:

“Nan-đà, ngươi tự đến đó hỏi.”

Tôn giả Nan-đà liền đi đến đó và hỏi:

“Thế nào ngục tốt, đây là ngục gì mà trống, không có người?”

Ngục tốt đáp:

“Tỳ-kheo nên [592b01] biết, đệ tử của Phật Thích-ca Văn tên là Nan-đà, ở chỗ Như Lai tu phạm hạnh thanh tịnh, sau khi thân hoại mạng chung sinh về chỗ lành trên trời. Ở đó, ông ta sống lâu nghìn tuổi, tự vui đùa khoái lạc, mạng chung ở đó lại sinh vào trong địa ngục A-tỳ này. Cái vạc trống này chính là nhà của ông ta.”

Tôn giả Nan-đà nghe xong những lời này, sinh lòng sợ hãi, lông áo đều dựng đứng, liền tự nghĩ, “Cái vạc trống này chính là dành cho ta chăng?” Rồi trở lại chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân bạch Thế Tôn:

“Xin nhận sự sám hối tội của chính con, vì không lo tu phạm hạnh, lại còn xúc nhiều Như Lai!”

Bấy giờ Tôn giả Nan-đà, liền nói kệ này:

*Đời người không đủ quý,
Tuổi trời rồi cũng tàn.
Địa ngục khổ chua cay.
Chỉ có vui Niết-bàn.*

Bấy giờ, Thế Tôn bảo Tôn giả Nan-đà:

“Lành thay! Lành thay! Như những gì người đã nói. Niết-bàn rất là khoái lạc. Nan-đà, cho phép người sám hối. Người kẻ ngu si đã tự biết là mình có lỗi đối với Như Lai. Nay Ta nhận sự hối lỗi của người, sau này chớ tái phạm.”

Bấy giờ, Thế Tôn trong khoảnh khắc như co duỗi cánh tay, tay nắm Nan-đà biến khỏi địa ngục, trở về đến vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, thành Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo Nan-đà:

“Này Nan-đà, nay người hãy tu hành hai pháp. Hai pháp gì? Chỉ và quán. Lại phải tu thêm hai pháp. Hai pháp gì? Sinh tử không đáng vui, biết Niết-bàn là an lạc. Đó là hai pháp. Lại tu thêm hai pháp. Hai pháp gì? Trí và biện.”

Bấy giờ, Thế Tôn thuyết giảng cho Nan-đà bằng nhiều pháp khác nhau. Tôn giả Nan-đà sau khi thọ lãnh những lời dạy của Thế Tôn rồi, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ sát chân Thế Tôn, rồi thôi lui ra về; đi đến rừng An-đà. Ở đó, Tôn giả ngồi kiết già dưới một gốc cây, chánh thân, chánh ý, buộc niệm trước mặt, tư duy những lời dạy này của Như Lai. Bấy giờ Tôn giả Nan-đà ở nơi vắng vẻ, lúc nào cũng tư duy về những lời dạy của Như Lai không bỏ quên giây phút nào, vì mục đích gì mà thiện gia nam tử này, do lòng tin kiên cố, xuất gia học đạo, tu phạm hạnh vô thượng, cho đến biết như thật rằng: ‘Sinh tử đã dứt, phạm hạnh đã lập, những việc cần làm đã làm xong, không còn tái sinh đời sau nữa.’ Lúc bấy giờ Tôn giả Nan-đà thành A-la-hán. Sau khi thành A-la-hán, Tôn giả rời chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại y phục, đi đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, [592c01] ngồi qua một bên. Tôn giả Nan-đà bạch Thế Tôn:

“Trước đây, Thế Tôn đã hứa chứng nhận năm trăm thiên nữ cho đệ tử. Nay con xả hết.”

Thế Tôn bảo:

“Nay người đã dứt sinh tử, phạm hạnh đã lập. Ta cũng liền bỏ nó luôn.”

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ:

*Nay Ta thấy Nan-đà,
Tu hành pháp Sa-môn;
Các ác đều đã diệt,
Không mất hạnh đầu-đà.*

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Người đắc A-la-hán, hiện nay chính là Tỳ-kheo Nan-đà, không còn dâm, nộ, si cũng là Tỳ-kheo Nan-đà.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 8

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú trong vườn Ni-câu-lưu, tại Ca-tỳ-la-việt, Thích-sí-sầu,²⁷ cùng với năm trăm vị đại Tỳ-kheo. Bấy giờ Đại Ái Đạo Kiều-đàm-di²⁸ đi đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, bạch Thế Tôn:

“Ước nguyện Thế Tôn sinh mạng hằng được thủ hộ để giáo hóa lâu dài những kẻ ngu tối.”

²⁷ Thích-sí-sầu 釋翅瘦, hay Thích-sí 釋翅; Pāli: *Sakkesu*: Giữa những người họ Thích. Xem kinh 10, phẩm 17.

²⁸ Đại Ái Đạo Cù-đàm-di 大愛道瞿曇彌. Pāli: *Mahāpajāpatī* Gotamī.

Tăng nhất A-hàm

Thế Tôn bảo:

“Cù-đàm-di, không nên nói với Như Lai những lời như vậy. Tuổi thọ của Như Lai lâu vô cùng, mạng hằng được thù hộ.”

Bấy giờ, Đại Ái Đạo Cù-đàm-di liền nói kệ này:

*Làm sao lễ Tội thắng,
Đáng thế gian Tội tôn,
Để đoạn tất cả nghi?
Do vậy nói lời này.*

Bấy giờ, Thế Tôn đáp lại Cù-đàm-di bằng bài kệ này:

*Tinh tấn ý khó khuyết;
Thường có tâm dũng mãnh;
Xem Thanh văn bình đẳng;
Đó là lễ Như Lai.*

Rồi Đại Ái Đạo bạch Thế Tôn:

“Từ đây về sau con sẽ lễ Thế Tôn. Nay Như Lai dạy xem²⁹ tất cả chúng sanh với ý không tăng tổn. Trên trời, trong cõi người, cùng a-tu-la, Như Lai là tối thượng.”

Khi ấy Như Lai chấp nhận những gì Đại Ái Đạo đã nói. Bà liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ sát chân, rồi thối lui ra về.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Trong hàng Thanh văn của Ta, đệ tử hiểu biết rộng rãi đệ nhất, chính là Đại Ái Đạo.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

²⁹ Đề bản: lễ 禮. TNM: thị 視.

KINH SỐ 9

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

[593a01] Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có hai hạng người này ở trong chúng sẽ phát sinh hủy báng Như Lai.³⁰ Hai hạng người nào? Hạng phi pháp nói là pháp; pháp nói là phi pháp. Đó là hai hạng người phi báng Như Lai.

“Lại có hai hạng người không phi báng Như Lai. Thế nào là hai? Hạng phi pháp nói là phi pháp; thật pháp nói là thật pháp. Đó là hai hạng người không phi báng Như Lai.

“Cho nên, này các Tỳ-kheo, phi pháp nên nói là phi pháp; thật pháp nên nói là thật pháp. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 10

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có hai hạng người được phước vô lượng. Thế nào là hai? Người khen ngợi điều đáng khen ngợi; người không khen

³⁰ 於如來眾而興誹謗; lưu ý Hán dịch đảo cú. So ngữ cảnh tiếp theo để rõ. Cf. A ii. 3. 3 (R i. 60).

ngợi điều không đáng khen ngợi. Đó là hai hạng người được phước vô lượng.

“Lại có hai hạng người chịu tội vô lượng. Thế nào là hai? Người mà điều đáng khen ngợi, trở lại phỉ báng; người mà điều không đáng khen ngợi, lại khen ngợi. Các Tỳ-kheo chớ học điều này.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.³¹

³¹ Bản Hán, hết quyển 9.

19. PHẨM KHUYẾN THỈNH

KINH SỐ 1¹

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ngồi dưới gốc cây tại đạo tràng,² nước Ma-kiệt. Bấy giờ Thế Tôn đắc đạo chưa lâu, tự nghĩ như vậy: ‘Nay Ta đạt pháp rất sâu, khó hiểu khó rõ, khó có thể giác tri, không thể tư duy; pháp tịch tĩnh vi diệu, được giác tri bởi người trí, được phân biệt nghĩa lý, tu tập không chán, đạt được hoan hỷ.³ Nếu Ta nói pháp vi diệu này cho mọi người, họ sẽ không tin nhận, cũng không phụng hành; không những uổng công vô ích mà còn bị tổn giảm nữa. Nay Ta [593b01] nên im lặng, cần gì phải nói pháp?’

Bấy giờ, Phạm Thiên ở trên cõi Phạm thiên, biết những ý nghĩ của Như Lai. Trong khoảnh khắc giống như lực sĩ co duỗi cánh tay, ông biến mất khỏi Phạm thiên, hiện đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, rồi đứng qua một bên. Khi ấy Phạm Thiên bạch Thế Tôn:

¹ Tham chiếu Pāli, S. 6. 1.1. Brahma-āyācana (R. i. 136)

² Pāli, *ibid.*: Tại Uruvela, bên bờ sông Nerañjara, dưới bóng cây bò-đê ajapālanigrodha.

³ Tham chiếu Pāli, *ibid.*: *adhigato kho myāyaṃ dhammo gambhīro duddaso duranubodho santo pañño atakkāvacaro nipuṇo paññitavedanīyo. ālayarāmā kho panāyaṃ pajā ālayaratā ālayasammuditā. ... duddasaṃ idaṃ thānaṃ yadidaṃ idappaccayatāpaṭiccasamuppādo*, “pháp mà Ta chứng đắc sâu xa, khó thấy, khó giác ngộ, tịch tĩnh, vi diệu, không thể suy lý, thâm áo, chỉ bậc trí mới cảm nghiệm được. Chúng sanh này vui thích chấp tàng, yêu thích chấp tàng, hoan hỷ chấp tàng... khó thấy điều này, đó là lý y duyên tánh duyên khởi.”

“Cõi Diêm-phù-đê này chắc sẽ bị tan hoại, ba cõi mất đi con mắt, vì Như Lai, Chí chơn, Đẳng chánh giác xuất hiện ở thế gian đáng ra sẽ diễn Pháp bảo, nhưng nay lại không diễn nói pháp vị. Cúi mong Như Lai khắp vì tất cả chúng sanh mà rộng nói pháp sâu xa. Lại nữa, căn nguyên của chúng sanh này dễ độ; nếu chúng không nghe, vĩnh viễn mất con mắt pháp.⁴ Chúng sẽ là những người con lưu di của pháp.⁵ Giống như hoa sen ru-bát, hoa câu-mâu-đầu, hoa phân-đà-lợi, tuy ra khỏi bùn đất, nhưng chưa lên khỏi nước, cũng chưa nở bung ra. Khi ấy, hoa kia sinh trưởng dần, nhưng vẫn không ra khỏi mặt nước, chưa ra khỏi nước. Có khi, hoa kia đã lên khỏi nước, hoặc khi ấy hoa kia không bị thấm nước. Ở đây cũng vậy, các loài chúng sanh được thấy bị bức bách bởi sinh, già, bệnh, chết, các căn đã chín muồi, nhưng vì không được nghe pháp nên bị diệt vong, há không khổ sao? Nay thật đúng thời, nguyện xin Thế Tôn nên vì họ nói pháp.”

Bấy giờ, Thế Tôn biết mọi ý nghĩ trong tâm Phạm Thiên, và vì lòng từ mẫn đối tất cả chúng sanh, nên nói kệ này:

*Nay Phạm Thiên khuyên thỉnh
Như Lai mở cửa pháp.
Người nghe dốc lòng tin,
Phân biệt pháp yếu sâu.*

*Như trên đỉnh núi cao,
Xem khắp loài chúng sanh.
Nay Ta có pháp này,*

⁴ Tham chiếu Pāli, *ibid.*: *santi sattā apparajakkhajātikā, assavanatā dhammassa parihāyanti*, “Có những chúng sanh chỉ dính một ít bụi bần, nếu không được nghe pháp, chúng sẽ thối đọa.”

⁵ Hán: 法之遺子 pháp chi di tử. Pāli, *ibid.*: *bhavissanti dhammassa aññātāro*, chúng sẽ là những người khai ngộ pháp.

Mắt pháp hiện lâu cao.

Bấy giờ Phạm Thiên nghĩ rằng: “Nhu Lai chắc sẽ vì chúng sanh mà nói pháp thâm diệu,” nên trong lòng vui mừng phấn khởi không tả xiết, đánh lễ sát chân rồi liền trở về trời.

Phạm Thiên, sau khi nghe những gì đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 2⁶

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở tại vườn Nai trong khu Tiên Nhân,⁷ tại nước Ba-la-nại. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỷ-kheo:

“Có hai sự này, người học đạo không nên gằn gũ. Hai sự ấy là gì? Tham đắm pháp dục lạc;⁸ đó là pháp phạm phu hạ tiện. Hoặc lại tự hành khổ, với trăm mối khổ não.⁹ Đó là hai việc mà người học không nên gằn gũ. Như vậy, sau khi xả bỏ hai sự này, Ta tự có con đường chí yếu¹⁰

⁶ Tham chiếu Pāli, S. 56. 2. 1 (R v. 420)

⁷ Pāli: Isipatana Migadāya.

⁸ Hán: dục cập lạc 欲及樂. Pāli: *kāmasukhallikānuyyo*, tham đắm khoái lạc dục vọng.

⁹ Hán: hựu thử chư khổ chúng não bách đoan 又此諸苦眾惱百端 không rõ nghĩa, hay nhầm. Tham chiếu Pāli, ibid.: *dveme, antā ... kāmesu kāma-sukhallikānuyogo ... attakilamathānuyogo dukkho anariyo anattasamhito*, “Có hai cực đoan này... đắm đuối lạc dục trong các dục vọng... và đắm đuối tự hành xác, đau khổ, phi Thánh, không liên hệ mục đích (giải thoát).

¹⁰ Hán: chí yếu chi đạo 至要之道; đây hiểu là con đường giữa, trung đạo. Tham chiếu Pāli, ibid.: *ubho ante anupagamma majjhimā paṭipadā*, “tránh xa hai cực đoan này, là con đường giữa.”

thành tựu được Chánh giác, sinh nhãn, [593c01] sinh trí, ý được tịch tĩnh, đấng các thần thông, thành quả Sa-môn, đạt đến Niết-bàn.

“Thế nào là con đường chí yếu thành tựu được Chánh giác, sinh nhãn, sinh trí, ý được tịch tĩnh, đấng các thần thông, thành quả Sa-môn, đạt đến Niết-bàn? Đó là tám phẩm đạo Hiền Thánh, là chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định.* Đó gọi là con đường chí yếu, khiến Ta thành tựu được Chánh giác, sinh nhãn, sinh trí, ý được tịch tĩnh, đấng các thần thông, thành quả Sa-môn, đạt đến Niết-bàn.

“Nhu vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học xả bỏ hai sự ấy, và tu tập đạo chí yếu. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Kệ tóm tắt:

*La-hâu-la, Ca-diếp, rông,
Hai Nan-(đà), Đại Ái Đạo,
Phi báng, phi, Phạm thỉnh,
Hai sự tại sau cùng.¹¹*

KINH SỐ 3¹²

Tôi nghe như vậy:

¹¹ Kệ tóm tắt này gồm 10, nhưng thiếu hệ thống. La-hâu-la (La-vân), trong phẩm 17. Ca-diếp, và tiếp theo, phẩm 18. Hai kinh chót, phẩm 19.

¹² Tham chiếu Pāli, M. 37 Taṇhāsaṅkhaya (R i. 251). Hán, *Tạp* (Việt) kinh 504.

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thích Đề-hoàn Nhân đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, rồi đứng qua một bên, bạch Thế Tôn:

“Thế nào là Tỳ-kheo đoạn ái dục, tâm được giải thoát,¹³ cho đến chỗ cứu cánh an ổn, không có mọi tai hoạn, được trời người tôn kính?”

Bấy giờ, Thế Tôn bảo Thích Đề-hoàn Nhân:

“Này Câu-dực¹⁴, ở đây nếu Tỳ-kheo nào nghe pháp Không¹⁵ này, tỏ rõ là không có gì, vị ấy liền hiểu rõ được tất cả các pháp. Rồi với pháp khô, lạc, hay pháp không khô không lạc, mà thân giác tri được, tức ở ngay nơi thân này, vị ấy quán chúng đều vô thường, đều trở về không. Khi đã quán biết như thật về sự biến dịch của cái không khô không lạc này, vị ấy cũng không tưởng khởi.¹⁶ Đã không tưởng khởi nên không sợ hãi.¹⁷ Đã không sợ hãi nên Bát-niết-bàn, như thật biết rằng: ‘Sinh tử đã dứt,

¹³ Hán: đoạn u ái dục tâm đắc giải thoát 斷於愛欲心得解脫.

Pāli, ibid.: *tañhāsankhayavimutto*, ái tận giải thoát (giải thoát do khát ái đã diệt tận).

¹⁴ Câu-dực 拘翼. Pāli: Kosiya.

¹⁵ Không pháp 空法. Có lẽ từ này do dịch giả diễn ý. Đoạn thuật lại sau này không có từ này. Pāli, ibid.: *sabbe dhammā nālaṃ abhinivesāyā'ti*, hết thấy các pháp không đáng để tham trước.

¹⁶ Tham chiếu Pāli, ibid.: *tāsu vedanāsu aniccānupassī ... nissaggānupassī viharanto na kiñci loke upādiyati*, quán vô thường nơi các thọ ấy, rồi vị ấy an trú quán xả ly, không chấp thủ cái gì ở trên đời.

¹⁷ Pāli: *anupādiyam na paritassati*, không chấp thủ, nên không sợ hãi. Có lẽ bản Hán đọc *anuppādayam* (không khởi sinh khởi) thay vì *anupādiyam* (không chấp thủ).

phạm hạnh đã lập, những việc cần làm đã làm xong, không còn tái sinh đời sau nữa.’

“Này Thích Đề-hoàn Nhân, đó gọi là Tỳ-kheo đoạn ái dục, đạt được tâm giải thoát, cho đến, chỗ cứu cánh an ổn, không có tai họa, được trời người tôn kính.”

Bảy giờ, Thích Đề-hoàn Nhân đánh lễ sát chân Thế Tôn, rồi nhiễu quanh ba vòng mà lui.

Trong lúc đó, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên ngồi kiết già cách Thế Tôn không xa, chánh thân, chánh ý, buộc niệm trước mặt. Khi ấy, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên nghĩ thầm: “Có phải vừa rồi [594a01] Đề Thích do được đạo tích mà hỏi việc, hay là không do được đạo tích mà hỏi nghĩa chăng? Nay ta nên thử xem.”

Bảy giờ, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên liền dùng thần túc, trong khoảnh khắc như co duỗi cánh tay, lên đến Tam thập tam thiên. Thích Đề-hoàn Nhân từ xa trông thấy Đại Mục-kiền-liên đến, liền đứng lên tiếp đón, và nói:

“Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, thiện lai! Đã lâu lắm, Tôn giả không đến đây. Mong được cùng Tôn giả luận thuyết nghĩa pháp. Mời Tôn giả ngồi nơi này.”

Bảy giờ, Mục-kiền-liên hỏi Thích Đề-hoàn Nhân:

“Thế Tôn đã nói pháp đoạn ái dục cho ông, tôi muốn nghe nó. Nay là lúc thích hợp, hãy nói cho tôi nghe.”

Thích Đề-hoàn Nhân bạch rằng:

“Hiện tại, tôi bận rộn nhiều việc, vừa có việc riêng, lại vừa có việc của chư thiên. Những gì tôi nghe được tức thì quên mất. Ngài Mục-liên, xưa kia khi đánh nhau với các a-tu-la, trong trận đánh ngày hôm đó, các chư thiên đắc thắng, a-tu-la bị bại. Bảy giờ, đích thân tôi tự đi chiến

đầu, sau đó thống lãnh chư thiên trở về thiên cung, ngồi tại giảng đường Tối thắng. Vì nhờ đánh thắng nên gọi là giảng đường Tối thắng.¹⁸ Đường cái thành hàng, đường sá giao nhau. Mỗi một đầu thêm¹⁹ có bảy trăm lầu các, trên mỗi một lầu các đều có bảy ngọc nữ, mỗi một ngọc nữ đều có bảy người hầu. Xin mời Tôn giả Mục-liên ngắm xem nơi đó.”

Rồi Thích Đề-hoàn Nhân cùng Thiên vương Tỳ-sa-môn, theo sau Tôn giả Mục-liên đến nơi giảng đường Tối thắng. Thích Đề-hoàn Nhân và Thiên vương Tỳ-sa-môn bạch Đại Mục-kiền-liên:

“Đây là giảng đường Tối thắng. Mời ngài hãy dạo xem.”

Mục-liên bảo Thiên vương:

“Chỗ này rất là vi diệu, đều do tiền thân đã tạo ra phước đức, nên được mời đến bảo đường tự nhiên này. Giống như nhân gian có một trường hợp vui nhỏ cũng đã tự chúc mừng rồi. Như cung trời cũng không khác. Thấy đều do tiền thân tạo ra phước mà được như vậy.”

Lúc ấy, ngọc nữ hai bên Thích Đề-hoàn Nhân đều chạy tứ tán. Giống như ở dưới nhân gian khi gặp điều cấm kỵ thì trong lòng đều hổ thẹn. Đám ngọc nữ chỗ Thích Đề-hoàn Nhân cũng như vậy, từ xa trong thấy Đại Mục-kiền-liên đến, các cô đều chạy tứ tán mất. Khi ấy, Đại Mục-kiền-liên nghĩ thầm: “Thích Đề-hoàn Nhân này tâm ý rất phóng dật. Ta nên làm cho ông ấy sợ hãi.”

¹⁸ Tối thắng giảng đường 最勝講堂. Pāli: Vejayanta-pāsāda, cung điện Chiến thắng.

¹⁹ Giai đầu 階頭. Bản Pāli: *niyyūha*, vọng tháp. Điện Chiến thắng có 100 vọng tháp. Mỗi vọng tháp có 700 ngôi lầu (*kūtāgāra*).

Bấy giờ, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên liền dùng ngón chân phải [594b01] ấn xuống đất, làm cho cung điện kia bị chấn động sáu cách. Khi ấy, Thích Đề-hoàn Nhân cùng Thiên vương Tỳ-sa-môn trong lòng sợ hãi, lông trong cả người dựng đứng, nghĩ thầm: “Đại Mục-kiền-liên này có thần túc lớn nên mới có thể làm cho cung điện này chấn động sáu cách. Kỳ diệu thay, chưa từng có việc này!”

Khi ấy, Đại Mục-kiền-liên nghĩ thầm: “Nay tự thân Đế Thích này đã sinh lòng sợ hãi, ta phải hỏi về nghĩa sâu kia.”

“Thế nào Câu-dục? Kinh ‘Trừ ái dục’²⁰ mà Như Lai đã thuyết, nay là lúc thích hợp, xin ông nói lại cho chúng tôi nghe.”

Thích Đề-hoàn Nhân đáp:

“Mục-liên, trước đây tôi có đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân rồi đứng qua một bên. Lúc ấy tôi liền bạch Thế Tôn: ‘Thế nào là Tỳ-kheo đoạn ái dục tâm được giải thoát, cho đến, cứu cánh đến chỗ vô vi, không có khổ hoạn, được trời người tôn kính?’ Bấy giờ Thế Tôn liền bảo tôi rằng: ‘Này Câu-dục, ở đây các Tỳ-kheo sau khi nghe pháp này rồi, không còn gì để đắm trước,²¹ cũng không đắm vào sắc, tỏ rõ hết thấy các pháp đều vô sở hữu. Do đã tỏ rõ tất cả các pháp rồi, hoặc khổ hoặc lạc, hoặc không khổ hoặc không lạc, quán chúng là vô thường, diệt hết không còn, cũng không đoạn hoại. Do quán như vậy rồi, không còn gì để đắm trước. Do không khởi lên thế gian tưởng²² nên

²⁰ Trừ ái dục kinh, tức Pāli: *taṇhakkhaya-sutta*, ái tận kinh (M. 37).

²¹ Nghĩa là, không còn chấp thủ. Pāli, *anupādāya*. xem cht. 16, 17 trên.

²² Hán: Bất khởi thế gian tưởng 不起世間想. Pāli: *na kiñci loke upādiyati*, không còn chấp thủ bất cứ gì trên thế gian. Xem cht.

không còn sợ hãi. Do không sợ hãi nên Bát-niết-bàn, như thật biết rằng: ‘Sinh tử đã dứt, phạm hạnh đã lập, những việc cần làm đã làm xong, không còn tái sinh đời sau nữa.’ Nay Thích Đề-hoàn Nhân, đó gọi là Tỳ-kheo đoạn ái dục tâm được giải thoát, cho đến, chỗ cứu cánh vô vi, không có khổ hoạn, được trời người tôn kính.’ Sau khi nghe những lời dạy như vậy, tôi liền đánh lễ sát chân Thế Tôn, nhiễu quanh ba vòng, rồi thối lui trở về trời.”

Khi ấy, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên bèn nói pháp sâu xa cho Thích Đề-hoàn Nhân và Tỳ-sa-môn nghe, phân biệt đầy đủ. Sau khi đã thuyết pháp đầy đủ, Mục-kiền-liên trong khoảnh khắc giống như lực sĩ co duỗi cánh tay biến mất khỏi Tam thập tam thiên, trở về vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, thành Xá-vệ, đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, rồi ngồi lui qua một bên. Khi ấy Mục-kiền-liên ngay trên chỗ ngồi bạch Thế Tôn:

“Trước đây Như Lai nói cho Thích Đề-hoàn Nhân nghe pháp trừ dục. Nguyện xin Thế Tôn hãy nói cho con.”

Bấy giờ, Thế Tôn bảo Mục-kiền-liên:

“Người nên biết, Thích Đề-hoàn Nhân đến chỗ Ta, [594c01] đánh lễ sát chân, đứng qua một bên. Rồi Thích Đề-hoàn Nhân đem nghĩa này hỏi Ta: ‘Thế Tôn, thế nào là Tỳ-kheo đoạn ái dục tâm đắc giải thoát?’ Bấy giờ, Ta bảo Thích Đề-hoàn Nhân rằng: ‘Này Câu-dục, Tỳ-kheo tỏ rõ tất cả các pháp là không, hoàn toàn không có gì, cũng không có cái gì để chấp trước, Tỳ-kheo ấy hiểu rõ hết tất cả các pháp vô sở hữu. Do biết tất cả các pháp là vô thường, diệt hết không còn, cũng không đoạn hoại. Tỳ-kheo ấy quán như vậy rồi, không có gì để đắm trước.

Do không khởi thế gian tướng nên không còn sợ hãi.²³ Do không sợ hãi nên Bát-niết-bàn, biết như thật rằng: ‘Sinh tử đã dứt, phạm hạnh đã lập, những việc cần làm đã làm xong, không còn tái sinh đời sau nữa.’ Nay Thích Đề-hoàn Nhân, đó gọi là Tỳ-kheo đoạn ái dục tâm được giải thoát. Bấy giờ Thích Đề-hoàn Nhân từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ sát chân, rồi thôi lui trở về trời.”

Đại Mục-kiền-liên, sau khi nghe những gì đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 4²⁴

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Thế gian có hai hạng này, nếu có thấy nghe điện chớp, sấm gấm thì cũng không sợ hãi. Hai hạng ấy là ai? Sư tử vua muôn thú, và A-la-hán lậu tận.²⁵ Nay Tỳ-kheo, đó là gọi là ở thế gian nếu có hai hạng này, dù có thấy nghe điện chớp sấm gấm cũng không sinh lòng sợ hãi.

“Cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy học A-la-hán lậu tận. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

²³ Lưu ý vẫn các đoạn lặp lại trong Hán dịch không hoàn toàn nhất trí.

²⁴ Tham chiếu, Pāli, A. II. 6. Puggalavaggo 6-8.

²⁵ Pāli, A. II. 6. 8 (R. i. 77): *bhikkhu ca khīṇāsavo, sīho ca migarājā*.

KINH SỐ 5

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có hai pháp này khiến người không có trí tuệ. Hai pháp gì? Không thích hỏi người hơn mình; chỉ ham ngủ nghỉ, không ý siêng năng. Nay Tỳ-kheo, có hai pháp này khiến cho người không có trí tuệ.

“Lại có hai pháp khiến cho người thành trí tuệ lớn. Hai pháp gì? Thích hỏi nghĩa người khác; không ham ngủ nghỉ, có ý siêng năng. Nay Tỳ-kheo, có hai pháp này khiến cho người có trí tuệ. Các người hãy học lia xa pháp ác.

“Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 6

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. [595a01] Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có hai pháp này khiến người bần tiện, không có tài sản. Hai pháp gì? Khi thấy người khác bố thí thì ngăn cản; tự mình thì không chịu bố thí. Nay Tỳ-kheo, có hai pháp này khiến cho người bần tiện, không có của báu.

“Tỳ-kheo nên biết, lại có hai pháp khiến người phú quý. Hai pháp gì? Khi thấy người cho vật người khác, hoan hỷ trợ giúp; và tự mình cũng thích bố thí. Nay Tỳ-kheo, có hai pháp này khiến cho người phú quý.

Tăng nhất A-hàm

“Nhu vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học huệ thí, chớ có lòng tham.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 7

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có hai pháp khiến cho người sinh vào nhà bần tiện. Hai pháp gì? Bất hiếu cha mẹ, các bậc sư trưởng; cũng không thừa sự người hơn mình. Này Tỳ-kheo, có hai pháp này khiến cho người sinh vào nhà bần tiện.

“Tỳ-kheo nên biết, lại có hai pháp, sẽ khiến người sinh vào nhà hào tộc. Hai pháp gì? Cung kính cha mẹ, anh em, dòng họ; đem những gì có được của nhà mình ra bố thí. Này Tỳ-kheo, có hai pháp này, sẽ sinh vào nhà hào tộc.

“Nhu vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 8

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, có nữ bà-la-môn tên Tu-thâm đến chỗ Tôn giả Đại Câu-hy-la. Đến nơi rồi, bà đánh lễ sát chân, sau đó

ngồi qua một bên. Khi ấy nữ bà-la-môn kia bạch Câu-hy-la rằng:

“Uất-đầu-lam-phát,²⁶ A-la-lam²⁷ không được hóa độ ở trong pháp sâu này, rồi mạng chung. Thế Tôn thọ ký cho hai người này rằng: ‘Một người sinh vào Vô sở hữu xứ,²⁸ một người sinh vào Phi tướng phi phi tướng xứ.’²⁹ Hai người này sau khi thọ mạng ở đó hết, lại mạng chung. Một người sẽ làm quốc vương nơi biên địa, sát hại nhân dân không thể kể xiết. Một người sẽ làm chồn ác có cánh, các loài thú hoặc bay, hoặc chạy nhảy đều không thoát được nó. Sau khi chúng mạng chung sẽ sinh vào trong địa ngục.’ Nhưng Thế Tôn lại không thọ ký cho họ lúc nào sẽ tận cùng biên tế khổ. Cớ sao Thế Tôn không thọ ký cho họ tận cùng biên tế khổ?”

Bấy giờ, Tôn giả Câu-hy-la bảo nữ nhân Tu-thâm:

“Sở dĩ Thế Tôn không [595b01] thọ ký là do vì không có người hỏi về nghĩa này, cho nên Thế Tôn không thọ ký họ lúc nào sẽ hết biên tế khổ.”

Nữ nhân Tu-thâm thưa:

“Bây giờ, Như Lai đã vào Niết-bàn, cho nên không hỏi được. Nếu Ngài còn tại thế, con sẽ đến hỏi nghĩa này. Vậy, nay Tôn giả Câu-hy-la nói cho con biết lúc nào họ sẽ hết biên tế khổ?”

Bấy giờ, Tôn giả Câu-hy-la liền nói kệ này:

²⁶ Ưu-đạp-lam-phát 優躡藍弗. Pāli: Uddaka-Rāmaputta.

²⁷ La-lặc-ca-lam 羅勒迦藍. Pāli: Ālāra-Kālāma.

²⁸ Bất dụng xứ 不用處, hay Vô sở hữu xứ. Pāli:

Ākiñcaññāyatana.

²⁹ Hữu tướng vô tướng xứ 有想無想處, hay Phi tướng phi phi tướng xứ. Pāli: Nevasaññā-nāsaññāyatana.

*Các loại quả không đồng,
Hương chúng sanh cũng vậy.
Người tự giác, giác tha,
Đây, tôi không biện thuyết.
Biện thiền trí giải thoát,
Nhớ đời trước, thiên nhân;
Hay dứt nguồn gốc khổ,
Đây, tôi không biện thuyết.*

Lúc đó, nữ nhân Tu-thâm liền nói kệ này:

*Thiện Thệ có trí này,
Chất trực không tì vết;
Đồng mãnh, đã chiến thắng,
Cầu nơi hạnh Đại thừa.*

Lúc này Tôn giả Câu-hy-la lại nói kệ này:

*Ý này thật khó được,
Hay được pháp yếu khác;
Khó mà biện thuyết nổi,
Đối với sự kỳ diệu.*

Bấy giờ, Tôn giả nói đầy đủ pháp yếu cho nữ nhân Tu-thâm kia, khiến phát tâm hoan hỷ. Nữ nhân kia rời chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ sát chân, rồi thối lui ra về.

Nữ nhân Tu-thâm, sau khi nghe những gì Tôn giả Câu-hy-la dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 9³⁰

Tôi nghe như vậy:

³⁰ Pāli, A II.4.7 (R i. 67).

Một thời Tôn giả Ma-ha Ca-giá-diên³¹ hướng dẫn chúng năm trăm đại Tỳ-kheo, du hành đến bên cạnh hồ sâu, nước Bà-na.³² Bấy giờ, Tôn giả Ca-giá-diên đang nổi tiếng khắp nơi. Có một Tôn giả trưởng lão bà-la-môn Gian-trà³³ cũng đang du hóa ở đây. Bà-la-môn sau khi nghe tin Tôn giả Ca-giá-diên hướng dẫn năm trăm Tỳ-kheo đang du hóa bên cạnh hồ này, bèn nghĩ: “Tôn giả trưởng lão công đức đầy đủ, nay ta nên đến thăm hỏi người này.”

Bấy giờ, Thượng Sắc bà-la-môn³⁴ dẫn theo năm trăm đệ tử đến chỗ Tôn giả Ca-giá-diên, cùng chào hỏi, rồi ngồi qua một bên. Bà-la-môn hỏi Tôn giả Ca-giá-diên:

“Như sở hành của Ca-giá-diên, thì đây không phải là pháp luật. Tỳ-kheo-niên thiếu mà không chịu làm lễ các vị cao đức bà-la-môn chúng tôi!”

Ca-giá-diên nói:

“Bà-la-môn nên biết, Như Lai, Chí chơn, Đẳng chánh giác chúng tôi nói về hai địa này. Hai địa gì? Một là địa vị già cả; hai là địa vị trai tráng.”³⁵

Bà-la-môn hỏi:

“Sao gọi là địa vị già cả? Sao gọi là địa vị trai tráng?”

³¹ Ca-giá-diên. Pāli, *ibid.*: Mahākaccāna.

³² Bà-na quốc 婆那國. Mahāccāna ở tại Madhura, trong rừng Gunda.

³³ Gian-trà 姦茶. Pāli: Kaṇḍarāyana.

³⁴ Thượng Sắc Bà-la-môn 上色婆羅門 = Gian-trà Bà-la-môn; cùng một người, dịch nghĩa của phiên âm trên. Nhưng nghĩa này không phù hợp nghĩa với Pāli.

³⁵ Hán: lão địa, tráng địa 老地壯地. Pāli, *ibid.*, *vuddhabhūmi ca daharabhūmi ca*. địa vị trưởng đại, và địa vị niên thiếu.

Ca-giá-diên nói:

“Giả sử bà-la-môn ở vào tuổi tám mươi, hay chín mươi, nhưng người kia không đình chỉ dâm dục, tạo các ác hành; bà-la-môn đó tuy gọi là già cả, song hiện đang ở vào địa vị trai tráng.”

Bà-la-môn hỏi:

“Sao gọi là tuổi trai tráng ở vào địa vị già cả?”

Ca-giá-diên nói:

“Bà-la-môn, nếu có Tỳ-kheo tuy ở vào tuổi hai mươi, hay ba mươi, bốn mươi, năm mươi, nhưng không tập hành dâm dục, cũng không tạo ác hành. Đó gọi là, này Bà-la-môn, tuổi trai tráng ở vào địa vị già cả.”

Bà-la-môn hỏi:

“Trong đại chúng này có một Tỳ-kheo nào không hành dâm dục, không tạo ác hành không?”

Ca-giá-diên nói:

“Trong đại chúng của tôi không có một Tỳ-kheo nào tập hành dâm dục và tạo ác cả.”

Lúc ấy, bà-la-môn từ chỗ ngồi đứng dậy, lễ sát chân các Tỳ-kheo và nói lời này:

“Nay, các ông tuổi niên thiếu ở vào vị già cả, còn tôi tuổi già cả ở vào vị niên thiếu!”

Sau đó bà-la-môn kia trở lại chỗ Ca-giá-diên, đánh lễ sát chân rồi tự trình bày:

“Nay, con xin quy y Tôn giả Ca-giá-diên cùng Tỳ-kheo Tăng, suốt đời không sát sinh.”

Ca-giá-diên nói:

“Nay ông chớ quy y tôi, mà ông nên hướng về chỗ tôi đã quy y.”

Bà-la-môn hỏi:

“Tôn giả Ca-giá-diên đã quy y ai?”

Tôn giả Ca-giá-diên liền quỳ hướng về chỗ Như Lai đã Bát-niết-bàn, nói: “Có người con dòng họ Thích xuất gia học đạo. Tôi hằng quy y Ngài. Vậy, Người đó tức là Thầy tôi.”

Bà-la-môn thưa:

“Sa-môn Cù-đàm này hiện đang ở chỗ nào? Nay tôi muốn gặp Ngài.”

Ca-giá-diên nói:

“Như Lai của tôi đã vào Niết-bàn rồi!”

Bà-la-môn thưa:

“Nếu Như Lai còn ở tại thế, thì dù trăm nghìn do tuần con cũng đến thăm hỏi Ngài. Như Lai kia tuy đã vào Niết-bàn, nhưng nay con một lần nữa quy y, làm lễ Phật, Pháp cùng Thánh chúng, suốt đời không tái phạm sát sinh.”

Thượng Sắc Bà-la-môn, sau khi nghe những gì Tôn giả Ca-giá-diên dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 10

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. [596a01] Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có hai hạng người xuất hiện thế gian, rất khó gặp được. Hai hạng người ấy là ai? Người hay thuyết pháp xuất hiện ở thế gian, thật là khó gặp được; người hay nghe pháp, thọ trì phụng hành, thật là khó gặp được. Tỳ-kheo, đó là hai hạng người xuất hiện thế gian, thật khó gặp được.

“Cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy học thuyết pháp. Hãy học nghe pháp. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 11

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật du hóa tại nước Ma-kiệt, lần hồi đến thành Tỳ-xá-ly. Bấy giờ, Ngài cùng với năm trăm chúng đại Tỳ-kheo đang ở trong vườn Am-bà-bà-lợi³⁶ phía bắc thành Tỳ-xá-ly.

Lúc này, nữ Am-bà-bà-lợi³⁷ nghe Thế Tôn cùng năm trăm đại Tỳ-kheo đến ở trong vườn, cô liền thắng xe có gắn lông chim báu³⁸ ra khỏi thành Tỳ-xá-ly, đến ngã đường hẹp là đến chỗ Thế Tôn, cô tự xuống xe, đến chỗ

³⁶ Âm-bà-bà-lợi viên 閻婆婆利園. Pāli, Ambapālī-vana. Tham chiếu, D. 16 (R ii. 95ff). Hán, *Trường kinh 2*: Du hành.

³⁷ Âm-bà-bà-lợi nữ 閻婆婆利女. Pāli: Ambapālī gaṇikā.

³⁸ Hán: vũ bảo chi xa 羽寶之車. Pāli: *bhaddāni bhaddāni yāni*, những cỗ xe lông lẫy. Có lẽ bản Hán đọc Skt. *pattrāni* (lông chim) thay vì *bhadrāni* (đẹp quý). *Trường kinh 2*, ibid., dịch là nghiêm giá bảo xa 嚴駕寶車.

Phật. Bấy giờ, từ xa Thế Tôn trông thấy người nữ kia đến, liền bảo các Tỳ-kheo:

“Tất cả hãy chuyên tinh, chớ sinh tà niệm.”

Lúc ấy, người nữ đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, ngồi qua một bên. Rồi Phật nói cho cô nghe pháp cực kỳ vi diệu. Sau khi nghe pháp vi diệu, cô bạch Phật rằng:

“Cúi xin Thế Tôn cùng Tỳ-kheo Tăng nhận lời mời của con.”

Thế Tôn im lặng nhận lời mời. Cô thấy Thế Tôn đã im lặng nhận lời mời rồi, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ sát chân, rồi thối lui ra về.

Bấy giờ, nam nữ lớn nhỏ trong thành Tỳ-xá-ly nghe tin Thế Tôn cùng năm trăm chúng đại Tỳ-kheo đang ở trong vườn Am-bà-bà-lợi. Lúc ấy, trong thành có năm trăm³⁹ đồng tử đi các loại xe có gắn lông chim báu*; trong đó hoặc có người đi xe trắng thì ngựa trắng, áo, dù, lọng, người theo hầu đều cùng trắng; đi xe đỏ thì ngựa đỏ, áo, dù, lọng, người theo hầu đều cùng đỏ; đi xe xanh thì ngựa xanh, áo, dù, lọng, người theo hầu đều cùng xanh; đi xe vàng thì ngựa vàng, áo, dù, lọng, người theo hầu đều cùng vàng. Cừ chỉ, ăn mặc như vương pháp.⁴⁰ Họ ra khỏi thành, đến chỗ Thế Tôn. Chưa đến nơi, giữa đường họ gặp người nữ kia đang dong xe đánh bò⁴¹ chạy hướng về trong thành. Khi ấy các đồng tử hỏi người nữ:

³⁹ Đề bản: năm trăm ức. TNM: Năm trăm. *Trường*, dẫn trên: các người Ly-xa (Pāli: Licchavī) trong thành Tỳ-xá-ly.

⁴⁰ Các kinh đều nói họ là những quý tộc Licchavi (Li-xa).

⁴¹ Đề bản: tâu đả xa ngưu 走打車牛 (ruổi xe và đánh con bò kéo xe). TNM: tâu xa đả ngưu. Có lẽ xe ngựa thì đúng hơn.

“Cô gái này, thật đáng xấu hổ! Sao lại [596b01] đánh bò dong xe, chạy hướng về trong thành?”⁴²

Cô đáp:

“Các Hiền giả nên biết, ngày mai tôi có thỉnh Phật cùng Tỳ-kheo Tăng, cho nên mới đánh xe vậy!”

Các đồng tử nói:

“Chúng tôi cũng muốn mời Phật cùng Tỳ-kheo Tăng thọ trai. Bây giờ cho cô một nghìn lượng vàng ròng, hãy nhường cái hến cúng dường cơm ngày mai lại cho chúng tôi.”

Người nữ đáp:

“Thôi đi, thôi đi, quý công tử! Tôi không chịu đâu!”

Các đồng tử lại nói:

“Cho cô hai nghìn lượng, ba nghìn, bốn nghìn, năm nghìn, ... cho đến trăm nghìn lượng, chịu hay không chịu, ngày mai nhường cúng dường cơm cho Phật cùng Tỳ-kheo Tăng lại cho chúng tôi?”

Người nữ đáp:

“Tôi không chịu đâu. Vì sao vậy? Vì Thế Tôn thường dạy: ‘Có hai hy vọng mà người đời không thể lìa bỏ. Thế nào là hai? Hy vọng tài lợi, hy vọng mạng sống’. Ai có thể bảo đảm cho tôi đến ngày mai? Vì tôi đã thỉnh Như Lai trước, nên nay sẽ phải chuẩn bị đầy đủ.”

Các đồng tử vung tay lên nói:

⁴² Hán dịch có thể nhầm, vì vô lý. Pāli, *ibid.*, và *Trường 2* đều nói: xe cô và xe các thiếu niên Tỳ-xá-ly đụng nhau nên họ gây cô. (Pāli: *cakkena cakkam yugena yugam paṭivaṭṭesi*: xe đụng xe, ách đụng ách).

“Chúng ta bao nhiêu người mà không bằng một cô gái!”

Nói như vậy rồi họ bỏ cô mà đi.

Bấy giờ, các đồng tử đi đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ, rồi đứng qua một bên. Khi Thế Tôn thấy các đồng tử đến, bảo các Tỳ-kheo:

“Tỳ-kheo các người, hãy nhìn cừ chỉ, phục sức của các đồng tử này, giống như khi Thiên đế Thích đi dạo chơi, không có gì sai khác.”

Rồi Thế Tôn nói với các đồng tử:

“Thế gian có hai việc thật bất khả đắc. Thế nào là hai? Người có đền đáp, và người tạo ân nhỏ luôn không quên, hưởng chi là lớn. Nay các đồng tử có hai việc thật bất khả đắc này. Đồng tử nên biết hãy nhớ đền đáp, cũng như biết ân nhỏ không quên, hưởng chi là lớn.”

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

*Tri ân, biết đền đáp,
Luôn nhớ người dạy dỗ;
Người trí được kính hầu,
Tiếng khen khắp trời người.*

“Như vậy, các đồng tử, hãy học điều này.”

Bấy giờ Thế Tôn thuyết pháp vi diệu đầy đủ cho các đồng tử. Sau khi nghe xong, họ từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ sát chân Phật, rồi thôi lui ra về.

Ngay trong đêm hôm đó, cô gái sửa soạn các thứ đồ ăn thức uống ngon ngọt, trải các tọa cụ. Sáng sớm đến bạch:

“Đã đến giờ, nay đã đúng lúc, nguyện xin Thế Tôn hạ cố đến tộ xá.”

Bấy giờ, Thế Tôn khoác y ôm bát, dẫn các Tỳ-kheo vây quanh trước sau đến nhà người nữ trong thành Tỳ-xá-ly.

Khi cô thấy Thế Tôn đã an tọa, liền tự tay dâng thức ăn lên Phật [596c01] cùng Tỳ-kheo Tăng. Cúng dường thức ăn cho Phật và Tỳ-kheo Tăng rồi, cô đi lấy nước sạch, sau trái chỗ ngồi bằng gấm vàng⁴³ khiêm tốn, ngồi trước Thế Tôn. Khi ấy cô bạch Thế Tôn:

“Vườn Am-bà-bà-lợi này, con dâng lên Như Lai và Tỳ-kheo Tăng, để cho chúng Tăng quá khứ, hiện tại, tương lai được dừng nghỉ nơi đây. Nguyện xin Thế Tôn nhận vườn này.”

Thế Tôn vì người nữ kia, nên nhận vườn này. Thế Tôn bèn nói lời chú nguyện này:

*Thí vườn trái, mát mẻ;
Làm cầu đồ đưa người;
Gần đường làm cầu xí,
Nhân dân được nghỉ ngơi.
Ngày đêm được an ổn,
Phước kia không thể kể;
Các giới pháp thành tựu,
Chết chắc sinh lên trời.⁴⁴*

⁴³ 金鏤座 *kim lữ tòa*, có lẽ nên viết 金縷座; tục lệ ở đây không ngồi ghế, do đó cần hiểu “khăn gấm dệt bằng sợi chỉ vàng.”

⁴⁴ Cf. *Trường 2* kinh Du hành, tr. 14b22. Tham chiếu *Tứ phần 50*, T22 tr. 936c18: 施園及果樹橋船以渡人曠路施泉井并施房舍者如是諸人等晝夜福增益持戒樂法者此人生善道 năm vật bố thí khiến phước tăng trưởng ngày đêm: thí vườn, cây ăn trái, thuyền bè, giếng nước vùng đất hoang, nhà cửa ở.

Thế Tôn sau khi nói những lời này xong, liền đứng dậy ra về. Người nữ bấy giờ nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Kệ tóm tắt:

*Đoạn ái, cùng sư tử,
Vô trí, ít của cải;
Nhà nghèo, nữ Tu-thâm,
Ca-chiên, thuyết pháp, nữ.⁴⁵*

⁴⁵ Bản Hán, hết quyển 10.

20. PHẨM THIỆN TRI THỨC

KINH SỐ 1

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ đức Thế Tôn dạy chư Tỳ-kheo:

“Nên gần gũi thiện tri thức, đừng tập theo ác hành, tin vào ác nghiệp. Vì sao vậy? Chư Tỳ-kheo, gần gũi thiện tri thức, tín được tăng trưởng; văn, thí, trí huệ, hết thảy đều tăng trưởng. Nếu các Tỳ-kheo gần gũi thiện tri thức, thì không tập theo các ác hành. Vì sao vậy? Nếu gần ác tri thức, sẽ không có tín, không có giới, văn, thí, trí tuệ.

“Cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy gần gũi thiện tri thức, đừng gần gũi ác tri thức. Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe Phật thuyết pháp, [597a01] hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 2

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ở tại Ca-lan-đà,¹ trong Trúc viên, thành La-duyet, thuyết pháp cho năm trăm đại Tỳ-kheo vây quanh trước sau.

¹ Ca-la-đà 迦羅陀, Ca-lan-đà trong các kinh trước.

Bấy giờ, Đề-bà-đạt-đa* dẫn năm trăm Tỳ-kheo đi ngang qua, cách Như Lai không xa. Đức Thế Tôn từ xa thấy Đề-bà-đạt-đa tự dẫn môn đồ đi, liền nói kệ này:

*Đừng gần ác tri thức,
Cũng đừng dại theo hầu.
Nên gần thiện tri thức,
Bậc tối thắng trong người.²*

*Người vốn không có ác;
Tập gần ác tri thức,
Sau tất trông gốc ác,
Ở mãi trong tối tăm.*

Lúc đó, năm trăm đệ tử Đề-bà-đạt-đa nghe đức Thế Tôn nói kệ này, liền đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân Phật, rồi ngồi qua một bên. Không lâu, họ rời chỗ ngồi, hướng về đức Thế Tôn hối lỗi:

“Chúng con ngu muội không hiểu biết gì. Cúi xin đức Thế Tôn nhận sự sám hối chúng con.”

Thế Tôn nhận sự sám hối của năm trăm vị Tỳ-kheo kia, rồi thuyết pháp cho họ, khiến được tín căn.

Bấy giờ năm trăm Tỳ-kheo ở nơi vắng vẻ tư duy pháp thâm diệu. Vì sao vậy? Vì mục đích mà thiện gia nam tử, với lòng tin kiên cố, tu phạm hạnh vô thượng. Bấy giờ năm trăm Tỳ-kheo kia thành A-la-hán, tự biết như thật rằng: ‘Sanh tử đã hết, việc cần làm đã làm xong, phạm hạnh đã lập, không còn tái sinh đời sau nữa.’ Bấy giờ, năm trăm người thành A-la-hán.

² Cf. Dh. 78: *na bhaje pāpake mitte, na bhaje purisādhame; bhajettha mitte kalyāne, bhajettha purisuttame*. Chớ thân cận ác hữu; chớ thân cận người hạ liệt. Hãy thân cận thiện hữu. Hãy thân cận người cao hơn.

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe Phật thuyết pháp, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 3

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bảy giờ, Thế Tôn thuyết pháp cho vô số chúng vây chung quanh. Lúc đó Đàm-ma-lưu-chi³ một mình tư duy trong tĩnh thất, nhập thiền tam-muội, quán thấy tiền thân làm thân cá dài bảy trăm do tuần, ở trong biển lớn. Tức thì, ông rời tĩnh thất, trong khoảnh khắc như lực sĩ co duỗi cánh tay, đến biển lớn, đi kinh hành trên xác chết cũ. Khi ấy, Đàm-ma-lưu-chi nói kệ này:

*Sanh từ vô số kiếp,
Lưu chuyển không thể tính.
[597b01] Mỗi mỗi cầu được an;
Liên tục chịu khổ não.*

*Dù thấy lại thân rồi,
Ý muốn tạo nhà cửa;
Tất cả chi tiết hoại,
Hình thể không nguyên vẹn.*

*Tâm đã lia các hành,
Ái trước đã diệt tận,
Không thọ lại thân này;
Mãi vui trong Niết-bàn.*

³ Đàm-ma-lưu-chi 曇摩留支, đồng nhất với Dhammaruci, trong Apādana (R. ii. 429).

Sau khi Tôn giả Đàm-ma-luru-chi nói kệ này rồi, bèn biến mất khỏi chỗ đó, xuất hiện đến chỗ Thế Tôn tại tinh xá Kỳ-hoàn, nước Xá-vệ.

Thế Tôn thấy Đàm-ma-luru-chi đến, liền bảo rằng:

“Lành thay, Đàm-ma-luru-chi, lâu lắm mới đến chốn này.”

Đàm-ma-luru-chi bạch Thế Tôn:

“Kính vâng, bạch Thế Tôn, lâu lắm con mới đến chốn này.”

Bấy giờ các Thượng tọa và các Tỳ-kheo đều nghĩ thầm :

“Đàm-ma-luru-chi này thường ở bên cạnh Thế Tôn, nhưng nay Thế Tôn bảo rằng: ‘Lành thay! Đàm-ma-luru-chi, lâu lắm mới đến chốn này?’”

Thế Tôn biết được những ý nghĩ trong tâm các Tỳ-kheo, muốn dứt nghi ngờ của họ, nên bảo chư Tỳ-kheo:

“Chẳng phải vì Đàm-ma-luru-chi lâu lắm đến chốn này mà Ta nói nghĩa này. Vì sao vậy? Vì vô số kiếp quá khứ xưa kia có đức Đỉnh Quang⁴ Như Lai Chí chân, Đẳng chánh giác, Minh hạnh túc, Thiên thế, Thế gian giải, Vô thượng sĩ, Điều ngự trượng phu*, Thiên Nhân sư, Phật Thế Tôn* xuất hiện ở đời, giáo hóa tại đại quốc Bát-ma⁵ cùng với mười bốn ngàn tám trăm đại Tỳ-kheo. Bấy giờ chúng bốn bộ không thể tính kể. Quốc vương, đại thần, quan lại, nhân dân, đều đến cúng dường, cung cấp những phẩm vật nhu yếu.

⁴ Đề bản: Đỉnh Quang 定光. TNM: Đỉnh Quang 錠光. Cũng thường biết với danh hiệu Nhiên Đăng 燃燈. Pāli: Dīpaṅkara.

⁵ Bát-ma đại quốc 鉢摩大國. *Tứ phần 31* (T22n1428, tr. 782b1): Liên hoa 蓮花. Skt: Padma (Pāli: Paduma).

“Bấy giờ, có bà-la-môn tên Da-nhã-đạt⁶ sống bên sườn tuyết sơn, xem sách bí mật, thiên văn, địa lý, tất cả đều rất thông thạo; sách số, văn tự, cũng đều hiểu biết, đọc tụng một câu năm trăm từ; tướng của bậc đại nhân cũng đều biết rõ. Ông thờ các thần lửa, mặt trời, mặt trăng, tinh tú và dạy năm trăm đệ tử đêm ngày không mỏi. Bà-la-môn Da-nhã-đạt có đệ tử tên là Vân Lôì,⁷ tướng mạo xinh đẹp hiếm có trên đời; mắt⁸ màu xanh biếc. Bà-la-môn Vân Lôì thông minh, thấy rộng, thông hiểu mọi thứ, thường được Da-nhã-đạt yêu mến không chút rời xa. Bấy giờ, những chú thuật mà bà-la-môn làm đều đem ra dạy đủ hết. Lúc ấy bà-la-môn Vân Lôì liền suy nghĩ như vậy: ‘Nay ta đã đủ hết những gì nên học.’ Song lại nghĩ thầm: ‘Sách vở [597c01] có ghi, những bà-la-môn có học, người hành pháp thuật xong, phải báo ơn thầy. Nay những gì cần học ta đều biết hết. Nay ta phải báo đáp ân thầy. Nhưng mình nghèo thiếu, trống không, không có gì để cúng dường thầy. Ta hãy đi khắp nơi trong nước tìm những thứ cần.’

“Rồi bà-la-môn Vân-lôi liền đến chỗ thầy, bạch thầy rằng: ‘Những phương pháp kỹ thuật mà bà-la-môn học, nay con đã biết rồi. Nhưng trong sách lại ghi, những người học pháp thuật rồi phải báo ơn thầy. Song con lại nghèo thiếu, không có vàng bạc trân bảo có thể dùng cúng dường. Nay con muốn đi khắp nơi trong nước tìm kiếm tài vật dùng cúng dường thầy.’

⁶ Da-nhã-đạt 耶若達. *Tứ phần*, ibid. (tr.784a03): Tụ Thí 祀施. Skt. Yajñadatta (Pāli: Yaññadatta).

⁷ Vân Lôì 雲雷. *Tứ phần*, ibid. (tr.784a19): Di-khước 彌卻. Skt. Megha.

⁸ Đề bản: 髮 phát (tóc); TNM: 眼 *nhãn* (mắt).

“Bà-la-môn Da-nhã-đạt liền nghĩ thầm: ‘Bà-la-môn Vân Lôì này được ta yêu mến, không rời khỏi tâm, dù ta có chết còn không thể xa lìa, huống chi hôm nay muốn bỏ ta đi. Nay ta phải làm sao để giữ ở lại cho được?’

“Khi đó bà-la-môn Da-nhã-đạt liền bảo Vân lôì: ‘Anh bà-la-môn, nay vẫn có điều bà-la-môn cần phải học mà anh còn chưa biết.’ Bà-la-môn Vân lôì liền đến trước bạch thầy: ‘Cúi mong được chỉ dạy, những gì chưa đọc tụng.’

“Khi đó bà-la-môn Da-nhã-đạt liền suy nghĩ làm ra bài tụng năm trăm từ, bảo Vân Lôì: ‘Nay có sách này gọi là tụng năm trăm lời, anh nên học thuộc.’

“Vân Lôì bạch: ‘Mong thầy truyền thọ, con muốn được đọc tụng.’

“Tỳ-kheo nên biết, bấy giờ Da-nhã-đạt liền truyền cho đệ tử bài tụng năm trăm lời này. Qua chưa được mấy ngày, tất đều thông suốt.

“Bà-la-môn Da-nhã-đạt bảo năm trăm đệ tử: ‘Bà-la-môn Vân Lôì này, kĩ thuật đầy đủ, không việc gì không thông. Ta đặt tên ngay là Siêu Thuật.’

“Bà-la-môn Siêu Thuật này rất là tài cao; thiên văn, địa lý không gì không xuyên suốt; thư số, văn tự cũng đều biết rõ. Bà-la-môn Siêu Thuật qua mấy ngày sau, lại thưa với thầy: ‘Pháp kĩ thuật mà Bà-la-môn đã học, nay con biết hết rồi. Song trong sách ghi lại, những người học pháp thuật rồi phải báo ơn thầy. Nhưng con lại nghèo thiếu, không có vàng bạc, trân bảo, có thể cúng dường thầy. Nay muốn đi khắp nơi trong nước tìm kiếm tài vật để cúng dường thầy. Cúi mong thầy cho phép’. Bà-la-môn Da-nhã-đạt bảo: ‘Anh biết đúng thời.’

“Bà-la-môn Siêu Thuật đến trước lễ sát chân thầy rồi liền lui [598a01] đi.

“Bấy giờ, cách thị trấn của đại quốc Bát-ma không xa, có nhiều bà-la-môn tập hội lại một chỗ, đang thiết đại tế đàn và cũng để giảng luận. Lúc đó, có tám vạn bốn ngàn bà-la-môn cùng tụ tập. Vị thượng tọa đệ nhất cũng đọc tụng thư sớ ngoại đạo, không gì không tinh tường. Hiểu biết thiên văn địa lý, tinh tú biến quái tất đều biết rõ. Mỗi người, khi sắp giải tán, họ liền lấy năm trăm lượng vàng, một cây gậy vàng, bình nước rửa bằng vàng, và một ngàn con bò dùng dâng lên vị thượng sư và thượng tọa đệ nhất.⁹

“Bấy giờ bà-la-môn Siêu Thuật nghe cách nước lớn Bát-ma không xa có tám vạn bốn ngàn bà-la-môn đang tụ tập lại một chỗ. Họ có thi nghệ thuật. Người thắng, được năm trăm lượng vàng, một cây gậy vàng, một bình nước rửa bằng vàng và một ngàn con bò.

“Bà-la-môn Siêu Thuật nghĩ thầm: ‘Nay ta sao phải đi khát cầu từng nhà? Chẳng bằng đến đám đông kia cùng so tài nghệ.’

“Rồi bà-la-môn Siêu Thuật liền đến chỗ đám đông. Bấy giờ, nhiều Bà-la-môn từ xa trông thấy bà-la-môn Siêu Thuật, mọi người đều hô to: ‘Lành thay Từ chủ!¹⁰ Nay được lợi lớn mới khiến Phạm thiên đích thân giáng hạ.’

“Khi ấy tám vạn bốn ngàn bà-la-môn đều đứng dậy cùng nghinh đón, đồng loạt nói rằng: ‘Kính Đại Phạm Thần Thiên mới đến!’

⁹ Có lẽ mỗi người khi giải tán nhận được những thứ ấy, chứ không phải mỗi người dâng cho thượng sư và thượng tọa như Hán dịch.

¹⁰ Hán: Từ chủ 祠主, chủ tổ chức tế đàn này.

“Bà-la-môn Siêu Thuật nghĩ thầm: ‘Các bà-la-môn này gọi ta là Phạm Thiên, nhưng ta lại chẳng phải Phạm Thiên!’

“Rồi bà-la-môn Siêu Thuật nói với các vị bà-la-môn rằng: ‘Thôi, thôi, các Hiền giả, chớ gọi tôi là Phạm Thiên. Quý vị không nghe sao? Phía Bắc Tuyết sơn có thầy của chúng bà-la-môn tên Da-nhã-đạt, thiên văn địa lý không gì không tinh thông.’

“Các Bà-la-môn nói: ‘Chúng tôi có nghe, nhưng chưa từng gặp.’

“Bà-la-môn Siêu Thuật nói: ‘Tôi chính là đệ tử của vị ấy, tên là Siêu Thuật.’

“Rồi bà-la-môn Siêu Thuật liền quay sang vị thượng tọa đệ nhất trong chúng ấy báo rằng: ‘Nếu ngài biết kĩ thuật xin nói cho tôi nghe.’

“Bấy giờ, người đứng đầu trong chúng kia liền quay sang bà-la-môn Siêu Thuật tụng ba tạng kĩ thuật¹¹ không hề sai sót. Bà-la-môn Siêu Thuật nói với vị thượng tọa kia rằng: ‘Một câu năm trăm lời, ông hãy nói đi!’

“Lúc đó, vị thượng tọa kia nói: ‘Tôi không hiểu nghĩa này. Cái gì là một câu năm trăm lời?’

“Bà-la-môn Siêu Thuật bảo: ‘Quý vị, hãy yên lặng nghe nói một câu năm trăm lời; nói về tướng [598b01] của bực đại nhân.’

“Tỳ-kheo, nên biết, bấy giờ bà-la-môn Siêu Thuật liền tụng thuật ba tạng*, và một câu năm trăm lời, về tướng của bực đại nhân. Khi ấy, tám vạn bốn ngàn bà-la-môn khen, ‘Chưa từng có, thật là hy hữu, từ trước chúng ta

¹¹ Ba tạng kĩ thuật, đây chỉ ba pho Vệ-đà.

chưa nghe một câu năm trăm lời về tướng của bực đại nhân. Nay Tôn giả nên đứng đầu làm Thượng tọa đệ nhất.’

“Bấy giờ bà-la-môn Siêu Thuật thay chỗ thượng tọa kia rồi, liền ngồi vào chỗ cao nhất. Lúc đó, thượng tọa của chúng kia trong lòng rất tức giận, phát thệ nguyện như vậy: ‘Người này thay chỗ ngồi của ta, tự thế vào chỗ đó. Những phước mà ta có được nhờ tụng kinh, trì giới, khổ hạnh, nay đều đem hết để vào lời thề: Những nơi nào người này sanh ra, những việc gì người này muốn làm, ta luôn luôn phá hỏng công việc của nó.’

“Lúc đó người chủ cúng thí liền xuất năm trăm lạng vàng và một cây gậy vàng, một bình nước rửa bằng vàng, một ngàn con bò và một cô gái đẹp đem đưa cho thượng tọa để chú nguyện.

“Bấy giờ thượng tọa bảo chủ nhân rằng: ‘Nay tôi nhận năm trăm lạng vàng, gậy vàng và bình nước rửa bằng vàng này đem cúng dường thầy tôi. Còn cô gái và một ngàn con bò này trả lại cho thí chủ. Vì sao vậy? Vì tôi không tập hành dục, cũng không chứa của.’

“Bà-la-môn Siêu Thuật sau khi nhận gậy và bồn tắm rửa bằng vàng rồi liền đi đến nước lớn Bát-ma. Vua nước đó tên là Quang Minh.¹² Lúc đó, nước này thịnh Như Lai Đỉnh Quang và chúng Tỳ-kheo cúng dường y phục ẩm thực. Bấy giờ, vua nước này thông báo trong thành: ‘Người dân nào có hương hoa, hết thầy không được bán. Nếu có ai bán, sẽ bị phạt nặng. Ta tự xuất tiền ra mua không cần đem bán.’ Lại ra lệnh nhân dân rưới nước quét dọn làm cho sạch, không để có đất cát dơ bẩn, treo tràng phan bảo cái lụa là, rưới hương thơm trên đất, xướng ca kỹ nhạc không thể tính kể.

¹² Quang minh 光明. *Tứ phần*, ibid., Thắng Oán vương 勝怨王.

“Bà-la-môn kia thấy vậy, liền hỏi người đi đường rằng: ‘Nay là ngày gì mà rưới nước quét dọn đường sá, dẹp bỏ bất tịnh, treo tràng phan bảo cái lụa là, không thể tính kể, chẳng lẽ thái tử của quốc chủ hay kết hôn chăng?’

“Người đi đường kia đáp: ‘Bà-la-môn không biết sao? Hôm nay vua nước lớn Bát-ma thỉnh Đỉnh Quang Như Lai, Chí chơn, Đẳng chánh giác, cúng dường y phục đồ ăn thức uống, nên mới sửa sang đường sá bằng phẳng, treo tràng phan bảo cái lụa là.’ Và lại, trong bí điển của bà-la-môn cũng có lời này: ‘Như Lai xuất thế rất khó gặp được. Rất lâu mới xuất hiện; thật khó có thể gặp được. Cũng như hoa ưu-đàm-bát thật rất lâu mới xuất hiện. Đây cũng [598c01] như vậy, Như Lai xuất hiện ở đời thật không thể gặp được. Lại trong sách bà-la-môn cũng nói: ‘Có hai người ra đời rất khó gặp được. Hai người ấy là ai? Như Lai và Chuyển luân Thánh vương. Hai người này xuất hiện rất khó gặp được.’

“Bấy giờ người kia lại nghĩ rằng: ‘Ta sao phải cấp tốc báo ân thầy? Nay ta hãy đem năm trăm lạng vàng này dâng lên đức Đỉnh Quang Như Lai.’ Ông lại nghĩ như vậy: ‘Trong sách có ghi, Như Lai không nhận vàng bạc trân bảo, ta có thể đem năm trăm lạng vàng này, dùng mua hoa hương rải lên Như Lai.’ Lúc đó, bà-la-môn liền vào trong thành tìm mua hương hoa. Bấy giờ, người đi lại trong thành bảo rằng: ‘Bà-la-môn không biết sao? Quốc vương có ra lệnh, ai bán hương hoa sẽ bị phạt nặng.’

“Bà-la-môn Siêu Thuật kia liền nghĩ như vậy: ‘Ta đây phước mỏng, tìm hoa không được. Nên biết làm sao?’ Ông liền trở ra khỏi thành, đứng ở ngoài cổng. Khi ấy có nữ bà-la-môn tên là Thiện Vị¹³ cầm bình đi lấy nước, tay

¹³ Thiện Vị 善味. *Tứ phần*, ibid., Tô-la-bà-đề 蘇羅婆提.

cầm năm cành hoa. Bà-la-môn thấy vậy, nói với người nữ kia: ‘Này cô em, tôi đang cần hoa. Cô em bán cho tôi.’

“Nữ bà-la-môn hỏi: ‘Tôi làm em ông hỏi nào? Ông có biết cha mẹ tôi không?’ Khi ấy, bà-la-môn Siêu Thuật lại nghĩ rằng cô gái này tánh hạnh phóng khoáng, có ý đùa giỡn. Liên nói lại rằng: ‘Thưa cô, tôi sẽ trả giá phải chăng. Xin cô nhường lại tôi hoa này.’

“Nữ bà-la-môn đáp: ‘Ông há không nghe Đại vương có nghiêm cấm không được bán hoa sao?’ Bà-la-môn nói: ‘Thưa cô, việc này không khó. Vua không làm gì cô đâu. Nay tôi cần gấp năm cành hoa này. Tôi được hoa này, cô được giá cao.’

“Nữ bà-la-môn hỏi: ‘Ông cần gấp hoa để làm gì?’

“Bà-la-môn đáp: ‘Hôm nay tôi thấy có đất lạnh, nên muốn trồng hoa này.’

“Nữ Bà-la-môn nói: ‘Hoa này đã bị lìa khỏi gốc nó, chắc chắn không thể sống. Làm sao lại nói, tôi muốn trồng?’

“Bà-la-môn đáp: ‘Như hôm nay, tôi thấy ruộng tốt, trồng tro nguội còn sống hưởng chi hoa này.’

“Nữ Bà-la-môn hỏi: ‘Ruộng tốt gì mà trồng tro nguội cũng sống?’

“Bà-la-môn đáp: ‘Thưa cô, có đức Phật Đỉnh Quang Như Lai, Chí chân, Đẳng chánh giác xuất hiện ở đời.’

“Nữ bà-la-môn hỏi: ‘Phật Đỉnh Quang Như Lai là hạng người nào?’

“Bà-la-môn liền trả lời cô kia: ‘Đỉnh Quang Như Lai có đức như vậy, có [599a01] giới như vậy; thành tựu các công đức.’

“Nữ bà-la-môn nói: ‘Giả sử vị ấy có công đức; nhưng ông muốn cầu phước gì?’

“Bà-la-môn trả lời: ‘Mong tôi đời sau như đức Đỉnh Quang Như Lai, Chí chân, Đẳng chánh giác; công đức, cảm giới cũng sẽ như vậy.’

“Nữ Bà-la-môn nói: ‘Nếu ông hứa với tôi, đời đời làm vợ chồng, tôi sẽ cho ông hoa này.’

“Bà-la-môn nói: ‘Sự tu hành của tôi là ý không dính mắc dục.’

“Nữ Bà-la-môn nói: ‘Như thân tôi hiện tại, không mong làm vợ ông. Nhưng đời sau sẽ làm vợ ông.’

“Bà-la-môn Siêu Thuật nói: ‘Sở hành của Bồ tát làm không có luyến ái. Nếu như cô làm vợ tôi, đó là phá hoại tâm tôi.’

“Nữ Bà-la-môn nói: ‘Tôi quyết không phá hoại tâm ý bồ thí của ông. Ngay dù ông đem thân tôi bồ thí cho người khác, tôi quyết không phá hoại tâm bồ thí.’

“Khi ấy, ông liền đem năm trăm tiền vàng dùng mua năm cành hoa, cùng với người nữ kia lập thề nguyện với nhau, rồi từ biệt đi.

“Bấy giờ, Đỉnh Quang Như Lai, Chí chân, Đẳng chánh giác, đến giờ, khoác y cầm bát cùng với Tỳ-kheo Tăng vây quanh trước sau đi vào nước lớn Bát-ma. Phạm chí Siêu Thuật từ xa thấy đức Đỉnh Quang Như Lai dung mạo đoan chánh, ai thấy cũng hoan hỷ; các căn tịch tĩnh, bước đi tề chỉnh, có ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, giống như nước lắng trong không có cợn nhơ, ánh sáng chiếu khắp không bị ngăn chận, cũng như núi báu xuất hiện trên các núi. Thấy rồi, trong lòng ông rất hoan

hỷ đối với Như Lai. Ông cầm năm cành hoa này đến chỗ Đỉnh Quang Như Lai. Đến nơi rồi, đứng qua một bên.

“Bà-la-môn Siêu Thuật bạch Phật Đỉnh Quang rằng: ‘Mong Thế Tôn, hãy nhận lấy và thọ ký cho con. Nay nếu Thế Tôn không thọ ký, con sẽ dứt mạng căn ngay tại đây, không mong sống nữa.’

“Thế Tôn bảo rằng: ‘Bà-la-môn, không thể chỉ với năm cành hoa này mà được thọ ký Vô thượng Đăng chánh giác.’

“Bà-la-môn bạch: ‘Mong Thế Tôn thuyết cho con nghe sở hành của Bồ tát.’

“Đức Phật Đỉnh Quang bảo: ‘Sở hành của Bồ tát là không tiếc lẫn.’

“Bấy giờ bà-la-môn liền nói kệ:

*Không dám đem cha mẹ
Mà bỏ thí cho người.
Phật, Thánh nhân, trưởng thượng,
Cũng không dám đem thí.
Nhứt nguyệt soi khắp đời,
Cả hai, không thể thí.
Ngoài ra thí được hết,
Ý quyết, không gì khó.*

“Bấy giờ đức Phật Đỉnh Quang dùng kệ này đáp bà-la-môn:

*Sự thí mà ông nói
Cũng chẳng phải lời Phật.
Nên nhẫn khổ ức kiếp;
Thí đầu, thân, tai, mắt,
Vợ con, nước, của báu,*

*Xe, ngựa và tôi tớ;
Nếu ông kham chịu thì
Nay Ta thọ ký cho.*

“Bấy giờ Siêu Thuật lại nói kệ này:

*Núi lớn hùng như lửa,
Úc kiếp chịu đội mang.
Không thể phá đạo tâm;
Chỉ mong giờ thọ ký.*

“Bấy giờ, Đính Quang Như Lai yên lặng không nói. Bà-la-môn kia tay cầm năm cành hoa, gối phải chầm đất, rải lên đức Đính Quang Như Lai và nói như vậy: ‘Nguyện đem phước lành này dành đời sau sẽ được như Đính Quang Như Lai, Chí chân, Đẳng chánh giác không có khác.’ Rồi ông trải tóc mình lên vũng bùn, thầm nguyện: ‘Nếu Như Lai truyền thọ ký cho tôi thì hãy dùng chân dẫm lên tóc tôi mà đi qua.’”

“Tỳ-kheo nên biết, bấy giờ, Đính Quang Như Lai quán sát những suy nghĩ trong tâm bà-la-môn, liền bảo bà-la-môn: ‘Tuong lai ông sẽ làm Phật Thích-ca Văn Như Lai, Chí chân, Đẳng chánh giác.’”

“Bấy giờ, bà-la-môn Siêu Thuật có người đồng học tên là Đàm-ma-lưu-chi đứng bên cạnh Như Lai, thấy Đính Quang Như Lai truyền thọ ký cho bà-la-môn Siêu Thuật, lại dùng chân đạp lên tóc. Thấy vậy, liền nói như vậy: ‘Sa-môn đầu trọc này sao dám dẫm chân lên tóc của bà-la-môn thanh tịnh này? Đây là hành vi của phi nhân.’”

“Phật bảo các Tỳ-kheo: ‘Bà-la-môn Da-nhã-đạt lúc đó, há là người nào khác chăng? Chớ có nghĩ như vậy. Bởi vì Da-nhã-đạt lúc ấy nay chính là Bạch Tịnh Vương. Vị thượng tọa của tám vạn bốn ngàn bà-la-môn lúc đó, nay là Đề-bà-đạt-đa. Bà-la-môn Siêu Thuật lúc đó, nay chính

là Ta. Nữ bà-la-môn bán hoa lúc đó, nay chính là Cù-di.¹⁴ Từ chủ lúc ấy, nay chính là bà-la-môn Chấp Trọng.¹⁵ Đàm-ma-lưu-chi lúc đó miệng tuôn lời thô tục, nay chính là Đàm-ma-lưu-chi hiện nay. Song Đàm-ma-lưu-chi trong vô số kiếp lại thường làm súc sanh. Thọ thân sau cùng là thân cá dài bảy trăm do-tuần trong đại dương. Từ đó mạng chung sanh đến chốn này, theo hầu thiện tri thức, thường gần gũi thiện tri thức, tập các pháp lành, các căn thông lợi. Vì nhân duyên này, nên [599c01] Ta nói lâu rồi mới đến chốn này.”

Đàm-ma-lưu-chi lại cũng tự trình bày:

“Thật vậy, bạch Thế Tôn! Lâu rồi con mới đến nơi này.”

“Cho nên các Tỳ-kheo thường phải tu tập thân, khẩu, ý nghiệp. Nay các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe Phật thuyết pháp, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 4

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nay Ta sẽ thuyết về thí dụ có người như sư tử, có người như dê. Các người hãy lắng nghe, suy nghĩ kỹ.”

Các Tỳ-kheo đáp:

¹⁴ Cù-di 瞿夷, (Pāli: Gotamī). Đây chỉ Da-du-đà-la (Pāli: Yasodhāra).

¹⁵ Chấp Trọng Phạm chí 執杖梵志 (Pāli: Daṇḍapāṇī). Truyền thuyết phương Bắc nói ông là bố của Yasodhāra. Truyền thuyết Pāli, ông người họ Thích ở Kapilavatthu, em của Bà Maya.

“Kính vâng, Thế Tôn!”

Các Tỳ-kheo vâng lời Phật dạy. Thế Tôn bảo:

“Người kia vì sao như sư tử? Ở đây, này Tỳ-kheo, hoặc có người được cúng dường y phục, đồ ăn thức uống, giường chiếu, ngọa cụ, thuốc men chữa bệnh. Người đó được rồi liền tự dùng, không khởi tâm nhiễm trước, cũng không có dục ý, không khởi các tướng, hoàn toàn không nghĩ tưởng đến những thứ đó, tự biết pháp xuất yếu. Cho dù không được lợi dưỡng, không khởi loạn niệm, không tâm tăng giảm. Như sư tử chúa ăn thịt thú nhỏ. Lúc đó, vua loài thú cũng không nghĩ: ‘Cái này ngon, cái này không ngon;’ không khởi tâm đắm nhiễm, cũng không dục ý, không khởi các tướng. Người này cũng lại như vậy. Nếu được cúng dường y phục, đồ ăn thức uống, giường chiếu, ngọa cụ, thuốc men chữa bệnh. Người đó được rồi liền tự dùng, không khởi ý tưởng đắm trước, cho dù không được cũng không có các niệm tưởng.

“Lại có người nhận người cúng dường y phục, đồ ăn thức uống, giường chiếu, ngọa cụ, thuốc men chữa bệnh, được rồi liền tự dùng, lại khởi tâm nhiễm trước, sinh tâm ái dục, không biết đạo xuất yếu. Giả sử không được, thì luôn luôn nghĩ tưởng đến những thứ đó. Nếu người đó được cúng dường, đối với các Tỳ-kheo, mà tự cống cao, hủy báng người khác: ‘Những y phục, đồ ăn thức uống, giường chiếu, tọa cụ, thuốc trị bệnh mà ta có, các Tỳ-kheo này không thể có được vậy.’ Cũng như trong đàn dê lớn, có một con dê rời đàn, thấy đồng phân lớn. Con dê này ăn phân no rồi, quay lại trong đàn dê, liền tự cống cao: ‘Ta có được ăn ngon, bây giờ dê này không thể ăn được.’ Ở đây cũng như vậy, nếu có một người được lợi dưỡng, y phục, giường chiếu, ngọa cụ, thuốc men chữa bệnh, khởi các loạn tưởng, sanh tâm nhiễm trước liền đối

với các Tỳ-kheo, mà tự công cao: ‘Ta có được [600a01] cúng dường, các Tỳ-kheo này không được cúng dường.’

“Cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy học như sư tử chúa, chớ như con dê. Các Tỳ-kheo, hãy học những điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe Phật thuyết pháp, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 5

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, đức Thế Tôn dạy các Tỳ-kheo:

“Nếu có chúng sanh biết báo đáp, người này đáng kính, ân nhỏ còn không quên huống chi ân lớn. Cho dù người đó cách chốn này ngàn do tuần, trăm ngàn do tuần mà không là xa, cũng như gần Ta không khác. Vì sao vậy? Tỳ-kheo nên biết, vì ta thường khen ngợi người biết báo đáp.

“Có những chúng sanh không biết báo đáp, ân lớn còn quên huống chi ân nhỏ. Kẻ đó chẳng gần Ta. Ta chẳng gần kẻ đó. Giả sử khoác tăng-già-lê hầu hạ bên Ta, kẻ này cũng như xa. Vì sao vậy? Ta không bao giờ nói về người không báo đáp. Cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy nhớ báo đáp, chớ học không báo đáp.

“Các Tỳ-kheo, hãy học tập điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe Phật thuyết pháp, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 6

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, đức Thế Tôn dạy các Tỳ-kheo:

“Nếu có người lười biếng, gieo trồng hành vi bất thiện, có sự tổn hại trong các sự. Nếu có người siêng năng không lười biếng, người này tối diệu, có tăng ích trong các thiện pháp. Vì sao vậy? Bồ-tát Di-lặc trải qua ba mươi kiếp, mới thành Phật Chí chân, Đẳng chánh giác. Ta nhờ tâm đồng mãnh, sức tinh tấn, nên khiến Di-lặc ở sau. Hằng sa các Như Lai, Ứng cúng, Đẳng chánh giác,¹⁶ thời quá khứ, đều do đồng mãnh mà được thành Phật. Do phương tiện này, nên biết, lười biếng là khổ, tạo các hành ác, có tổn hại trong các sự. Nếu có tâm đồng mãnh tinh tấn mạnh, có tăng ích trong các công đức thiện. Cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy niệm tinh tấn, chớ có lười biếng.

“Các Tỳ-kheo, hãy học tập điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe Phật thuyết pháp, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 7

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. [600b01] Bấy giờ, đức Thế Tôn dạy các Tỳ-kheo:

¹⁶ Phiên âm trong đề bản: Đa-tát-a-kiệt, A-la-ha, Tam-da-tam-phật 多薩阿竭 . 阿羅訶 . 三耶三佛.

“Tỳ-kheo a-lan-nhã nên tu hành hai pháp. Hai pháp gì? Đó là chỉ và quán.

“Nếu Tỳ-kheo a-lan-nhã đắc tịch tĩnh, tịch diệt, tĩnh chỉ, thì thành tựu giới luật, không mất oai nghi, không phạm cấm hạnh, tạo các công đức.

“Nếu Tỳ-kheo a-lan-nhã lại được quán rồi, liền quán và biết như thật rằng, đây là khổ; quán biết như thật rằng đây là khổ tập, khổ diệt, khổ đạo xuất yếu. Người đó quán như vậy rồi, tâm được giải thoát khỏi dục lậu, tâm được giải thoát khỏi hữu lậu, vô minh lậu, bèn được trí giải thoát, biết như thật rằng: ‘Sanh tử đã hết, phạm hạnh đã lập, việc cần làm đã xong, không còn tái sinh đời sau nữa.’

“Chư Như Lai Chí chơn, Chánh đẳng Chánh giác* thời quá khứ, nhờ hai pháp này mà được thành tựu. Vì sao vậy? Như khi Bồ-tát ngồi tại cây thọ vương, trước tiên tư duy pháp chỉ và quán này. Nếu Bồ-tát ma-ha-tát đã đắc chỉ rồi, bèn có thể hàng phục được các ma oán. Nếu Bồ-tát đạt được quán rồi, ngay sau đó liền đạt được ba đạt trí,¹⁷ thành Vô thượng Chí chân, Đẳng chánh giác. Cho nên, này các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo a-lan-nhã nên tìm cầu phương tiện¹⁸ hành hai pháp này.

“Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe Phật thuyết pháp, hoan hỷ phụng hành.

¹⁷ Tam đạt trí 三達智, tức ba minh.

¹⁸ 求方便 nên hiểu là nỗ lực. Phần lớn các từ phương tiện trong đây đều được hiểu như vậy.

KINH SỐ 8

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, đức Thế Tôn dạy các Tỳ-kheo:

“Tỳ-kheo a-lan-nhã sống ở nơi nhàn tĩnh, không sống trong chúng, thì thường phải cung kính, phát tâm hoan hỷ. Nếu Tỳ-kheo a-lan-nhã sống ở nơi nhàn tĩnh, mà không có cung kính, không phát tâm hoan hỷ, thì dù ở trong chúng cũng bị người chỉ trích rằng: ‘Vị ấy không biết pháp của a-lan-nhã. Sao gọi là Tỳ-kheo a-lan-nhã mà không có tâm cung kính, không phát hoan hỷ?’

“Lại nữa Tỳ-kheo, Tỳ-kheo a-lan-nhã sống ở nơi nhàn tĩnh, không ở trong chúng, thì thường phải tinh tấn, chớ có lười biếng, phải hiểu rõ yếu chỉ các pháp. Nếu Tỳ-kheo a-lan-nhã nào ở nơi nhàn tĩnh, mà có tâm lười biếng, tạo các hành ác, kẻ đó ở trong chúng bị người chỉ trích, ‘Tỳ-kheo a-lan-nhã này lười biếng không có tinh tấn.’ Cho nên, này Tỳ-kheo, Tỳ-kheo a-lan-nhã ở nơi nhàn tĩnh, không ở trong chúng, thường phải quyết chí phát tâm hoan hỷ, chớ có lười biếng và không có cung kính, niệm tưởng hành tinh tấn, ý không thay đổi, [600c01] sẽ thành tựu đầy đủ trong các thiện pháp.

“Các Tỳ-kheo, hãy học những điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe Phật thuyết pháp, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 9

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-

đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, đức Thế Tôn dạy các Tỳ-kheo:

“Có hai hạng người, không thể khéo thuyết pháp ngữ. Hai hạng gì? Thuyết về tín cho người không có tín, việc này thật khó. Thuyết về thí cho người tham lam keo kiệt, đây cũng thật khó.

“Lại nữa, Tỳ-kheo, thuyết về tín cho người không có tín, họ liền nổi sân nhuế, khởi tâm gây tổn hại. Cũng như chó dữ thêm mũi lại bị thương, càng trở nên hung dữ. Các Tỳ-kheo, đây cũng như vậy, thuyết về tín cho người không có tín, họ liền nổi sân nhuế, khởi tâm gây tổn hại.

“Lại Tỳ-kheo, thuyết về thí cho người tham lam keo kiệt, họ liền sanh sân nhuế, khởi tâm gây tổn hại. Cũng như ung nhọt chưa muối, lại bị dao cắt, đau không chịu nổi. Đây cũng như vậy, thuyết về thí cho người tham lam keo kiệt, họ liền sanh sân nhuế, khởi tâm gây tổn hại. Nay Tỳ-kheo, đó gọi là có hai hạng người này khó thuyết pháp cho họ.

“Lại nữa Tỳ-kheo, có hai hạng người dễ thuyết pháp cho nghe. Sao gọi là hai? Thuyết tín cho người có tín; thuyết thí cho người không tham lam keo kiệt. Nay Tỳ-kheo, nếu thuyết tín cho người có tín, họ liền hoan hỷ, ý không hối tiếc. Như người mắc bệnh, nói cho thuốc trừ bệnh liền được bình phục. Đây cũng như vậy. Thuyết tín cho người có tín, họ liền hoan hỷ, tâm không thay đổi.

“Nếu lại thuyết thí cho người không tham lam keo kiệt, họ liền hoan hỷ, tâm không có tiếc. Cũng như có trai, gái xinh đẹp, thích tắm rửa mặt mày, tay chân, rồi lại có người mang hoa đẹp đến cho để tặng trường nhan sắc; lại đem y phục, trang sức tốt đẹp tặng những người đó. Họ được vậy rồi, lòng càng hoan hỷ. Đây cũng như vậy.

Thuyết thí cho người không tham lam keo kiệt, họ liền được hoan hỷ không có tâm tiếc.

“Này Tỳ-kheo, đó gọi là có hai hạng người này dễ thuyết pháp cho. Cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy học có tín, hãy học bố thí, chớ có xan tham.

“Các Tỳ-kheo, hãy học tập điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe Phật thuyết pháp, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 10

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. [601a01] Bảy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có hai pháp mà người phạm phu bố thí đến thì được công đức lớn, thành quả báo lớn, được vị cam lồ, đến chỗ vô vi. Hai pháp ấy là gì? Cúng dường cha và mẹ. Đó là hai hạng người mà nếu cúng dường đến thì được công đức lớn, thành quả báo lớn.

“Lại nữa, cúng dường một vị Bồ-tát nhất sanh bổ xứ¹⁹, được công đức lớn, được quả báo lớn, được vị cam lộ, đến chỗ vô vi. Cho nên, các Tỳ-kheo, thường niệm hiếu thuận cúng dường cha mẹ.

“Các Tỳ-kheo, hãy học tập điều này như vậy.”

¹⁹—生補處; Skt. *ekajātipratibaddha*, cũng dịch là 一生所繫 *nhất sinh sở hệ*, chỉ một đời kết sinh tức tái sinh; khái niệm không có trong Pāli.

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe Phật thuyết pháp, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 11²⁰

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có hai người không thể báo ơn hết được, mà hãy khuyên làm điều thiện. Hai người đó là ai? Đó là cha và mẹ.

“Này các Tỳ-kheo, nếu có người vai trái vác cha, vai phải vác mẹ, trải qua ngàn vạn năm, lo áo quần, cơm nước, giường nệm, ngọa cụ, thuốc men chữa bệnh, đại tiện, tiểu tiện ngay ở trên vai, vẫn chưa thể báo ơn hết được. Tỳ-kheo nên biết, cha mẹ ân trọng, bông bẻ, nuôi dưỡng, tùy lúc giữ gìn không lỡ thời tiết, xem như mặt trời, mặt trăng. Do phương tiện này mà biết ân này khó báo đáp. Cho nên, này các Tỳ-kheo, phải cúng dường cha mẹ, thường phải hiếu thuận, không lỡ thời tiết.²¹

“Các Tỳ-kheo, hãy học tập điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe Phật thuyết pháp, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 12

Tôi nghe như vậy:

²⁰ Tham chiếu Pāli, A II. 4. 2 (R i. 61).

²¹ Pāli, thêm chi tiết: Nếu cha mẹ bất tín, khuyên cho có tín. Cha mẹ phá giới, khuyên trì giới, v.v... Chi như vậy mới có thể báo ân.

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ Tôn giả Bàn-đặc²² bảo người em là Châu-lợi Bàn-đặc²³:

“Nếu người không thể học thuộc giới, hãy trở về làm bạch y.”

Khi đó, Châu-lợi Bàn-đặc nghe những lời này, liền đi đến tinh xá Kỳ-hoàn, đứng ở ngoài cửa mà rơi lệ. Bấy giờ, Thế Tôn bằng thiên nhãn thanh tịnh, quán thấy Tỳ-kheo Châu-lợi Bàn-đặc này đứng ở ngoài cửa, than khóc không xiết. Thế Tôn từ trong tịnh thất đi ra, tợ như kinh hành, đến ngoài cửa tinh xá Kỳ-hoàn, hỏi Châu-lợi Bàn-đặc:

“Tỳ-kheo, vì sao ở đây than khóc.”

Châu-lợi Bàn-đặc đáp:

“Bạch Thế Tôn, con bị anh xua đuổi, nếu con không học thuộc giới được, thì trở về làm bạch [601b01] y, không nên sống ở đây. Cho nên, con than khóc.”

Thế Tôn bảo:

“Tỳ-kheo, chớ ôm lòng lo sợ. Ta thành Vô thượng Đẳng chánh giác, không phải do Bàn-đặc anh của người mà đắc đạo.”²⁴

²² Bàn-đặc 槃特. Pāli: (Mahā)Panthaka; cf. A. I 14. 2 (R i. 24).

²³ Châu-lợi Bàn-đặc 朱利槃特. Pāli: Cūla-Panthaka; cf. A. ibid. ; DhA. iv. 180f. Cf. Hán, *Hữu bộ tì-nại-da* 31 (Tiểu Lộ Biên, T23n1442, tr. 794c26); *Thiện kiến luật* 16 (T24n1462, tr. 782c14).

²⁴ 我成無上等正覺不由卿兄槃特得道 dịch sát bản Hán như

Bấy giờ, đức Thế Tôn cầm tay dẫn Châu-lợi Bàn-đặc về tịnh thất, chỉ chỗ bảo ngồi. Thế Tôn lại dạy cầm chổi quét:

“Ngươi đọc thuộc từ này, nó là từ gì.”

Khi Châu-lợi Bàn-đặc học được từ “quét” lại quên từ “chổi”. Nếu học thuộc được từ “chổi” lại quên từ “quét”. Tôn giả Châu-lợi Bàn-đặc tụng hai từ “chổi quét” này, qua mấy ngày. Song cái chổi quét này là để trừ sạch bụi bẩn. Châu-lợi Bàn-đặc lại nghĩ như vậy: “Trừ là gì? Bẩn là gì? Bẩn là tro, đất, ngói, đá. Trừ là làm cho sạch.”

Lại nghĩ như vậy: “Thế Tôn vì sao đem việc này dạy cho ta. Nay ta phải tư duy nghĩa này.” Vì tư duy nghĩa này, lại nghĩ như vậy: “Nay trên thân ta cũng có bụi bẩn. Ta tự ví dụ. Sao là trừ? Sao là bẩn?” Ông lại nghĩ thâm: “Dính kết là bẩn. Trí huệ là trừ. Nay ta có thể dùng chổi trí huệ quét dính kết này.”

Rồi Tôn giả Châu-lợi Bàn-đặc tư duy năm thủ uẩn là thành, là hoại. Cái gọi là sắc này, sắc tập, sắc diệt; cái gọi là thọ²⁵, tưởng, hành, thức này là thành, là bại. Sau khi tư duy năm thủ uẩn này, tâm được giải thoát khỏi dục lậu, tâm được giải thoát hữu lậu, vô minh lậu. Đã được giải thoát, liền được trí giải thoát, biết như thật rằng: ‘Sanh tử đã hết, phạm hạnh đã lập, việc làm đã xong, lại không còn tái sinh đời sau nữa,’ biết chúng như thật. Tôn giả

vậy, nhưng ý nghĩa có vẻ mơ hồ. Có lẽ do văn cú đảo trang, cũng có thể hiểu: “Không phải do anh người mà người có thể đạt được đạo Chánh đẳng giác vô thượng của Ta.” Đoạn kể tương tự trong *Hữu bộ ti-nại-da*, dẫn trên, đại ý Phật nói: “Ta trải qua ba vô số kiếp mới đạt được Thánh giáo này. Nay người có thể đến học nơi Ta không?” Tham chiếu Pāli, DhA.i.245: “Này Cūlapanthaka, người theo Ta xuất gia. Bị anh đuổi, sao không đến chỗ Ta?”

²⁵ Nguyên bản: Thống.

Tăng nhất A-hàm

Châu-lợi Bàn-đặc thành A-la-hán. Sau khi thành A-la-hán, Tôn giả từ chỗ ngồi đứng dậy, đi đến chỗ đức Thế Tôn, đánh lễ sát chân, rồi ngồi qua một bên, bạch Thế Tôn:

“Nay con đã có trí, nay đã có huệ. Nay con đã hiểu được chổi quét.”

Thế Tôn bảo:

“Tỳ-kheo, hiểu nó thế nào?”

Châu-lợi Bàn-đặc đáp:

“Trừ là huệ. Bản là dính kết.”

Thế Tôn nói:

“Lành thay, Tỳ-kheo, như những lời ngươi nói, trừ là huệ. Bản là dính kết”.

Bấy giờ Tôn giả Châu-lợi Bàn-đặc hướng về Thế Tôn mà nói kệ này:

*Nay đã tụng thuộc đủ
Như lời Phật đã dạy.
Trí huệ hay trừ kết
Không do hạnh nào khác.*

Đức Thế Tôn bảo:

“Tỳ-kheo, như những lời ngươi nói, chỉ bằng trí huệ chứ không do [601c01] cái khác.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe Phật thuyết pháp, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 13

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-

đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có hai pháp này, không thể mong đợi, cũng không đáng yêu thích, bị người đời vứt bỏ. Hai pháp gì? Oán ghét gặp nhau, điều này không thể mong đợi, cũng không đáng yêu thích, bị người đời vứt bỏ. Ân ái biệt ly, không thể mong đợi cũng không đủ để yêu mến, bị người đời vứt bỏ. Nay Tỳ-kheo, đó gọi là có hai pháp này bị người đời không ưa, không đáng mong đợi.

“Tỳ-kheo, lại có hai pháp không bị người đời bỏ. Hai pháp gì? Oán ghét xa lìa, được người đời ưa thích. Ân ái họp một chỗ, rất đáng yêu mến, được người đời ưa thích. Nay Tỳ-kheo, đó gọi là có hai pháp này, được người đời ưa thích. Nay Ta nói oán ghét gặp nhau, ân ái xa lìa này; lại nói oán ghét xa lìa, ân ái gặp nhau là có nghĩa gì, có duyên gì?”

Tỳ-kheo đáp:

“Thế Tôn là chủ của các pháp. Cúi mong đức Thế Tôn vì chúng con mà giảng. Các Tỳ-kheo nghe xong sẽ cùng phụng hành.”

Thế Tôn bảo:

“Lắng nghe, suy nghĩ kỹ, Ta sẽ phân biệt nói rõ cho các người. Nay các Tỳ-kheo, hai pháp này do ái mà khởi, do ái mà sanh, do ái mà thành, do ái xuất hiện, phải học đoạn trừ ái này, đừng để phát sanh.

“Các Tỳ-kheo, hãy học tập các điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe Phật thuyết pháp, hoan hỷ phụng hành.²⁶

²⁶ Bản Hán, hết quyển 11.

THIÊN BA PHÁP

21. PHẨM TAM BẢO

KINH SỐ 1¹

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có ba đức để quy y. Những gì là ba? Đó là tự quy y Phật là đức thứ nhất; tự quy y Pháp là đức thứ hai; [602a01] tự quy y Tăng là đức thứ ba.²

“Sao gọi là đức tự quy y Phật? Trong các loại chúng sanh hai chân, bốn chân, nhiều chân; hoặc có sắc, không sắc; hoặc có tướng, không tướng; cho đến trên trời Nê-đuy-tiên,³ trong đó, Như Lai là bậc tối tôn, tối thượng không ai có thể sánh bằng. Như từ bò được sữa; từ sữa được lạc; từ lạc được tô, từ tô được đề-hồ.⁴ Song ở trong đó đề-hồ lại tối tôn, tối thượng, không gì có thể sánh bằng. Đây

¹ A. IV. 34

² Tham chiếu Pāli, A IV 34 Aggappasādā (R ii. 34): Bốn đức (tịnh tín) tối thượng: tịnh tín Phật (*buddhe pasannā*), tịnh tín Pháp là Thánh đạo tám chi (*ariye aṭṭhaṅgike magge pasannā*), tịnh tín Pháp ly dục (*virāge dhamme pasannā*), tịnh tín Tăng (*saṅghe pasannā*).

³ Nê-đuy-tiên 尼維先: Phi tướng phi phi tướng. Pāli: *nevasāññināsāññino*, cf. A. *ibid*.

⁴ Nhũ 乳, lạc 酪, tô 酥, đề hồ 醍醐; 5 vị từ sữa, Pāli: *khīra*: sữa; *dadhi*: sữa đông (lạc), *navanīta*: bơ sống (sanh tô), *sappi*: bơ lỏng; *sappimaṇḍa*: bơ đặc (đề hồ).

cũng như vậy, trong các loại những chúng sanh hai chân, bốn chân, nhiều chân; hoặc có sắc, không sắc; hoặc có tướng, không tướng; cho đến trên trời Nê-duy-tiên, trong đó, Như Lai là bậc tối tôn, tối thượng, không ai có thể sánh bằng. Những chúng sanh nào phụng thờ Phật, đó gọi là phụng thờ đức thứ nhất. Do có được đức thứ nhất, liền hưởng phước trên trời, phước trong loài người. Đây gọi là đức thứ nhất.

“Sao gọi là đức tự quy y Pháp? Các pháp hữu lậu, vô lậu, hữu vi, vô vi, vô dục, vô nhiễm, diệt tận, Niết-bàn; trong các pháp đó, pháp Niết-bàn là tối tôn, tối thượng,⁵ không pháp nào có thể sánh bằng. Như từ bò được sữa; từ sữa được lạc; từ lạc được tô; từ tô được đề-hồ. Song trong đó đề-hồ lại là tối tôn, tối thượng, không gì có thể sánh bằng. Đây cũng như vậy, các pháp hữu lậu, vô lậu, hữu vi, vô vi, vô dục, vô nhiễm, diệt tận, Niết-bàn. Song ở trong các pháp đó, pháp Niết-bàn là tối tôn tối thượng, không pháp nào có thể sánh bằng. Chúng sanh nào phụng thờ Pháp, đó gọi là phụng thờ đức thứ hai. Do có được đức thứ hai, liền hưởng phước trời ở ngay trong loài người. Đây gọi là đức thứ hai.

“Sao gọi là đức tự quy y Thánh chúng? Trong các đại chúng, đại tụ tập, trong các loại hữu hình, trong các chúng sanh, trong các chúng ấy, Chúng Tăng của Như Lai là tối tôn, tối thượng, không chúng nào có thể sánh bằng. Như từ bò được sữa; từ sữa được lạc; từ lạc được tô;

⁵ Pāli, dẫn trên: *virāgo tesāṃ aggamakkhāyati, yadidaṃ madanimmadano pipāsavinayo ālyasamugghāto vaṭṭupacchedo taṇhakkhayo virāgo nibbānam*, trong các pháp đó, ly dục được nói là tối thượng; tức là, dẹp bỏ kiêu mạn, chê ngự khát ái, đoạn tuyệt chấp tàng (= a-lại-da), cắt đứt lưu chuyển, ái tận, ly dục, Niết-bàn.

từ tô được đề-hồ. Song trong đó đề-hồ lại là tối tôn, tối thượng, không gì có thể sánh bằng. Đây cũng như vậy, trong các đại chúng, đại tụ tập, trong các loại hữu hình, trong các chúng sanh trong các chúng ấy, Chúng Tăng của Như Lai là tối tôn, tối thượng, không chúng nào có thể sánh bằng. Đó gọi là phụng thờ đức thứ ba. Do có được đức thứ ba, liền hưởng phước trời trong loài người. Đây gọi là đức thứ ba.

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

[602b01] *Thứ nhất tôn thờ Phật,
Tối tôn không gì hơn.
Kế lại tôn thờ Pháp
Vô dục, không dính trước.
Kính phụng Chúng Hiền Thánh,
Là ruộng phước tốt nhất.
Người đở trí bậc nhất,
Thọ phước ở trước hết.⁶*

*Nếu ở trong trời người,
Thủ lãnh trong các chúng.
Ngồi trên chỗ vi diệu;
Tự nhiên thọ cam lồ;
Thân mặc y bảy báu;
Được người đời tôn kính.*

*Giới thành tựu bậc nhất;
Các căn không khuyết mất;
Cũng được biện trí huệ;
Dần đến Niết-bàn giới.
Ai có ba quy này
Đến đạo cũng không khó.*

⁶ Pāli, ibid., hưởng năm phước: Tuổi thọ (āyu), nhan sắc (vaṇṇa), danh tiếng (yaso kitti), an lạc (sukkhā), sức lực (bala).

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 2⁷

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có ba phước nghiệp này. Sao gọi là ba? Thí là phước nghiệp, bình đẳng là phước nghiệp, tư duy là phước nghiệp.⁸

“Sao gọi thí là phước nghiệp? Nếu có một người mở lòng bố thí sa-môn bà-la-môn, người bần cùng, người cô độc, người lang thang; ai cần thức ăn cho thức ăn, cần nước uống cho nước uống, quần áo, đồ ăn thức uống, giường chiếu, ngọa cụ, thuốc trị bệnh, hương hoa, ngủ nghỉ, tùy theo nhu cầu không gì luyến tiếc. Đây gọi là nghiệp phước bố thí.

“Sao gọi bình đẳng⁹ là phước nghiệp? Nếu có một người không sát sanh, không trộm cắp, thường biết tầm quý, không nảy tướng ác. Cũng không trộm cắp, ưa ban thí

⁷ cf. A.IV. 32 (R. ii. 32), phần kệ tụng.

⁸ Cf. *Trường* kinh 9: Chúng tập; *Tập dị* 5 (tr. 385c12), ba phước nghiệp sự: thí loại phước nghiệp sự 施類福業事, giới loại phước nghiệp sự 戒類福業事, tu loại phước nghiệp sự 修類福業事.

Pāli: *tīṇi puññakiriyavatthūni—dānamayaṃ puññakiriyavatthu, sīlamayaṃ puññakiriyavatthu, bhāvanāmayāṃ puññakiriyavatthu* (D 10, R. iii. 218).

⁹ Bình đẳng phước nghiệp 平等福業. Theo nội dung, nên hiểu là giới (Pāli: *sīla*).

cho người, không có tâm tham lam keo kiệt, lời nói hòa nhã không tổn thương lòng người. Cũng không gian dâm vợ người, tự tu phạm hạnh, tự biết đủ với sắc mình. Cũng không vọng ngữ, thường nghĩ chí thành, không lời dối trá, được người đời tôn kính, không có thêm bớt. Cũng không uống rượu, luôn biết tránh xa loạn động.

“Lại rải tâm từ trải khắp một phương, hai phương, ba phương, bốn phương cũng như vậy; tám phương trên dưới, trải khắp trong đó, vô lượng, vô hạn, không thể cùng, không thể tính kể; rải tâm từ này phủ khắp tất cả, mong cho được an ổn.

“Lại rải tâm bi, hỷ, xả* trải khắp một phương, hai phương, ba phương, bốn phương cũng như vậy; tám phương trên dưới, tất khắp trong đó, vô lượng, vô hạn, [0602c01] không thể tính kể; rải tâm bi, hỷ, xả này tất khắp trong đó. Đó gọi bình đẳng là phước nghiệp.

“Sao gọi tư duy¹⁰ là phước nghiệp? Ở đây, Tỳ-kheo tu hành niệm giác chi, y vô dục, y viễn ly,¹¹ y diệt tận, y xuất yếu; tu trạch pháp giác chi, tu hỷ* giác chi, tu khinh an* giác chi, tu định giác chi, tu xả* giác chi; y vô dục, y viễn ly, y diệt tận, y xuất yếu. Đó gọi tư duy là phước nghiệp. Như vậy Tỳ-kheo, có ba phước nghiệp này.”

Bấy giờ Thế Tôn liền nói kệ rằng:

*Bố thí và bình đẳng
Từ tâm, xả*, tư duy
Có ba xứ sở¹² này*

¹⁰ Tư duy 思惟, ở đây hiểu là tu tập (Pāli: *bhāvanā*).

¹¹ Nguyên Hán: Y vô quán 依無觀, nghĩa không rõ. Trên kia dịch là 依觀 y quán. Xem Phẩm 12, kinh 1, cht. 35.

¹² Xứ sở 處所, hay xứ 處. Tập dị, ibid.: SỰ; Pāli, ibid. *vatthu*, căn

Được người trí gân gũ.
Đời này thọ báo kia,
Trên trời cũng như vậy.
Duyên có ba xứ này
Sanh thiên ắt không nghi.

“Cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy tìm cầu phương tiện*
cầu ba xứ* này. Các Tỳ-kheo, hãy học tập điều này như
vậy.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ
phụng hành.

KINH SỐ 3

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây
Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có ba nhân duyên thức đến thọ thai.¹³ Những gì là ba?
Ở đây, Tỳ-kheo, mẹ có dục ý, cha mẹ hội hợp ở một chỗ
và cùng ngủ chung, nhưng thức bên ngoài chưa đến kịp
lúc thì chẳng thành thai. Nếu thức muộn đến, nhưng cha
mẹ không hội hợp một chỗ, chẳng thành thai. Nếu người
mẹ không dục, dù cha mẹ hội hợp một chỗ, nhưng lúc đó
dục ý của cha thành mà mẹ thật không ân cần, chẳng

cứ, cơ sở.

¹³ Tham chiếu Pāli, M 38 Mahā-taṇhāsaṅkhaya (R.i. 266) , do ba
sự hòa hiệp mà có nhập thai (*tiṇṇam sannipātā
gabbhassāvakkanti hoti*): Cha mẹ giao hội (*mātāpitāro
sannipatitā*), mẹ có kinh nguyệt (*mātā utunī hoti*), hương âm hiện
diện (*gandhabbo paccupaṭṭhito hoti*). Xem *Ti-bà-sa* 48 (tr.
24888c24).

thành thai. Nếu cha mẹ cùng hợp một chỗ, dục ý của mẹ thanh mà cha thật không ân cần, chẳng thành thai. Nếu cha mẹ cùng hợp một chỗ, cha mắc bệnh phong, mẹ mắc bệnh lãnh, chẳng thành thai. Nếu khi cha mẹ cùng hợp một chỗ, mẹ bị bệnh phong, cha bị bệnh lãnh, chẳng thành thai. Nếu có khi cha mẹ hợp một chỗ, nhưng chỉ riêng thân cha thủy khí nhiều, mẹ không có chứng này, chẳng thành thai. Nếu khi cha mẹ cùng hợp một chỗ, tướng cha có con, tướng mẹ không con, chẳng thành thai. Nếu khi cha mẹ [603a01] cùng hợp một chỗ, tướng mẹ có con, tướng cha không con, chẳng thành thai. Nếu khi tướng cha mẹ đều không con, chẳng thành thai. Nếu có khi thần thức đến thai, mà cha đi vắng, chẳng thành thai. Nếu khi cha mẹ đáng hợp một chỗ, nhưng mẹ đi xa, không có mặt, không có thai. Nếu có lúc cha mẹ đáng hợp một chỗ, nhưng người cha gặp bệnh nặng, khi thần thức đến, chẳng thành thai. Nếu cha mẹ đáng hợp một chỗ, thần thức có đến, song người mẹ mắc bệnh nặng, chẳng thành thai. Nếu có lúc cha mẹ nên hợp một chỗ, thần thức đến, nhưng cha mẹ đều mắc bệnh, chẳng thành thai.

“Lại nữa, Tỳ-kheo, nếu cha mẹ hợp ở một chỗ, cha mẹ không chứng tật gì, thần thức đến, tướng cha mẹ đều có con, đây thành thai. Đó gọi là có ba nhân duyên thức đến thọ thai. Cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy tìm phương tiện đoạn dứt ba nhân duyên.

“Này các Tỳ-kheo, hãy học tập điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 4¹⁴

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế tôn bảo các Tỳ-kheo:

‘Nếu có chúng sanh muốn khởi từ tâm, có ý chí tín, vâng phục phụng sự cha mẹ, anh em, tông tộc, gia thất, bè bạn tri thức, nên an lập những người này trên ba xứ khiến không di động.¹⁵ Những gì là ba? Khiến họ phát tâm hoan hỷ hướng đến Như Lai¹⁶, tâm không di động rằng: ‘Ngài là Như Lai, Chí chân, Đẳng chánh giác, Minh hạnh túc, Thiện thế, Thế gian giải, Vô thượng sĩ, Điều ngự trượng phu, Thiên Nhân sư, hiệu Phật Thế Tôn.’ Lại khiến họ phát tâm hoan hỷ nơi Chánh pháp¹⁷ rằng: ‘Pháp được Như Lai khéo nói, vô ngại, cực kỳ vi diệu, do đây mà thành quả; pháp như vậy được học và biết bởi người trí.’ Cũng khiến họ phát tâm hoan hỷ nơi Thánh chúng này¹⁸ rằng: ‘Thánh Chúng của Như Lai tất cả đều hòa hợp, không có tạp loạn, thành tựu pháp tùy pháp*, thành tựu giới, thành tựu tam-muội, thành tựu trí huệ, thành tựu giải thoát, thành tựu giải thoát kiến huệ. Thánh chúng ấy

¹⁴ A.III. 75 Nivaseka (R.i.222).

¹⁵ Pāli, dẫn trên: khuyến khích (*samādapetabbā*), xác lập (*nivesetabbā*), an lập (*patitthāpetabbā*) những người mình yêu thương (*ye amukampeyyātha*) trong ba xứ (*tīsu thānesu*).

¹⁶ Pāli, *ibid.*, *buddhe aveccappasāde*, Phật chứng tịnh, tín tâm bất hoại (bất động) ở nơi Phật.

¹⁷ Pāli, *ibid.*, *dhamme aveccappasāde*, Pháp chứng tịnh, tín tâm bất hoại (bất động) nơi Pháp.

¹⁸ Pāli, *ibid.*, *saṅghe aveccappasāde*, Tăng chứng tịnh, tín tâm bất hoại (bất động) nơi Tăng.

gồm có bốn đôi tám hạng, mười hai Hiền Thánh.¹⁹ Đây là Thánh chúng của Như Lai, đáng kính, đáng quý. Đây là ruộng phước vô lượng thế gian.’ Các Tỳ-kheo nào học ba xứ này sẽ thành tựu quả báo lớn.

“Này các Tỳ-kheo, hãy học tập điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, [603b01] hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 5²⁰

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bảy giờ, Tỳ-kheo Cù-ba-li²¹ đến chỗ đức Thế Tôn, đánh lễ sát chân, ngồi qua một bên. Rồi Tỳ-kheo kia bạch Phật:

“Những việc mà Tỳ-kheo Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên này làm, thật là xấu xa, làm các ác hành.”

Thế Tôn bảo rằng:

“Chớ nói những lời như vậy. Ông hãy phát tâm hoan hỷ đối với Như Lai. Những việc mà Tỳ-kheo Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên làm đều là thuần thiện, không có việc nào xấu ác.”

Khi đó, Tỳ-kheo Cù-ba-li hai ba lần bạch Thế Tôn:

¹⁹ Thập nhị Hiền Thánh 十二賢聖, chưa rõ cách tính này. Xem *Trung kinh* 127 (Phước điền): 18 bậc Thánh hữu học; cf. Pāli, A. II. 4.4.

²⁰ Pāli, S. 6. 10 Kokālika (R. i. 149).

²¹ Cù-ba-li 瞿波離. Pāli: Kokālika.

“Những điều đức Như Lai nói thật không hư vọng. Song những việc Tỳ-kheo Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên làm đều thật xấu ác, không có gốc rễ thiện.”

Đức Thế Tôn bảo:

“Này kẻ ngu si kia, người há không tin những gì Như Lai đã nói sao? Vì vậy mà người nói những việc Tỳ-kheo Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên làm đều rất xấu ác. Nay ông tạo hành vi xấu ác này, sau không lâu sẽ nhận quả báo.”

Bấy giờ, Tỳ-kheo kia ngay trên chỗ ngồi, thân mọc nhọt độc lớn bằng hạt cải, chuyển như hạt đậu lớn, dần dần bằng trái a-ma-lặc, gần bằng hồ đào, rồi bằng nắm tay, máu mủ tuôn ra, thân hoại mạng chung, sanh trong địa ngục Hoa sen.²²

Khi Tôn giả Đại Mục-kiền-liên nghe Cù-ba-li mạng chung, liền đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, ngồi qua một bên. Một lát sau, rời khỏi chỗ ngồi, bạch Thế Tôn:

“Tỳ-kheo Cù-ba-li bị sinh nơi nào?”

Thế Tôn bảo:

“Người đó mạng chung, sinh trong địa ngục Hoa sen.”

Mục-liên bạch đức Thế Tôn:

“Nay con muốn đi đến địa ngục kia giáo hóa người này.”

Thế Tôn bảo:

“Mục-liên, không cần đến đó.”

Mục-liên lập lại bạch Thế Tôn lần nữa:

“Con muốn đến địa ngục kia giáo hóa người đó.”

²² Liên hoa địa ngục 蓮華地獄. Pāli: Paduma-niraya.

Thế Tôn cũng im lặng không đáp. Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, trong khoảnh khắc như lục sĩ co duỗi cánh tay, từ Xá-vệ biên mất, hiện đến trong địa ngục lớn Hoa sen. Ngay lúc đó, Tỳ-kheo Cù-ba-li thân thể bị lửa đốt, lại có hàng trăm con trâu cày trên lưỡi ông.

Bấy giờ, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên đang ngồi kiết già ở giữa không trung, búng ngón tay gọi Tỳ-kheo kia. Tỳ-kheo kia liền ngửa mặt hỏi:

“Ông là người nào?”

Mục-kiền-liên đáp:

“Cù-ba-li, tôi là đệ tử của đức Phật Thích-ca Văn, tên Mục-kiền-liên, họ Câu-li-đà.”

Khi Tỳ-kheo thấy [603c01] Mục-liên, liền buông lời hung dữ như vậy: “Nay ta đọa ác thú này, còn không tránh khỏi ông ở trước mặt sao?” Nói như vậy rồi, ngay lúc đó có ngàn con trâu cày lên lưỡi ông. Mục-liên thấy vậy càng thêm sầu não, trong lòng nuôi tiếc, biến mất ở nơi đó, trở về Xá-vệ, đi đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, rồi đứng qua một bên. Bấy giờ, Mục-liên đem nhân duyên này bạch đầy đủ lên Thế Tôn.

Thế Tôn bảo:

“Trước Ta đã nói với ông, không cần đến đó gặp người ác này.”

Bấy giờ Thế Tôn nói kệ thế này:

*Phàm người sinh ra,
Búa ở trong miệng.
Sở dĩ chém thân,
Do lời ác kia.*

Người dứt ta dứt,

*Cả hai đều thiện.
Đã tạo hành ác,
Tất đọa đường ác.*

*Đó là cực ác,
Có hết, không hết.
Ác đối Như Lai,
Tội này rất nặng.*

*Một vạn ba ngàn
Sáu một ngục Tro;
Chê Thánh rơi vào,
Do thân khẩu tạo.*

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nên học ba pháp, thành tựu hạnh mình. Thế nào là ba?
Thân làm thiện, miệng nói thiện, và ý nghĩ thiện.

“Các Tỳ-kheo, hãy học tập những điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 6²³

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nếu có Tỳ-kheo nào thành tựu ba pháp, ngay trong hiện tại hoàn toàn được khoái lạc, đồng mãnh tinh tấn, hữu lậu

²³ Pāli, A III 16 Apanṇaka (R.i. 113).

dứt sạch.²⁴ Thế nào là ba? Ở đây, Tỳ-kheo, các căn tịch tịnh,²⁵ ăn uống biết tiết độ, không bỏ kinh hành²⁶.

“Tỳ-kheo, thế nào các căn tịch tịnh? Ở đây, Tỳ-kheo khi mắt thấy sắc, không khởi tưởng đắm, không có thức niệm,²⁷ được sự thanh tịnh ở nơi nhãn căn; vì để giải thoát khỏi những cái ấy²⁸ nên luôn thủ hộ nhãn căn. Khi tai nghe tiếng, mũi ngửi hương, lưỡi biết vị, thân biết mịn láng, ý biết pháp, không khởi tưởng đắm, không có thức niệm*, được sự thanh tịnh ở nơi nhãn căn*; vì để giải thoát khỏi những cái ấy nên luôn thủ hộ ý căn. Như vậy là Tỳ-kheo có các căn tịch tịnh.

“Sao gọi là Tỳ-kheo ăn uống biết tiết độ? Ở đây, Tỳ-kheo suy xét những đồ ăn thức uống từ đâu mà đến; ăn không vì để mập trắng, mà chỉ muốn duy trì [604a01] thân hình, bốn đại được nguyên vẹn: ‘Nay tôi phải trừ cảm thọ cũ,²⁹ khiến cảm thọ* mới không sanh, để thân đủ sức, được tu hành đạo, khiến cho phạm hạnh không dứt.’ Cũng như

²⁴ Pāli, *ibid.*, *bhikkhu apanṇakapaṭipadaṃ paṭipanno hoti, yoni cassa āraddhā hoti āsavānaṃ khayāya*, Tỳ-kheo hành đạo vô hộ luận, đó là căn nguyên dẫn đến diệt tận các lậu.

²⁵ Pāli, *ibid.*, *indriyesu guttadvāro*, thủ hộ căn môn.

²⁶ Hán: Bất thất kinh hành 不失經行. Pāli: *jāgariyaṃ anuyutto*, tinh cần tinh giác.

²⁷ Pāli: *na nimittaggāhī hoti nānubyañjanaggāhī*, không nắm bắt tướng chung, không nắm bắt tướng riêng.

²⁸ Pāli: *ibid.*, *Yatvādhikaraṇamenam cakkhundriyaṃ asaṃvutaṃ viharantaṃ abhijjhādomanassā pāpakā akusalā dhammā anvāssaveyyuṃ tassa saṃvarāya paṭipajjati, rakkhati cakkhundriyaṃ, cakkhundriye saṃvaraṃ āpajjati*. Do những nhân tố nào mà tham ưu, và pháp ác, bất thiện chạy lọt vào, do nhãn căn không được thủ hộ; để phòng hộ nhân tố ấy, nên thủ hộ nhãn căn.

²⁹ Hán: Cố thống 故痛. Pāli: *purāṇaṇca vedanaṃ*.

thân nam, nữ nổi lên nhọt độc, phải dùng cao mỡ bôi nhọt. Sở dĩ bôi nhọt là muốn chóng khỏi. Đây cũng như vậy, các Tỳ-kheo, ăn uống biết tiết độ. Ở đây, Tỳ-kheo suy xét đồ ăn thức uống từ đâu mà đến; ăn không vì để mập trắng, mà chỉ muốn duy trì thân hình, bốn đại được nguyên vẹn: ‘Nay tôi phải trừ cảm thọ* cũ, khiến cảm thọ* mới không sanh, để thân đủ sức, được tu hành đạo, khiến cho phạm hạnh không dứt.’ Cũng như xe cộ chở nặng, sở dĩ bôi mỡ trục là muốn đem vật nặng đến nơi. Tỳ-kheo cũng lại như vậy, ăn uống biết tiết độ, suy xét những đồ ăn thức uống từ đâu đến, ăn không vì để mập trắng, mà chỉ muốn duy trì thân hình, bốn đại được nguyên vẹn: ‘Nay tôi phải trừ cảm thọ* cũ, khiến cảm thọ* mới không sanh, để thân đủ sức, được tu hành đạo, khiến cho phạm hạnh không dứt.’ Tỳ-kheo ăn uống biết tiết độ là như vậy.

“Sao gọi là Tỳ-kheo không bỏ kinh hành? Ở đây, Tỳ-kheo, đầu hôm cuối hôm luôn nhớ kinh hành không sai thời khóa, thường niệm tưởng buộc ý vào trong đạo phẩm. Nếu là ban ngày, hoặc đi hoặc ngồi, tư duy diệu pháp, trừ khử ám cái.³⁰ Rồi lúc đầu hôm, hoặc đi hoặc ngồi, tư duy diệu pháp, trừ khử ám cái. Rồi vào giữa đêm nằm nghiêng bên phải, tư duy buộc ý vào nơi ánh sáng. Rồi đến cuối hôm thức dậy, hoặc đi, hoặc tư duy diệu pháp, trừ khử ám cái. Như vậy là Tỳ-kheo không bỏ kinh hành.

“Nếu có Tỳ-kheo nào mà các căn tịch tịnh, ăn uống biết tiết độ, không bỏ kinh hành, thường niệm buộc ý vào trong đạo phẩm, Tỳ-kheo này đạt được một trong hai

³⁰ Hán: Âm cái 陰蓋, hay triền cái. Pāli: *āvaraṇīyehi dhammehi cittaṃ parisodheti*, làm thanh tịnh khỏi các pháp phủ chướng.

quả³¹, ở ngay trong hiện tại hoặc chứng chánh trí,³² hoặc đắc A-na-hàm. Cũng như người đánh xe giỏi, ở trên đường bằng phẳng, đánh xe tứ mã không bị ngưng trệ, muốn đến nơi nào, chắc chắn được không nghi ngờ. Tỳ-kheo này cũng lại như vậy, các căn tịch tịnh, ăn uống biết tiết độ, không bỏ kinh hành, thường niệm buộc ý ở trong đạo phẩm, Tỳ-kheo này liền thành một trong hai quả, ở trong hiện pháp hoặc dứt sạch các lậu, hoặc đắc A-na-hàm³³.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 7

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có ba bệnh lớn. Những gì là [604b01] ba? Phong là bệnh lớn; đàm là bệnh lớn; lãnh là bệnh lớn. Các Tỳ-kheo, đó gọi là ba bệnh lớn. Lại có ba thứ thuốc hay. Những gì là ba? Nếu bệnh phong, tô³⁴ là thuốc hay, và tô dùng làm thức ăn. Nếu bệnh đờm, mật làm thuốc hay, và mật dùng

³¹ Hán: Thành nhị quả 成二果; trong hiện tại đạt được hai quả:

Chánh trí A-la-hán, hoặc A-na-hàm. Bản Hán sót. Đoạn dưới chi tiết đủ hơn.

³² Câu này nhảy sót trong bản Hán. Xem cht. ngay trên.

³³ Xem các cht. 31 & 32 ngay trên.

³⁴ Tô 酥; gồm sanh tô (Pāli: *takka*) và thực tô (Pāli: *navanīta*).

Xem cht. 4 kinh số 1 ở trên.

làm thức ăn. Nếu bệnh lãnh, dầu³⁵ là thuốc hay, và dầu dùng làm thức ăn. Tỳ-kheo, đó gọi là ba loại bệnh lớn này, có ba thứ thuốc này.

“Cũng vậy, Tỳ-kheo cũng có ba loại bệnh lớn. Những gì là ba? Đó là tham dục, sân nhuế, ngu si. Tỳ-kheo, đó gọi là có ba loại bệnh lớn này. Song, ba loại bệnh lớn này, lại có ba thứ thuốc hay. Những gì là ba? Nếu lúc tham dục khởi, thường trị bằng bất tịnh, và tư duy bất tịnh đạo. Nếu bệnh lớn là sân nhuế, thường trị bằng từ tâm, và tư duy từ tâm đạo. Nếu bệnh lớn là ngu si, thường trị bằng trí huệ, và duyên khởi đạo. Nay Tỳ-kheo, đó gọi là ba loại bệnh lớn này, có ba thứ thuốc này. Cho nên Tỳ-kheo phải cầu phương tiện tìm ba loại thuốc này.

“Này các Tỳ-kheo, hãy học tập điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe Phật thuyết pháp, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 8

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có ba hành vi ác. Những gì là ba? Đó là thân làm ác, miệng nói ác, ý nghĩ ác. Tỳ-kheo, đó gọi là có ba hành vi ác này, phải tìm cầu phương tiện tu ba hành vi thiện. Những gì là ba? Nếu thân làm ác, phải tu hành vi thiện nơi thân. Miệng nói ác, phải tu hành vi thiện nơi miệng. Ý nghĩ ác, phải tu hành vi thiện nơi ý.”

³⁵ Du 油; thường là dầu mè (Pāli: *tela*).

Bấy giờ Thế Tôn liền nói kệ này:

*Giữ thân không hành ác;
Tu tập thân thiện hành.
Niệm xả thân ác hành;
Hãy học thân thiện hành.*

*Giữ miệng không hành ác;
Tu tập miệng hành thiện.
Niệm xả miệng nói ác
Hãy học miệng nói thiện.*

*Giữ ý không hành ác;
Tu tập ý nghĩ thiện.
Niệm xả ý hành ác;
Hãy học ý nghĩ thiện.*

*Lành thay, thân hành thiện!
Khẩu hành cũng như vậy
[604c01]Lành thay ý hành thiện!
Tất cả cũng như vậy.³⁶*

*Giữ khẩu ý thanh tịnh,
Thân không hành vi ác.
Ba nghiệp đạo³⁷ thanh tịnh,
Đường vô vi Đại Tiên.³⁸*

³⁶ Cf. Pāli, Dhṃ. 361. *kāyena saṃvaro sādhu, sādhu vācāya saṃvaro; manasā saṃvaro sādhu, sādhu sabbattha saṃvaro; sabbattha saṃvuto bhikkhu, sabbadukkhā pamuccati*, Lành thay, thân phòng hộ! Lành thay, ngữ phòng hộ! Lành thay, ý phòng hộ! Tỳ-kheo tất cả phòng hộ, giải thoát tất cả khổ.

³⁷ Tam hành tích 三行跡; chỉ ba nghiệp đạo (Pāli: *kammaṃpatha*)

³⁸ Xem, kệ Thất Phật, *Tứ phần Tỳ-kheo giới bản* (T22n1429, tr. 1022c5). Cf. Pāli, Dhṃ. 281 *vācānurakkhī manasā susaṃvuto, kāyena ca nākusalam kayirā ete tayo kammaṃpathe visodhaye, ārādhaye maggam isippaveditaṃ*, thù hộ ngôn ngữ, chế ngữ ý;

“Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy xả bỏ ba hành vi ác, tu ba hành vi thiện.

“Các Tỳ-kheo, hãy học tập điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 9³⁹

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, số đông Tỳ-kheo, đến giờ, khoác y, cầm bát, vào thành khất thực. Lúc đó, các Tỳ-kheo nghĩ rằng: “Chúng ta vào thành khất thực giờ này còn sớm. Giờ nên dẫn nhau đến chỗ của phạm-chí ngoại đạo⁴⁰.” Rồi số đông các Tỳ-kheo đi đến chỗ phạm-chí dị học.⁴¹ Sau khi chào hỏi nhau xong, họ ngồi xuống một bên. Lúc đó ngoại đạo phạm-chí hỏi sa-môn:

“Đạo sĩ Cù-đàm thường nói về dục luận,⁴² sắc luận, thọ* luận, tướng luận. Những luận như vậy có gì khác với

thân không hành bất thiện, ba nghiệp đạo này tịnh, đạt đến con đường mà đấng Đại Tiên (Phật) đã chỉ.

³⁹ Pāli, M 13 Mahādukkhakkhandhasuttam (R.i. 83). Hán, *Trung* 99 (T1n26, tr. 584c8).

⁴⁰ Ngoại đạo phạm chí 外道梵志. Từ phạm chí ở đây là phiên âm của *parivrājaka* (Skt.) hay *paribbājaka* (Pāli): du sĩ, hay phò hành giả, chỉ các tu sĩ đương thời ngoài những người bà-la-môn; phân biệt với từ phạm chí cũng trong đây chỉ bà-la-môn. Pāli: *aññatitthiya-paribbājaka*, ngoại đạo xuất gia, khổ hạnh (du sĩ) dị học.

⁴¹ Dị học Phạm chí 異學梵志, như ngoại đạo Phạm chí.

⁴² Pāli, *ibid.*, *kāmānaṃ pariññaṃ kāmānaṃ pariññaṃ*, thi thiết

chúng tôi? Những gì chúng tôi luận cũng là những gì Sa-môn nói. Những gì Sa-môn nói cũng là những gì chúng tôi luận. Sa-môn thuyết pháp giống như tôi thuyết pháp. Dạy dỗ giống như tôi dạy dỗ.”

Các Tỳ-kheo nghe những lời này xong, không nói đúng, cũng không nói sai, rời chỗ ngồi đứng dậy bỏ đi, vừa suy nghĩ, như vậy: “Chúng ta nên đem nghĩa này đến hỏi đức Thế Tôn.”

Các Tỳ-kheo sau khi ăn xong, đi đến chỗ đức Thế Tôn, đánh lễ sát chân, rồi ngồi qua một bên. Khi đó, các Tỳ-kheo đem nhân duyên đầu đuôi câu chuyện đã nghe từ chỗ phạm-chí, bạch hết lên Thế Tôn.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nếu phạm chí kia hỏi như vậy, các người nên đem nghĩa này hỏi lại họ: ‘Dục có vị ngọt gì, lại có tai họa gì phải lìa bỏ dục?’⁴³ Sắc có vị ngọt gì, lại có tai họa gì phải lìa bỏ sắc? Thọ có vị ngọt gì, lại có tai họa gì phải lìa bỏ thọ?’ Nếu các người đem những lời này đáp lại câu hỏi của họ, các phạm chí ấy sẽ lặng im không trả lời được. Giả sử có nói, cũng không thể giải thích nghĩa sâu xa này, mà còn tăng trưởng ngu hoặc, rơi vào ngõ cụt. Vì sao vậy? Vì chẳng phải cảnh giới của họ. Lại nữa, này Tỳ-kheo, Ma cùng Ma thiên, Thích, Phạm, Tứ Thiên vương, sa-môn, bà-la-môn, người và phi nhân, ai mà có thể hiểu nghĩa sâu này, trừ [605a01] Như Lai Đẳng chánh giác và Thánh chúng của Như Lai, hay những người thọ giáo của Ta, những người này thì không luận đến.”⁴⁴

dục biến tri, chủ trương nhận thức để đoạn trừ các dục.

⁴³ Pāli, *ibid.*, *kāmānaṃ assādo, ko ādīnavo, kiṃ nissaraṇaṃ?* Dục có vị ngọt gì? Nguy hiểm gì? Xuất yếu gì?

⁴⁴ Hán: Thử tức bất luận 此即不論; nghĩa không rõ, hoặc Hán

“Dục có vị ngọt gì? Đó chính là năm dục.⁴⁵ Những gì là năm? Sắc được thấy bởi mắt làm khởi nhãn thức, rất đáng yêu, đáng nhớ, được người đời ưa thích. Tiếng được nghe bởi tai, hương được ngửi bởi mũi, vị được nếm bởi lưỡi, mịn láng được xúc bởi thân, rất đáng yêu, đáng nhớ, được người đời ưa thích. Khô, lạc phát sinh từ trong năm dục này, đó gọi là vị của dục.

“Dục có tai họa gì? Ở đây, một thiện gia nam tử học các kỹ thuật để tự kinh doanh cho mình; hoặc học làm ruộng, hoặc học thư số, hoặc học làm thuê, hoặc học toán số, hoặc học cân đối, hoặc học chạm khắc, hoặc học thông tin qua lại, hoặc học hầu hạ vua, thân không lánh nắng mưa, mệt nhọc cần khổ, không được tự do. Làm những việc khổ cay này để thu hoạch sản nghiệp. Đó là tai họa lớn của dục. Khổ não trong đời này do ân ái này, đều do tham dục. Nhưng thiện gia nam tử kia lại làm việc cực khổ vậy mà không được của cải, trong lòng sầu lo khổ não không thể tính kể, tự suy nghĩ rằng, ‘Ta làm công lao này, bày các phương kế, mà không được tiền của.’ Các trường hợp như vậy, nên nghĩ đến lia bỏ. Đó là nên lia bỏ dục.

“Lại nữa, khi thiện gia nam tử kia, hoặc khi bày phương kế vậy mà được tiền của. Do được tiền của nên tìm đủ mọi cách thích hợp để luôn tự giữ gìn, sợ vua chiếm đoạt, bị giặc cướp giật, bị nước cuốn trôi, bị lửa thiêu đốt. Lại nghĩ như vậy: ‘Ta muốn chôn dấu, nhưng sợ sau quên mất. Ta muốn xuất ra sinh lời lại sợ không thể giữ. Hay nhà sanh con xấu, tiêu phá tài sản của ta.’ Đại loại như

đọc nhằm từ nguyên bản. Tham chiếu Pāli, *ibid.*: *ito vā pana sutvā*, hay những người đã nghe từ đây. Hình như Hán đọc là: *ito vā na sutvā*.

⁴⁵ Ngũ dục. Pāli: *pañca kāmagaṇā*, năm dục công đức, năm chất liệu của dục.

vậy, đục là tai hoạn lớn, do bởi gốc đục này đưa đến tai biến này.

Lại nữa, thiện gia nam tử kia thường sanh tâm này, là muốn gìn giữ tài sản, sau đó vẫn bị quốc vương chiếm đoạt, bị giặc cướp giật, bị nước cuốn trôi, bị lửa thiêu đốt; những thứ chôn dấu cũng lại không thể giữ. Ngay khi muốn xuất vốn kiếm lời cũng thu không được. Ở nhà sanh con xấu, tiêu phá tài sản. Tiền vạn không thu được một. Trong lòng sầu ưu, khổ não, đấm ngực kêu la: ‘Tiền của ta có trước kia nay mất tất cả!’ Người ấy trở nên ngu hoặc, tâm ý thác loạn. Cho nên, gọi đục là tai hoạn lớn, do bởi gốc đục này không đến vô vi được.

‘Lại nữa, do bởi gốc đục này, mà con người mặc giáp, cầm dao gậy, công phạt lẫn nhau. Chúng đánh nhau, hoặc ở trước bầy voi, hoặc [605b02] ở trước bầy ngựa, hoặc ở trước bộ binh, hoặc ở trước xa binh; cho ngựa đấu ngựa, cho voi đấu voi, cho xe đấu xe, cho bộ binh đấu bộ binh; hoặc chém nhau, bắn nhau, hoặc đâm nhau. Đại loại như vậy, đục là tai hoạn lớn, vì đục là nguồn gốc đưa đến tai biến này.

‘Lại nữa, do bởi gốc đục này, mà con người mặc giáp, cầm gậy, hoặc ở cửa thành, hoặc ở trên thành, chém nhau, bắn nhau, hoặc dùng dao đâm, hoặc dùng bánh xe sắt nghiêng đầu, hoặc tưới sắt nấu chảy, chịu đau đớn như vậy mà chết rất nhiều.

‘Lại nữa, đục cũng không có thường, tất cả thay nhau biến đổi không ngừng. Không hiểu rõ đục này biến đổi vô thường, thì đây gọi đục là tai hoạn lớn.

“Sao phải lia bỏ dục? Nếu ai hay tu hành trừ tham dục;⁴⁶ đó gọi là bỏ dục.

“Các sa-môn, bà-la-môn mà không như thật biết tai họa lớn của dục, cũng lại không biết nguyên do xả ly dục; không biết sa-môn, oai nghi của sa-môn, không biết bà-la-môn, oai nghi của bà-la-môn, những người ấy chẳng phải là sa-môn, chẳng phải bà-la-môn, cũng lại không thể tự thân tác chứng mà tự an trú⁴⁷. Nghĩa là các sa-môn, bà-la-môn mà xét biết dục là tai họa lớn, xa lia dục, như thật không hư dối, biết sa-môn có oai nghi của sa-môn, biết bà-la-môn có oai nghi của bà-la-môn, tự thân tác chứng mà tự an trú*. Đó là lia bỏ dục.

“Sao gọi là vị ngọt của sắc? Khi nó thấy con gái dòng sát-lợi, con gái dòng bà-la-môn, con gái dòng gia chủ, tuổi mười bốn, mười lăm, mười sáu, không cao, không thấp, không mập, không ốm, không trắng, không đen, xinh đẹp vô song, hiếm có ở đời; vừa mới thấy nhan sắc ấy, nó liền khởi tương yêu thích. Đó gọi là vị của sắc.

“Sao gọi sắc là tai họa lớn? Lại nữa, sau nếu lại thấy người con gái kia, tuổi đã tám mươi, chín mươi, cho đến trăm tuổi, nhan sắc đổi khác, qua tuổi thiếu niên, tráng niên, răng rụng, tóc bạc, thân thể cáu ghét, da dòn, mặt nhăn, lưng khòm, rên rỉ, thân như xe cũ, hình dáng run rẩy, chống gậy mà đi. Thế nào, các Tỳ-kheo, sắc đẹp được thấy ban đầu, sau lại thấy đổi khác, há chẳng phải là tai họa lớn sao?”

⁴⁶ Pāli, *ibid.*, *kiñca kāmānaṃ nissaraṇaṃ? yo kāmesu chandarāgavinayo chandarāgappahānaṃ-*, sự xuất yếu (thoát ly) của dục là gì? Chế ngự ham muốn, đoạn trừ ham muốn trong các dục vọng.

⁴⁷ Hán: Tự du hý 自遊戲, hiểu là tự an trú (sống với).

Các Tỳ-kheo đáp:

“Kính vâng, Thế Tôn!”

Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Đó gọi sắc là tai hoạn lớn.

“Lại nữa, ở đây nếu thấy người con gái kia thân mang trọng bệnh, nằm trên giường, đại tiểu tiện không thể đứng dậy. [605c01] Thế nào, Tỳ-kheo, sắc đẹp được thấy trước kia, nay trở nên bệnh này; há chẳng phải là tai hoạn lớn sao?”

Các Tỳ-kheo đáp:

“Kính vâng, Thế Tôn!”

Thế Tôn bảo:

“Các Tỳ-kheo, đó gọi sắc là tai hoạn lớn.

“Lại nữa, Tỳ-kheo, nếu lại thấy người con gái kia, thân hoại mạng chung, được đem đến gò mà. Thế nào, Tỳ-kheo, sắc đẹp trước kia đã thấy, nay đã biến đổi; ở trong đó mà tưởng khô lạc; há chẳng phải là tai hoạn lớn sao?”

Các Tỳ-kheo đáp rằng:

“Kính vâng, Thế Tôn!”

Thế Tôn bảo:

“Đó gọi sắc là tai hoạn lớn.

“Lại nữa, nếu thấy người con gái kia, chết qua một ngày, hai ngày, ba ngày, bốn ngày, năm ngày, cho đến bảy ngày; thân thể sinh chướng, rữa thối, tan rã, rơi vãi một nơi. Thế nào, Tỳ-kheo, sắc đẹp có trước kia, đến nay thay đổi đến như vậy; há chẳng phải là tai hoạn lớn sao?”

Các Tỳ-kheo đáp:

“Kính vâng, Thế Tôn!”

Đức Thế Tôn bảo:

“Đó gọi sắc là tai họa lớn.

“Lại nữa, nếu thấy người con gái kia, bị quạ, chim khách, kên kên, tranh nhau đến ăn thịt; hoặc bị beo, chó, sói, hổ, thấy mà ăn thịt; hoặc các loài trùng ngọ nguậy rất nhỏ, biết bò, bay, động dậy, thấy mà ăn thịt. Thế nào, Tỳ-kheo, sắc đẹp người kia vốn có, nay biến đổi đến như vậy; ở trong đó mà khởi tưởng khổ lạc, há chẳng phải là tai họa lớn sao?”

Các Tỳ-kheo đáp:

“Kính vâng, Thế Tôn!”

Đức Thế Tôn bảo:

“Đó gọi sắc là tai họa lớn.

“Lại nữa, nếu thấy thân người con gái kia, thân bị trùng quạ đã ăn nửa, ruột, dạ dày, thịt, máu, ô uế bất tịnh. Thế nào, Tỳ-kheo, sắc đẹp mà trước kia cô ấy có, nay biến đổi đến như vậy; ở trong đó mà khởi tưởng khổ lạc, há chẳng phải là tai họa lớn sao?”

Các Tỳ-kheo đáp:

“Kính vâng, Thế Tôn!”

Đức Thế Tôn bảo:

“Đó gọi sắc là tai họa lớn.

“Lại nữa, nếu thấy thân người con gái kia, máu thịt đã hết, chỉ còn hài cốt liền nhau. Thế nào, Tỳ-kheo, sắc đẹp người kia từng có nay thay đổi đến nỗi như vậy; ở trong

đó mà khởi ý tưởng khổ lạc, há chẳng phải là tai hoạn lớn sao?

Các Tỳ-kheo đáp:

“Kính vâng, Thế Tôn!”

Đức Thế Tôn bảo:

“Đó gọi sắc là tai hoạn lớn.

“Lại nữa, nếu thấy thân người con gái kia, máu thịt đã hết, chỉ có gân quăn ràng như bó củi. Thế nào, Tỳ-kheo, sắc đẹp người kia từng có nay thay đổi đến nỗi như vậy; ở trong đó mà khởi ý tưởng khổ lạc, há chẳng phải là tai hoạn lớn sao?

Các Tỳ-kheo đáp:

“Kính vâng, Thế Tôn!”

Đức Thế Tôn bảo:

“Đó gọi sắc là tai hoạn lớn.

“Lại nữa, nếu thấy thân người con gái kia, hài cốt tan rã mỗi nơi, hoặc xương chân một chỗ, hoặc xương tay một chỗ, hoặc [606a01] xương đùi một chỗ, hoặc xương hông một chỗ, hoặc xương sườn một chỗ, hoặc xương bả vai một chỗ, hoặc xương cổ một chỗ, hoặc đầu lâu một chỗ. Thế nào, Tỳ-kheo, sắc đẹp người kia từng có nay thay đổi đến nỗi như vậy; ở trong đó mà khởi ý tưởng khổ lạc, há chẳng phải là tai hoạn lớn sao?

Các Tỳ-kheo đáp:

“Kính vâng, Thế Tôn!”

Đức Thế Tôn bảo:

“Đó gọi sắc là tai hoạn lớn.

“Lại nữa, nếu thấy thân người con gái kia, xương cốt bạc trắng, hoặc giống sắc bò câu. Thế nào, Tỳ-kheo, sắc đẹp người kia từng có nay thay đổi đến như vậy; ở trong đó mà khởi ý tưởng khổ lạc, há chẳng phải là tai họa lớn sao?”

Các Tỳ-kheo đáp:

“Kính vâng, Thế Tôn!”

Đức Thế Tôn bảo:

“Đó gọi sắc là tai họa lớn.

“Lại nữa, nếu thấy thân người con gái kia, hài cốt trải qua nhiều năm, hoặc bị mục nát, tan rã, giống như màu đất. Thế nào, Tỳ-kheo, sắc đẹp người kia từng có nay thay đổi đến như vậy; ở trong đó mà khởi ý tưởng khổ lạc, há chẳng phải là tai họa lớn sao?”

Các Tỳ-kheo đáp:

“Kính vâng, Thế Tôn!”

Đức Thế Tôn bảo:

“Đó gọi sắc là tai họa lớn.

“Lại nữa, sắc này vô thường biến đổi, không được lâu dài, không được bền vững⁴⁸. Đó gọi sắc là tai họa lớn.

“Sao gọi sắc là xuất yếu⁴⁹? Nếu hay lia bỏ nơi sắc, trừ các loạn tưởng. Đó là lia bỏ nơi sắc.⁵⁰ Những sa-môn, bà-la-môn mà đắm trước sắc ở nơi sắc, không như thật biết

⁴⁸ Đề bản: Vô hữu lão ấu 無有老幼.

⁴⁹ Xuất yếu 出要; đoạn trên nói là xả ly. Cùng nghĩa. Pāli: *nissara*.

⁵⁰ Xem cht. 38 trên.

tai hoạn lớn, cũng không biết xả ly, đó không phải là sa-môn, bà-la-môn; đối với sa-môn mà không biết oai nghi của sa-môn, đối với bà-la-môn mà không biết oai nghi của bà-la-môn, không thể tự thân tác chứng mà tự an trú*. Nghĩa là các sa-môn, bà-la-môn mà không đằm trước sắc ở nơi sắc; biết rõ sâu xa đại hoạn, biết xả ly, những người ấy ở nơi sa-môn mà biết oai nghi của sa-môn, ở nơi bà-la-môn biết oai nghi của bà-la-môn, tự thân tác chứng mà tự an trú*. Đó gọi là lia bỏ đối sắc.

“Sao gọi là vị của thọ*? Ở đây, Tỳ-kheo, khi có cảm thọ lạc, biết rằng ta có cảm thọ lạc. Khi có cảm thọ khổ, biết rằng ta có cảm thọ khổ. Khi có cảm thọ không khổ không lạc, biết rằng ta có cảm thọ không khổ không lạc. Khi có cảm thọ lạc vật dục,⁵¹ biết rằng ta có cảm thọ lạc vật dục. Khi có cảm thọ khổ vật dục,* biết rằng ta có cảm thọ khổ do ăn. Khi có cảm thọ không khổ không lạc do ăn,* biết rằng ta có cảm thọ không khổ không lạc do ăn. Khi có [6b01] cảm thọ khổ phi vật dục,⁵² biết rằng ta có cảm thọ khổ phi vật dục.* Khi có cảm thọ lạc phi vật dục,* biết rằng ta có cảm thọ lạc không do ăn. Khi có cảm thọ không khổ không lạc phi vật dục,* biết rằng ta có cảm thọ không khổ không lạc phi vật dục.*

“Lại nữa, Tỳ-kheo, khi có cảm thọ lạc, khi ấy không có cảm thọ khổ, cũng lại không có cảm thọ không khổ không lạc; bấy giờ ta chỉ có cảm thọ lạc. Khi có cảm thọ khổ, khi ấy không có cảm thọ lạc, cũng lại không có cảm thọ không khổ không lạc, chỉ có cảm thọ khổ.

⁵¹ Hán: thực lạc thống 食樂痛; xem cht. 18, kinh 1 phẩm 12.

⁵² Hán: bất thực khổ thống 不食苦痛; xem cht. 19, kinh 1 phẩm 12.

“Lại nữa, Tỳ-kheo, khi có cảm thọ không khổ không lạc, khi ấy không có cảm thọ lạc và cảm thọ khổ, mà chỉ có cảm thọ không khổ không lạc.

“Lại nữa, thọ* là pháp vô thường biến đổi. Vì biết thọ* là pháp vô thường biến đổi, cho nên gọi thọ là tai hoạn lớn.

“Sao gọi thọ là xuất yếu? Nếu hay xả ly thọ nơi thọ, trừ các loạn tướng.⁵³ Đó gọi là lia bỏ đối cảm giác. Những sa-môn, bà-la-môn nào mà đắm trước thọ nơi thọ, không biết tai hoạn lớn, cũng không lia bỏ, không như thật biết; những người ấy chẳng phải sa-môn, bà-la-môn. Ở nơi sa-môn không biết oai nghi của sa-môn. Ở nơi bà-la-môn không biết oai nghi của bà-la-môn. Không thể tự thân chứng, mà tự an trú*. Những sa-môn, bà-la-môn nào mà không đắm trước thọ nơi thọ, biết rõ sâu xa là tai hoạn lớn, hay biết xả ly, những người ấy ở nơi sa-môn mà biết oai nghi của sa-môn; ở nơi bà-la-môn mà biết oai nghi của bà-la-môn, tự thân tác chứng mà tự an trú*. Đó gọi là xả ly thọ.

“Lại nữa, Tỳ-kheo, nếu có sa-môn, bà-la-môn nào không biết cảm thọ khổ, cảm thọ lạc, cảm thọ không khổ không lạc; không như thật biết, nhưng lại giảng dạy người khác khiến thực hành. Điều này không xảy ra. Nếu có sa-môn, bà-la-môn nào có thể xả ly thọ, như thật biết, lại khuyến dạy người xả ly. Điều này có xảy ra. Đó gọi là xả ly nơi thọ.

“Các Tỳ-kheo, nay Ta đã nói về sự đắm trước dục, vị của dục, dục là tai hoạn lớn, lại có thể xả ly; cũng nói về đắm trước sắc, vị của sắc, sắc là tai hoạn lớn, có thể xả ly sắc.

⁵³ Pāli, *ibid.*, *yo vedanāsu chandarāgavinayo, chandarāgappahānam*, chế ngự ham muốn, đoạn trừ ham muốn nơi các thọ.

Đã nói về sự đấm trước thọ, vị của thọ, thọ là tai hoạn lớn, có thể xả ly thọ.

“Những gì các Như Lai cần làm, những gì cần thi thiết, nay Ta đều đã chu tất. Các người hãy thường suy niệm ở dưới gốc cây, trong rừng vắng, thiên tọa tư duy, chớ có giải đãi. Đó là giáo sắc của Ta.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 10

[606c01]Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có ba thứ không chắc thật. Những gì là ba? Thân không chắc thật, mạng không chắc thật, tài không chắc thật. Nay các Tỳ-kheo, đó gọi là ba thứ không chắc thật.

“Ở đây, Tỳ-kheo, trong ba thứ không chắc thật, hãy phương tiện tìm cầu làm thành ba thứ chắc thật. Những gì là ba? Thân không chắc thật, tìm cầu nơi cái chắc thật. Mạng không chắc thật, tìm cầu nơi cái chắc thật. Tài không chắc thật, tìm cầu nơi cái chắc thật.

“Sao gọi là thân không chắc thật, tìm cầu nơi chắc thật? Nghĩa là khiêm nhường, cung kính, lễ bái, tùy lúc thăm hỏi. Đây là thân không chắc thật, tìm cầu nơi chắc thật.

“Sao gọi là mạng không chắc thật, tìm cầu nơi chắc thật? Ở đây, thiện nam tử, thiện nữ nhân suốt đời không sát sanh, không dùng dao gậy, thường biết tầm quý, có tâm từ bi, nghĩ khắp tất cả chúng sanh; suốt đời không trộm cắp,

thường niệm bố thí, tâm không ý tưởng keo lẩn; suốt đời không dâm dật, cũng không thông dâm vợ người; suốt đời không vọng ngữ, thường nghĩ đến chí thành không khi dối người đời; suốt đời không uống rượu, ý không tán loạn, giữ giới cấm của Phật. Đó gọi là mạng không chắc thật, tìm cầu nơi chắc thật.

“Sao gọi là tài không chắc thật, tìm cầu nơi chắc thật? Thiện nam tử, thiện nữ nhân thường niệm bố thí cho sa-môn, bà-la-môn, các hàng nghèo khó. Người cần ăn thì cho ăn, cần nước uống cho nước uống, y phục, đồ ăn thức uống, giường nằm, tọa cụ, thuốc men chữa bệnh, nhà cửa thành quách, những thứ gì cần đều đem cho hết; tài sản không chắc thật, tìm cầu nơi chắc thật là như vậy.

“Này Tỳ-kheo, đó gọi là có ba thứ không chắc thật này, tìm cầu nơi ba thứ chắc này.”

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

*Biết thân không chắc thật;
Mạng cũng không kiên cố;
Tài sản, pháp suy mòn;
Người nên cầu chắc thật.
Thân người thật khó được;
Mạng cũng chẳng dài lâu;
Tài sản cũng hủy hoại
Hoan hỷ niệm bố thí.*

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Kệ tóm tắt:

*Thứ nhất đức, phước nghiệp,
Ba nhân, ba an, sợ,
Ba đê mê, bệnh, ác hành,
Trừ khổ, không chắc thật.*

22. PHẨM BA CÚNG DƯỜNG

KINH SỐ 1

[607a01] Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có ba người, xứng đáng được người đời cúng dường. Ba người ấy là ai? Như Lai Chí chơn Đẳng chánh giác, xứng đáng được người đời cúng dường. Đệ tử của đức Như Lai, A-la-hán lậu tận, xứng đáng được người đời cúng dường. Chuyển luân Thánh vương, xứng đáng được người đời cúng dường.

“Có nhân duyên gì mà Như Lai xứng đáng được người đời cúng dường? Như Lai điều phục những ai chưa được điều phục, hàng phục những ai chưa được hàng phục, độ những ai chưa được độ, giải thoát những ai chưa được giải thoát, khiến thành Niết-bàn những ai chưa bát-niết-bàn, cứu hộ những ai chưa được cứu hộ, làm con mắt cho những ai mù mắt. Như Lai là tối tôn đệ nhất, là ruộng phước tối tôn, đáng kính, đáng quý giữa Ma, hoặc Ma thiên, Trời và Người, làm đạo sư hướng dẫn loài người biết con đường chánh, thuyết đạo giáo cho những ai chưa biết đạo. Do nhân duyên này, Như Lai là xứng đáng được người đời cúng dường.

“Có nhân duyên gì mà đệ tử của Như Lai, A-la-hán lậu tận, xứng đáng được người đời cúng dường? Tỳ-kheo nên biết, A-la-hán lậu tận đã vượt qua được dòng sanh tử, không còn tái sinh, đã đắc pháp vô thượng; dâm, nộ, si vĩnh viễn diệt tận không còn, là ruộng phước của đời. Do

nhân duyên này, A-la-hán lậu tận xứng đáng được người đời cúng dường.

“Lại nữa, do nhân duyên gì mà Chuyển luân Thánh vương xứng đáng được người đời cúng dường? Các Tỳ-kheo nên biết, Chuyển luân Thánh vương dùng pháp để trị hóa, trọn không sát sanh, lại dạy dỗ người khiến không sát sanh; tự mình không trộm cắp và cũng dạy người khác không trộm cắp; tự mình không dâm dật và dạy người khác không dâm dật; tự mình không nói vọng ngữ và dạy người khác không vọng ngữ; tự mình không nói hai lưỡi gây đấu loạn kia đây, lại cũng dạy người khác khiến không nói hai lưỡi; tự mình không ganh ghét, sân, si, lại dạy người khác cũng không tập pháp này; tự hành theo chánh kiến và dạy người khác không hành theo tà kiến. Do nhân duyên này, Chuyển luân Thánh vương xứng đáng được người đời cúng dường.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 2

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ đức Thế Tôn bảo A-nan:

“Có ba thiện căn không thể cùng [607b01] tận, đưa dẫn đến Niết-bàn giới. Những gì là ba? Gieo trồng công đức ở nơi Như Lai, thiện căn này không thể cùng tận. Gieo trồng công đức ở nơi Chánh pháp, thiện căn này không thể cùng tận. Gieo trồng công đức ở nơi Thánh chúng, thiện căn này không thể cùng tận. Nay A-nan, đó gọi là

có ba thiện căn không cùng tận này, đưa đến Niết-bàn giới. Cho nên A-nan, hãy tìm cầu phương tiện để đạt được phước không thể cùng tận này.

“A-nan, hãy học tập điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 3

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có ba thọ* này. Những gì là ba? Đó là cảm thọ lạc, cảm thọ khổ, cảm thọ không khổ không lạc.¹

“Này các Tỳ-kheo, nên biết, cảm thọ lạc kia là sứ giả của ái dục. Cảm thọ khổ kia là sứ giả của sân nhuế sai khiến. Cảm thọ không khổ không lạc kia là sứ giả của si. Cho nên, này Tỳ-kheo, hãy học phương tiện tìm cầu diệt các sứ giả này. Vì vậy, các người hãy tự nhiệt hành, tự tu hành pháp cần phải tu hành, đặc pháp vô tỷ. Các Tỳ-kheo nên biết, sau khi Ta diệt độ, nếu có Tỳ-kheo nào tự niệm nhiệt hành tu hành pháp này, đặc pháp vô tỷ, người ấy chính là đệ nhất Thanh văn.

“Thế nào, Tỳ-kheo, hãy tự nhiệt hành, tự tu hành pháp cần phải tu hành, đặc pháp vô tỷ. Ở đây, Tỳ-kheo tự quán thân nơi nội thân, tự quán thân nơi ngoại thân, tự quán thân nơi nội ngoại thân mà tự an trú*; quán nội thọ, quán

¹ Hán: tam thống 三痛, ba thọ hay cảm thọ. Cf. D 10 Saṅgīti (R.iii. 216): *tisso vedanā–sukhā vedanā, dukkhā vedanā, adukkhamasukhā vedanā*.

ngoại thọ, quán nội ngoại thọ; quán nội tâm, quán ngoại tâm, quán nội ngoại tâm; quán nội pháp, quán ngoại pháp, quán nội ngoại pháp tự an trú*.

“Nhu vậy Tỳ-kheo, hãy tự nỗ lực tu hành pháp ấy, đắc pháp vô tỷ. Những Tỳ-kheo nào thực hành pháp này, người ấy là đệ tử bậc nhất ở trong hàng Thanh văn.

“Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 4

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có ba sự, che khuất thì tốt, hiển lộ thì không tốt.² Những gì là ba? Một là nữ nhân, che khuất thì tốt, hiển lộ thì không tốt. Hai là chú thuật bà-la-môn, che khuất thì tốt, hiển lộ thì không tốt. Ba là nghiệp của tà kiến, [607c01] che khuất thì tốt, hiển lộ thì không tốt. Tỳ-kheo, đó gọi là có ba sự này, che khuất thì tốt, hiển lộ thì không tốt.

“Lại có ba sự mà hiển lộ thì tốt, che khuất thì không tốt.³ Những gì là ba? Mặt trời, mặt trăng, hiển lộ thì tốt, che

² Cf. A III 129 Paṭicchannasuttaṃ (R i. 182): *tīṇimāni paṭicchannāni āvahanti no vivaṭāni*, ba sự kiện này được che dấu thì có hiệu quả, chứ không phải hiển lộ.

³ Cf. Pāli, *ibid.*, *tīṇimāni vivaṭāni virocanti, no paṭicchannāni*, ba sự kiện này được hiển lộ thì chiếu sáng, chứ không phải bị che

Tăng nhất A-hàm

khuất thì không tốt. Pháp ngữ của Như Lai, hiển lộ thì tốt, che khuất thì không tốt. Tỳ-kheo, đó gọi là có ba sự này mà hiển lộ thì tốt, che khuất thì không tốt.”

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

*Nữ nhân cùng chú thuật,
Tà kiến hành bất thiện:
Đây ba pháp ở đời
Che dấu thì rất tốt.*

*Nhật, nguyệt chiếu khắp nơi;
Lời chánh pháp Như Lai:
Đây ba pháp ở đời
Hiện bày là đẹp nhất.*

“Cho nên, các Tỳ-kheo, hãy hiển bày pháp Như Lai, chớ để che khuất.

“Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 5

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có ba tướng hữu vi của hữu vi. Những là ba? Biết nó sinh khởi; biết nó biến thiên; biết nó diệt tận.⁴

dấu.

⁴ Cf. A III 47 Saṅkhatalakkhaṇa (R i. 152): *tīṇimāni, saṅkhatassa*

“Sao gọi đó là biết nó sinh khởi? Biết nó sanh, nó lớn, thành hình năm uẩn, đạt đến các giới và xứ⁵. Đó gọi là biết nó sinh khởi.

“Sao gọi là nó diệt tận? Nó chết, mạng đã qua, không tồn tại, vô thường, các uẩn tan hoại, dòng họ chia lìa, mạng căn cắt đứt. Đó gọi là biết diệt tận.

“Sao gọi là nó biến dịch? Răng rụng, tóc bạc, khí lực hao mòn, tuổi cao sức yếu, thân thể rã rời. Đó gọi là biết pháp biến dịch’.

“Tỳ-kheo, đó là ba tướng hữu vi của hữu vi. Nên biết ba tướng hữu vi của hữu vi này. Hãy khéo phân biệt.

“Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 6

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Người ngu có ba tướng, ba pháp không thể trông cậy.⁶ Ba pháp gì? Ở đây, điều mà người ngu không nên tư duy

saṅkhatalakkhaṇāni. katamāni tīni? uppādo paññāyati, vayo paññāyati, ʒhitassa aññathattaṃ paññāyati. Cf. Dẫn bởi *Câu-xá*⁶ (tr. 27a17); *Tỳ-bà-sa* 38 (tr. 198a11): 有為之起亦可了知。盡及住異亦可了知, sinh khởi của hữu vi cũng đã được biết; tận và trú dị cũng đã được biết.

⁵ Hán: tri nhập 持入. Pāli: *dhātu, āyatana.*

mà cứ tư duy; điều không nên luận nói mà cứ luận thuyết; điều không nên hành mà cứ tu tập.

“Thế nào là người ngu tư niệm điều không nên tư duy? Ở đây, người ngu khởi ba hành của ý, rồi tư duy, ức niệm. Những gì là ba? [608a01] Người ngu khởi tâm ganh tị tài sản và nữ sắc nơi người khác, tâm nghĩ lời ác làm trở dậy tâm ganh ghét, rằng ‘Mong những cái mà người ấy có thuộc về ta.’ Như vậy người ngu tư duy điều không nên tư duy.

“Thế nào là người ngu luận thuyết điều không nên luận thuyết? Ở đây, người ngu gây bốn tội lỗi nơi miệng. Những gì là bốn? Người ngu thường thích vọng ngôn, ý ngữ, ác khẩu, gây đấu loạn giữa người này người kia. Người ngu có bốn tội lỗi nơi miệng như vậy.

“Thế nào là người ngu tạo các hành vi ác? Ở đây, người ngu tạo hành vi ác bởi thân, thường nghĩ đến sát sanh, trộm cắp, dâm dật. Người ngu có hành vi xấu ác như vậy.

“Như vậy, Tỳ-kheo, người ngu có ba hành tích này, người ngu si tập hành ba sự này.

“Lại nữa, Tỳ-kheo, người trí có ba sự cần được niệm tưởng tu hành. Những gì là ba? Ở đây, người trí tư duy điều đáng tư duy; luận thuyết điều đáng luận thuyết; hành thiện điều đáng tu hành thiện.

“Thế nào là người trí tư duy điều đáng tư duy? Ở đây, người trí tư duy ba hành vi của ý. Những gì là ba? Người trí không ganh ghét, oán giận, si mê; thường hành chánh

⁶ Cf. A III 3 Cintīsuttaṃ (R.i. 102): *tīṇimāni bālassa bālalakkhaṇāni bālanimittāni bālāpadānāni*, có ba đặc tính ngu, ba dấu hiệu ngu, ba hành tích ngu của người ngu.

kiến, thấy tài sản của người khác không sanh tưởng niệm. Như vậy, người trí tư duy điều đáng tư duy.

“Thế nào là người trí luận thuyết điều đáng luận thuyết? Ở đây, người trí thành tựu bốn hành vi bởi miệng. Những gì là bốn? Người trí không nói dối, cũng không dạy người khác nói dối, thấy người nói dối, ý không hoan hỷ. Đó gọi là người trí giữ gìn miệng mình. Lại nữa, người trí không nói thêu dệt, ác khẩu, tranh luận kia đây, cũng không dạy người khiến nói thêu dệt, ác khẩu, gây đấu loạn giữa người này người kia. Như vậy, người trí thành tựu bốn hành vi bởi miệng.

“Thế nào là người trí thành tựu ba hành vi của thân? Ở đây, người trí tư duy thân hành không có điều gì xúc phạm; song người trí lại tự mình không sát sanh, cũng không dạy bảo người sát sanh, thấy người khác giết hại, tâm không hoan hỷ; tự mình không trộm cắp, không dạy bảo người trộm cắp, thấy người khác trộm cắp tâm không hoan hỷ; cũng không dâm dật, thấy nữ sắc của kẻ khác tâm không khởi tưởng, cũng không dạy bảo người khiến hành dâm dật. Nếu thấy người già thì xem như mẹ, người vừa như chị, người nhỏ như em, ý không cao thấp. Người trí đã thành tựu ba hành của thân như vậy.

“Đó gọi là những hành tích của người trí.

“Như vậy, này Tỳ-kheo, có ba tướng hữu vi này của hữu vi. [608b01] Cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy thường xả ly ba tướng của người ngu. Chớ nên phế bỏ ba điều sở hành của người trí.

“Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 7

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có ba pháp này, vì không được giác tri, không được thấy, không được nghe, nên trải qua sinh tử mà chưa từng nhìn ngắm; Ta và các người trước đây chưa từng thấy nghe. Những gì là ba? Đó là giới Hiền Thánh, không được giác tri, không thấy, không nghe, nên trải qua sinh tử mà chưa từng nhìn ngắm; Ta và các người trước đây chưa từng thấy nghe. Tam-muội Hiền Thánh, trí huệ Hiền Thánh, không được giác tri, không thấy, không nghe. Nay, như thân Ta, cùng với các người, thấy đều giác tri cấm giới Hiền Thánh, tam-muội Hiền Thánh, trí huệ Hiền Thánh, thấy đều thành tựu, nên không còn tái sinh nữa, đã đoạn nguồn gốc sanh tử. Như vậy, các Tỳ-kheo, hãy niệm tưởng tu hành ba pháp này.

“Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 8

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có ba pháp rất đáng yêu thích mà người đời tham muốn. Ba pháp gì? Trẻ khỏe là pháp đáng yêu thích mà người

đòi tham muốn. Không bệnh là pháp đáng yêu thích mà người đòi tham muốn. Tuổi thọ mệnh là pháp đáng yêu thích mà người đòi tham muốn. Tỳ-kheo, đó gọi là có ba pháp đáng yêu thích mà người đòi tham muốn.

“Lại nữa Tỳ-kheo, tuy có ba pháp đáng yêu thích mà người đòi tham đắm này, nhưng lại có ba pháp không đáng yêu thích mà người đòi không tham muốn. Ba pháp gì? Tỳ-kheo nên biết, tuy có trẻ khỏe, nhưng ắt sẽ già, pháp không đáng yêu thích mà người đòi không tham muốn. Tỳ-kheo nên biết, tuy có không bệnh, song tất sẽ bệnh, pháp không đáng yêu thích mà người đòi không tham muốn. Tỳ-kheo nên biết, tuy có sống lâu, song tất sẽ chết, pháp không đáng yêu thích mà người đòi không tham muốn. Cho nên, này các Tỳ-kheo, tuy có trẻ khỏe, nhưng phải tìm cầu cái không già, đến Niết-bàn giới. Tuy có không bệnh, nhưng phải tìm cầu phương tiện để không có cái bệnh. Tuy có sống lâu, nhưng hãy [608c01] tìm cầu phương tiện để không bị chết.

“Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 9

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Giống như mùa Xuân, trời mưa đá lớn. Cũng lại như vậy, nếu Như Lai không xuất hiện ở đời, chúng sanh sẽ rơi vào địa ngục. Bấy giờ người nữ vào địa ngục nhiều

hơn đối người nam. Vì sao vậy? Tỳ-kheo nên biết, do ba sự nên các loài chúng sanh thân hoại mạng chung rơi vào ba đường dữ. Những gì là ba? Đó là tham dục, ngủ nghỉ, trạo cử*. Bị ba sự này quấn chặt tâm ý, thân hoại mạng chung rơi vào ba đường ác.

“Người nữ cả ngày tập hành ba pháp mà tự an trú*.⁷ Ba pháp gì? Sáng sớm để cho tâm ganh tị quấn chặt mình. Buổi trưa lại để cho ngủ nghỉ quấn chặt mình. Buổi chiều để cho tâm tham dục quấn chặt mình. Do nhân duyên này khiến người nữ kia thân hoại mạng chung sanh vào ba đường dữ. Cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy niệm tưởng tránh xa ba pháp này.”

Bấy giờ, đức Thế Tôn liền nói kệ rằng:

*Ganh tị, ngủ, trạo cử;
Tham dục là pháp ác
Lôi người vào địa ngục,
Cuối cùng không giải thoát.*

*Vì vậy phải lìa bỏ
Ganh tị, ngủ, trạo cử.
Và cũng xả bỏ dục,
Đừng tạo hành ác kia.*

“Cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy niệm tránh xa sự ganh tị, không có tâm keo kiệt, thường hành huệ thí, không ham ngủ nghỉ, thường hành không nhiễm,⁸ không đắm tham dục.

“Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

⁷ Cf. A III 127 (R.i. 281).

⁸ TNM: Thường hành bất tịnh quán.

KINH SỐ 10

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có ba pháp này, tập hành chúng, thân cận chúng, không hề biết chán đủ, lại cũng không thể đến chỗ tĩnh chỉ. Những gì là ba? Đó là tham dục, mà người nào tập pháp này, ban đầu không chán đủ. Hoặc lại có người tập uống rượu, ban đầu không chán đủ. Hoặc lại có người tập ngủ nghỉ, ban đầu không chán đủ. Nay Tỳ-kheo, đó gọi là có người tập [609c01] ba pháp này, ban đầu không chán đủ, lại cũng không thể đến nơi diệt tận. Cho nên, Tỳ-kheo, thường phải lìa bỏ ba pháp này, không gần gũi nó.

“Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Kệ tóm tắt:

*Cúng dường, ba thiện căn,
Ba thọ, ba khuấy lộ,
Tướng, pháp, ba bất giác,
Yêu thích, xuân, không đủ.⁹*

⁹ Bản Hán, hết quyển 12.

23. PHẨM ĐỊA CHỦ

KINH SỐ 1

[609a14] Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ vua Ba-tư-nặc bảo các quần thần:

“Các người hãy mau chỉnh bị xe có gắn lông chim báu.¹ Ta muốn đến chỗ đức Thế Tôn, lễ bái thăm hỏi.”

Tả hữu vâng lệnh vua, chỉnh bị xe có gắn lông chim báu* xong, liền tâu vua:

“Đã chỉnh bị xong, nay đã đến lúc.”

Bấy giờ, vua Ba-tư-nặc liền lên xe có gắn lông chim báu*, có vài nghìn người đi bộ và cỡi ngựa, vây quanh trước sau, ra khỏi nước Xá-vệ, đến tinh xá Kỳ-hoàn, đến chỗ đức Thế-tôn. Như phép của các vua, cỡi bỏ năm món nghi trượng, đó là: lọng, mũ, kiếm, giày và quạt vàng,² để hết một bên, vua đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, rồi ngồi qua một bên.

Bấy giờ, Thế Tôn thuyết pháp thâm diệu cho vua, khích lệ, làm cho hoan hỷ. Vua Ba-tư-nặc sau khi nghe thuyết pháp, bạch Thế Tôn:

“Cúi mong đức Thế Tôn nhận thỉnh cầu ba tháng³ của con, cùng Tỳ-kheo Tăng không ở nơi khác.”

¹ Vũ bảo chi xa 羽寶之車, xem cht. 38, kinh 11, phẩm 19.

² Hán: kim phát 金拂, quạt lông cán bằng vàng.

³ Tam nguyệt thỉnh 三月請, thỉnh cầu ba tháng an cư mùa mưa.

Thế Tôn im lặng nhận lời thỉnh cầu của vua Ba-tư-nặc. Khi vua Ba-tư-nặc thấy đức Thế Tôn im lặng nhận lời thỉnh cầu, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ sát chân, rồi lui đi.

Về đến thành Xá-vệ, vua ra lệnh các quần thần:

“Ta muốn cúng dường phạn thực cho Phật và Tỳ-kheo Tăng ba tháng, cung cấp những vật cần dùng, y phục, đồ ăn thức uống, giường nằm, tọa cụ, thuốc men trị bệnh, [609b01] các người cũng nên phát tâm hoan hỷ.”

Quần thần đáp:

“Xin vâng.”

Vua Ba-tư-nặc cho xây dựng đại giảng đường ở ngoài cửa cung, cực kỳ đẹp đẽ, treo lụa là, tràng phan, dù lọng, trỗi nhạc hát múa, không thể kể. Lập các hồ tắm, bày biện nhiều đèn dầu, dọn nhiều thức ăn, có đến trăm vị. Rồi vua Ba-tư-nặc liền đến bạch:

“Đã đến giờ, cúi xin đức Thế Tôn quang lâm đến nơi này.”

Bấy giờ Thế Tôn thấy đã đến giờ, khoác y cầm bát, dẫn các Tỳ-kheo Tăng, vây quanh trước sau, vào thành Xá-vệ, đến chỗ giảng đường kia. Đến rồi, vào chỗ ngồi mà ngồi, và các Tỳ-kheo Tăng theo thứ tự cũng ngồi.

Khi đó, vua Ba-tư-nặc hướng dẫn các cung nhân, tự tay mang thức ăn, và cung cấp những thứ cần dùng, cho đến ba tháng mà không có gì thiếu hụt; cung cấp các thứ áo chần, cơm nước, giường chiếu, thuốc trị bệnh.

Thấy Thế Tôn ăn xong, vua đem các thứ hoa rải lên Thế Tôn và Tỳ-kheo Tăng, rồi trải chỗ ngồi nhỏ, ngồi ở trước Như Lai, bạch Thế Tôn:

“Con đã từng nghe từ Phật, do nhờ nhân duyên bố thí cho súc sanh ăn mà được phước gấp trăm; cho người phạm giới ăn được phước gấp ngàn; cho người trì giới ăn được phước gấp vạn; cho Tiên nhân đoạn dục ăn được phước gấp ức; cho vị Tu-đà-hoàn hưởng ăn được phước không thể tính kể, huống lại là vị thành Tu-đà-hoàn ư? Huống chi là vị hướng Tu-đà-hàm, đắc quả Tu-đà-hàm, huống chi vị hướng A-na-hàm, đắc quả A-na-hàm, huống chi vị A-la-hán hướng, đắc A-la-hán quả, huống chi vị Bích-chi-phật hướng, đắc Bích-chi-phật quả, huống chi bậc hướng Như Lai, Chí chân, Đẳng chánh giác, huống chi bậc thành Phật và Tỳ-kheo Tăng, công đức phước báu đó không thể tính kể. Những việc làm công đức hiện tại của con, hôm nay đã xong.”

Thế Tôn bảo:

“Đại vương, chớ nói như vậy! Làm phước không nhằm chán, sao hôm nay lại nói đã làm xong? Vì sao như vậy? Vì sanh tử lâu dài không thể kể.

“Quá khứ lâu xa có vua tên là Địa Chủ, thống lãnh cõi Diêm-phù này. Vua đó có vị đại thần tên là Thiện Minh, ngay từ thiếu thời đã quanh quẩn bên vua không hề sợ khó. Sau đó, vua kia chia nửa cõi Diêm-phù cho vị đại thần đó trị. Khi đó, tiểu vương Thiện Minh tự xây thành quách, dọc mười hai do tuần, ngang bảy do tuần, đất đai phì nhiêu, Nhân dân đông đúc.

“Bấy giờ, thành đó tên là Viễn Chiếu. Đệ nhất phu nhân của vua Thiện Minh tên là Nhật Nguyệt Quang, không cao, không thấp, [609c01] không mập, không gầy, không trắng, không đen, nhan sắc xinh đẹp, hiếm có trên đời, miệng tỏa mùi hương hoa ưu-bát, thân thơm hương chiên-đàn. Một thời gian sau, bà mang thai. Vị phu nhân đó liền đến tâu vua rằng: ‘Nay thân thiếp có thai.’

“Vua nghe lời này, vui mừng hơn hở, không thể kiềm được, liền sai kẻ hầu cận, bày biện giường chiếu cực kỳ khoái lạc. Phu nhân mang thai đủ ngày, sanh một nam nhi. Lúc đương sanh, đất cỏi Diêm-phù hiện rực sáng màu vàng, tướng mạo xinh đẹp, đủ ba mươi hai tướng tốt, thân thể sắc vàng. Đại vương Thiện Minh thấy thái tử này, hoan hỷ phấn khởi, mừng rỡ khôn lường, liền triệu các thầy đạo sĩ bà-la-môn, tụ bồng thái tử đến để họ xem tướng, ‘Nay ta đã sanh thái tử. Các khanh hãy xem tướng giúp ta, rồi đặt cho tên.’

“Khi đó, các thầy tướng vâng lệnh vua. Họ cùng bồng, xem xét tướng mạo, rồi cùng nhau tâu vua: ‘Thánh vương Thái tử đọa chánh vô song. Các căn đầy đủ. Có ba mươi hai tướng tốt. Nay Vương tử này, sẽ có hai đường hướng: Nếu ở nhà sẽ làm Chuyển luân Thánh vương, đầy đủ bảy báu. Bảy báu gồm có: bánh xe báu, voi báu, ngựa báu, ngọc nữ báu, cư sĩ báu, điển binh báu. Đó là bảy báu. Vua sẽ có một ngàn người con, dũng mãnh cương cường, có thể dẹp quân địch, ở trong bốn biên này, không cần đao trượng mà tự nhiên khuất phục. Hoặc Vương tử này sẽ xuất gia học đạo, thành Vô thượng Chánh giác, danh đức vang xa, khắp cả thế giới. Ngay ngày sinh Vương tử này, ánh sáng chiếu xa, nay đặt tên Vương tử là Đăng Quang.’ Các thầy tướng sau khi đặt tên xong, họ rời chỗ ngồi mà đi.

“Nhà vua suốt ngày bồng thái tử, không hề rời mắt. Rồi vua xây cho vương tử này ba giảng đường thích hợp với ba mùa Thu, Đông và Hạ. Cung nhân thể nữ đầy cả trong cung. Sau đó để cho thái tử của ông ở đó vui chơi.

“Khi vương thái tử được hai mươi chín tuổi, bằng tín tâm kiên cố, xuất gia học đạo. Ngày xuất gia, ngay đêm đó thành Phật.

“Bấy giờ, khắp cõi Diêm-phù-đề đều nghe biết, thái tử của vua kia xuất gia học đạo, ngay ngày ấy thành Phật. Sáng sớm phụ vương nghe vương thái tử xuất gia học đạo, ngay đêm đó thành Phật. Vua liền nghĩ rằng: ‘Đêm qua ta nghe chư thiên trên không thấy đều ca tụng tốt lành. Đây tất là điềm lành, chứ không phải là tiếng vang xấu. Nay ta hãy đi [610a01] gặp gỡ.’”

“Rồi vua dẫn bốn mươi ức nam nữ vây quanh, đi đến chỗ Như Lai Đấng Quang. Đến nơi, đánh lễ sát chân, rồi ngồi qua một bên. Bốn mươi ức người cũng làm lễ sát chân, rồi ngồi qua một bên. Khi đó Như Lai lần lượt thuyết các đề tài vi diệu cho phụ vương và bốn mươi ức người. Các đề tài đó là luận về thí, luận về giới, luận về sanh thiên, dục là ô uế, là hữu lậu, là hạnh bất tịnh, xuất gia là con đường xuất yếu, đạt được quả báo thanh tịnh.

“Bấy giờ, Như Lai quán sát tâm ý của chúng sanh này, tâm tánh đã hòa dịu, bèn như pháp mà chư Phật Như Lai thường thuyết, nói về khổ, tập, diệt, đạo; Ngài cũng vì bốn mươi ức người mà nói rộng hết nghĩa này. Ngay trên chỗ ngồi, họ sạch hết các trần cấu, được pháp nhãn tịnh. Khi đó, bốn mươi ức người bạch đức Đấng Quang Như Lai: ‘Chúng con muốn cạo bỏ râu tóc, xuất gia học đạo.’”

“Đại vương nên biết, bấy giờ, hết thảy bốn mươi ức người được xuất gia học đạo, ngay trong ngày đó thảy đều thành A-la-hán.

“Bấy giờ, đức Đấng Quang Như Lai dẫn bốn mươi ức người đều là bậc Vô trước,⁴ du hành trong nước này. Nhân dân trong nước cúng dường tứ sự, y phục, đồ ăn

⁴ Vô trước 無著, dịch nghĩa từ A-la-hán; những nơi khác hoặc dịch là Chơn nhơn, hoặc Chí chơn.

thức uống, giường nằm, tọa cụ, thuốc men trị bệnh, không thiếu hụt một thứ gì.

“Khi đó, đại vương Địa Chủ nghe Đăng Quang thành vô thượng chánh chân, đẳng chánh giác, đang dẫn bốn mươi ức người đều là bậc Vô trước, du hành trong nước kia. Vua nghĩ: ‘Nay ta sai tín sứ đến thỉnh Như Lai sang du hóa ở đây. Nếu Ngài đến, bốn nguyện của ta thỏa mãn. Nếu không đến, ta đích thân đến lễ lạy, thăm hỏi.’ Vua liền sai một vị đại thần: ‘Người đến đó, nhân danh ta đánh lễ sát chân, thăm hỏi Như Lai, đòì sống có nhẹ nhàng, đi đứng có mạnh khỏe không? Hãy thưa: Vua Địa Chủ thăm hỏi Như Lai, đòì sống có nhẹ nhàng, đi đứng có mạnh khỏe không? Cúi xin Thế Tôn chiếu cố chôn này.’

“Người đó vâng lệnh vua đi đến đất nước kia. Đến nơi, đánh lễ sát chân Phật, rồi đứng qua một bên, thưa như vậy: ‘Đại vương Địa Chủ lễ sát chân Như Lai. Lễ xong thăm hỏi đòì sống có nhẹ nhàng, đi đứng có mạnh khỏe không? Cúi xin Thế Tôn chiếu cố nước này.’

“Bấy giờ, đức Thế Tôn im lặng nhận lời thỉnh cầu ấy. Rồi Như Lai Đăng Quang dẫn đại chúng, lần lượt du hành trong dân gian, cùng với bốn mươi ức đại Tỳ-kheo, ở bất kỳ nơi nào cũng đều được cung kính, cúng dường y phục, đồ ăn thức uống, giường chiếu, tọa cụ, thuốc men trị bệnh. Như Lai và đại chúng đi lần đến nước Địa Chủ.

“Đại vương Địa Chủ nghe Đăng Quang Như Lai đến nước mình, hiện đang ở trong vườn [610b01] Bà-la phía Bắc, dẫn bốn mươi ức đại Tỳ-kheo. Vua nghĩ: ‘Nay ta nên đích thân đến nghinh đón.’

“Khi đó, đại vương Địa Chủ cũng lại dẫn bốn mươi ức người đến chỗ đức Như Lai Đăng Quang. Đến nơi, vua

đánh lễ sát chân Phật, rồi ngồi qua một bên. Bốn mươi ức người lễ sát chân Phật, rồi ngồi qua một bên.

“Bấy giờ, Như Lai Đấng Quang lần lượt trực tiếp nói các đề tài vi diệu cho vua cùng với bốn mươi ức người nghe. Ngài nói về thí, về giới, về sanh thiên, về dục là ô uế, là hữu lậu, là hạnh bất tịnh, xuất gia là con đường xuất yếu, đạt được quả báo thanh tịnh.

“Như Lai quán sát tâm ý của chúng sanh này, tâm tánh đã hòa dịu, bèn như pháp mà chú Phật Như Lai thường thuyết, nói về khổ, tập, diệt, đạo; Ngài cũng vì bốn mươi ức người mà nói rộng hết nghĩa này. Ngay trên chỗ ngồi, họ sạch hết các trần cấu, được pháp nhãn tịnh. Khi đó bốn mươi ức người bạch Như Lai Đấng Quang rằng: ‘Chúng con có ý muốn cạo bỏ râu tóc, xuất gia học đạo.’

“Đại vương nên biết, bấy giờ cả thầy bốn mươi ức người đều được xuất gia học đạo. Ngay ngày hôm ấy, họ thầy đều đắc đạo, thành A-la-hán. Khi đó quốc vương Địa Chủ từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ sát chân Phật rồi thối lui ra về.

“Bấy giờ, Như Lai Đấng Quang dẫn tám mươi vạn ức người đều là A-la-hán, du hành trong nước. Nhân dân trong nước cúng dường tứ sự, y phục, đồ ăn thức uống, giường nằm, tọa cụ, thuốc men chữa bệnh, cung cấp mọi thứ, không gì thiếu hụt.

“Thời gian sau, quốc vương Địa Chủ lại dẫn các quần thần đến chỗ đức Như Lai đó, đánh lễ sát chân, rồi ngồi qua một bên. Khi đó, đức Như Lai Đấng Quang vì quốc vương kia thuyết pháp vi diệu. Quốc vương Địa Chủ bạch đức Như Lai rằng, ‘Cúi xin đức Thế Tôn cho con được suốt đời cúng dường Ngài và Tỳ-kheo Tăng, cung

cấp y phục, đồ ăn thức uống, giường nằm, tọa cụ, thuốc men trị bệnh, sẽ không có gì thiếu hụt.’

“Nhu Lai Đăng Quang im lặng nhận lời thỉnh cầu của vua kia. Khi vua thấy đức Phật im lặng nhận thỉnh, lại tiếp bạch Thế Tôn: ‘Nay con có điều cầu nguyện từ Thế Tôn. Cúi mong Thế Tôn chấp nhận.’ Thế Tôn bảo: ‘Pháp của Nhu Lai siêu quá nguyện này.’⁵ Vua bạch Thế Tôn: ‘Nguyện cầu của con hôm nay rất là tịnh diệu.’ Thế Tôn bảo: ‘Những điều nguyện cầu tịnh diệu ấy là gì?’ Vua bạch Thế Tôn: ‘Nhu ý của con, hôm nay chúng Tăng ăn bằng bát này, ngày mai ăn dùng bát khác; hôm nay chúng Tăng mặc y phục này, ngày mai mặc y phục khác; hôm nay chúng Tăng ngồi tòa này, ngày mai ngồi tòa khác; hôm nay sai [610c01] người này đến hầu chúng Tăng, ngày mai thay đổi người khác đến hầu chúng Tăng. Những điều mà con cầu mong chính là như vậy.’ Nhu Lai Đăng Quang bảo: ‘Tùy ý nguyện của vua. Nay là lúc thích hợp.’”

Đại vương Địa Chủ vui mừng hơn hờ không thể tự chế, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ sát chân Phật, rồi thối lui, trở về cung.

“Về đến nơi, vua bảo các quần thần: ‘Nay ta phát tâm trọn đời cúng dường Nhu Lai Đăng Quang, Chí chân, Đăng chánh giác và chúng Tỳ-kheo, y phục, đồ ăn thức uống, giường nằm, tọa cụ, thuốc men chữa bệnh. Ta khuyên các khanh cũng nên giúp ta lo việc cúng dường.’ Các đại thần đáp: ‘Nhu lời Đại vương dạy.’”

⁵ Thành ngữ, định cú, trước khi Phật hứa khả điều thỉnh nguyện. Xem *Tứ phân 10* (T22n1428, tr. 629b1); *Thập tụng 27*, (tr. 195c17). Pāli, Vin. i. 292 *atikkantavārā kho ... thāgatā*, “Các đức Nhu Lai siêu quá các ước nguyện.” Nghĩa là, chỉ hứa khả những thỉnh nguyện như pháp.

“Cách thành không bao xa, trong vòng một do tuần, vua cho xây dựng giảng đường chạm trổ điêu khắc, năm màu rực rỡ, treo màn, tràng phan, dù lọng, trỗi nhạc hát múa, rưới hương trên đất, sửa sang hồ tắm, bày đủ thứ đèn đuốc, sửa soạn các thứ đồ ăn thức uống ngon ngọt, bày biện chỗ ngồi. Rồi đến cho biết đã đến giờ, bạch: ‘Bây giờ, đã đúng giờ, xin Thế Tôn chiếu cố.’

“Như Lai biết đã đến giờ, khoác y cầm bát, dẫn các Tỳ-kheo trước sau vây quanh, đi đến chỗ giảng đường. Mọi người ngồi trên chỗ ngồi dọn sẵn. Khi đại vương Địa Chủ thấy đức Phật và các Tỳ-kheo Tăng ngồi xong, dẫn cung nhân thể nữ và các quan đại thần, tạy tay rót nước, bung sót nhiều đồ ăn thức uống, có đến trăm vị.

“Đại vương nên biết, khi ấy quốc vương Địa Chủ cúng dường Như Lai Đấng Quang và tám mươi ức vị A-la-hán trong vòng bảy vạn năm, chưa từng lười bỏ. Khi đức Như Lai đó giáo hóa khắp tất cả xong, bèn nhập Niết-bàn ở trong vô dư Niết-bàn giới.

“Khi đó, đại vương Địa Chủ dùng hàng trăm thứ hoa thơm cúng dường. Rồi ở các ngã tư đường dựng bốn tháp lớn. Mỗi tháp được làm bằng bảy báu, vàng, bạc, lưu ly, thù tịnh; treo lụa, phướn, dù lọng. Tám mươi ức A-la-hán cũng lần lượt nhập Niết-bàn ở trong vô dư Niết-bàn giới. Bây giờ đại vương thân lấy xá-lợi của tám mươi ức vị đó, thấy đều xây tháp, treo lụa, phướn, dù lọng, cúng dường hoa thơm.

“Đại vương nên biết, bảy giờ đại vương Địa Chủ lại cúng dường tháp Như Lai Đấng Quang và tám mươi ức A-la-hán. Rồi trải qua bảy vạn năm, tùy thời cúng dường, đốt đèn, rải hoa, treo lụa, phan, cái.

“Đại vương nên biết, giáo pháp Như Lai Đấng Quang truyền lại bị diệt tận, sau đó vị vua này mới diệt độ.

“Đại vương Địa Chủ lúc bấy giờ há là ai khác chăng? Đừng nghĩ vậy, Vì sao? Đại vương Địa Chủ lúc bấy giờ chính là [611a01] thân Ta. Ta lúc bấy giờ, trong bảy vạn năm, đem các thứ y phục, đồ ăn thức uống, giường nằm, tọa cụ, thuốc men trị bệnh, cúng dường Phật đó, không để giảm thiểu. Sau khi Phật nhập Niết-bàn, lại trong bảy vạn năm cúng dường hình tượng xá-lợi, thấp hương, đốt đèn, treo lụa, phướn, dù lọng, không thứ gì thiết hụt. Vào lúc bấy giờ, Ta đem công đức này cầu hưởng phước lành trong sanh tử, không cầu giải thoát.

“Đại vương nên biết, phước lành có được lúc bấy giờ, nay có còn lại gì chăng? Đừng nghĩ vậy! Như hôm nay Ta xem thấy sự giàu có kia không còn mây may nào như lông tóc. Vì sao vậy? Sanh tử triền miên không thể kể được, ở trong đó tất đã hưởng hết phước, không còn mây may nào như sợi tóc. Cho nên Đại vương đừng nói như vậy: ‘Phước lành mà ta làm hôm nay đã xong.’ Đại vương nên nói như vậy, ‘Những gì tôi đã làm bằng thân, miệng, ý hôm nay, hết thảy để cầu giải thoát, chứ không cầu hưởng phước nghiệp kia ở trong sanh tử. Như thế sẽ lâu dài được an ổn vô lượng.’”

Bấy giờ, vua Ba-tư-nặc trong lòng kinh sợ, toàn thân lông dựng đứng, thương khóc lẫn lộn, lấy tay gạt nước mắt, đánh lễ sát chân Thế Tôn, tỵ trình bày tội trạng:

“Con như ngu si, như khờ dại, không hiểu biết gì hết. Cúi xin Thế Tôn nhận sự hối lỗi của con. Nay con nằm vóc gieo sát đất, sửa đổi những lỗi lầm đã qua, không tái phạm những lời này nữa. Cúi mong đức Thế Tôn nhận sự hối lỗi của con.”

Ba lần như vậy.

Đức Thế Tôn bảo:

“Lành thay, lành thay, Đại vương! Nay ở trước Như Lai sám hối sự phi pháp của mình, đổi lỗi qua, tu sửa về sau. Nay Ta nhận sự sám hối lỗi của Vua. Chớ có tái phạm nữa.”

Bấy giờ ở trong đại chúng, có Tỳ-kheo-ni tên là Ca-chiên-diên, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ sát chân Phật, bạch đức Thế Tôn:

“Những gì Thế Tôn dạy hôm nay rất là vi diệu. Lại nữa, Thế Tôn bảo vua Ba-tư-nặc rằng: ‘Đại vương nên biết, những hành vi gì đã làm bằng thân, khẩu, ý là để cầu giải thoát, chớ đừng cầu hưởng phước nghiệp ở trong vòng sanh tử, như vậy sẽ lâu dài được an ổn vô lượng.’ Sự thật là như vậy. Vì con⁶ nhớ lại ba mươi một kiếp về trước đã từng dâng cơm cho Như Lai Phạm Thức-cật⁷, Chí chân, Đẳng chánh giác xuất hiện ở đời, Minh hạnh túc, Thiện thế, Thế gian giải, Vô thượng sĩ, Điều ngự trượng phu, Thiên Nhân sư, hiệu Phật Thế tôn, bấy giờ du hóa ở thế giới Dã Mã.⁸

“Bấy giờ, đức Phật đó, đến giờ, khoác y cầm bát vào thành Dã Mã khát thực. Trong thành có một [611b01] người làm thuê tên là Thuần Hắc. Khi người làm thuê kia thấy đức Như Lai cầm bát vào thành khát thực, liền nghĩ

⁶ Tự xưng của Tỳ-kheo-ni Ca-chiên-diên.

⁷ Đề bản: Phạm Thức cật 飯式詰; đoạn sau: Hữu Thức-cật. TNM: Hữu Thức cật 有式詰.

⁸ Dã mã thế giới 野馬世界; hoặc gọi là thế giới Dương diệm 陽焰. Xem *Thuyết vô câu xung kinh* (T14 tr.567b) Skt. Mañcika-lokadhātu; cf. Div. 52.5.

thâm: ‘Nay đức Như Lai vào thành, ắt cần ăn uống.’ Người ấy liền chạy vào nhà lấy thức ăn ra cúng cho Như Lai, và phát lời nguyện này: ‘Bằng công đức này, tôi sẽ khỏi đọa trong ba đường dữ. Mong cho tôi đời sau cũng gặp vị như Thánh Tôn này, cũng sẽ mong Thánh Tôn kia thuyết pháp cho tôi, để được giải thoát.’ Thế Tôn và vua Ba-tu-nặc cũng đều biết điều này.

“Người làm thuê Thuần Hắc lúc bấy giờ há là ai khác chẳng? Chớ có xem vậy! Vì sao? Người làm thuê Thuần Hắc lúc bấy giờ, chính là thân con⁹. Con lúc đó cúng cơm cho Như Lai Thi-khí*, phát thệ nguyện này: ‘Bằng công đức này, tôi sẽ khỏi đọa trong ba đường dữ. Mong cho tôi đời sau cũng gặp vị như Thánh Tôn này, cũng sẽ mong Thánh Tôn kia thuyết pháp cho tôi, để được giải thoát.’ Con trong ba mươi một kiếp không đọa vào ba đường dữ, sanh trong Trời Người, cuối cùng hôm nay nhận thân phần này, gặp gỡ Thánh Tôn được xuất gia học đạo, tận trừ hữu lậu, thành A-la-hán. Như những gì Thế Tôn thuyết rất là vi diệu.”

Rồi cô nói với vua Ba-tu-nặc:

“Những gì được làm bởi thân, khẩu, ý đều để cầu giải thoát, chẳng cầu hưởng phước nghiệp ở trong vòng sanh tử. Nếu khi tôi gặp Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, u-bà-tắc, ưu-bà-di nào tỏ tâm ý hoan hỷ hướng đến Như Lai, tôi liền nghĩ như vậy: ‘Dụng ý đến các hiền sĩ này há không phải là ái kính cung phụng Như Lai.’ Nếu tôi gặp bốn bộ chúng, liền đến bảo: ‘Này các bạn, cần vật gì? Y bát chẳng? Ni-sư-đàn chẳng? Ông kim chẳng? Bình nước rửa chẳng? Và những thứ đồ dùng khác của sa-môn, tôi sẽ cung cấp hết.’ Tôi đã hứa vậy rồi, khát cầu khắp nơi. Nếu tôi được,

⁹ Tự xưng của Ca-chiên-diên.

thì đó là đại hạnh. Nếu không được, tôi đến Uất-đơn-việt, Cù-da-ni, Phất-vu-đãi tìm kiếm cầu cho. Vì sao vậy? Vì đều do chúng bốn bộ này mà được đạo Niết-bàn.”

Bấy giờ đức Thế Tôn quán sát tâm Tỳ-kheo-ni Ca-chiên-diên này, liền bảo các Tỳ-kheo:

“Các người có thấy ai có tín tâm giải thoát như Tỳ-kheo-ni Ca-chiên-diên này không?”

Các Tỳ-kheo thưa:

“Không thấy, bạch Thế Tôn.”

Đức Thế Tôn bảo:

“Trong số Thanh văn của ta, người có tín giải thoát đệ nhất trong các Tỳ-kheo-ni chính là Tỳ-kheo-ni Ca-chiên-diên vậy.”¹⁰

Tỳ-kheo-ni Ca-chiên-diên và vua Ba-tư-nặc sau khi nghe những gì Phật dạy xong, hoan hỷ [611c] phụng hành.

KINH SỐ 2

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú tại núi Kỳ-xà-quật, thành La-duyệt, cùng với năm trăm vị đại Tỳ-kheo.

Bấy giờ, Tôn giả Bà-câu-lư¹¹ ở tại một eo núi chấp vá y cũ. Khi đó Thích Đề-hoàn Nhân từ xa thấy Tôn giả Bà-

¹⁰ Cf. A. I. 14. 5 (R. i. tr. 25): Đệ nhất tín giải thoát (*saddhādhimuttānam*) trong các Tỳ-kheo-ni, là *Siṅgālakamātā*. Truyện tiền thân của bà liên hệ đến Phật Liên Hoa Thượng (*Padumuttara*). Xem Phẩm 5 kinh 1.

¹¹ Bà-câu-lư 婆拘盧. Kinh 5 phẩm 4: Bà-câu-la 婆拘羅. Pāli: *Bakkula* (*Bākula*).

câu-lư ở tại một eo núi, đang vá y cũ. Thấy vậy, ông nghĩ thầm: “Tôn giả Bà-câu-lư này đã thành A-la-hán, các trời buộc đã mở, sống lâu vô lượng, hằng tự hàng phục, tư duy vô thường, khổ, không, vô ngã, không vướng việc đời, lại cũng không thuyết pháp cho người khác, tịch lặng tự tu giống như dị học ngoại đạo. Không rõ Tôn giả này có thể vì người khác thuyết pháp cho người khác hay là không kham nổi? Nay ta nên thử xem.”

Bấy giờ, Thiên đế Thích biến mất khỏi trời Tam thập tam, hiện đến núi Kỳ-xà-quật, đứng ở trước Tôn giả Bà-câu-lư. Sau khi đánh lễ sát chân, rồi đứng qua một bên. Thích Đề-hoàn Nhân nói kệ này:

*Thuyết được người trí khen;
Vì sao không thuyết pháp?
Phá kết, được hạnh Thánh
Sao lại trụ lặng im.*

Tôn giả Bà-câu-lư đáp Thích Đề-hoàn Nhân bằng bài kệ này :

*Có Phật, Xá-lợi-phất
A-nan, Quân-đầu,¹² Bàn,¹³
Và cùng các Tôn trưởng,
Khéo hay nói pháp màu.*

Thích Đề-hoàn Nhân bạch Tôn giả Bà-câu-lư:

“Căn của chúng sanh có nhiều loại khác nhau. Song ngài nên biết, Thế Tôn cũng nói chủng loại chúng sanh nhiều

¹² Quân-đầu 均頭, có lẽ là Sa-di Quân-đầu, thị giả của ngài Xá-lợi-phất; xem kinh 9 phẩm 26. Pāli: Cunda Samaṇuddesa.

¹³ Bàn, có lẽ chỉ Bàn-đặc 槃特. Xem kinh 6 phẩm 4. Pāli: Mahā-Panthaka.

hơn bụi đất, vì sao Tôn giả Bà-câu-lu không vì người khác mà thuyết pháp?”

Bà-câu-lu đáp:

“Chúng loại chúng sanh khó có thể hiểu biết. Thế giới có nhiều quốc độ không giống nhau, thấy đều chấp trước ngã sở, phi ngã sở. Nay tôi sau khi quán sát nghĩa này, không thuyết pháp cho mọi người.”

Thích Đề-hoàn Nhân nói:

“Xin ngài nói cho tôi nghe nghĩa của ngã sở, phi ngã sở.”

Tôn giả Bà-câu-lu nói:

“Ta, người, thọ mạng,¹⁴ hoặc nam, hoặc nữ, con người,¹⁵ các loại ấy thấy đều y nơi mạng này mà tồn tại. Nhưng, lại nữa, này Câu-dục, Thế Tôn cũng nói, ‘Tỳ-kheo nên biết, nên tự nỗ lực, không khởi tà pháp, cũng nên im lặng như Thánh Hiền. Tôi sau khi quán [612a01] sát nghĩa này, bèn im lặng.’”

Bấy giờ Thích Đề-hoàn Nhân từ xa hướng về Thế Tôn chấp tay, nói kệ này:

*Quy mạng đáng mười Lục,
Sáng tròn không mù che.
Vi khắp cả mọi người.
Người này thật kỳ lạ.*

Tôn giả Bà-câu-lu đáp:

“Tại sao Đế Thích nói như vậy: ‘Người này thật kỳ lạ?’”

¹⁴ Ngã, nhân, thọ mạng 我人壽命: Các từ chỉ tự ngã, tương đương Pāli: *attā* (tự ngã), *puggala* (nhân cách), *jīva* (linh hồn).

¹⁵ Hán: sĩ phu 士夫. Pāli: *purusa*, khái niệm phổ quát về con người.

Thích Đề-hoàn Nhân đáp:

“Tôi nhớ ngày xưa đi đến chỗ Thế Tôn, sau khi lễ sát chân Thế Tôn rồi hỏi nghĩa này: ‘Loài trời, người, có tương niệm gì?’ Bảy giờ Thế Tôn bảo tôi: ‘Thế giới này ngàn ấy loại, tất cả đều sai khác nhau, nguồn gốc không đồng.’ Tôi nghe những lời này rồi, liền đáp: ‘Thật vậy, Thế Tôn, đúng như những lời Thế Tôn đã nói. Thế giới ngàn ấy loại, mỗi mỗi đều không đồng. Có thể chăng, nêu thuyết pháp cho chúng sanh kia, thấy đều thọ trì và có người thành quả Thánh! Vì vậy nên tôi nói: ‘Người này thật lạ kỳ!’ Song những gì Tôn giả Bà-câu-lư nói đã nói, cũng lại như vậy: ‘Thế giới ngàn ấy loại, mỗi mỗi không đồng.’”

Rồi Thích Đề-hoàn Nhân nghĩ thầm: “Tôn giả này có khả năng thuyết pháp cho người, chứ không phải không thể.”
Rồi Thích Đề-hoàn Nhân từ chỗ ngồi đứng dậy mà đi.

Thích Đề-hoàn Nhân sau khi nghe những gì Tôn giả Bà-câu-lư thuyết, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 3¹⁶

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở bên bờ hồ Lô-thanh,¹⁷ nước Chiêm-bà.¹⁸

¹⁶ Tham chiếu, Pāli, A IV 55 Soṇa (R. iii. 375). Hán, *Trung kinh* 123; *Tạp* (Việt) kinh 256.

¹⁷ Lô-thanh trì 雷聲池. Pāli: Gaggarā-pokkharāṇī, một ao sen ở Campā.

¹⁸ Chiêm-ba 占波. Pāli: Campā. Cf. Pāli, *ibid.* Phật trú tại Rājagaha, trên Gijjhakūṭa. Trung 29, Phật tại Xá-vệ.

Bấy giờ, Tôn giả Nhị Thập Úc Nhĩ¹⁹ sống một nơi vắng, tự tu gốc pháp, không bỏ mười hai pháp hạnh đầu-đà, đêm ngày kinh hành, không lia giáo lý ba mươi bảy đạo phẩm. Hoặc ngồi, hoặc đi, thường tu chánh pháp. Đầu đêm, giữa đêm, cuối đêm, thường tự cố gắng không bỏ một giây. Song tâm vẫn không được giải thoát khỏi dục, các pháp hữu lậu.

Lúc bấy giờ, chỗ mà Tôn giả Thập Nhị Úc Nhĩ kinh hành, máu từ bàn chân bị nát chảy đầy tràn cả lè đường, giống như chỗ mổ bò. Quạ, diều đến ăn máu. Song tâm vẫn không được giải thoát khỏi dục, các pháp hữu lậu. Rồi Tôn giả Nhị Thập Úc Nhĩ nghĩ thâm: “Trong những người đệ tử khổ hành tinh tấn của đức Phật Thích-ca, ta là người đứng đầu. Song nay tâm của ta vẫn không được giải thoát khỏi các lậu. Và lại, gia nghiệp ta nhiều tiền của. Ta nên xả bỏ pháp phục, trở về làm bạch y, đem tiền của bố thí rộng rãi. Chứ làm sa-môn như hiện nay thật khó, không dễ.”

Bấy giờ, Thế Tôn từ xa biết được những gì Nhị Thập Úc Nhĩ suy nghĩ, liền [612b01] lướt qua hư không mà đi, đến chỗ Tôn giả kinh hành, trái tọa cụ mà ngồi. Khi đó, Tôn giả Nhị Thập Úc Nhĩ đến trước chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, rồi ngồi qua một bên. Thế Tôn hỏi Tôn giả Nhị Thập Úc Nhĩ:

“Vừa rồi ngươi vì có gì mà nghĩ rằng, ‘Trong những người đệ tử khổ hành tinh tấn của đức Phật Thích-ca, ta là người đứng đầu. Song nay tâm của ta vẫn không được giải thoát khỏi các lậu. Và lại, gia nghiệp ta nhiều tiền

¹⁹ Nhị Thập Úc Nhĩ 二十億耳. Truyện kể chi tiết, xem *Tứ phần* 38 (T22n1428, 843b12 tt), nhân duyên Thủ-lung-na 守籠那. Pāli: Soṇa Kolivisa.

của. Ta nên xả bỏ pháp phục, trở về làm bạch y, đem tiền của bố thí rộng rãi. Chứ làm Sa-môn như hiện nay thật khó, không dễ?”

Nhị Thập Úc Nhĩ đáp:

“Thật vậy, bạch Thế Tôn.”

Thế Tôn bảo:

“Nay Ta hỏi lại ngươi, ngươi tùy đó trả lời Ta. Thế nào, Nhị Thập Úc Nhĩ, trước kia khi còn tại gia ngươi giỏi khảy đàn chăng?”

Nhị Thập Úc Nhĩ đáp:

“Thật vậy, bạch Thế Tôn. Trước kia khi còn tại gia con khảy đàn rất giỏi.”

Thế Tôn bảo:

“Thế nào, Nhị Thập Úc Nhĩ, nếu dây đàn căng quá thì âm hưởng không đều. Khi đó tiếng đàn nghe có hay không?”

Nhị Thập Úc Nhĩ đáp :

“Thưa không, Thế Tôn.”

Thế Tôn bảo:

“Thế nào, Nhị Thập Úc Nhĩ, nếu dây đàn lại chùng, khi đó tiếng đàn nghe có hay không?”

Nhị thập Úc Nhĩ đáp:

“Thưa không, Thế Tôn.”

Thế Tôn bảo:

“Thế nào, Nhị Thập Úc Nhĩ, nếu dây đàn không căng không chùng, khi đó âm đàn nghe có hay không?”

Nhị Thập Úc Nhĩ đáp:

“Thưa vâng, Thế Tôn. Nếu dây đàn không chùng, không căng, lúc ấy âm đàn nghe rất hay.”

Thế Tôn bảo:

“Ở đây cũng như vậy. Quá tinh tấn, cũng bằng như trạo cử*. Nếu lười biếng, dây sẽ rơi vào tà kiến. Nếu có thể ở giữa, đó là hành bậc thượng. Như vậy không lâu sẽ thành người vô lậu.”

Thế Tôn sau khi thuyết pháp vi diệu cho Tỳ-kheo Nhị Thập Úc Nhĩ xong, trở về bên bờ hồ Lô-i âm.²⁰

Bảy giờ, Tôn giả Nhị Thập Úc Nhĩ suy nghĩ những gì Thế Tôn đã dạy bảo, ở nơi nhàn tĩnh, liên tục không ngừng tu hành pháp đó, vì mục đích mà thiện gia nam tử xuất gia học đạo, cạo bỏ râu tóc, tu phạm hạnh vô thượng, cho đến như thật biết rằng: ‘Sanh tử đã dứt, phạm hạnh đã lập, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sinh đời sau nữa.’ Tôn giả Nhị Thập Úc Nhĩ đã thành A-la-hán.

Bảy giờ, đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Đệ tử siêng năng, đệ nhất khổ hành trong hàng Thanh văn của Ta chính là Nhị Thập Úc Nhĩ.”²¹

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

²⁰ Lô-i âm 雷音, đầu kinh nói Lô-i thanh.

²¹ Xem trên, kinh 2, phẩm 4. Pāli, A I 14.2 (R. i. 23):
āraddhavīriyānaṃ yadidaṃ soṇo koḷiviso.

KINH SỐ 4²²

[612c01] Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, ở trong thành Xá-vệ, gia chủ Sa-đề²³ mắc bệnh, mạng chung. Nhưng gia chủ đó không có con cái, nên mọi tài bảo đều nhập hết vào cung.

Bấy giờ, vua Ba-tu-nặc người dính đầy bụi bặm, đi đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân Phật, rồi ngồi qua một bên. Thế Tôn hỏi vua:

“Đại vương, vì sao đi đến Ta với thân hình đầy bụi bặm?”

Vua Ba-tu-nặc bạch Thế Tôn:

“Trong thành Xá-vệ này có gia chủ tên là Sa-đề, hôm nay mạng chung. Ông không có con cái. Con tự thân đến trung thu thuế, xử lý nhập cung. Riêng vàng ròng tám vạn cân, huống chi những tạp vật khác. Nhưng gia chủ kia ngày còn sống, ăn những đồ ăn rất là tệ dở, không ăn thứ ngon. Những y phục ông mặc thì cấu bẩn, không sạch. Con ngựa kéo xe cho ông thật gầy yếu.”

Thế Tôn bảo:

“Thật vậy, Đại vương, như vua vừa nói. Phạm người tham lam keo kiệt được tiền của này không dám ăn, không cho cha mẹ, vợ con, tớ hầu, nô tỳ. Cũng lại không

²² Tham chiếu Pāli, S. 3. 20 Aputtaka (R. i. 91). Hán, *Tạp* (Việt) 1236.

²³ Đề bản: Bà-đề Gia chủ 婆提長者, phiên âm, nên đọc là *sa*.

Pāli: Setṭhi-gahapati. *Tạp* ibid.: Gia chủ tên Ma-ha-nam 摩訶男.

cho bằng hữu quen biết. Cũng không cho sa-môn, bà-la-môn và các tôn trưởng. Nếu người có trí có được tài bảo này, thì hay huệ thí, cứu giúp rộng rãi, tất cả không chút gì luyến tiếc, cung cấp sa-môn, bà-la-môn và các vị cao đức.”

Khi đó vua Ba-tư-nặc hỏi:

“Gia chủ Sa-đề này mạng chung bị sanh vào chốn nào?”

Thế Tôn bảo:

“Gia chủ Sa-đề này mạng chung sẽ sanh vào trong đại địa ngục Thế khốc.²⁴ Vì sao vậy? Vì người này đoạn mất thiện căn, nên thân hoại mạng chung sanh vào trong địa ngục Thế khốc.”

Vua Ba-tư-nặc hỏi:

“Gia chủ Sa-đề đoạn thiện căn sao?”

Thế Tôn bảo:

“Thật vậy, Đại vương, như vua đã nói, gia chủ kia đã đoạn mất thiện căn. Song gia chủ kia phước cũ đã hết không tạo lại cái mới.”

Vua Ba-tư-nặc hỏi:

“Gia chủ kia còn sót lại phước nào không?”

Thế Tôn bảo:

“Không, Đại vương, không còn sót máy may nào tồn tại. Như người nhà nông kia chỉ thu mà không trồng, nên sau lại bị khôn cùng, dần dà cho đến chết. Vì sao vậy? Vì chỉ

²⁴ Thế khốc địa ngục 涕哭地獄; cũng gọi là Đề khốc hay Khiếu hoán 叫喚. Xem *Trường* 19 (T1n1, tr. 121c6, 123c29).

Pāli: Roruva, cf. S. i. 30.

tiêu dùng sản nghiệp cũ mà không tạo mới. Gia chủ này cũng như thế, chỉ hưởng phước cũ lại không tạo của mới. Đêm nay, Gia chủ này sẽ vào trong địa ngục Thế khổc.”

Bấy giờ, vua Ba-tư-nặc, trong lòng lo sợ, lau nước mắt mà thưa:

“Gia chủ này [613a01] ngày trước đã tạo ra công đức phước nghiệp gì mà được sanh vào nhà giàu có, lại đã tạo ra gốc rễ bất thiện nào mà không hưởng được của cải cực giàu này, cũng không an trú trong ngũ dục?”

Bấy giờ, Thế Tôn bảo vua Ba-tư-nặc:

“Vào quá khứ xa xưa, thời Phật Ca-diếp, gia chủ này ở trong thành Xá-vệ, là con nhà nông. Sau khi đức Phật nhập diệt, có Bích-chi-phật xuất hiện ở đời, đến nhà của gia chủ này. Khi gia chủ này thấy Bích-chi-phật đứng ở trước cửa, liền nghĩ thầm: ‘Như Tôn giả này xuất hiện ở đời rất khó. Nay ta hãy đem đồ ăn thức uống đến bố thí người này.’

“Bấy giờ gia chủ bố thí cho vị Bích-chi-phật kia. Vị Bích-chi-phật này ăn xong, liền bay lên hư không mà đi.

“Khi gia chủ đó thấy vị Bích-chi-phật hiện thân tức, liền phát thệ nguyện như vậy: ‘Nguyện đem gốc thiện này, khiến cho đời đời sanh ở chỗ nào cũng không đọa vào ba đường dữ, thường nhiều của báu.’ Sau đó lại có tâm hối tiếc: ‘Những thức ăn vừa rồi đáng lẽ cho nô bộc chứ không cho đạo nhân đầu trọc này ăn.’ Gia chủ nhà nông lúc đó há là người nào khác chăng? Chớ có nghĩ vậy. Gia chủ nhà nông lúc đó, nay chính là gia chủ Sa-đề này.

“Khi thí xong, phát thệ nguyện này, do công đức này, ông sinh ra nơi nào cũng không đọa đường dữ, thường nhiều của, lắm báu, sanh nhà phú quý, không thiếu thốn

một thứ gì. Nhưng sau khi đã bỏ thí, lại sanh tâm hối, ‘Đáng lẽ ta cho nô bộc ăn, chứ không cho đạo nhân trọc đầu này ăn.’

“Vì do nguyên nhân này, nên ông không hưởng được của cực giàu này, cũng không thích sống trong năm dục. Tự mình không cúng dường, lại không cho cha mẹ, anh em, vợ con, tớ hầu, bạn bè quen biết; không bỏ thí cho sa-môn, bà-la-môn, các vị tôn trưởng. Chỉ hưởng nghiệp cũ mà không tạo cái mới. Đại vương, cho nên kẻ có trí được của cái này nên ban thí khắp, đừng có tiếc nuối, rồi sẽ được của cái vô số. Đại vương, hãy học điển này như vậy.”

Bấy giờ, vua Ba-tư-nặc bạch Thế Tôn:

“Từ nay về sau, con sẽ bỏ thí khắp cho sa-môn, bà-la-môn, chúng bốn bộ. Nhưng các dị học ngoại đạo đến cầu thực, con không thể cho.”

Thế Tôn bảo:

“Đại vương, chớ nghĩ như vậy. Vì sao vậy? Vì tất cả chúng sanh đều do thức ăn mà tồn tại. Nếu không ăn thì sẽ bị chết.”

Bấy giờ Thế Tôn liền nói kệ như vậy:

[613b01] *Nên niệm bố thí khắp;
Mãi chẳng dứt tâm thí.
Ắt sẽ gặp Hiền Thánh,
Độ nguồn sanh từ này.*

Bấy giờ vua Ba-tư-nặc bạch Phật:

“Nay con lại càng rất hoan hỷ hướng về Như Lai. Vì sao vậy? Vì tất cả chúng sanh đều do thức ăn mà tồn tại, không ăn thì không tồn tại.”

Khi đó, vua Ba-tư-nặc nói:

“Từ nay về sau con sẽ bố thí khắp, không có gì hối tiếc.”

Bấy giờ, sau khi Thế Tôn thuyết pháp vi diệu cho vua Ba-tư-nặc xong, vua từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ sát chân Phật, rồi lui về.

Vua Ba-tư-nặc, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 5²⁵

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ Tôn giả A-nan ở nơi nhàn tĩnh, nghĩ thầm như vậy: “Thế gian có hương này chẳng, hương ngược gió, hương xuôi gió, hương vừa ngược vừa xuôi gió?”²⁶

Rồi Tôn giả A-nan rời chỗ ngồi đứng dậy, đi đến chỗ đức Thế Tôn, đánh lễ sát chân, và ngồi qua một bên. Khi ấy Tôn giả A-nan bạch Thế Tôn rằng:

“Con ở nơi nhàn tĩnh nghĩ thầm: Thế gian có hương này chẳng, hương ngược gió, hương xuôi gió, hương vừa ngược vừa xuôi gió?”

Bấy giờ đức Thế Tôn bảo A-nan:

“Có diệu hương này, hương vừa ngược gió, hương vừa xuôi gió, và hương vừa ngược vừa xuôi theo gió.”

²⁵ Tham chiếu Pāli, A III 79 Gandha (R. i. 225).

²⁶ Pāli, ibid., ba loại hương này: Hương của rễ (*mūlagandho*), hương của lõi (*sāragandho*), hương của hoa (*pupphagandho*), chỉ thơm theo chiều gió. Có hương nào ngược gió cũng thơm, vừa ngược vừa xuôi gió cũng thơm?

Tăng nhất A-hàm

A-nan bạch Thế Tôn:

“Đây là loại hương nào, hương vừa ngược gió, hương vừa xuôi gió, và hương vừa ngược vừa xuôi theo gió?”

Thế Tôn bảo:

“Có loại hương này, mà hơi của nó là hương vừa ngược gió, hương vừa xuôi gió, và hương vừa ngược vừa xuôi theo gió.”

An-nan bạch Phật:

“Đó là những hương nào, hương vừa ngược gió, hương vừa xuôi gió, và hương vừa ngược vừa xuôi theo gió?”

Thế Tôn bảo:

“Có ba loại hương này, hương vừa ngược gió, hương vừa xuôi gió, và hương vừa ngược vừa xuôi theo gió.”

A-nan bạch:

“Ba loại đó là những gì?”

Thế Tôn bảo:

“Hương giới, hương văn, hương thí. Nay A-nan, có ba loại hương này, là hương vừa ngược gió, hương vừa xuôi gió, và hương vừa ngược vừa xuôi theo gió. Trong các loại hương thơm có được trong thế gian, ba loại hương này là tối thắng, tối thượng, không thứ gì sánh bằng, không thứ gì bì kịp. Cũng như từ bò có sữa, từ sữa có lạc, từ lạc có tô, từ tô có đề-hồ, nhưng đề-hồ này là tối thắng, tối thượng, không thứ gì sánh bằng, [613c01] không thứ gì bì kịp. Ở đây cũng vậy, trong các loại hương thơm có được trong thế gian, ba loại hương này là tối thắng, tối thượng, không thứ gì sánh bằng, không thứ gì bì kịp.”

Bấy giờ Thế Tôn liền nói kệ này:

*Mộc mật và chiên-đàn;
Ưu-bát và các hương:
Trong hết thảy hương này,
Hương giới là tối thắng.²⁷*

*Thành tựu được giới này,
Không dục, không bị nhiễm,
Chánh trí mà giải thoát.
Chỗ đi, Ma chẳng biết.*

*Hương này tuy tuyệt diệu:
Là các hương đàn, mật.
Nhưng hương giới tối diệu,
Mười phương đều nghe biết.*

*Chiên-đàn tuy có hương,
Ưu-bát và các hương;
Ở trong các hương này,
Hương vẫn là đệ nhất.*

*Chiên-đàn tuy có hương,
Ưu-bát và các hương;
Ở trong các hương này,
Hương thí là đệ nhất.*

“Đó gọi là có ba loại hương này, hương vừa ngược gió, hương vừa xuôi gió, và hương vừa ngược vừa xuôi theo gió. Cho nên, này A-nan, hãy tìm cầu phương tiện thành tựu ba hương này.

“Này A-nan, hãy học điều này như vậy.”

A-nan, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

²⁷ Cf. Dh. 55: *candanam tagaram vā'pi, uppalam aṭṭha vassikā, etesāṃ gandhajātānaṃ, sīlagandho anuttaro!*

KINH SỐ 6

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại Ca-lan-đa, trong vườn Trúc, thành La-duyệt, cùng với năm trăm đại Tỳ-kheo.

Đến giờ, Thế Tôn khoác y, cầm bát, vào thành La-duyệt khất thực. Khi đó, Đề-bà-đạt-đa* cũng vào thành khất thực. Khi Đề-bà-đạt-đa vào ngõ hẻm, Phật cũng đến đó. Nhưng Phật từ xa thấy Đề-bà-đạt-đa tới, liền muốn đi lui lại. A-nan bạch Thế Tôn:

“Vi sao Thế Tôn muốn tránh đi hẻm này?”

Thế Tôn bảo:

“Đề-bà-đạt-đa đang ở hẻm này, cho nên phải tránh đi.”

A-nan bạch Phật:

“Thế Tôn, há sợ Đề-bà-đạt-đa sao?”

Thế Tôn bảo:

“Ta không sợ Đề-bà-đạt-đa, nhưng người xấu này không nên gặp gỡ.”

A-nan bạch rằng:

“Nhưng, Thế Tôn, có thể khiến Đề-bà-đạt-đa này đi phương khác.”

Bấy giờ Thế Tôn liền nói kệ này:

*Ta trọn không tâm này,
Khiến kia đi hướng khác.*

[614a01] *Người ấy tự mình hành,
Tự mình bị lỗi đi.*

A-nan bạch Thế Tôn:

“Nhưng Đề-bà-đạt-đa có lỗi đối với Như Lai.”

Thế Tôn bảo:

“Không nên gặp người ngu hoặc.”

Khi đó đức Thế Tôn quay sang A-nan mà nói kệ này:

*Không nên gặp người ngu;
Đừng a tòng người ngu;
Cũng đừng cùng thảo luận
Tranh luận chuyện thị phi.*

Khi đó, A-nan lại dùng kệ hỏi Thế Tôn:

*Người ngu khả năng gì?
Người ngu có lỗi gì?
Giả sử cùng ngôn luận,
Kết cuộc thất thố gì?*

Bấy giờ, Thế Tôn lại dùng kệ này đáp:

*Người ngu tự gây nghiệp
Việc làm đều phi pháp.
Chánh kiến phản luật thường
Tà kiến ngày càng thêm.*

“Cho nên, này A-nan, chớ tùng sự với ác tri thức. Vì sao vậy? Vì tùng sự với người ngu, sẽ không có tín, không giới, không văn, không trí. Tùng sự thiện tri thức càng tăng trưởng công đức, giới được thành tựu đầy đủ.

“Này A-nan, hãy học điều này như vậy.”

A-nan, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 7

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại Ca-lan-đà, trong vườn Trúc, thành La-duyệt, cùng với năm trăm Tỳ-kheo.

Bấy giờ vua A-xà-thế thường xuyên cung cấp cho Đề-bà-đạt-đa năm trăm chỗ com. Lúc đó, Đề-bà-đạt-đa danh vang bốn phương, giới đức trọn vẹn, danh xưng đầy đủ, mới có thể khiến cho vua hằng ngày đến cúng dường.

Khi các Tỳ-kheo nghe Đề-bà-đạt-đa đã được lợi dưỡng này, họ đến bạch Thế Tôn:

“Nhân dân trong nước ca ngợi Đề-bà-đạt-đa nổi tiếng khắp nơi, mới khiến cho vua A-xà-thế thường xuyên đến cúng dường.”

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Tỳ-kheo các người chớ ôm lòng ham muốn lợi dưỡng của Đề-bà-đạt-đa này. Vì sao vậy? Vì Đề-bà-đạt-đa là người ngu gây ra ba sự này, các hành vi của thân, miệng, ý, nhưng không hề kinh sợ, cũng không sợ hãi. Như Đề-bà-đạt-đa hiện nay là người ngu nên tiêu hết các công đức thiện. Như bắt chó dữ mà đánh vào mũi nó, càng làm nó hung dữ thêm. Người ngu Đề-bà-đạt-đa cũng như [614a] vậy, nhận lợi dưỡng này liền nổi lên cống cao. Cho nên, này các Tỳ-kheo, cũng đừng khởi lên ý tưởng đắm trước lợi dưỡng. Tỳ-kheo nào đắm trước lợi dưỡng thì không được ba pháp. Ba pháp gì? Đó là không thành tựu giới Hiền Thánh, tam-muội Hiền Thánh, trí huệ Hiền Thánh. Tỳ-kheo nào không đắm vào lợi dưỡng thì sẽ được ba pháp. Ba pháp gì? Đó là thành tựu giới Hiền Thánh, tam-muội Hiền Thánh, trí huệ Hiền Thánh. Nếu thành tựu được ba pháp này sẽ phát thiện tâm, không đắm vào lợi dưỡng.

“Này các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy”.

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 8

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có ba bất thiện căn này. Những gì là ba? Tham bất thiện căn, nhuế bất thiện căn, si bất thiện căn.²⁸ Tỳ-kheo nào có ba gốc rễ bất thiện này sẽ bị đọa vào ba đường dữ. Những gì là ba? Đó là địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Như vậy, Tỳ-kheo, nếu người nào có ba gốc rễ bất thiện này thì sẽ có ba đường dữ.

“Tỳ-kheo nên biết, có thiện căn này. Những gì là ba? Vô tham thiện căn, vô nhuế thiện căn, vô si thiện căn.²⁹ Tỳ-kheo, đó gọi là có thiện căn. Người nào có ba gốc thiện này, liền có hai nẻo lành và Niết-bàn là ba. Những gì là hai nẻo lành? Đó là người và trời. Tỳ-kheo, đó gọi là ai có ba thiện này, sẽ sanh vào chỗ lành này. Cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy lìa ba gốc rễ bất thiện, tu ba gốc rễ thiện.

“Này các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

²⁸ Cf. Tập dị 3 (T26n1536, tr. 376b12). Pāli, A III 69 (R. i. 201): *tīṇimāni akusalamūlāni: lobho akusalamūlaṃ, doso, moho akusalamūlaṃ.*

²⁹ Cf. Tập dị 3 (T26n1536, tr. 376c21) Pāli, Ibid. (R.i. 203): *tīṇimāni, bhikkhave, kusalamūlāni: alobho kusalamūlaṃ, adoso kusalamūlaṃ, a-moho kusalamūlaṃ.*

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 9

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có ba tụ này. Những gì là ba? Đó là chánh tụ,³⁰ tà tụ, bất định tụ.³¹

“Sao gọi là chánh tụ*? Có chánh kiến³², chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định. Đó gọi là chánh tụ .

“Sao gọi là tà tụ? Nghĩa là có tà kiến, tà tư duy, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà tinh tấn, tà niệm, tà định. Đó gọi là tà tụ.

“Sao gọi là bất định tụ? Nghĩa là có chẳng biết khổ, chẳng biết tập, chẳng biết tận, chẳng biết đạo, chẳng biết chánh [614c] tụ, chẳng biết tà tụ. Đó gọi là bất định tụ.

“Các Tỳ-kheo nên biết, lại có ba tụ. Những gì là ba? Nghĩa là có thiện tụ, chánh tụ, định tụ.

³⁰ Nguyên Hán: Đẳng tụ 等聚.

³¹ Cf. *Trường 8* (T1n1, tr. 50b18): Ba tụ: Chánh định tụ 正定聚, tà định tụ 邪定聚, bất định tụ 不定聚; *Tập dị 4* (T26n1536, tr. 381a1). Cf. D 27 Saṅgīti (R.iii. 217): *tayo rāsī- micchattaniyato rāsī, sammattaniyato rāsī, aniyato rāsī.*

³² Đẳng kiến 等見. Trên kia, có chỗ nói là chánh kiến.

“Sao gọi là thiện tុ? Chính là ba thiện căn. Những thiện căn nào? Vô tham thiện căn, vô nhuế thiện căn, vô si thiện căn. Đó gọi là thiện tុ.

“Sao gọi là chánh tុ? Chính là tám đạo phẩm của Hiền Thánh gồm: chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định. Đó gọi là chánh tុ.

“Sao gọi là định tុ? Nghĩa là có biết khổ, biết tập, biết tận, biết đạo, biết thiện tុ, biết ác tុ³³, biết định tុ. Đó gọi là định tុ.

“Cho nên, các Tỳ-kheo, ở trong ba tុ này, hãy tránh tà tុ và bất định tុ. Hãy phụng hành chánh tុ này.

“Này các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 10

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có ba suy tầm này. Những gì là ba? Suy tầm dục tướng, sân nhuế tướng, sát hại tướng.³⁴ Tỳ-kheo, đó gọi là ba tướng.

³³ Đề bản: Ác thú 惡趣.

³⁴ Nguyên Hán: Quán tướng 觀想. Cf. *Tập dị* 3 (T26n1536, tr. 377a26), ba bất thiện tâm 三不善尋: dục tầm 欲尋, nhuế tầm 恚尋, hại tầm 害尋. Cf. D 27 Saṅgīti (R.iii. 215): *tayo*

“Tỳ-kheo nên biết, nếu người suy tâm dục tướng, khi mạng chung sẽ đọa vào địa ngục. Nếu suy tâm sân nhuế tướng, khi mạng chung sẽ sanh trong loài súc sanh, thuộc vào các loài gà, chó; sinh trong các loài rắn, trùng. Nếu suy tâm hại tướng, khi mạng chung sẽ sanh trong loài ngựa quý, thân hình bị thiêu đốt, đau khổ không thể kể được. Tỳ-kheo, đó gọi là có ba suy tâm này, sẽ sinh vào trong địa ngục, súc sanh.

“Lại có ba suy tâm.³⁵ Những gì là ba? Đó là tâm xuất ly, tâm không sát hại, tâm không sân nhuế.³⁶ Nếu người nào có tâm xuất ly, khi mạng chung sẽ sanh trong loài người. Nếu người nào có tâm không sát hại, khi mạng chung sẽ sanh lên trời một cách tự nhiên. Nếu người nào có tâm không sân nhuế, khi mạng chung, đoạn trừ năm kết sử, ở nơi kia³⁷ nhập bát-niết-bàn. Tỳ-kheo, đó gọi là ba tâm, hãy thường niệm tu hành. Hãy xa lìa ba ác tướng này.

“Này các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

akusalavitakkā– kāmavitakko, byāpādavitakko, vihiṃsā-vitakko.

³⁵ Nguyên Hán: Tưởng 想.

³⁶ Cf. *Tập dị 3* (T26n1536, tr. 377b8): Ba thiện tâm 三善尋; xuất ly tâm 出離尋, vô nhuế tâm 無恚尋, vô hại tâm 無害尋. Pāli, *ibid.*, *tayo kusalavitakkā– nekkhammavitakko, abyāpādavitakko, avihimsā-vitakko.*

³⁷ Trong năm Tịnh cư thiên.

Kệ tóm tắt:

*Địa chủ, Bà-câu, Nhĩ,
Bà-đề, hương thuận nghịch
[615a1]Ngu, thế, ba bất thiện,
Ba tụ, quán sau cùng.³⁸*

³⁸ Bản Hán, hết quyển 13.

24. PHẨM CAO TRÀNG

KINH SỐ 1¹

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Xưa, Thiên đế Thích bảo với trời Tam thập tam rằng: ‘Các khanh khi vào trận chiến lớn, nếu ai có tâm kinh hãi lo sợ, thì các khanh hãy quay lại nhìn lá cờ rộng lớn của ta. Nếu ai thấy lá cờ của ta, liền hết sợ hãi. Nếu ai không nhớ cờ của ta, hãy nhớ cờ của Y-sa Thiên vương,² vì ai nhớ cờ kia thì những sự sợ hãi đang có liền tự tiêu diệt. Nếu các khanh không nhớ cờ của ta và cờ của Y-sa Thiên vương, lúc đó nên nhớ cờ của Bà-lưu-na³ Thiên vương, vì nhớ cờ đó thì những sự sợ hãi đang có sẽ tự tiêu diệt.

“Nay Ta cũng lại bảo các người: Nếu có Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di nào mà sợ hãi, toàn thân lông dựng đứng, bấy giờ nên niệm thân Ta, rằng: ‘Đây là Như Lai Chí chân, Đẳng chánh giác, Minh hành túc*, Thiện thế, Thế gian giải, Vô thượng sĩ, Điều ngự trượng phu, Thiên Nhân sư, hiệu Phật Thế tôn xuất hiện ở đời.’

¹ Pāli, S. 11. 3 Dhajaggasuttam (R i. 218).

² Y-sa Thiên vương 伊沙天王. Skt. Īsāna (Y-xá-na thiên), một trong các Hộ thế Thiên vương của Mật giáo. Pāli: Īsāna, một trong các Thượng đẳng thần của các Bà-la-môn. Cf. D.i. 244.

³ Bà-lưu-na 婆留那. Skt. Varuṇa (Thủy thiên), một trong 12 chư thiên của Mật giáo, chủ quản các bộ quý thần. Pāli, ibid, đồng, được kể chung với Īsāna, Indra, Soma, Pajāpati, Brahmā.

Giả sử có sự sợ hãi toàn thân lông dựng đứng, sợ hãi ấy liền tự tiêu diệt. Nếu ai không niệm Ta, lúc đó nên niệm Pháp, rằng: ‘Pháp của Như Lai rất là vi diệu, được người trí học tập.’ Do niệm Pháp mà mọi sợ hãi tự tiêu diệt. Nếu không niệm Ta, cũng không niệm Pháp, khi đó nên niệm Thánh chúng, rằng: ‘Thánh chúng của Như Lai rất là hòa thuận, pháp tùy pháp thành tựu*, giới thành tựu, tam-muội thành tựu, trí huệ thành tựu, giải thoát thành tựu, giải thoát kiến huệ thành tựu, gồm có bốn đôi tám bậc. Đó là Thánh chúng Như Lai, đáng kính, đáng thờ, là ruộng phước của thế gian.’ Đó gọi là Thánh chúng Như Lai. Bây giờ, nếu niệm Tăng rồi, mọi sợ hãi tự tiêu diệt.

“Tỳ-kheo nên biết, Thích Đề-hoàn Nhân còn có dâm, nộ, si. Song trời Tam thập tam niệm tướng chủ mình mà hết sợ hãi, hưởng chi Như Lai không còn có tâm dục, nộ, si, nên niệm tướng đến mà có sợ hãi sao? Nếu Tỳ-kheo nào có sợ hãi, sợ hãi tự tiêu diệt. Cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy niệm tam tôn: Phật, Pháp và Thánh chúng.

“Này các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 2

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bây giờ, trong nước Bạt-kỳ có con quỷ tên là Tỳ-sa,⁴ ở nước đó rất là hung bạo, giết dân vô số, thường mỗi ngày

⁴ Tỳ-sa 毘沙; quỷ Tỳ-xá-xà, ăn tinh khí của người. Skt. Piśāca.

giết một người, hoặc ngày hai người, ba người, bốn người, năm người, mười người, hai mươi người, ba mươi người, bốn mươi người, năm mươi người. Nước đó bảy giờ đây đẩy các quỷ thân, la-sát. Lúc bảy giờ nhân dân nước Bạt-kỳ tụ hội lại, cùng bàn luận:

“Chúng ta có thể tránh nước này, sang nước khác, không cần ở đây.”

Bảy giờ, ác quỷ Tỳ-sa biết được ý nghĩ trong lòng những người dân kia, liền bảo nhân dân kia:

“Các ngươi chớ rời nơi này đến nước khác. Vì sao vậy? Cuối cùng không thoát tay ta. Mỗi ngày các ngươi mang một người tế ta, ta sẽ không quấy nhiễu các ngươi.”

Khi ấy, dân Bạt-kỳ hằng ngày bắt một người tế ác quỷ kia. Khi ác quỷ kia ăn thịt người rồi, lấy hài cốt ném vào nơi khác trong núi, nên hang suối trong núi kia đầy những xương.

Bảy giờ, có gia chủ tên là Thiện Giác sống tại nơi đó, nhiều tiền lăm của, tiền chứa ngàn ức; la, lừa, lạc đà không thể tính hết; kim ngân, trân bảo, xa cừ, mã não, chơn châu, hồ phách cũng không thể kể. Gia chủ kia có con trai nhỏ tên là Na-uru-la. Vì chỉ có một con trai, nên rất được yêu quý, thương nhớ chưa từng rời mắt. Theo kỳ hạn này, bảy giờ đến lượt đứa trẻ Na-uru-la phải tế quỷ. Bảy giờ, cha mẹ Na-uru-la tắm rửa đứa trẻ này và mặc y phục đẹp, dẫn đến nơi gò mả chỗ quỷ kia. Đến đó, rồi khóc lóc, kêu la không thể kể xiết, và nói như vậy:

“Các thần và địa thần, thấy đều chứng minh cho. Chúng tôi chỉ có một đứa con này. Xin các thần sáng suốt hãy chứng minh cho. Hai mươi tám vị đại quỷ thần vương xin

Thường đồng nhất với yakkha (đạ-xoa) trong văn học Pāli.

hãy gia hộ cho, khiến đừng bị tai ách. [615c1] Xin đánh lễ hết thầy Tứ thiên vương, xin thủ hộ đứa trẻ này khiến được cứu thoát. Cũng xin đánh lễ Thích Đề-hoàn Nhân, xin cứu mạng đứa trẻ này. Cũng lại đánh lễ Phạm Thiên vương, xin cứu thoát mạng này. Cũng xin đánh lễ chư quý thân hộ thể, để thoát ách này. Nay con cũng xin đánh lễ các vị A-la-hán lậu tận, đệ tử Như Lai để thoát ách này. Cũng lại đánh lễ các vị Bích-chi-phật vô sư, tự giác, để thoát ách này. Nay cũng tự đánh lễ Như Lai kia, hàng phục người chưa hàng phục, độ người chưa được độ, bảo hộ người chưa được bảo hộ, cứu thoát người chưa được cứu thoát, khiến bát-niết-bàn người chưa được bát-niết-bàn, cứu hộ cho người chưa được cứu hộ, làm mất sáng cho người mù, làm đại y vương cho người bệnh. Đối với trời, rồng, quý thân, tất cả nhân dân, Ma và Ma thiên, Ngài là bậc tối tôn thượng, không ai có thể sánh bằng, đáng kính đáng quý, làm ruộng phước lành cho mọi người, không ai hơn Như Lai. Vậy, xin Như Lai hãy giám sát cho. Xin Như Lai hãy rọi đến lòng chí thành này.”

Cha mẹ Na-uru-la sau khi đưa đứa trẻ cho quý rồi, lui trở về.”

Bấy giờ, đức Thế Tôn bằng thiên nhãn thanh tịnh, lại bằng thiên nhĩ nghe thấu những lời này, cha mẹ của Na-uru-la khóc lóc van xin không thể kể xiết. Khi đó, đức Thế Tôn dùng thần túc lực đến chỗ ở của con quý dữ trong núi kia. Lúc ác quỷ kia đang tụ tập tại chỗ quý thân phía bắc Tuyết sơn, Thế Tôn vào tại trú xứ của quý mà ngồi, ngồi kiết già chánh thân, chánh ý.

Lúc đó, đứa trẻ Na-uru-la lần hồi đi đến chỗ trú xứ của quý kia. Từ xa, đứa trẻ Na-uru-la nhìn thấy Như Lai tại trú xứ của ác quỷ, ánh sáng rực rỡ, chánh thân chánh ý, buộc niệm ở trước, nhan sắc đoan chánh ít có trên đời,

các căn tịch tịnh, có nhiều công đức hàng phục các ma. Những công đức như vậy không thể kể xiết. Có ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp trang nghiêm thân Ngài, như núi Tu-di vượt trên các đỉnh núi. Gương mặt Ngài như mặt trời, mặt trăng, cũng như ánh sáng của núi vàng chiếu xa. Thấy vậy rồi, nó sanh tâm hoan hỷ, hướng về Như Lai mà nghĩ như vậy: “Đây ắt không phải ác quỷ Tỳ-sa. Vì sao vậy? Vì nay ta thấy người này mà tâm rất hoan hỷ. Nếu người chính là ác quỷ thì cứ tùy ý mà ăn.”⁵

Lúc đó, đức Thế Tôn bảo:

“Na-uu-la, đúng như những lời người nói. Ta nay là Như Lai Chí chân, Đẳng chánh giác, đến cứu người, và hàng phục ác quỷ này.”

Na-uu-la nghe những lời này [616a1], vui mừng hơn hờ không thể tự chế, liền đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, rồi ngồi qua một bên. Khi đó, Thế Tôn nói cho đứa bé nhiều đề tài vi diệu; luận về bố thí, luận về trì giới, luận về sanh thiên, dục là như xấu, là hữu lậu, là hạnh bất tịnh, xuất gia là con đường xuất yếu, trừ khử các loạn tướng.

Khi đức Thế Tôn đã thấy tâm ý đứa trẻ Na-uu-la hoan hỷ, tánh ý nhu nhuyễn. Như pháp mà chư Phật Thế Tôn thường thuyết, là khổ, tập, tận, đạo; bấy giờ Thế Tôn cũng vì bé mà thuyết đủ. Bé liền ở trên chỗ ngồi sạch hết các trần cấu, đượ mắt pháp trong sạch. Bé đã thấy pháp, đắc pháp, thành tựu các pháp, tiếp nhận các pháp không có nghi ngờ, hiểu được lời dạy Như Lai, quy y Phật, Pháp, Thánh chúng, và thọ năm giới.

⁵ Truyện kể gần giống với truyện Hatthaka Āḷavaka, Pāli, cf. AA. i. 212.

Khi ấy, ác quỷ Tỳ-sa trở về đến trú xứ mình.⁶ Từ xa, ác quỷ trông thấy Thế Tôn đang ngồi đọa chánh tư duy, thân không lay động. Thấy vậy, nó nổi sân hận phẫn nộ, nổi mưa, sấm sét, hoặc mưa đao kiếm nhắm đến Như Lai; nhưng khi chưa rơi xuống đất liền biến thành hoa sen ưu-bát. Khi đó quý kia càng thêm thịnh nộ, làm mưa xuống các núi, sông, vách đá; nhưng khi mưa chưa rơi xuống đất liền biến thành vô số đồ ăn thức uống. Quý kia lại hóa làm con voi lớn, gặm thét nhắm đến chỗ Như Lai. Thế Tôn lại hóa làm sư tử chúa. Quý kia lại biến làm hình sư tử nhắm đến chỗ Như Lai. Thế Tôn biến làm một đám lửa lớn. Quý kia lại càng thịnh nộ, biến thành rồng lớn có bảy đầu. Thế Tôn biến làm kim xí điều lớn. Khi đó quý kia liền nghĩ thầm như vậy: “Nay những thần lực mà ta có, hiện đã trở hết rồi. Song không động đến lông áo của Sa-môn này. Nay ta nên đến hỏi ông ta nghĩa sâu này.”

Khi đó quý kia hỏi Thế Tôn:

“Nay ta muốn hỏi nghĩa sâu xa. Nếu không thể trả lời được, ta sẽ nắm hai chân ông quăng xuống biển nam.”

Đức Thế Tôn bảo:

“Ác quỷ nên biết, Ta tự quán sát thấy không có trời và người, sa-môn, bà-la-môn, hoặc người, hoặc phi nhân nào có thể nắm hai chân Ta ném xuống biển nam. Nhưng nay người muốn hỏi nghĩa thì có thể hỏi.”

Khi đó, ác quỷ hỏi:

“Sa-môn, những gì là hành cũ, những gì là hành mới, những gì là hành diệt?”

⁶ Nội dung gần với truyện kể Phật đến trú xứ của quý A-lạp 阿[月+葛], cf. *Tạp*, kinh 1340.

Thế Tôn bảo:

“Ác quỷ nên biết, mắt là hành cũ, do duyên là những gì được làm từ trước mà sinh thọ* thành hành. Tai, mũi, lưỡi⁷, thân, ý; đó là các hành cũ, do duyên là những gì được làm từ trước mà sinh thọ* [616b1] thành hành. Ác quỷ, đó gọi là các hành cũ.⁸”

Quý Tỳ-sa hỏi:

“Sa-môn, những gì là hành mới?”

Thế Tôn bảo:

“Những gì được làm trong hiện tại, ba bởi thân, bốn bởi miệng, ba bởi ý. Ác quỷ, đó gọi là hành mới.”

Ác quỷ hỏi:

“Những gì là hành diệt?”

Thế Tôn bảo:

“Ác quỷ nên biết, hành cũ đã diệt tận không còn tái sinh; hành mới không được tạo tác; cái chấp thủ này vĩnh viễn không sanh, vĩnh viễn diệt tận không còn tàn dư. Đó gọi là hành diệt.”

Khi đó quý kia bạch Thế Tôn:

“Nay ta rất đói, tại sao cướp thức ăn của ta? Đứa trẻ này là thức ăn của ta. Sa-môn, trả đứa trẻ này lại cho ta!”

Thế Tôn bảo:

⁷ Đề bản: Khẩu □; chép nhầm.

⁸ Cf. S. iv. 132: *navapurāṇāni , bhikkhave, kammāni desessāmi kammanirodhaṃ kammanirodhagāminiñca paṭipadaṃ... cakkhu, bhikkhave, purānakammaṃ abhisankhataṃ. abhisāñcetaṃ vedaniyaṃ. daṭṭhabbaṃ...*

“Xưa kia, khi Ta chưa thành đạo, từng làm BỒ-tát, có chim bồ câu bay núp nơi Ta, Ta còn không tiếc thân mạng cứu nguy bồ câu kia, huống chi nay Ta đã thành Như Lai, há lại có thể bỏ đứa trẻ này cho người ăn thịt! Ác quỷ, nay người có dùng hết thân lực của người, Ta quyết không trao đứa trẻ này cho người. Thế nào, ác quỷ, thời Phật Ca-diếp người đã từng làm sa-môn tu trì phạm hạnh, sau lại phạm giới sanh làm ác quỷ này.”

Bấy giờ, ác quỷ nương vào oai thần của Phật, liền nhớ lại những việc đã làm đời trước. Ác quỷ bèn đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, và nói như vậy:

“Nay con là người ngu si không phân biệt chân nguy, mới sanh tâm này đối với Như Lai. Cúi xin Thế Tôn nhận sự sám hối của con.”

Như vậy ba, bốn lần.⁹

Thế Tôn bảo:

“Cho phép người hối lỗi, đừng tái phạm nữa.”

Bấy giờ, Thế Tôn vì quỷ Tỳ-sa thuyết pháp vi diệu khiến sinh hoan hỷ. Sau đó, ác quỷ kia tự tay dâng lên Thế Tôn hàng ngàn lạng vàng, bạch Thế Tôn: “Nay con đem hang núi này cúng dường chiêu-đề Tăng, cúi xin đức Thế Tôn vì con mà thọ nhận nó và hàng ngàn lạng vàng này.”

Nó nói ba lần như vậy.

Bấy giờ, Thế Tôn liền tiếp nhận hang núi này, rồi nói kệ này:

Thí vườn trái mát mẽ;

⁹ Nguyên Hán: Tam tứ. Lặp lại ba lần thôi, không có bốn. Hán chép dư.

*Làm cầu bắc ngang sông.
Hoặc giả làm thuyền lớn;
Cùng phương tiện nuôi sống;
Ngày đêm không lười mỏi,
Được phước không thể lường.
Pháp nghĩa, giới thành tựu
Chết rồi được sanh Thiên.¹⁰*

Khi đó, quý kia bạch Thế Tôn:

“Không biết Thế Tôn còn có gì chỉ dạy?”

Thế Tôn bảo:

“Nay người bỏ hình cũ của người, mặc ba y làm sa-môn, [616c1] vào thành Bạt-kỳ, đến bất kỳ nơi chốn nào, nói lời dạy này: ‘Các hiền nên biết, Như Lai xuất hiện ở đời, hàng phục người chưa được hàng phục, độ người chưa được độ, giải thoát người chưa được giải thoát, cứu hộ người chưa được cứu hộ, người mù làm mất sáng, ở giữa chư thiên, người đời, thiên long, quý thần, Ma hoặc Ma thiên, hoặc người, phi nhân, Ngài là bậc tối tôn thượng, không ai sánh bằng, đáng kính, đáng quý, làm ruộng phước lành cho loài người. Hôm nay, Ngài đã độ cậu bé Na-uru-la và hàng phục ác quý Tỳ-sa, các hiền có thể đến đó để được thọ giáo.’”

Đáp:

“Kính vâng, Thế Tôn!”

Bấy giờ, quý Tỳ-sa làm sa-môn, mặc ba pháp y, vào các đường hẻm trong làng, làm theo sự chỉ dạy này: “... Hôm nay, Ngài đã độ cậu bé Na-uru-la và hàng phục ác quý Tỳ-sa, các bạn có thể đến đó để được thọ giáo.’”

¹⁰ Như bài kệ trong kinh 11 phẩm 19, với một ít chi tiết bất đồng.

Vào bảy giờ, nhân dân trong nước Bạt-kỳ sôi động. Lúc đó, gia chủ Thiện Giác nghe những lời này rồi, vui mừng hơn hờ, không thể tự chế, dẫn tám vạn bốn ngàn người dân đến chỗ đức Thế Tôn. Đến nơi, đánh lễ sát chân Phật, rồi ngồi qua một bên. Khi ấy nhân dân trong thành Bạt-kỳ có người làm lễ sát chân Phật, hoặc có người đưa cao tay lên chào.

Khi tám vạn bốn ngàn người đã đến ngồi qua một bên, đức Thế Tôn lần lượt nói pháp vi diệu cho họ; luận về bố thí, luận về trì giới, luận về sanh thiên, dục là tướng bất tịnh, là hữu lậu, là tai hoạn lớn.

Rồi đức Thế Tôn quán sát tâm tám vạn bốn ngàn người dân kia, ý đã hoan hỷ. Như pháp mà chư Phật Thế Tôn thường thuyết, khổ, tập, tận, đạo, Ngài cũng thuyết pháp này cho tám vạn bốn ngàn người dân kia. Mọi người ngay trên chỗ ngồi sạch hết bụi trần, được mắt pháp trong sạch, như áo trắng tinh dễ nhuộm ra màu. Tám vạn bốn ngàn người dân này cũng vậy, rũ sạch bụi trần, được mắt pháp trong sạch, được pháp, thấy pháp, phân biệt các pháp, không có nghi ngờ, đạt không chỗ sợ, tự quy y tam tôn: Phật, Pháp, Thánh chúng và thọ năm giới.

Bảy giờ, gia chủ cha của Na-uru-la bạch Thế Tôn:

“Cúi xin đức Thế Tôn nhận lời thỉnh của con.”

Đức Thế Tôn im lặng nhận lời.

Sau khi gia chủ đó thấy Thế Tôn đã im lặng nhận lời, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ sát chân, lui trở về nhà. Sắp đặt các thứ đồ ăn thức uống, nganây hương vị. Sáng sớm tự báo đến giờ.

Khi ấy đến giờ, Thế Tôn khoác y, cầm bát, vào thành Bạt-kỳ, đi đến nhà gia chủ, ngồi vào chỗ ngồi dọn sẵn.

[617a1] Khi gia chủ thấy Thế Tôn đã ngồi an vị, bèn tự tay rót nước, châm sốt vô số đồ ăn thức uống. Sau khi thấy Thế Tôn ăn xong, dùng nước rửa, ông lấy một chiếc ghế ngồi trước Như Lai, bạch Thế Tôn:

“Lành thay, Thế Tôn, nếu chúng bốn bộ cần y phục, đồ ăn thức uống, giường nằm, ngọa cụ, thuốc men trị bệnh, đều đến nhà con lấy.”

Thế Tôn bảo:

“Được, Gia chủ. Như lời ông nói.”

Thế Tôn liền nói pháp vi diệu cho gia chủ. Thuyết pháp xong, Ngài rời chỗ ngồi đứng dậy mà đi.

Bảy giờ, trong khoảng như lực sĩ co duỗi cánh tay, Thế Tôn biến khỏi Bạt-kỳ trở về lại đến tinh xá Kỳ-hoàn tại Xá-vệ. Bảy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nếu chúng bốn bộ cần y phục, đồ ăn thức uống, giường nằm, ngọa cụ, thuốc men trị bệnh, đến nhà gia chủ cha Na-uru-la¹¹ lấy.”

Bảy giờ, Thế Tôn lại bảo các Tỳ-kheo:

“Hiện nay, như Ta, đệ tử đứng đầu trong hàng Ưu-bà-tắc không gì lẫn tiếc đó chính là cha của Na-uru-la.”

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 3

Tôi nghe như vậy:

¹¹ Na-uru-la phụ 那優羅父; có thể tương đương Pāli: Nakulapitā, đệ nhất thân tín (*vissāsakānaṃ*) trong các ưu-bà-tắc, nhưng chuyện kể hoàn toàn không giống ở đây. Cf. A. i. 26. AA. i. 216.

Một thời, đức Phật trú tại vườn Ni-câu-loại¹², giữa những người họ Thích¹³, cùng với năm trăm đại Tỳ-kheo.

Bấy giờ, có hàng ngàn người thuộc hào tộc của họ Thích đến chỗ Thế Tôn. Đến nơi, họ đánh lễ sát chân Phật, rồi ngồi qua một bên.

Bấy giờ những người họ Thích bạch Phật:

“Nay Ngài nên làm vua cai trị đất nước này, để dòng họ chúng ta không bị mục nát, không để ngôi Chuyển luân Thánh vương đến Ngài thì đoạn tuyệt. Nếu Thế Tôn không xuất gia, Ngài sẽ là Chuyển luân Thánh vương ở trong thiên hạ, thống lãnh bốn thiên hạ, có đủ ngàn người con. Dòng họ của chúng ta nổi danh khắp nơi, rằng Chuyển luân Thánh vương xuất hiện trong dòng họ Thích. Vì vậy, Thế Tôn, Ngài hãy làm vua cai trị, đừng để dòng vua dứt mất.”

Thế Tôn bảo:

“Nay Ta chính là thân vua, gọi là Pháp vương. Vì sao vậy? Nay Ta hỏi các người. Thế nào, các vị họ Thích, nói rằng Chuyển luân Thánh vương là có đầy đủ thất bảo, ngàn người con trai đồng mãnh. Nay Ta, ở trong ba ngàn đại thiên sát-độ, là tối tôn thượng, không ai có thể sánh bằng, thành tựu bảo bảy giác chi, có vô số hàng ngàn người con là các Thanh văn hầu quanh.”

Bấy giờ đức Thế Tôn liền nói kệ này:

Ngôi vị kia làm gì?

Được rồi, sau lại mất.

[617b1] *Ngôi này tối tôn thắng,*

¹² Ni-câu-lưu 尼拘留.

¹³ Thích-sí 釋翅, xem kinh 10, phẩm 17.

Không tận cùng, khởi thủy.

Chiến thắng không thể đoạt:

Chiến thắng này tôi thắng.

Phật có vô lượng hành,

Không dấu; ai thấy dấu?”

“Cho nên, các vị Thích chủng hãy tìm phương tiện cai trị bằng chánh pháp.

“Các vị Thích chủng phải học những điều này như vậy.”

Các vị Thích chủng, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 4¹⁴

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Khi đó có một Tỳ-kheo đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, rồi ngồi qua một bên. Bảy giờ Tỳ-kheo kia bạch Phật:

“Có sắc nào mà thường còn, không biến dịch, còn mãi ở thế gian, cũng không di động? Có thọ*, tướng, hành, thức nào mà thường còn, không biến dịch, còn mãi ở thế gian, cũng không di động?”

Thế Tôn bảo:

“Này Tỳ-kheo, không có sắc nào mà thường còn, không biến dịch, còn mãi ở thế gian, cũng không di động. Cũng không có thọ*, tướng, hành, thức nào mà thường còn, không biến dịch, còn mãi ở thế gian, cũng không di động.

¹⁴ Pāli, S. 22. 97 Nakhāsika (R. iii. 247).

“Tỳ-kheo, nếu có sắc này, thường còn, không biến dịch, còn mãi ở thế gian; người phạm hạnh không được phân biệt.¹⁵ Hoặc thọ, tưởng, hành, thức tồn tại mãi ở thế gian không biến dịch; người phạm hạnh không được phân biệt. Cho nên, Tỳ-kheo, vì sắc (không thể phân biệt),¹⁶ không còn mãi ở thế gian, cho nên phạm hạnh mới được phân biệt để diệt tận gốc khổ. Cũng không có thọ*, tưởng, hành, thức nào mà còn mãi ở thế gian, cho nên phạm hạnh mới được phân biệt để diệt tận gốc khổ.”

Bảy giờ đức Thế Tôn lấy một ít đất bỏ lên móng tay, rồi nói với Tỳ-kheo kia:

“Sao, Tỳ-kheo, có thấy đất trên móng tay này không?”

Tỳ-kheo đáp:

“Dạ vâng, Thế Tôn, con đã thấy.”

Phật bảo Tỳ-kheo:

“Nếu có sắc chỉ nhiều ngàn ấy mà thường hằng tồn tại ở thế gian; người phạm hạnh không thể phân biệt được sự diệt tận khổ. Cho nên, Tỳ-kheo, vì không có sắc ngàn ấy thường tại nên có hành phạm hạnh để diệt tận gốc khổ.

“Sở dĩ như vậy, Tỳ-kheo nên biết, xưa ta từng làm Đại vương, thống lãnh bốn thiên hạ, dùng pháp để trị hóa, thống lãnh nhân dân, bảy báu đầy đủ. Bảy báu là bánh xe báu, voi báu, ngựa báu, châu báu, ngọc nữ báu, cư sĩ báu, điển binh báu.

¹⁵ Tham chiếu Pāli, *ibid.*, *ṇayidaṃ brahmacariyavāso paññāyetha sammā dukkhakkhayāya*, đời sống phạm hạnh này không được thiết lập cho mục đích chân chánh diệt khổ.

¹⁶ Bản Hán có thể chép dư, nên cho vào ngoặc.

“Tỳ-kheo nên biết, vào lúc bảy giờ, khi Ta làm [617c1] Chuyện luân Thánh vương này, thống lãnh bốn thiên hạ, có tám vạn bốn ngàn voi thần, voi tên Bô-hô.¹⁷ Lại có tám vạn bốn ngàn xe có gắn lông chim báu,¹⁸ có xe dùng da sư tử phủ, có xe dùng da chó sói phủ, thảy đều treo tràng phan, lọng cao. Lại có tám vạn bốn ngàn đài cao rộng, giống như chỗ ở của Thiên đế. Lại có tám vạn bốn ngàn giảng đường, giống như Pháp giảng đường.¹⁹ Lại có tám vạn bốn ngàn ngọc nữ, giống như thiên nữ. Lại có tám vạn bốn ngàn tòa rộng lớn, thảy đều được cân bằng vàng, bạc, bảy báu. Lại có tám vạn bốn ngàn y phục, trang sức, đều là màu sắc đẹp mềm mại. Lại có tám vạn bốn ngàn đồ đựng thức ăn uống, bao nhiêu là hương vị khác nhau.

“Tỳ-kheo nên biết, bảy giờ ta cỡi một con voi lớn, màu trắng tinh, miệng đẹp có sáu ngà, được trang sức bằng vàng, bạc, có thể bay đi, cũng có thể ẩn hình hoặc lớn hoặc nhỏ, voi tên Bô-hô. Ta bảy giờ cỡi một con ngựa thần, lông đuôi màu son đỏ, khi đi thân không lắc, thân trang sức vàng bạc, có thể bay đi, cũng có thể ẩn hình, hay có thể biến lớn biến nhỏ. Ngựa tên Mao vương.²⁰ Lúc bảy giờ, Ta sống tại một lâu đài trong số tám vạn bốn ngàn tòa lâu đài cao rộng. Lâu đài này tên là Tu-ni-

¹⁷ Bô-hô 菩呼; xem *Trung*, kinh 61, 138: Voi chúa Vu-sa-hạ 于娑賀. Pāli: Uposatha-nāgarāja

¹⁸ Xem cht. 38 kinh 11 phẩm 19.

¹⁹ Pháp giảng đường 法講堂. Pāli: Dhammapāsāda, cung điện Pháp; cf. D. ii 187.

²⁰ Mao vương 毛王. Xem *Trung*, kinh 61, 138: Mao mã vương [馬+毛] 馬王. Pāli, *ibid.*, Valāhaka, Vân mã vương.

ma,²¹ hoàn toàn làm bằng vàng. Bảy giờ Ta nghỉ đêm trong một giảng đường. Giảng đường tên là Pháp thuyết, hoàn toàn làm bằng vàng. Ta đi trên một chiếc xe có gắn lông chim báu.* Xe tên là Tối thắng,²² được làm toàn bằng vàng. Ta dẫn một ngọc nữ theo bên mình sai khiến cũng giống như chị em. Ta ngồi trên một tòa trong số tám vạn bốn ngàn tòa cao rộng, vàng bạc anh lạc không thể kể xiết. Ta mặc một bộ y phục mềm dịu giống như thiên y. Những thức Ta ăn có vị như cam lồ.

“Vào lúc Ta đang làm Chuyển luân Thánh vương, có tám vạn bốn ngàn voi thần, sáng nào cũng kéo tới ngoài cửa thành, gây hại rất nhiều, không thể kể xiết. Lúc đó Ta nghĩ thế này: ‘Tám vạn bốn ngàn voi thần này, sáng nào cũng đi tới ngoài cửa thành gây hại rất nhiều, không thể kể xiết. Nay trong ý ta muốn chia làm hai phần. Bốn vạn hai ngàn sáng nào cũng đến nghinh giá.’

“Các Tỳ-kheo, bảy giờ Ta nghĩ thế này: ‘Xưa, Ta đã tạo phước gì, mà nay được oai lực này?’ Cho đến, Ta lại nghĩ: ‘Do ba nguyên nhân khiến ta được phước lành này. Những gì là ba? Đó là huệ thí, nhân từ, và tỵ [618a1] thủ hộ.

“Tỳ-kheo, hãy quán sát, các hành bảy giờ hoàn toàn bị diệt tận không còn tàn dư. Sống an trú trong với dực ý bảy giờ không nhằm chán. Nhưng lại nhằm chán giới luật Hiền Thánh.

“Sao, Tỳ-kheo, sắc này thường hay vô thường?”

Tỳ-kheo đáp:

“Vô thường, bạch Thế Tôn!”

²¹ Tu-ni-ma 須尼摩. Pāli, *ibid.*, Mahāvīyūhākūṭāgāra, lâu đài Đại trang nghiêm.

²² Tối thắng 最勝. Pāli, *ibid.*, Vejayantaratha.

“Nếu vô thường, là pháp biến đổi, người có nên sanh tâm này: ‘Cái này là của ta; ta là của cái này’²³ không?”

Đáp:

“Không, bạch Thế Tôn!”

“Thọ, tướng, hành, thức là thường hay vô thường?”

Tỳ-kheo đáp:

“Vô thường, bạch Thế Tôn!”

“Nếu là vô thường thì là pháp biến đổi, người có nên sanh tâm này: ‘Cái này là của ta; ta là của cái này’ không?”

Đáp:

“Không, bạch Thế Tôn!”

“Cho nên, này Tỳ-kheo, những gì là sắc, hoặc quá khứ, tương lai, hiện tại, hoặc lớn hoặc nhỏ, hoặc tốt hoặc xấu, hoặc xa hoặc gần; sắc này chẳng phải của ta, ta không phải của sắc này. Như vậy được giác tri²⁴ bởi người trí.²⁵ Những gì là thọ hoặc quá khứ, tương lai, hiện tại, hoặc xa hoặc gần; thọ này cũng chẳng phải của ta, ta không phải của thọ này. Như vậy được giác tri bởi người trí.

“Tỳ-kheo, hãy quán như vậy: Hàng Thanh văn nhằm tầm mắt, nhằm tầm sắc, nhằm tầm thức con mắt, cũng nhằm

²³ Thù thị ngã hứa, ngã thị sở 此是我許。我是彼所。Pāli, định cú: *netam mama, nesohamasmi, nameso attā'ti*, “Cái này không phải là của tôi. Tôi không phải là cái này. Cái này không phải là tự ngã của tôi.”

²⁴ Đề bản: học 學. Theo ngữ cảnh dưới, nên sửa lại là giác 覺.

²⁵ Pāli, định cú: *evametam yathābhūtam sammappaññāya passati*, vị ấy bằng chánh trí mà thấy như thực như vậy.

tỏm khô lạc phát sanh do duyên thức con mắt; cũng nhằm tỏm tai, nhằm tỏm thanh, nhằm tỏm thức của tai, cũng nhằm tỏm khô lạc phát sanh do duyên thức của tai; cũng nhằm tỏm mũi, lưỡi, thân, ý và pháp, cũng nhằm tỏm khô lạc phát sanh do duyên bởi ý. Đã nhằm tỏm, được giải thoát. Đã giải thoát, được trí giải thoát, biết như thực rằng: ‘Sanh tử đã dứt, phạm hạnh đã lập, việc cần làm đã xong, không còn tái sinh đời sau nữa.’”

Bấy giờ, Tỳ-kheo kia được Thế Tôn chỉ dạy như vậy, ở nơi vắng vẻ, tự tu, tư duy, vì mục đích mà thiện gia nam tử cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, lìa bỏ gia đình, tu vô thượng phạm hạnh, cho đến, như thực biết rằng, sanh tử đã dứt, phạm hạnh đã lập, việc cần làm đã xong, không còn tái sinh nữa, biết như thật. Tỳ-kheo kia đã thành A-la-hán.

Tỳ-kheo kia, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 5

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ở dưới cây đạo tràng, nước Ma-kiệt, lúc mới thành Phật.

Bấy giờ Thế Tôn nghĩ như vậy: “Nay Ta đã được pháp thật sâu xa này, khó rõ, khó tường, khó hiểu, khó biết, rất là vi diệu, [618b1] được giác tri bởi bậc trí. Nay Ta nên thuyết pháp cho ai trước nhất, để người đó rõ được pháp của Ta?”

Rồi Thế Tôn lại nghĩ: “A-la-lam,²⁶ với các căn đã thuần thục, đáng được độ trước. Và lại, ông ấy đang trông đợi Ta có pháp.” Vừa nghĩ như vậy, tức thì giữa hư không có vị trời bạch Thế Tôn rằng:

“A-la-lam đã chết bảy ngày rồi.”

Bảy giờ, Thế Tôn lại nghĩ: “Khổ thay, sao người ấy chưa nghe được pháp của Ta mà đã chết rồi! Giả sử người ấy nếu nghe được pháp của Ta, tức thì giải thoát.”

Bảy giờ Thế Tôn lại nghĩ: “Nay Ta nên thuyết pháp cho ai trước để người này được giải thoát? Uất-đầu-lam-phát²⁷ đáng được độ trước. Hãy thuyết pháp cho ông ấy trước hết. Nghe Ta thuyết pháp xong sẽ được giải thoát trước nhất.”

Khi Thế Tôn vừa nghĩ vậy, giữa hư không có vị trời nói rằng:

“Ông ấy đã chết rồi, vào nửa đêm hôm qua.”

Khi đó Thế Tôn lại nghĩ rằng: “Uất-đầu-lam-phát này, khổ thay, sao chưa nghe được pháp của Ta mà đã chết mất rồi! Giả sử người ấy nếu nghe được pháp của Ta, tức thì giải thoát.”

Bảy giờ Thế Tôn lại nghĩ: “Ai nghe pháp của ta trước hết, được giải thoát?” Thế Tôn lại nghĩ: “Năm Tỳ-kheo đã làm nhiều lợi ích cho Ta, vẫn theo sau Ta khi Ta mới sanh.” Rồi Thế Tôn lại nghĩ: “Năm Tỳ-kheo này hiện ở đâu?” Bèn dùng thiên nhãn quán sát, thấy năm Tỳ-kheo

²⁶ La-lặc Ca-lam 羅勒迦藍. Pāli, Ālāra Kālāma; cf. Mahāvagga, Vin. i. 7. Hán, *Tứ phần* 32 (T22n1428, tr. 787b06): A-lan Ca-lan 阿蘭迦蘭.

²⁷ Uất-đầu Lam-phát 鬱頭藍弗. Pāli, *ibid.*, Uddaka-Rāmaputta.

này đang ở trong vườn Nai, trú xứ Tiên nhân, Ba-la-nại. “Nay Ta hãy đến đó thuyết pháp cho năm Tỷ-kheo trước nhất. Nghe pháp Ta rồi, họ sẽ được giải thoát.”

Bảy giờ, Thế Tôn trong bảy ngày nhìn chăm chú vào cây đạo thọ, mắt không hề nháy.

Bảy giờ Thế Tôn nói kệ này:

*Chỗ Ta ngồi nay đây
Trải qua khổ sanh tử.
Năm chặt búa trí huệ
Chặt đứt rễ gai nhọn.*

*Thiên vương đến nơi đây.
Cùng các Ma, quyến thuộc.
Hàng phục bằng phương tiện,
Khiến đội mũ giải thoát.*

*Nay ở dưới cây này,
Ngồi trên tòa kim cương,
Chúng đả huệ vô ngại,
Thành tựu nhất thiết trí.*

*Ta ngồi dưới cây này
Thấy rõ khổ sinh tử.
Đã dứt nguồn gốc tử
Già bệnh hẳn không còn.*

Thế Tôn sau khi nói kệ này, rời chỗ ngồi đứng dậy, đi về hướng [618c1] nước Ba-la-nại.

Lúc đó phạm chí Ưu-tỳ-già²⁸ từ xa thấy Thế Tôn, sắc sáng rực rỡ che khuất ánh mặt trời mặt trăng. Thấy vậy, ông bạch Thế Tôn:

²⁸ Ưu-tỳ-già 優毘伽. Pāli, Upaka, đạo sư lỏa hình (ājīvaka).

“Cù-đàm, Sư chủ của ông hiện đang ở đâu? Ông nương theo ai xuất gia học đạo? Thường thích, thuyết pháp nào để dạy? Ông từ đâu lại? Ông muốn đi đến đâu?”

Thế Tôn nhìn phạm chí kia mà nói kệ này:

*Ta thành A-la-hán,
Thế gian không ai bằng.²⁹
Trời cùng người thế gian
Nay Ta là tối thượng.*

*Ta cũng không thầy dạy,
Cũng không ai bì kịp;
Độc tôn, không ai hơn;
Mát lạnh, không còn nóng.³⁰*

*Ta đang chuyển Pháp luân,
Đi đến nước Ca-thi.
Nay đem thuốc cam lô
Mở mắt người mù kia.*

*Đất nước Ba-la-nại,
Vương thổ nước Ca-thi,³¹
Trú xứ năm Tỳ-kheo;
Ta sẽ thuyết diệu pháp,
Khiến họ sớm thành đạo,
Và được lậu tận thông,
Để trừ nguồn pháp ác.
Cho nên, Ta tối thắng.*

²⁹ Tham chiếu Pāli, *ibid.*, *sabbābhibhū sabbavidūhamasmi*, Ta, con người toàn thắng, hiểu biết tất cả.

³⁰ Pāli, *ibid.*, *sītibhūtosmi nibbuto*, ta đã mát mẻ (thanh lương), nguội lạnh (tịch diệt).

³¹ Ca-thi 加尸. Pāli: Kāsi, một trong 16 đại quốc, mà Bārāṇasi là thủ đô.

Khi đó Phạm chí kia than, lắc đầu, khoanh tay, búng ngón tay, mỉm cười, rồi nhắm theo đường mà đi.

Khi Thế Tôn đến Ba-la-nại, năm Tỳ-kheo từ xa thấy Thế Tôn đến. Thấy vậy, họ bảo nhau: “Đó là Sa-môn Cù-đàm, đang từ xa đến. Tánh tình đã tán loạn, tâm không chuyên tinh. Chúng ta đừng nói chuyện, cũng đừng đón tiếp, cũng đừng mời ngồi.” Rồi năm người nói kệ này:

*Người này không đáng kính,
Đừng gận gũi ân cần,
Cũng đừng có chào mừng
Và cũng đừng mời ngồi.*

Năm Tỳ-kheo kia nói kệ rồi, cùng im lặng. Bấy giờ đức Thế Tôn đến chỗ năm Tỳ-kheo, càng lúc càng gần, năm Tỳ-kheo kia cũng từ từ đứng dậy nghinh tiếp. Người thì trái chõng, người thì lấy nước. Thế Tôn liền ngồi trước mặt họ, tư duy như vậy: “Những con người ngu si, cuối cùng không thể giữ trọn giao ước của mình.”

Bấy giờ năm Tỳ-kheo gọi đức Thế Tôn bằng ‘bạn.’³² Thế Tôn bảo năm Tỳ-kheo:

“Các người chớ gọi bậc Vô thượng, Chí chân, Đẳng chánh giác là bạn[619a1] Vì sao vậy? Nay Ta đã thành Vô thượng, Chí chân, Đẳng chánh giác, đã được thiện cam lồ. Các người hãy chú tâm nghe pháp ngữ của Ta.”

Bấy giờ năm Tỳ-kheo kia nói với Thế Tôn:

“Cù-đàm, xưa tu khổ hạnh còn không thể được pháp thượng nhân, huống chi hôm nay ý tình tán loạn mà nói đắc đạo ư?”

Thế Tôn bảo:

³² Khanh 卿, trong Hán dịch; *āvuso*, trong Pāli.

Tăng nhất A-hàm

“Thế nào, năm người, các người đã từng nghe Ta vọng ngữ chưa?”

Năm Tỳ-kheo đáp:

“Chưa, Cù-đàm!”

Thế Tôn bảo:

“Nhu Lai, Đẳng chánh giác, đã có được cam lồ. Các người hãy chú tâm nghe ta thuyết pháp.”

Khi đó đức Thế Tôn lại nghĩ thầm: “Nay Ta có thể hàng phục năm người này.” Rồi Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Năm năm Tỳ-kheo, các người nên biết, có bốn chân lý này. Những gì là bốn? Đó là khổ đế, khổ tập đế, khổ tận đế, khổ xuất yếu đế.

“Thế nào là khổ đế? Sanh khổ, già khổ, bệnh khổ, chết khổ, ưu bi não khổ, sầu ưu khổ, không thể kể hết. Oán ghét gặp nhau khổ, ân ái chia lìa khổ, không được những điều ham muốn cũng lại là khổ. Nói tóm, năm thủ uẩn là khổ. Đó gọi là khổ đế.

“Thế nào là khổ tập đế? Ái đưa đến tái sanh, tập hành không mệt mỏi, ý thường tham đắm.³³ Đó gọi là khổ tập đế.

“Thế nào là khổ tận đế? Ái kia diệt tận không dư tàn, cũng không tái sanh khởi. Đó gọi là khổ tận đế.

“Thế nào là khổ xuất yếu đế? Đó là tám phẩm đạo của Hiền Thánh³⁴, gồm chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ,

³³ Tham chiếu Pāli, *ibid.*, *tanhā ponobbhavikā, nandīrāgasahagatā, tatrātrābhinandinī, seyyathidaṃ-kāmatanhā, bhavatanhā, vibhavatanhā*, ái đưa đến hữu đương lai, câu hữu với hỷ tham, thích thú sẽ ở đây, ở kia, tức là, ái, hữu ái, phi hữu ái.

³⁴ Nguyên Hán: đẳng kiến, đẳng tri, đẳng ngữ, đẳng nghiệp, đẳng

chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định.

“Đó gọi là pháp tứ đế.

“Lại nữa, này năm Tỳ-kheo, pháp bốn thánh đế này, khổ đế làm phát sanh mắt, sanh trí, sanh minh, sanh giác, sanh quang, sanh huệ. Đó là pháp trước kia chưa từng được nghe. Lại nữa, khổ đế là chân thật, nhất định không hư dối, không vọng, không thể khác; là điều được Thế Tôn nói. Cho nên gọi là khổ đế.

“Khổ tập đế làm phát sanh mắt, sanh trí, sanh minh, sanh giác, sanh quang, sanh huệ; là pháp trước đây chưa từng được nghe. Lại nữa, khổ tập đế là chân thật, nhất định không hư dối, không vọng, không thể khác; là điều được Thế Tôn nói. Cho nên gọi là khổ tập đế.

“Khổ tận đế làm phát sanh mắt, sanh trí, sanh minh, sanh giác, sanh quang, sanh huệ; là pháp trước đây chưa từng được nghe. Lại nữa, khổ tận đế là chân thật, nhất định không hư dối, không vọng, không thể khác; là điều được Thế Tôn nói. Cho nên gọi là khổ tận đế.

“Khổ xuất yếu đế làm phát sanh mắt, sanh trí, sanh minh, sanh giác, [619b01] sanh quang, sanh huệ; là pháp trước đây chưa từng được nghe. Lại nữa, khổ xuất yếu đế là chân thật, nhất định không hư dối, không vọng, không thể khác; là điều được Thế Tôn nói. Cho nên gọi là khổ xuất yếu đế.

“Năm Tỳ-kheo nên biết, bốn đế này được ba lần chuyển với mười hai hành. Ai không biết như thật, không thành Vô thượng Chánh chân, Đẳng chánh giác. Ta vì đã phân biệt bốn đế này, ba lần chuyển với mười hai hành, biết nó

mạng, đẳng phương tiện, đẳng niệm, đẳng định.

như thật, cho nên thành Vô thượng Chí chân, Đẳng chánh giác.”

Sau khi nghe thuyết pháp này, A-nhã Câu-lân dứt sạch trần cấu, được mắt pháp trong sạch. Lúc đó đức Thế Tôn bảo A-nhã Câu-lân:

“Nay Ông đã đến với pháp, đã đắc pháp.”³⁵

Câu-lân đáp:

“Thưa vâng, Thế Tôn! Con đã đến với pháp, đã đắc pháp.”

Địa thần sau khi nghe những lời như vậy, liền xướng rằng:

“Nay Như Lai tại nước Ba-la-nại đã chuyển Pháp luân mà chư thiên, người đời, Ma và Ma thiên, người cùng phi nhân, đều không chuyển được. Hôm nay Như Lai chuyển Pháp luân này, A-nhã Câu-lân đã được pháp cam lồ.”

Khi đó, Tứ Thiên vương nghe địa thần xướng, lại chuyển lời tiếp xướng rằng:

“A-nhã Câu-lân đã đắc pháp vị cam lồ.”

Rồi trời Tam thập tam lại nghe từ Tứ Thiên vương. Diêm Thiên nghe từ Trời Tam thập tam, cho đến Đâu-suất thiên, lần lượt nghe tiếng, và cho đến Phạm thiên cũng nghe tiếng: “Như Lai tại nước Ba-la-nại đã chuyển Pháp luân mà chư thiên, người đời, Ma và Ma thiên, người cùng phi

³⁵ Hán dịch không hết ý nguyên lai có tên gọi “A-nhã.” Pāli, *ibid.* Phật nói: “Người đã hiểu (*aññāsi vata*), này Kiều-trần-như (*bho koṇḍañño*)”, do đó Trưởng lão Kiều-trần-như (*Koṇḍañña*) được gọi là “A-nhã Kiều-trần-như” (*aññāsikoṇḍañño: Aññāta-Koṇḍañña*)

nhân, đều không chuyển được. Nay Như Lai chuyển Pháp luân này.” Bấy giờ liền có tên gọi là A-nhã Câu-lân.

Rồi Thế Tôn bảo năm Tỳ-kheo:

“Các người, hai người ở lại để được chỉ dạy; ba người đi khát thực. Ba người khát thực được rồi thì sáu người sẽ cùng ăn. Ba người ở lại để được chỉ dạy, hai người đi khát thực. Hai người khát thực được rồi thì sáu người cùng ăn.”

Bấy giờ, bằng sự giáo huấn này mà trở thành pháp vô sanh Niết-bàn, cũng thành không sanh, không bệnh, không già, không chết. Lúc đó cả thầy năm Tỳ-kheo đều thành A-la-hán. Bấy giờ, ba ngàn đại thiên sát độ có năm vị A-la-hán, với Phật là sáu.

Rồi Thế Tôn bảo năm Tỳ-kheo:

“Tất cả các người cùng nhau đi khát thực trong nhân gian. Cẩn thận đừng đi một mình.³⁶ Còn những chúng sanh mà các căn thuần thực, những người đáng được độ. Nay Ta sẽ đến thôn Ưu-lưu-tì,³⁷ thuyết pháp tại đó.”

Bấy giờ, đức Thế Tôn đi đến thôn xóm Ưu-lưu-tì. Khi đó bên dòng sông Liên-nhã³⁸ có Ca-diếp³⁹ [619c1] đang sinh sống tại đó. Ông biết thiên văn, địa lý; không gì không thông suốt. Toán số cây lá tất cả đều biết rõ. Ông dẫn năm trăm đệ tử thường ngày đi giáo hóa. Cách Ca-

³⁶ Hán: thận mạc độc hành 慎莫獨行. Pāli, *ibid.*, *mā ekena dve agamittha*, hai người chớ đi theo một hướng.

³⁷ Ưu-lưu-tỳ 優留毘. Pāli: Uruvelā.

³⁸ Liên-nhã 連若, cũng nói là Ni-liên-thuyền. Pāli: Nerañjarā.

³⁹ Ưu-lưu-tỳ Ca-diếp 優羅毘迦葉, hay Uất-tỳ-la (Ưu-lâu-tần-loa) Ca-diếp. Pāli: Uruvelakassapa, đạo sĩ bện tóc (jaṭṭila).

diếp không xa có thạch thất. Ở trong thạch thất, có rồng độc đang sống tại đó.

Thế Tôn đến chỗ Ca-diếp, nói với Ca-diếp:

“Tôi muốn ngủ nhờ trong thạch thất một đêm. Nếu ông đồng ý, tôi sẽ đến ở.”

Ca-diếp đáp rằng:

“Tôi không tiếc gì. Nhưng ở đó có một con rồng độc, sợ nó sẽ làm tổn hại đến ông.”

Thế Tôn bảo:

“Ca-diếp, đừng lo, rồng không hại Ta! Chỉ cần đồng ý, Ta ở đó một đêm.”

Ca-diếp đáp:

“Nếu ông muốn ở, tùy ý đến ở.”

Bấy giờ, đức Thế Tôn liền vào thạch thất, trái chõ nằm mà nghỉ, kiết già phủ tọa, chánh thân, chánh ý, buộc niệm tại tiền. Lúc đó, rồng độc thấy Thế Tôn ngồi; nó liền phun lửa độc. Thế Tôn nhập từ tam-muội, xuất từ tam-muội, nhập diệm quang tam-muội.

Bấy giờ lửa của rồng và ánh sáng Phật cùng lúc phát sáng. Đêm đó Ca-diếp dậy quan sát tinh tú, thấy trong thạch thất có ánh sáng và lửa lớn. Thấy vậy, ông bảo các đệ tử:

“Sa-môn Cù-đàm này dung mạo xinh đẹp, nay bị con rồng này hại. Thật đáng thương tiếc. Trước đây, ta cũng đã có lời này, ở đó có rồng ác không thể nghỉ đêm!”

Lúc đó Ca-diếp bảo năm trăm đệ tử:

“Các người cầm bình nước và mang thang cao đến chữa lửa, để Sa-môn kia được thoát khỏi nạn này.”

Bảy giờ, Ca-diếp dẫn năm trăm đệ tử đến thạch thất để chữa lửa này. Người thì cầm nước rưới, người thì bắc thang. Nhưng không thể dập tắt được lửa, đều là do oai thần của Như Lai tạo nên.

Bảy giờ, Thế Tôn nhập từ tam-muội dần dần khiến cho con rồng kia không còn sân hận nữa. Lúc này tâm rồng ác kia tỏ ra sợ sệt, chạy qua chạy lại muốn thoát ra khỏi thạch thất, nhưng không ra khỏi thạch thất được. Khi đó con rồng ác kia, hướng đến Như Lai, chui vào bát Thế Tôn ở. Khi đó, Thế Tôn dùng tay phải xoa mình rồng ác, rồi nói kệ này:

*Rồng⁴⁰ xuất thế khó có.
Rồng với rồng gặp nhau.
Rồng chớ nổi tâm hại.
Rồng xuất thế, khó có.*

*Quá khứ hằng sa số,
Chư Phật Bát-niết-bàn;
Mà ngươi chưa hề gặp
Đều do lửa sân hận.*

[620a1] *Tâm thiện hướng Như Lai,
Mau bỏ độc sân này.
Đã trừ độc sân nhuế,
Liên được sanh lên Trời.⁴¹*

Bảy giờ, con rồng dữ kia thè lưỡi liếm tay Như Lai và nhìn kỹ mặt Như Lai. Sáng hôm sau, Thế Tôn mang rồng dữ đó đến gặp Ca-diếp và nói với Ca-diếp:

“Đây là con rồng dữ, thật hung bạo. Nay nó đã bị hàng

⁴⁰ Đây chỉ Phật.

⁴¹ Bản Hán, hết quyển 14.

phục.”

Khi Ca-diếp thấy được rỗng dũ, trong lòng hoảng sợ, bạch Thế Tôn:

“Thôi, thôi, Sa-môn! Đừng bước tới, rỗng sẽ gây hại!”

Thế Tôn bảo:

“Ca-diếp, đừng sợ! Nay Ta đã hàng phục nó rồi, sau này sẽ không gây hại nữa. Vì sao vậy? Vì rỗng này đã được giáo hóa rồi.”

Bấy giờ, Ca-diếp cùng năm trăm đệ tử khen ngợi:

“Việc chưa từng có! Thật là kỳ diệu! Sa-môn Cù-đàm này oai thần thật lớn, có thể hàng phục con rỗng dũ này, khiến nó không làm ác. Tuy vậy, vẫn không bằng ta đặc đạo chơn⁴².”

Bấy giờ Ca-diếp bạch Phật:

“Đại Sa-môn, hãy nhận lời thỉnh cầu chín mươi ngày của tôi. Những thứ cần dùng như y phục, đồ ăn thức uống, giường nằm, tọa cụ, thuốc men trị bệnh, tôi sẽ cung cấp hết thảy.”

Thế Tôn im lặng nhận lời thỉnh cầu của Ca-diếp. Thế Tôn đem rỗng thần này thả vào trong biển lớn. Rỗng dũ kia tùy theo mạng sống dài ngắn, sau khi mạng chung sanh lên trời Tứ Thiên vương. Sau đó Như Lai trở về nghỉ tại thạch thất. Ca-diếp sắp đặt nhiều đồ ăn uống xong, đến bạch Thế Tôn:

⁴² Đạo chân 道真, đây chỉ quả vị A-la-hán, chỉ chung các bậc Thánh, không riêng Thánh giả trong Phật giáo. *Tứ phần 32*: Nhưng ông không bằng ta, người đặc quả A-la-hán.” Mahāvagga, Vin. i. 24: *na tveva ca kho arahā yathā ahan ti*, “Nhưng ông chưa phải là vị A-la-hán như ta.”

“Đồ ăn thức uống đã chuẩn bị xong, xin mời đến thọ thực.”

Thế Tôn bảo:

“Ca-diếp về trước. Tôi sẽ đi ngay vậy.”

Sau khi Ca-diếp đi khỏi, Phật liền đến trên cội Diêm-phù-đê, bên dưới cây diêm-phù, nhặt quả diêm-phù⁴³ rồi, trở về trước, ngồi trong thạch thất Ca-diếp.

Khi Ca-diếp về đã thấy Thế Tôn ở trong thạch thất, liền bạch Thế Tôn:

“Sa-môn từ đường nào đến thạch thất?”

Phật bảo Ca[620b1]-diếp:

“Sau khi Ông đi, tôi đến phía trên cội Diêm-phù-đê, bên dưới cây diêm-phù, nhặt quả diêm-phù rồi trở về ngồi đây. Ca-diếp nên biết, quả này rất thơm ngon, hãy cầm lấy mà ăn.”

Ca-diếp đáp:

“Tôi không cần cái này. Sa-môn tự lấy ăn.”

Bấy giờ Ca-diếp lại nghĩ thầm như vậy: “Sa-môn này có thần túc siêu việt, có oai lực lớn, mới có thể đến phía trên cội Diêm-phù nhặt trái ngon này. Tuy nhiên, vẫn không bằng ta đắc đạo chơn.”

Sau khi Thế Tôn ăn xong, trở về chỗ kia nghỉ ngơi. Sáng sớm Ca-diếp đến chỗ Thế Tôn, bạch Thế Tôn:

“Đã đến giờ ăn, mời đến thọ thực.”

Phật bảo Ca-diếp:

⁴³ Diêm-phù quả 閻浮果, Skt. *jambu*, một loại đào đỏ.

“Ông hãy đi trước. Tôi sẽ đến sau.”

Ca-diếp vừa đi khỏi, Phật liền đến phía trên cội Diêm-phù, nhặt trái a-ma-lặc⁴⁴ rồi trở về trước, ngồi trong thạch thất Ca-diếp.

Ca-diếp hỏi Thế Tôn:

“Sa-môn từ đường nào đến chôn này?”

Phật bảo Ca-diếp:

“Sau khi Ông đi, tôi đến trên cội Diêm-phù, nhặt trái này lại, nó rất là thơm ngon, nếu cần thì lấy ăn!”

Ca-diếp đáp:

“Tôi không cần thứ này. Sa-môn tự lấy ăn.”

Khi đó Ca-diếp lại nghĩ thầm: “Sa-môn này rất có thần lực, có oai thần lớn. Sau khi ta đi, đi lấy quả này về. Tuy nhiên, vẫn không bằng ta đắc đạo chơn.”

Sau khi Thế Tôn ăn xong liền trở về chỗ kia nghỉ ngơi. Ngày hôm sau, Ca-diếp đến chỗ Thế Tôn mà nói rằng:

“Đã đến giờ cơm, xin mời đến thọ thực.”

Phật bảo Ca-diếp:

“Ông hãy đi trước. Tôi sẽ đến sau.”

Sau khi Ca-diếp đi, Thế Tôn đến Bắc Uất-đan-viết lấy lúa tẻ chín tự nhiên,⁴⁵ rồi trở về trước thạch thất Ca-diếp.

⁴⁴ A-ma-lặc quả 阿摩勒果. Skt. *āmālika*/ *āmālika*: dư cam tử (tamarindus indica); thường dễ nhầm với am-ma-lặc (la), Skt. *āmra*, quả xoài.

⁴⁵ Tự nhiên canh mễ 自然粳米. Pali: *akattḥapākasāli*, lúa tự chín, không cần gieo trồng.

Ca-diếp hỏi Phật:

“Sa-môn từ đường nào đến ngồi đây?”

Thế Tôn bảo Ca-diếp:

“Sau khi ông đi, tôi đến Uất-đan-viết gặt lấy lúa chín muộן tự nhiên rất là thơm ngon. Ca-diếp cần thì lấy mà ăn.”

Ca-diếp đáp:

“Tôi không cần thứ này. Sa-môn tự lấy mà ăn.”

Ca-diếp lại nghĩ thâm: “Sa-môn này có thần lực lớn, có oai thần lớn. Tuy nhiên vẫn không bằng ta đặc đạo chơn.”

Sau khi, Thế Tôn ăn xong thì về chỗ kia nghỉ ngơi. Ngày hôm sau, Ca-diếp đến chỗ Thế Tôn nói:

“Đã đến giờ cơm, xin mời đến thọ thực.”

Phật bảo Ca-diếp:

“Ông hãy đi trước. Tôi sẽ đến sau.”

Sau khi Ca-diếp đi, Thế Tôn đến Cù-da-ni [620c1] nhặt quả ha-lê-lặc,⁴⁶ về trước vào thạch thất Ca-diếp.

Ca-diếp hỏi Phật:

“Sa-môn từ đường nào đến ngồi đây?”

Phật bảo Ca-diếp:

“Sau khi Ông đi, tôi đến Cù-da-ni nhặt quả này lại rất thơm ngon. Ca-diếp cần thì lấy mà ăn.”

Ca-diếp đáp rằng:

⁴⁶ Ha-lê-lặc quả 呵梨勒果. Skt. *harīṭaki*, trái kha từ. *Ngũ phần*

16: Rừng ha-lê-lặc 訶梨勒林, ngoài biên cõi Diêm-phù-đề.

“Tôi không cần thứ này. Sa-môn tự lấy mà ăn.”

Ca-diếp lại nghĩ thầm: “Sa-môn này có thần lực lớn, có oai thần lớn. Tuy nhiên vẫn không bằng ta đắc đạo chơn.”

Sau khi, Thế Tôn ăn xong thì về chỗ kia nghỉ ngơi. Ngày hôm sau, Ca-diếp đến chỗ Thế Tôn bạch:

“Đã đến giờ cơm, xin mời đến thọ thực!”

Phật bảo Ca-diếp:

“Ông hãy đi trước. Tôi sẽ đến sau.”

Sau khi Ca-diếp đi, Thế Tôn đến Phát-vu-đãi nhặt trái tì-hê-lặc⁴⁷ rồi, về trước ngồi trong thạch thất Ca-diếp.

Ca-diếp hỏi Phật:

“Sa-môn từ đường nào đến ngồi đây?”

Phật bảo Ca-diếp:

“Sau khi ông đi, tôi đến Phát-vu-đãi nhặt quả này rất thơm ngon. Ca-diếp cần thì lấy mà ăn.”

Ca-diếp đáp:

“Tôi không cần thứ này. Sa-môn tự lấy mà ăn.”

Ca-diếp lại nghĩ thầm: “Sa-môn này có thần lực lớn, có oai thần lớn. Tuy nhiên vẫn không bằng ta đắc đạo chơn.”

Thế Tôn ăn xong trở về chỗ kia nghỉ ngơi.

Lúc bấy giờ Ca-diếp đang chuẩn bị đại tể đàn. Năm trăm đệ tử cầm búa bừa củi. Tay nhắc búa lên nhưng búa

⁴⁷ Tỳ-hê-lặc 毘醯勒. Skt. *vibhītaka*, tên khoa học: *Terminalia Belerica*, một loại dược thảo, quả xuyên luyên.

không xuống. Lúc đó, Ca-diếp nghĩ thâm như vậy: “Đây chắc Sa-môn làm.” Khi đó Ca-diếp hỏi Thế Tôn:

“Nay muốn búa cùi, vì sao búa không hạ xuống được?”

Thế Tôn bảo:

“Muốn cho búa hạ xuống được phải không?”

Đáp:

“Muốn hạ xuống.”

Búa liền hạ xuống. Lúc búa kia đã hạ xuống, lại không nhấc lên được. Ca-diếp lại bạch Phật:

“Búa sao không nhấc lên được?”

Thế Tôn bảo:

“Muốn cho búa lên chằng?”

Đáp:

“Muốn nhấc lên.”

Búa liền nhấc lên.

Bấy giờ, đệ tử của Ca-diếp muốn nhen lửa, nhưng nhen không cháy. Ca-diếp lại nghĩ thâm như vậy: “Đây chắc Sa-môn Cù-đàm gây ra.”

Ca-diếp bạch Phật:

“Vì sao nhen lửa không cháy?”

Phật bảo Ca-diếp:

“Muốn lửa cháy phải không?”

Đáp:

“Muốn cho cháy.”

Lửa liền cháy. Sau đó muốn dập tắt, lửa lại không tắt.
Ca-diếp bạch Phật:

“Sao lửa dập không tắt?”

Phật bảo Ca-diếp:

“Muốn cho lửa tắt phải không?”

Đáp:

“Muốn cho tắt.”

Lửa liền tắt ngay. Ca-diếp liền nghĩ thâm như vậy: “Sa-môn Cù-đàm này [621a1] diện mạo đoan chánh, hiếm có trong đời. Ngày mai ta có tế lễ lớn. Quốc vương, nhân dân tất cả đều tụ tập. Nếu họ thấy Sa-môn này, ta sẽ không còn được cúng dường. Sa-môn này ngày mai không đến sẽ là đại phúc.”

Thế Tôn biết những suy nghĩ trong lòng Ca-diếp. Sáng hôm sau, Phật đến Uất-đan-viết, lấy lúa chín muộn tự nhiên; đến Cù-da-ni lấy sữa; rồi đến ao A-nậu-đạt mà dùng. Trọn ngày ở chỗ đó, chiều tối về thạch thất nghỉ ngơi.

Sáng hôm sau, Ca-diếp đến chỗ Thế Tôn hỏi:

“Sa-môn, hôm qua sao không đến?”

Phật bảo Ca-diếp:

“Hôm qua ông đã nghĩ như vậy: ‘Sa-môn Cù-đàm này diện mạo đoan chánh, hiếm có trong đời. Ngày mai ta có tế lễ lớn. Nếu quốc vương, nhân dân thấy được Sa-môn này, sẽ cắt đứt cúng dường cho ta. Nếu ông ta không đến sẽ là đại phúc.’ Tôi biết được những suy nghĩ trong lòng của ông, mới đến Uất-đan-viết gặt lấy lúa chín muộn tự nhiên, đến Cù-da-ni lấy sữa; rồi đến bên ao A-nậu-đạt mà

ăn. Trọn ngày ở chỗ đó, chiều tối về thạch thất nghỉ ngơi.”

Khi ấy Ca-diếp lại nghĩ thầm như vậy: “Đại Sa-môn này, có thần túc lớn, có thật oai thần. Tuy nhiên, vẫn không bằng ta đắc đạo chân.”

Thế Tôn ăn xong, trở về thạch thất nghỉ ngơi. Ngay đêm đó, Tứ Thiên vương đến chỗ Thế Tôn nghe kinh pháp. Tứ Thiên vương cũng có ánh sáng, Phật cũng phóng ánh sáng lớn, chiếu cả sơn động hoang dã kia tỏa sáng một màu. Đêm hôm đó Ca-diếp thấy được ánh sáng. Sáng hôm sau đến chỗ Thế Tôn, bạch Thế Tôn:

“Đêm qua, ánh sáng gì chiếu sáng núi non hoang dã này?”

Thế Tôn bảo:

“Đêm qua Tứ Thiên vương đến chỗ tôi nghe Pháp. Đó là ánh sáng của Tứ Thiên Vương kia.”

Lúc đó Ca-diếp lại nghĩ thầm: “Sa-môn này rất có thần lực, mới khiến cho Tứ Thiên vương đến nghe kinh pháp. Tuy nhiên, thần lực này vẫn không bằng ta đắc đạo chân.”

Thế Tôn ăn xong, trở về chỗ kia nghỉ ngơi. Nửa đêm, Thích Đề-hoàn Nhân đến chỗ Thế Tôn nghe pháp. Ánh sáng của Thiên đế lại chiếu sáng núi đó. Ca-diếp kia, đêm dậy ngắm sao, thấy ánh sáng này. Sáng hôm sau, Ca-diếp tới chỗ Thế Tôn, hỏi:

“Cù-đàm, đêm qua có ánh sáng thật là đặc biệt. Vì sao có ánh sáng như vậy?”

Thế Tôn bảo:

“Đêm qua, Thiên đế [621b1] Thích đến đây nghe kinh. Cho nên có ánh sáng như vậy.”

Ca-diếp lại nghĩ thầm: “Sa-môn Cù-đàm này thật có thần lực, có oai thần lớn, mới có thể khiến cho Thiên đế Thích đến nghe kinh pháp. Tuy vậy vẫn không bằng ta đắc đạo chân.”

Thế Tôn ăn xong, trở về chỗ kia nghỉ ngơi. Nửa đêm Phạm Thiên vương phóng ánh sáng lớn chiếu xuống núi này, đến chỗ Thế Tôn nghe kinh pháp. Đêm đó Ca-diếp thức dậy, thấy ánh sáng. Sáng hôm sau đến chỗ Thế Tôn, hỏi:

“Đêm qua, ánh sáng chiếu sáng hơn ánh sáng của mặt trời mặt trăng. Có những nhân duyên gì mà có thứ ánh sáng này?”

Thế Tôn bảo:

“Ca-diếp nên biết, đêm qua, Đại Phạm Thiên vương đến chỗ Ta nghe kinh pháp.”

Lúc đó Ca-diếp lại nghĩ thầm như vậy: “Sa-môn Cù-đàm này rất có thần lực, mới khiến Tổ phụ của ta đến chỗ Sa-môn này mà nghe kinh pháp. Tuy nhiên, vẫn không bằng ta đắc đạo chân.”

Bấy giờ, Thế Tôn được y năm mảnh cũ rách,⁴⁸ muốn giặt dũ, nghĩ thầm: “Ta sẽ giặt y này ở chỗ nào?”

Lúc đó, Thích Đề-hoàn Nhân biết được trong lòng Thế Tôn nghĩ gì, liền biến ra một hồ tắm, rồi bạch Thế Tôn: ‘Xin hãy đến đây giặt y.’

⁴⁸ Pāli, *ibid.* Thế Tôn lượm được y phần tảo (*samayena bhagavato paṃsukūlaṃ uppannaṃ hoti*).

Thế Tôn lại nghĩ thầm: “Ta phải đứng chỗ nào để đập giết y này?”

Lúc đó, Tứ Thiên vương biết được trong lòng Thế Tôn nghĩ gì, liền nhắc một tảng đá vuông lớn đặt mé nước, rồi bạch Thế Tôn: “Xin hãy đứng chỗ này mà đập y.”

Thế Tôn lại nghĩ: “Ta phoi y này ở chỗ nào?”

Lúc đó, thần cây biết được trong lòng Thế Tôn nghĩ gì, liền làm oằn nhánh cây xuống, rồi bạch Thế Tôn: “Cúi xin Thế Tôn phoi y chỗ này.”

Sáng hôm sau, Ca-diếp đến chỗ Thế Tôn, bạch Thế Tôn:

“Chỗ này trước đây không có ao, nay có ao này? Trước không có cây, nay có cây này? Trước không có đá, nay có tảng đá này. Nguyên nhân gì mà có sự thay đổi này?”

Thế Tôn bảo:

“Đây là hôm qua Thiên đế Thích biết tôi muốn giết y cho nên làm hồ tắm này. Tôi lại nghĩ: ‘Đứng chỗ nào để đập giết y này?’ Tứ Thiên vương biết tôi đang nghĩ gì, liền mang đá này đến. Tôi lại nghĩ: ‘Phoi y này ở chỗ nào?’ Thần cây biết tôi đang nghĩ gì, liền oằn nhánh cây này vậy.”

Lúc đó, Ca-diếp nghĩ như vậy: “Sa-môn Cù-đàm này tuy có thân lực những vẫn [621c1] không bằng ta đắc đạo chân.”

Thế Tôn ăn xong, trở về chỗ kia nghỉ ngơi. Nửa đêm, có nhiều mây đen nổi lên, rồi đổ mưa lớn. Sông lớn Liên-nhã bị nước lũ ngập tràn.

Lúc đó, Ca-diếp nghĩ thầm: “Nước lũ tràn sông này, Sa-môn nhất định sẽ bị nước cuốn trôi. Nay ta ra xem thử.”

Ca-diếp cùng năm trăm đệ tử đi ra bờ sông. Bấy giờ Thế Tôn đang đi trên nước, chân không bị dính nước. Khi đó Ca-diếp từ xa thấy Thế Tôn đi trên mặt nước. Ca-diếp thấy vậy, liền nghĩ: “Thật là kỳ diệu! Sa-môn Cù-đàm lại có thể đi trên mặt nước. Ta cũng có thể đi trên mặt nước, nhưng không thể khiến cho chân không dính nước mà thôi. Sa-môn này tuy thật có thần lực. Nhưng vẫn không bằng ta đắc đạo chân.”

Khi đó Thế Tôn bảo Ca-diếp:

“Ông không phải là A-la-hán, cũng không biết đạo A-la-hán. Ông còn chưa biết tên A-la-hán, huống chi là đắc đạo sao? Ông là người mù. Mắt không trông thấy gì hết. Như Lai đã biến hóa ngàn ấy sự, mà ông vẫn cứ nói ‘Không bằng ta đắc đạo chân.’ Ông vừa nói rằng: ‘Ta có thể đi trên mặt nước.’ Bấy giờ là lúc thích hợp. Có thể cùng đi trên mặt nước chăng? Ông nay hãy bỏ tâm tà kiến, đừng để phải chịu khổ não lâu dài như vậy.”

Khi Ca-diếp nghe Thế Tôn nói như vậy, liền đến trước, mặt đánh lễ sát chân: “Con xin hối lỗi, biết rõ sai trái xúc phạm Như Lai. Cúi xin nhận sự sám hối này.” Như vậy ba lần.

Thế Tôn bảo:

“Chấp nhận sự hối lỗi của ông, đã biết tội quá nhiều Như Lai.”

Lúc đó, Ca-diếp bảo năm trăm đệ tử:

“Các người, mỗi người hãy làm theo những gì mình thích. Ta nay tự quy y Sa-môn Cù-đàm.”

Khi ấy năm trăm đệ tử bạch Ca-diếp:

“Chúng con trước đây, lúc hàng phục rồng cũng có ý muốn quy Sa-môn Cù-đàm. Nếu thấy tự quy y Cù-đàm thì năm trăm đệ tử chúng con thấy đều tự quy y với Cù-đàm.”

Ca-diếp nói:

“Nay thật là thích hợp. Nhưng tâm ta lại chấp vào sự ngu si này, thấy ngàn ấy sự biến hóa mà tâm ý vẫn còn không tỏ, vẫn tự xưng ta được đạo chân chánh.”

Rồi Ca-diếp cùng với năm trăm đệ tử vây quanh trước sau đi đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân Phật, rồi ngồi qua một bên, bạch Thế Tôn:

“Cúi xin Thế Tôn cho phép chúng con được làm Sa-môn, tu hạnh thanh tịnh.”

Theo pháp thường của chư Phật, nếu Phật nói ‘Thiện lai, Tỳ-kheo!’ Người ấy liền thành sa-môn.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo [622a1] Ca-diếp:

“Thiện lai, Tỳ-kheo! Pháp này vi diệu. Hãy khéo tu phạm hạnh.”⁴⁹

Ngay khi ấy, y phục đang mặc của Ca-diếp và năm trăm đệ tử thấy đều biến thành cà-sa, tóc trên đầu tự rụng, giống như cạo tóc được bảy ngày. Rồi những dụng cụ học thuật và liên hệ đến chú thuật của Ca-diếp đều được ném xuống sông. Sau đó, năm trăm đệ tử bạch Thế Tôn:

“Cúi xin Thế Tôn cho chúng con được làm Sa-môn!”

⁴⁹ Pāli, inid., *etha bhikkhavo, svākkhāto dhammo, caratha brahmacariyaṃ sammā dukkhassa antakiriyaṃ*, “Hãy đến đây, các Tỳ-kheo! Pháp đã được giảng thuyết hoàn hảo. Hãy tu hành Phạm hạnh để chân chánh diệt tận khổ.”

Tăng nhất A-hàm

Thế Tôn bảo:

“Thiện lai, Tỳ-kheo!”

Tức thì, năm trăm đệ tử liền thành Sa-môn, thân mặc cà-sa, tóc trên đầu tự rụng.

Lúc bấy giờ, thuận dòng nước về hạ lưu có phạm-chi⁵⁰ tên là Giang Ca-diếp⁵¹ sống ở bên sông. Khi Giang Ca-diếp thấy những dụng cụ chú thuật bị nước cuốn trôi, bèn nghĩ: ‘Ồi! Đại huynh của ta bị nước nhận chìm rồi!’

Giang Ca-diếp liền dẫn ba trăm đệ tử theo dòng sông lên thượng lưu, tìm thi hài của đại huynh. Từ xa, thấy Thế Tôn ngồi dưới gốc cây, thuyết pháp cho Đại Ca-diếp và năm trăm đệ tử, trước sau vây quanh. Thấy vậy, ông đến trước Ca-diếp mà nói: “Việc này há tốt đẹp sao? Trước kia làm thầy người. Nay làm đệ tử. Vì sao đại huynh làm đệ tử của Sa-môn?”

Ca-diếp đáp:

“Nơi này tuyệt diệu. Không nơi nào hơn.”

Lúc đó Ưu-tỳ Ca-diếp⁵² quay sang Giang Ca-diếp mà nói kệ này:

*Thầy này trời người quý;
Nay ta thờ làm Thầy.
Chư Phật hiện thế gian,
Gặp được thật là khó.*

Lúc đó Giang Ca-diếp nghe danh hiệu Phật, lòng rất vui mừng hơn hờ khôn xiết, đến trước bạch Thế Tôn:

⁵⁰ Cũng đạo sỹ bện tóc (*jaṭila*), không phải Bà-la-môn.

⁵¹ Giang Ca-diếp 江迦葉, hay Na-đề Ca-diếp. Pāli: Nadīkassapa.

⁵² Ưu-tỳ Ca-diếp, tức Ưu-tỳ-la Ca-diếp.

“Xin cho phép tu đạo!”

Thế Tôn bảo:

“Thiện lai, Tỳ-kheo! Hãy khéo tu phạm hạnh để diệt tận khổ.”

Khi đó Giang Ca-diếp cùng ba trăm đệ tử liền thành sa-môn, thân mặc cà-sa, tóc trên đầu tự rụng. Rồi Giang Ca-diếp cùng ba trăm đệ tử ném hết dụng cụ chú thuật xuống nước.

Bấy giờ thuận theo dòng nước cuối sông, có phạm-chí* tên là Già-di Ca-diếp⁵³ sống ở bên sông.⁵⁴ Từ xa, trông thấy dụng cụ chú thuật bị nước cuốn trôi, liền nghĩ: “Ta có hai người anh học đạo ở trên đó. Nay dụng cụ chú thuật bị nước cuốn hết. Hai đại Ca-diếp chắc bị nước hại.” Nghĩ rồi, liền dẫn hai trăm đệ tử theo sông lên thượng lưu, đến chỗ học thuật. Từ xa thấy hai anh đang làm Sa-môn, liền nói: “Nơi này tốt đẹp chẳng? Xưa là bực tôn kính của người, [622b1] nay làm đệ tử Sa-môn!”

Ca-diếp đáp:

“Nơi này rất tốt đẹp. Không nơi nào hơn.”

Già-di Ca-diếp suy nghĩ: “Hai anh của ta biết nhiều, học rộng. Nơi này chắc là mảnh đất tốt, mới khiến cho hai anh của ta vào học đạo. Nay ta cũng nên xin vào học đạo.”

Già-di Ca-diếp bèn đến trước, bạch Thế Tôn:

“Cúi xin Thế Tôn cho phép con làm sa-môn.”

Thế Tôn bảo:

⁵³ Già-di Ca-diếp 伽夷迦葉. Pāli: Gayākassapa.

⁵⁴ Theo tên gọi, nên hiểu là ông này sống trên núi Già-da hay Tượng đầu sơn (Gaya).

“Thiện lai, Tỳ-kheo! Hãy khéo tu phạm hạnh để diệt tận khổ.”

Già-di Ca-diếp tức thì trở thành sa-môn, thân mặc cà-sa, tóc trên đầu tự rụng giống như cạo đầu được bảy ngày.

Lúc bấy giờ Thế Tôn đang ở dưới cây ni-câu-loại bên sông kia, sau khi thành Phật chưa bao lâu, đã có một ngàn đệ tử, đều là các bậc kỳ túc trưởng lão.

Lúc đó, Thế Tôn giáo hóa bằng ba sự.⁵⁵ Thế nào là ba? Đó là thần túc giáo hóa, ngôn giáo giáo hóa,⁵⁶ huân hồi giáo hóa.

“Sao gọi là thần túc giáo hóa? Bấy giờ Thế Tôn hoặc biến ra nhiều hình rồi hợp lại một, hoặc hiện hoặc ẩn. Đi qua vách đá mà không gì chướng ngại. Hoặc ra khỏi mặt đất, hoặc nhập vào đất giống như xuống nước mà không bị trở ngại. Hoặc ngồi kiết già đầy khắp giữa hư không như chim bay trên không chẳng bị ngăn cản. Cũng như núi lửa lớn, phun khói vô lượng. Như mặt trời mặt trăng kia có đại thần lực, có thần lực lớn không thể hạn lượng, mà có thể dùng tay với đến. Thân cao cho đến Phạm thiên. Thế Tôn hiện thần túc như vậy.

⁵⁵ Tam sự giáo hóa 三事教化; cf. *Tứ phần* 33 (T22n1428, tr. 797a13): thần túc giáo hóa 神足教化, ức niệm giáo hóa 憶念教化, thuyết pháp giáo hóa 說法教化. Đây chỉ ba thị đạo;. Cf. *Tập dị* 6 (T26n1536, tr. 389b17), ba thị đạo 三示導: thần biến thị đạo 神變示導, ký tâm thị đạo 記心示導, giáo giới thị đạo 教誡示導. Xem *Trường A-hàm* 16, kinh 24 «Kiên cố» (Đại 1, tr. 101c8), có ba thần túc: thần túc thần túc, quán sát tha tâm thần túc, giáo giới thần túc. Pāli: *tīṇi pāṭihāriyāni– iddhipāṭihāriyam, ādesanāpāṭihāriyam, anusāsanipāṭihāriyam.*

⁵⁶ Ngôn giáo giáo hóa 言教教化, từ này có thể Hán dịch sai. Xem cht. 54 ngay trên và tiếp theo dưới.

“Sao gọi là ngôn giáo giáo hóa? ⁵⁷ Bấy giờ Thế Tôn dạy các Tỳ-kheo nên xả điều này, nên giữ điều này; nên gần điều này, nên xa điều này; nên nhớ điều này, nên trừ điều này; nên quán điều này, nên không quán điều này. ⁵⁸

“Sao gọi là nên tu điều này, không tu điều này? Hãy tu bảy giác chi, diệt ba kết. Sao là nên quán, không nên quán? Hãy quán ba kết, và ba thiện của sa-môn, đó là lạc do xuất yếu, lạc do không nhuế, lạc do không nộ. ⁵⁹ Sao gọi là không quán? Đó là ba khổ của sa-môn. Những gì là ba? Dục quán, nhuế quán, nộ quán. ⁶⁰ Sao gọi là niệm, sao gọi là không niệm? Bấy giờ, nên niệm khổ đế, nên niệm tập đế, nên niệm tận đế, nên niệm đạo đế; chớ niệm tà đế, thường kiến, ⁶¹ vô thường kiến; biên kiến, vô biên kiến; mạng khác thân khác; ⁶² chẳng phải mạng chẳng phải thân; ⁶³ Như Lai mạng chung, Như Lai không mạng

⁵⁷ Ngôn giáo giáo hóa 言教教化. Huyền Trang, *ibid.*,: Ký tâm thị đạo. Pāli, *ibid.*, *ādesanā-pāṭihāriya*. Có thể Hán dịch hiểu Pl. *ādesana* (Skt. *ādeśana*) là “thuyết giáo” thay vì “ký thuyết” từ đó có nghĩa “ký tâm” tức nói lên ý nghĩ của người khác đang nghĩ.

⁵⁸ Đoạn Hán dịch này có thể sai. Đây là đọc được ý người khác đang nghĩ như vậy, chứ không phải bảo họ nên làm hay nên nghĩ như vậy.

⁵⁹ Đây muốn nói ba thiện tâm (Pāli: *tayo kusalavitakkā*): xuất ly, vô nhuế, vô hại. Cf. *Tập dị 3* (T26n1536, tr. 377a26).

⁶⁰ Đây muốn nói ba bất thiện tâm (Pāli: *tayo akusalavitakkā*): Tham dục, sân nhuế, não hại; Cf. *Tập dị 3* (T26n1536, tr. 377a26).

⁶¹ Thường, vô thường, v.v.: Từ đây xuống, là 14 vấn đề thuộc trí vấn, hay vô ký thuyết; những câu hỏi Phật không trả lời. Hán dịch đưa vào đây, có sự gượng ép, không phù hợp.

⁶² Bì mạng bì thân 彼命彼身, nên hiểu mạng (ngã hay linh hồn) và thân là dị biệt.

⁶³ Phi mạng phi thân 非命非身, nên hiểu: Mạng và thân không phải là một.

chung, vừa hữu chung vừa vô chung; cũng chẳng hữu chung cũng chẳng vô chung.⁶⁴ Đùng niệm như vậy.⁶⁵

“Sao gọi là huân hồi giáo [622c1] hóa? Lại nữa, hãy đi như vậy, không nên đi như vậy; nên đến như vậy, không nên đến như vậy; nên im lặng như vậy, nên nói năng như vậy; phải thọ trì y như vậy, không được thọ trì y như vậy; nên vào thôn như vậy, không nên vào thôn như vậy. Đây gọi là huân hồi giáo giới.”

Lúc đức Thế Tôn bằng ba sự này giáo hóa một ngàn Tỳ-kheo, những Tỳ-kheo đó nhận được sự giáo hóa của Phật xong, trở thành một ngàn A-la-hán.

Khi ấy Thế Tôn thấy một ngàn Tỳ-kheo đã đắc A-la-hán. Bấy giờ cõi Diêm-phù-đề có một ngàn A-la-hán cùng năm Tỳ-kheo và Phật là sáu, Ngài quay ngòai hướng về Ca-tỳ-la-vệ.

Lúc đó, Ưu-tỳ Ca-diếp suy nghĩ như vậy: “Vì sao Thế Tôn ngòai quay lại hướng về Ca-tỳ-la-vệ?” Rồi Ưu-tỳ Ca-diếp liền đến trước, quỳ thẳng bạch Thế Tôn:

“Chẳng hiểu tại sao Như Lai ngòai quay hướng về Ca-tỳ-la-vệ?”

Thế Tôn bảo:

⁶⁴ Như Lai mạng chung 如來命終...; Hán dịch không chính xác. Nên hiểu: Như Lai sau khi chết tồn tại hay không tồn tại. Xem *Trung kinh* 221 Tiến dụ (T1n26, tr. 804b4). Pāli, M 63 Cūḷa-Mālukyasuttam (R. i. 1426): *hoti tathāgato param maraṇā' tipi, na hoti tathāgato param maraṇā' tipi, ...*

⁶⁵ Nguyên đoạn này có thể không có trong nguyên văn Phạn, nhưng do dịch giả hiểu nhầm từ *ādesana* là thuyết pháp, thay vì đọc ý nghĩ của người khác, thành ra là thuyết pháp, cho nên diễn giải thêm như vậy. Xem *Trường kinh* 24 (Kiên cố).

“Nhu Lai ở đời cần làm năm việc. Sao gọi là năm? Một là chuyện Pháp luân; hai là thuyết pháp cho cha; ba là thuyết pháp cho mẹ; bốn là dẫn dắt phạm phu lập hạnh Bồ-tát; năm là thọ ký riêng cho Bồ-tát. Nay Ca-diếp, đó gọi là Nhu Lai xuất hiện ở đời cần làm năm việc như vậy.”

Ưu-tỳ Ca-diếp bèn nghĩ: “Nhu Lai vì nhớ thân tộc xứ sở nên quay hướng đó ngồi vậy.”

Khi đó năm Tỳ-kheo lần hồi đi đến bờ sông Ni-liên.⁶⁶ Đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân Phật, rồi ngồi qua một bên.

Lúc đó Tôn giả Ưu-đà-da⁶⁷ xa thấy Thế Tôn ngồi hướng về Ca-tỳ-la-vệ. Thấy vậy liền nghĩ rằng: “Nhất định Thế Tôn muốn trở về Ca-tỳ-la-vệ để thăm thân quyến.” Ưu-đà-da liền tới trước quỳ thẳng bạch Thế Tôn:

“Nay con kham nhậm có điều muốn hỏi, xin được giải bày.”

Thế Tôn bảo:

“Muốn hỏi gì thì cứ hỏi.”

Ưu-đà-da bạch Thế Tôn:

“Xem ý Nhu Lai muốn trở về Ca-tỳ-la-vệ?”

“Thật vậy, như lời ông nói. Ưu-đà-da, nên biết, ông hãy tới chỗ Bạch Tịnh Vương⁶⁸ trước. Ta sẽ đến sau. Vì sao

⁶⁶ Ni-liên 尼連, tức trên kia âm là Liên-nhã.

⁶⁷ Ưu-đà-da 優陀耶. Hán dịch có nhảy sót nên truyện kể thiếu mạch lạc. *Phật bản hành* 51 (T3n190, tr. 889c18): Khi hay tin Thái tử thành Phật, vua Tịnh Phạn sai Ưu-đà-di 憂陀夷, con trai của Quốc sư đi thỉnh Phật về thăm quê. Pāli: Kāḷudāyī, AA. i. 302 ff.

⁶⁸ Bạch Tịnh Vương 白淨王; đoạn dưới dịch là Chân Tịnh

vậy? Vì phải báo cho chúng tộc Sát-lợi biết tin trước, rồi sau Như Lai mới tới. Người đến bẩm với Vua rằng, bảy ngày sau Như Lai sẽ về thăm Vua.”

Ưu-đà-da đáp:

“Kính vâng, bạch Thế Tôn.”

Bảy giờ Ưu-đà-da từ chỗ ngồi đứng dậy sửa lại y phục lễ [623a1] sát chân Thế Tôn, rồi biến mất khỏi Thế Tôn, hiện đến Ca-tỳ-la-vệ, tới chỗ của Chân Tịnh vương,⁶⁹ đến rồi đứng ở phía trước vua.

Khi Chân Tịnh vương đang ở trên đại điện, ngồi cùng với các thế nữ, lúc ấy Ưu-đà-da đang bay ở trên không. Rồi Chân Tịnh vương thấy Ưu-đà-da tay mang bình bát, cầm trượng, đang đứng trước mặt. Thấy vậy, trong lòng lo sợ mà nói rằng:

“Đây là người nào? Là người, hay phi nhân; trời, hay quỷ, dạ-xoa, la-sát, thiên long, quỷ thần?”

Lúc đó Chân Tịnh vương hỏi Ưu-đà-da:

“Người là người nào?”

Lại nói với Ưu-đà-da bằng bài kệ này:

*Là trời, hay là quỷ,
Hay càn-thát-bà chăng?
Ông nay tên là gì?
Hiện tại ta muốn biết.*

Lúc bấy giờ Ưu-đà-da lại dùng kệ này đáp vua:

Tôi cũng chẳng là trời,

Vương 真淨王. Quen gọi là Tịnh Phạm Vương. Pāli: Suddhodana.

⁶⁹ Xem cht. 66 trên.

*Chẳng phải càn-thát-bà.
Ở nước Ca-tỳ này,
Người đất nước Đại vương.
Xưa phá mười tám ức
Quân Ba-tuần xấu ác:
Thích-ca Vãn, Thầy tôi.
Tôi đệ tử của Ngài.*

Chân Tịnh Vương lại dùng kệ này hỏi Ưu-đà-da:

*Ai phá mười tám ức
Quân Ba-tuần xấu ác?
Thích-ca Vãn là ai
Nay Ông lại ca ngợi?*

Ưu-đà-da lại nói kệ này:

*Lúc Như Lai mới sanh
Trời đất rung động khắp.
Thệ nguyện quyết làm xong,
Nên gọi hiệu Tất-đạt.

Người thắng mười tám ức
Quân Ba-tuần xấu ác,
Người tên Thích-ca Vãn.
Ngày nay thành Phật đạo.

Người kia con họ Thích,
Đệ tử thứ Cù-đàm;
Hôm nay làm Sa-môn,
Vốn tên Ưu-đà-da.*

Chân Tịnh vương nghe những lời này rồi, trong lòng vui mừng không thể tự kiềm được, hỏi Ưu-đà-da rằng:

“Thế nào Ưu-đà-da, Thái tử Tất-đạt nay vẫn còn sống sao?”

Tăng nhất A-hàm

Ưu-đà-da đáp:

“Thích-ca Văn Phật nay đang hiện tại.”

Vua hỏi:

“Nay đã thành Phật rồi sao?”

Ưu-đà-da đáp:

“Nay đã thành [623b1] Phật.”

Vua lại hỏi:

“Hôm nay Như Lai đang ở đâu?”

Ưu-đà-da đáp rằng:

“Như Lai hiện đang ở dưới cây ni-câu-loại tại nước Ma-kiệt.”

Rồi vua lại hỏi:

“Những người đệ tử theo hầu là những ai?”

Ưu-đà-da đáp:

“Hàng ức chư thiên cùng một ngàn Tỳ-kheo và Tứ Thiên vương thường ở hai bên.”

Lúc đó vua hỏi:

“Mặc những loại y phục như thế nào?”

Ưu-đà-da đáp:

“Y Như Lai mặc được gọi là ca-sa.”

Rồi vua hỏi:

“Ăn những loại thức ăn nào?”

Ưu-đà-da đáp:

“Thân Như Lai dùng pháp làm thức ăn.”

Vua lại hỏi:

“Thế nào Ưu-đà-da, có thể gặp Như Lai được không?”

Ưu-đà-da đáp:

“Vua đừng sầu lo, sau bảy ngày Như Lai sẽ vào thành.”

Bấy giờ Vua rất vui mừng không kiếm chế được, tự tay rót nước cúng dường Ưu-đà-da.

Rồi Chân Tịnh Vương đánh trống lớn, lệnh cho nhân dân cả nước sửa bằng đường lộ, dọn dẹp sạch sẽ, rưới dầu thơm trên đất, treo lụa tràng phan, bảo cái, trỗi các kỹ nhạc không thể tính kể. Lại ra lệnh trong nước những người đui, điếc, ngọng, câm đều không được xuất hiện, bảy ngày sau Tất-đạt sẽ vào thành. Sau khi Chân Tịnh Vương nghe Phật sẽ vào thành, trong bảy ngày cũng không ngủ nghỉ.

Bấy giờ đã đến ngày thứ bảy, Thế Tôn nghĩ thầm: “Nay Ta nên dùng sức thần túc đi đến nước Ca-tỳ-la-vệ.” Rồi Thế Tôn dẫn các Tỳ-kheo trước sau vây quanh đi đến nước Ca-tỳ-la-vệ. Đến nơi, Ngài vào vườn Tát-lư⁷⁰ ở phía bắc thành.

Bấy giờ, vua Chân Tịnh nghe Thế Tôn đã đến Ca-tỳ-la-vệ, ở trong vườn Tát-lư phía bắc thành. Vua bèn dẫn những người họ Thích đến chỗ Thế Tôn. Lúc đó Thế Tôn nghĩ thầm: “Nếu Vua Chân Tịnh tự thân hành đến đây, điều này không thích hợp cho Ta. Nay Ta phải đi gặp Vua. Vì sao vậy? Ân cha mẹ rất nặng, tình dưỡng dục sâu dày.” Rồi Thế Tôn dẫn các Tỳ-kheo đến cửa thành, bay lên hư không, cách đất bảy nhẫn. Vua Chân Tịnh thấy Thế Tôn đoan chánh không gì bằng, hiếm có trên đời, các

⁷⁰ Tát-lư viên 薩盧園.

căn tịch tịnh, không có các vọng niệm, thân có ba mươi hai tướng, tám mươi vẻ đẹp tự trang nghiêm, liền phát tâm hoan hỷ, tức liền đánh lễ sát chân mà nói:

“Tôi Vua dòng sát-li, tên là Chân Tịnh Vương.”

Thế Tôn bảo:

[623c1] “Chúc Đại vương hưởng thọ vô cùng. Đại vương hãy dùng chánh pháp cai trị giáo hóa, đừng dùng tà pháp. Đại vương nên biết, những ai dùng chánh pháp để cai trị giáo hóa, sau khi thân hoại mạng chung sẽ sanh lên cõi thiện, ở trên trời.”

Rồi Thế Tôn từ trên không trung đi vào trong cung vua Chân Tịnh. Đến nơi, ngồi lên chỗ dọn sẵn.

Khi vua thấy Thế Tôn ngồi yên ổn, tự tay châm nước, phục vụ vô số đồ ăn uống. Khi Thế Tôn ăn xong, đã dùng nước rửa rồi, vua lấy một cái ghế nhỏ, ngồi nghe pháp.

Bấy giờ đức Thế Tôn thuận tự thuyết nghĩa vi diệu cho vua Chân Tịnh; luận về thí, luận về giới, luận về sanh thiên, dục là hạnh bất tịnh, xuất yếu là an lạc.⁷¹

Bấy giờ đức Thế Tôn thấy tâm ý vua đã giải khai. Như pháp mà chư Phật thường thuyết; Phật giảng thuyết tường tận cho vua nghe, về khổ, tập, tận, đạo. Khi đó vua Chân Tịnh liền ngay trên chỗ ngồi, sạch hết các trần cấu, được mắt pháp trong sạch.

Thế Tôn sau khi thuyết pháp cho vua nghe xong, từ chỗ ngồi đứng dậy mà đi.

⁷¹ Xuất yếu vi lạc 出要為樂; các đoạn trên kia dịch là *xuất gia vi yếu*.

Lúc đó vua Chân Tịnh tập họp toàn bộ dòng họ Thích lại và nói:

“Các Sa-môn⁷² đều có mặt mày xấu xí. Dòng sát-lị mà dẫn theo chúng bà-la-môn như vậy là không thích hợp. Dòng họ Thích sát-lị phải có chúng sát-lị, vậy thì mới tốt đẹp.”

Các người họ Thích đáp:

“Thật vậy, Đại vương! Như Đại vương dạy, dòng sát-lị phải có chúng sát-lị, như vậy mới tuyệt.”

Bấy giờ vua bỏ cáo trong nước, những gia đình có anh em hai người thì bắt một người phải hành đạo. Ai không như vậy thì sẽ bị xử phạt nặng. Khi trong dòng họ Thích nghe vua ra lệnh, “Gia đình có hai người là anh em thì bắt một người phải hành đạo, ai không theo mệnh lệnh sẽ xử phạt nặng”, bấy giờ Thích Đề-bà-đạt-đa nói với Thích A-nan rằng:

“Nay vua Chân Tịnh ra lệnh, ai có hai người anh em, thì phải phân một người hành đạo. Nay người nên xuất gia học đạo. Ta phải ở nhà giữ gìn gia nghiệp.”

Lúc đó Thích A-nan vui mừng hơn hờ nói:

“Như lời anh dạy”.

Lúc đó Thích Nan-đà⁷³ nói với Thích A-na-luật rằng:

“Vua Chân Tịnh ra lệnh rằng ai có hai người anh em, thì phải phân một người hành đạo, ai không như vậy thì sẽ bị xử phạt nặng. Nay người xuất gia, ta sẽ ở nhà”.

⁷² Đây chỉ các Tỳ-kheo đi theo Phật.

⁷³ Các tài liệu khác đều nói Ma-ha-nam, chứ không phải Nan-đà, là anh em với A-na-luật. Xem *Tứ phần*, tr. 590b.

Thích A-na-luật nghe được những lời như vậy rồi, vui mừng hơn hở, không thể kiềm chế, đáp lại:

“Thật vậy, như lời anh nói.”

Lúc đó vua Chân Tịnh dẫn Thích Học Tịnh, Thích Thực Tịnh, Thích Cam Lộ⁷⁴ đến chỗ Thế Tôn. Vua ngự giá bằng xe tứ mã, xe màu trắng, lọng màu trắng, ngựa kéo xe màu trắng. [624a1] Vị họ Thích thứ hai đi bằng xe màu xanh, lọng màu xanh, ngựa kéo xe màu xanh. Vị họ Thích thứ ba đi bằng xe màu vàng, lọng màu vàng, ngựa kéo xe màu vàng. Vị họ Thích thứ tư đi bằng xe màu đỏ, lọng màu đỏ, ngựa kéo xe màu đỏ. Cũng có những người họ Thích khác đi bằng voi, bằng ngựa, thầy đều tập hợp đến. Thế Tôn từ xa thấy vua Chân Tịnh dẫn dòng họ Thích đến, bèn bảo các Tỳ-kheo:

“Các ông xem chúng họ Thích này, và xem những người theo vua Chân Tịnh. Tỳ-kheo nên biết, trời Tam thập tam khi ra dạo vườn cảnh cũng như vậy, không có gì khác.”

Khi đó A-nan đi voi lớn màu trắng, áo màu trắng, lọng màu trắng. Thấy vậy, Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Các ông thấy Thích A-nan này, đi voi trắng, áo trắng chưa?”

Các Tỳ-kheo đáp:

“Dạ vâng, Thế Tôn, chúng con đã thấy.”

Phật bảo các Tỳ-kheo:

⁷⁴ Những người em của Vua Tịnh Phạn (Pl. Suddhodana): Học Tịnh 斛淨 (Pl. Dhotodana), Thực Tịnh 叔淨 (Sukkodana), Cam Lộ 甘露 (Pl. Amitodana).

“Người này sẽ xuất gia học đạo, trở thành đa văn đệ nhất, chịu hầu hạ gần gũi Ta. Các ông thấy A-na-luật này không?”

Các Tỳ-kheo đáp:

“Dạ vâng, chúng con thấy.”

Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Người này sẽ xuất gia học đạo, trở thành thiên nhãn đệ nhất.”

Khi ấy Vua Chân Tịnh, bốn anh em cả thầy, cùng A-nan-đà, đều đi bộ tới trước, cởi bỏ năm loại nghi trượng, đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, rồi ngồi qua một bên. Bấy giờ vua Chân Tịnh bạch Thế Tôn:

“Đêm hôm qua tôi sanh ý niệm như vậy: ‘Chúng sát-lị không nên dẫn chúng Bà-la-môn, mà dẫn chúng sát-lị, như vậy là thích hợp. Tôi liền ra lệnh trong nước, nhà nào có hai người anh em, một người phải xuất gia học đạo. Cúi xin Thế Tôn cho phép họ xuất gia học đạo.’”

Thế Tôn đáp:

“Lành thay, Đại vương! Trời người được nhiều lợi ích, được an vui. Vì sao vậy? Thiện tri thức này là ruộng phước tốt. Ta cũng nhờ thiện tri thức mà thoát được sanh, lão, bệnh, tử này.”

Khi đó chúng họ Thích được xuất gia.⁷⁵ Rồi Vua Chân Tịnh bạch Thế Tôn:

⁷⁵ *Tứ phần*, tr. 591a: Tám vương tử họ Thích và ngài thợ cạo Ưu-ba-li cùng xuất gia một lần: A-na-luật, Bạt-đề, Nan-đề, Kim-tỳ-la, Nan-đà, Bạt-nan-đà, A-nan-đà, ĐĐỀ-bà-đạt-đa. Pāli, Vin. ii. tr.

182: Tám vương tử: Bhaddiya, Anuruddha, Ānanda, Bhagu,

“Cúi xin Thế Tôn dạy dỗ những vị tân Tỳ-kheo này cũng như dạy dỗ Ưu-đà-da. Vì sao vậy? Tỳ-kheo Ưu-đà-da này rất có thần lực. Xin Tỳ-kheo Ưu-đà-da được ở lại trong cung giáo hóa, khiến cho các loài chúng sanh được an ổn lâu dài. Vì sao vậy? Vì Tỳ-kheo này rất có thần lực. Lần đầu tôi gặp Tỳ-kheo Ưu-đà-da liền phát tâm hoan hỷ, tôi liền khởi nghĩ như vậy: Đệ tử còn có thần lực huống chi Như Lai kia lại không có thần lực này?”

Thế Tôn đáp:

“Thật vậy, [624b01] Đại vương, như lời đại vương dạy, Tỳ-kheo Ưu-đà-da này rất có thần lực, có oai đức lớn.”

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Các Tỳ-kheo, đệ tử đứng đầu việc hiểu rộng biết nhiều mà Quốc vương nghĩ đến chính là Tỳ-kheo A-nhã Câu-lân. Có thể khuyến hóa nhân dân chính là Tỳ-kheo Ưu-đà-da. Có trí mau lẹ chính là Tỳ-kheo Ma-ha-nam. Thường thích phi hành chính là Tỳ-kheo Tu-bà-huru. Đi lại trên không chính là Tỳ-kheo Bà-phá. Có nhiều đệ tử, là Tỳ-kheo Ưu-tỳ Ca-diếp. Ý đặc quán Không, là Tỳ-kheo Giang Ca-diếp. Ý đặc chỉ quán chính, Tỳ-kheo Tượng Ca-diếp⁷⁶.”

Bấy giờ Thế Tôn giảng rộng pháp vi diệu cho vua Chân Tịnh nghe. Vua nghe pháp rồi, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ sát chân Phật, rồi lui ra về.

Các Tỳ-kheo cùng Vua Chân Tịnh, sau khi nghe Phật thuyết pháp, hoan hỷ phụng hành.⁷⁷

Kimila, Devadatta.

⁷⁶ Tượng Ca-diếp 象迦葉, tức trên kia dịch âm là Già-di Ca-diếp.

⁷⁷ Bản Hán, hết quyển 15.

KINH SỐ 6

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Trong mười lăm ngày, có ba pháp trai⁷⁸. Những gì là ba? Ngày mồng tám, ngày mười bốn, và ngày mười lăm.⁷⁹ Tỳ-kheo nên biết, hoặc có khi vào ngày trai ngày mồng tám, Tứ thiên vương sai các vị phụ thần xem xét thế gian, có những ai làm lành, làm ác; những chúng sanh nào từ hiếu với cha mẹ, sa-môn, bà-la-môn, cùng tôn trưởng; những chúng sanh nào vui thích bố thí, tu giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiên định, diễn rộng nghĩa kinh, trì bát quan trai; thấy đều phân biệt đầy đủ. Hay nếu không có chúng sanh nào hiếu thuận cha mẹ, sa-môn, bà-la-môn, cùng sư trưởng, lúc đó phụ thần bạch Tứ thiên vương: ‘Hiện tại thế gian này không có chúng sanh hiếu thuận với cha mẹ, sa-môn, đạo sĩ, hành bốn vô lượng tâm,⁸⁰ thương xót chúng sanh.’ Tứ thiên vương sau khi nghe rồi, trong lòng [624c01] sầu ưu, buồn bã, không vui. Bấy giờ, Tứ thiên vương đi đến giảng đường Tập thiện pháp⁸¹ trên trời Đao-lợi,⁸² đem nhân duyên này trình bày hết cho Đế Thích: ‘Thiên đế nên biết, hiện nay thế gian này không có chúng sanh nào hiếu thuận với cha mẹ, sa-môn, bà-la-môn, cùng tôn trưởng.’ Bấy giờ, Đế Thích, trời Tam thập tam, nghe những lời này rồi, trong lòng sầu ưu, buồn bã,

⁷⁸ Trai pháp. Pāli: *uposatha*. Tham chiếu, A III 36, 70 (R. 142, 207).

⁷⁹ Nếu tính tháng 30 ngày, phải kể thêm: ngày 23, 29 và 30.

⁸⁰ Bốn đẳng tâm.

⁸¹ Tập thiện pháp giảng đường 集善法講堂. Pāli, Sudhammasabhā, hội trường của chư thiên Tam thập tam.

⁸² Đao-lợi, dịch âm mà tiếp theo dưới dịch nghĩa là Tam thập tam.

không vui, vì chúng chur thiên sẽ giảm, chúng a-tu-la sẽ tăng.

“Hoặc giả, lại có khi chúng sanh thế gian có người hiếu thuận cha mẹ, sa-môn, bà-la-môn, cùng tôn trưởng; thọ trì bát quan trai, tu đức thanh tịnh, không phạm mảy may vào giới cấm lớn. Bấy giờ sứ giả sẽ vui mừng phấn khởi, không tự chế được, bạch Tứ thiên vương: ‘Hiện nay, thế gian này, có nhiều chúng sanh hiếu thuận với cha mẹ, sa-môn, bà-la-môn, cùng tôn trưởng.’ Thiên vương nghe rồi rất lấy làm vui mừng, liền đến chỗ Thích Đề-hoàn Nhân, đem nhân duyên này bạch Đế Thích: ‘Thiên đế nên biết, hiện nay thế gian này có nhiều chúng sanh hiếu thuận với cha mẹ, sa-môn, bà-la-môn, cùng tôn trưởng.’ Bấy giờ, Đế Thích, trời Tam thập Thiên sẽ tăng trưởng, chúng a-tu-la sẽ tổn giảm. Mọi đánh khảo địa ngục tự nhiên đình chỉ, khổ độc không thi hành.

“Nếu là ngày mười bốn, ngày trai, thái tử được sai xuống quan sát thiên hạ, dò xét nhân dân thi hành thiện ác; có chúng sanh tin Phật, tin Pháp, tin Tỳ-kheo Tăng, hiếu thuận cha mẹ, sa-môn, bà-la-môn, cùng tôn trưởng; có ưa thích bố thí thọ trì bát quan trai, đóng bít lục tình, phòng chế ngũ dục hay không? Nếu không có chúng sanh nào tu theo chánh pháp, hiếu thuận cha mẹ, sa-môn, bà-la-môn, bấy giờ thái tử bạch Tứ thiên vương. Tứ thiên vương nghe rồi, trong lòng sầu ưu, buồn bã, không vui; đi đến chỗ Thích Đề-hoàn Nhân, đem nhân duyên này bạch đầy đủ Thiên đế: ‘Đại vương nên biết, hiện nay thế gian này không có chúng sanh nào hiếu thuận cha mẹ, sa-môn, bà-la-môn, cùng tôn trưởng.’ Bấy giờ, Thiên đế, trời Tam thập tam, thấy đều trong lòng sầu ưu, buồn bã, không vui, vì chúng chur thiên sẽ giảm, chúng a-tu-la sẽ tăng.

“Hoặc giả, lại có khi, có chúng sanh hiếu thuận cha mẹ, sa-môn, bà-la-môn, cùng tôn trưởng, thọ trì bát quan trai, bảy giờ, thái tử vui mừng phấn khởi khôn xiết, liền đến bạch Tứ thiên vương: ‘Đại vương nên biết, hiện nay thế gian này có nhiều chúng sanh hiếu thuận cha [625a01] mẹ, sa-môn, bà-la-môn, cùng các tôn trưởng.’ Tứ thiên vương sau khi nghe những lời này rất lấy làm vui mừng, liền đến chỗ Thích Đề-hoàn Nhân, đem nhân duyên này bạch đầy đủ cho Thiên đế: ‘Thánh vương nên biết, hiện nay thế gian này có nhiều chúng sanh hiếu thuận cha mẹ, sa-môn, bà-la-môn, cùng các tôn trưởng, thọ trì tam tỳ qui, từ tâm, can gián, thành tín, không dối trá.’ Lúc bảy giờ, Thiên đế, Tứ thiên vương cùng trời Tam thập tam đều mừng vui, không thể tự kiềm được, vì chúng chư thiên sẽ tăng ích, chúng a-tu-la sẽ tổn giảm.

“Tỳ-kheo nên biết, ngày mười lăm, thời thuyết giới,⁸³ đích thân Tứ thiên vương xuống xem xét khắp thiên hạ, dò xét người dân, những chúng sanh nào hiếu thuận cha mẹ, sa-môn, bà-la-môn cùng các tôn trưởng, ưa thích bố thí, trì bát quan trai, trai pháp của Như Lai. Nếu không có chúng sanh nào hiếu thuận với cha mẹ, sa-môn, bà-la-môn, cùng tôn trưởng, bảy giờ Tứ thiên vương, trong lòng sầu ưu, buồn bã, không vui, đến chỗ Đế Thích, đem nhân duyên này bạch đầy đủ với Thiên đế: ‘Đại vương nên biết, hiện nay trong thế gian này, không có chúng sanh nào hiếu thuận với cha mẹ, sa-môn, bà-la-môn, cùng các tôn trưởng.’ Thích Đề-hoàn Nhân, trời Tam thập tam, thấy đều trong lòng sầu ưu, buồn bã, không vui, vì chúng chư thiên sẽ giảm, chúng a-tu-la sẽ tăng trưởng.

⁸³ Ngày bố-tát, Tăng thuyết giới, tức tụng giới Ba-la-đề-mộc-xoa. Từ phổ thông, chỉ ngày trăng tròn hoặc đầy tháng, Pāli: *taduposatha*; cf. D.i.47 (*Sāmaññaphalasutta*).

“Hoặc giả, vào lúc ấy nếu có chúng sanh hiếu thuận với cha mẹ, sa-môn, bà-la-môn, cùng các tôn trưởng, thọ trì bát quan trai, bấy giờ Tứ thiên vương lại vui mừng phấn khởi khôn xiết, liền đến chỗ Đế Thích đem nhân duyên này bạch đầy đủ với Thiên đế: ‘Đại vương nên biết, hiện nay trong thế gian này có nhiều chúng sanh hiếu thuận cha mẹ, sa-môn, bà-la-môn, cùng các tôn trưởng.’ Khi ấy, Thích Đề-hoàn Nhân, trời Tam thập tam, cùng Tứ thiên vương đều mừng vui, phấn chấn, không thể tự kiềm được, vì chúng chư thiên sẽ tăng ích, chúng a-tu-la sẽ tổn giảm.”

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Ngày mười lăm, trì pháp bát quan trai như thế nào?”

Các Tỳ-kheo bạch Thế Tôn rằng:

“Nhu Lai là vua các pháp, là ân của các pháp. Nguyên xin Thế Tôn nên vì các Tỳ-kheo mà giảng rộng nghĩa này. Các Tỳ-kheo nghe xong sẽ phụng hành.”

Thế Tôn bảo rằng:

“Hãy lắng nghe, hãy lắng nghe, suy nghĩ kỹ! Ta sẽ phân biệt nói đầy đủ cho các người nghe.

“Ở đây, này Tỳ-kheo, nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân nào vào ngày mười bốn, mười lăm trong tháng, là ngày trì trai thuyết giới, đến [625b01] giữa bốn bộ chúng⁸⁴ mà nói như vậy: ‘Hôm nay là ngày trai, tôi muốn trì pháp bát quan trai.’⁸⁵ Nguyên xin Tôn giả vì con mà thuyết giới.’

⁸⁴ Chúng bốn bộ 四部眾 thường chỉ gồm Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di. Nhưng ưu-bà-tắc và ưu-bà-di không truyền trai giới tám chi được. Hán văn nói theo quán tính.

⁸⁵ Bát quan trai pháp 八關齋法; hay bát chi trai, bát chi cận trụ. Cf. *Trung* 55, kinh 202 (T1n26, tr. 770b24): Thánh bát chi trai 聖八支齋. Pāli: *aṭṭhaṅga-samannāgata-uposatha*.

Bấy giờ chúng bốn bộ nên dạy cho người đó pháp bát quan trai. Trước hết nên bảo người đó nói như vậy: ‘Này thiện nam tử, hãy tự xưng tên họ.’ Người kia đã xưng tên họ rồi, nên trao cho pháp bát quan trai. Bấy giờ, vị giáo thọ nên dạy người trước đó nói như vậy: ‘Nay con vâng giữ trai pháp của Như Lai cho đến sáng sớm ngày mai, tu giới thanh tịnh, trừ bỏ pháp ác. Nếu thân làm ác, miệng thốt ra lời ác, ý sanh niệm ác; thân ba, miệng bốn, ý ba; các điều ác đã làm, sẽ làm, hoặc vì tham dục mà tạo, hoặc vì sân nhuế mà tạo, hoặc vì ngu si mà tạo, hoặc vì hào tộc mà tạo, hoặc vì nhân ác tri thức mà tạo, hoặc thân này, thân sau vô số thân, hoặc không hiểu Phật, không hiểu Pháp, hoặc gây đấu loạn giữa các Tỳ-kheo Tăng, hoặc sát hại cha mẹ, chư tôn sư trưởng; nay con sám hối, không tự che dấu. Nương giới, nương pháp mà thành tựu giới hạnh của mình, thọ trì pháp bát quan trai của Như Lai.

‘Những gì là pháp bát quan trai? Thọ trì tâm, như Chơn nhân⁸⁶, trọn đời không sát⁸⁷, không có tâm hại, có tâm từ đối với chúng sanh; nay con tên là... trì trai cho đến sáng sớm ngày mai không sát, không có tâm hại, có tâm từ đối với tất cả chúng sanh.

‘‘Nhu A-la-hán không có tà niệm⁸⁸, trọn đời không trộm cắp, ham thích bố thí. Nay con tên là... trì trai cho đến

⁸⁶ Chơn nhơn 真人, đây chỉ A-la-hán. Văn thọ tám chi trai, xem Trung 55, dẫn trên.

⁸⁷ Văn thọ trai giới tám chi, Pāli, cf. A III 70 (R.i. 211): *yāvajīvaṃ arahanto pāṇātipātaṃ pahāya (...) ahampajja imaṅca rattim imaṅca divasaṃ pāṇātipātaṃ pahāya (...)*, như A-la-hán trọn đời đoạn trừ sát sanh (...) tôi nay cũng một ngày một đêm đoạn trừ sát sanh (...).

⁸⁸ Hán: vô hữu tà niệm 無有邪念, nghi chép dư.

sáng sớm ngày mai⁸⁹ không trộm cắp, từ nay đến ngày mai.

“Thọ trì tâm, như Chân nhân trọn đời⁹⁰ không dâm dật,⁹¹ không có tà niệm, thường tu phạm hạnh, thân thể thơm khiết; con⁹² hôm nay trì giới không dâm, cũng không nghĩ đến vợ mình, lại cũng không nghĩ tưởng đến người nữ khác, cho đến sáng sớm ngày mai, không xúc phạm.

“Như A-la-hán suốt đời không nói dối, luôn biết thành thật, không dối người; con* từ nay đến ngày mai không nói dối. Con từ nay trở về sau⁹³ không nói dối nữa.

“Như A-la-hán trọn đời* không uống rượu, tâm ý không loạn, thọ trì cấm giới của Phật không điều nào xúc phạm; nay con cũng như vậy, từ nay cho đến sáng mai không uống rượu, thọ trì giới cấm của Phật không xúc phạm.

“Như A-la-hán trọn đời không hoại trai pháp,⁹⁴ hằng [625c01] ăn đúng thời, ăn ít biết đủ, không đắm trước mùi vị, nay con cũng như vậy, nguyện (trọn đời)⁹⁵ không

⁸⁹ Bản Hán: Tận hình thọ 盡形壽, trọn đời. Hán chép nhầm. Theo văn chuẩn, nên sửa lại.

⁹⁰ Bản Hán: Ngã kim tận hình thọ 我今; chép dư 2 chữ *ngã kim*. Theo văn chuẩn, nên lược bỏ.

⁹¹ Văn chuẩn Pāli: *Yāvajīvaṃ arahanto abrahmacariyaṃ pahāya brahmacārī ārācārī* (...), như A-la-hán trọn đời đoạn trừ phi phạm hạnh, hành phạm hạnh (...).

⁹² Hán không có; nên thêm vào cho đúng quy tắc văn thọ giới.

⁹³ Ý tưởng này không chuẩn xác đối với văn thọ giới tám chi. Hán dịch sai, hoặc thêm thắt không đúng, đề nghị lược bỏ.

⁹⁴ Ý nói: không ăn sau đúng bóng. Văn chuẩn Pāli: *Yāvajīvaṃ arahanto ekabhikkhā rattiparatā viratā vikālabhojanā* (...), Như A-la-hán trọn đời chỉ ăn một bữa, không ăn đêm, không ăn phi thời (...)

⁹⁵ Hán: tận hình thọ 盡形壽; Hán dịch hoàn toàn sai, nên cho vào

hoại trai pháp, hằng ăn đúng thời, ăn ít biết đủ, không đắm trước mùi vị. Từ ngày nay đến sáng mai không xúc phạm.

“Nhu A-la-hán (trọn đời)* hằng không ngồi trên giường cao rộng. (Giường cao rộng là giường vàng, bạc, ngà voi, hoặc giường sừng tòa của Phật, tòa của Bích-chi-phật, tòa của A-la-hán, tòa của các tông sư. A-la-hán không ngồi trên tám loại tòa này);⁹⁶ con cũng không phạm ngồi vào chỗ ngồi này.⁹⁷

“Nhu A-la-hán (trọn đời) không đeo hương hoa, trang điểm phấn sáp; nay con cũng như vậy, nguyện một ngày một đêm⁹⁸ không đeo hương hoa, phấn sáp tốt đẹp.⁹⁹

“Nay con tên là ... lia tám việc này, nguyện trì pháp bát quan trai, không đọa vào ba đường dữ; nhờ công đức này mà không vào trong địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, và tám nạn; thường được thiện tri thức, không từng sự ác tri thức; thường được sinh vào nhà cha mẹ tốt lành, không sinh

ngoặc. Trai giới tám chi chi thọ trì một ngày một đêm.

⁹⁶ Đoạn này nghi là phụ chú giải thích giới điều của người dịch, hay người truyền tụng, chứ không phải chính văn thọ giới, nên cho vào ngoặc. Văn đoạn này cũng thiếu lời nguyện “một ngày một đêm.” Đề nghị thêm vào. Tham chiếu văn thọ Hán, *Trung 55*, đã dẫn.

⁹⁷ Dịch ý. Đề bản: Ngã diệc thượng tọa bất phạm thử tọa 我亦上坐不犯此坐 “Tôi cũng thượng tọa không phạm chỗ ngồi này” (?). Có sai sót trong tả bản này, nên các bản khác có sửa lại. TNM: bỏ 2 chữ “ngã diệc 我亦”. Bản Thánh: Thượng tọa ngã diệc 上坐 我亦. Nhưng cũng không làm cho văn sáng rõ hơn.

⁹⁸ Nguyên Hán: *Tận hình thọ*; không đúng văn chuẩn, đề nghị sửa lại như trên.

⁹⁹ Điều học này còn thiếu phân nữa: không ca, múa, xướng hát, và cố ý đi xem nghe. Xem thêm Pāli, và *Trung 55* đã dẫn trên.

vào nơi biên địa không Phật pháp, không sinh lên trời Trường thọ, không làm nô tỳ cho người, không làm Phạm thiên, không làm thân Đế Thích, cũng không làm Chuyển luân Thánh vương; thường sinh hiện tiền có Phật, tự mình thấy Phật, tự mình nghe pháp khiến các căn không loạn. Nếu con thề nguyện hướng đến ba thừa tu hành, thì mong sẽ chóng thành đạo quả.’

“Tỳ-kheo nên biết, nếu có ưu-bà-tắc, ưu-bà-di nào trì pháp bát quan trai này, thiện nam tử, thiện nữ nhân đó sẽ hướng đến ba đường, hoặc sinh vào cõi người, hoặc sinh lên trời, hoặc bát-niết-bàn.”

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

*Không sát, cũng không trộm,
Không dâm, không nói dối,
Tránh rượu, xa hương hoa,
Người đả vị phạm trai,
Ca múa cùng xướng hát,
Học La-hán, tránh xa.
Nay trì bát quan trai,
Ngày đêm không quên mất.*

*Không có khổ sinh tử,
Không kỳ hạn luân hồi;
Chớ tập cùng ân ái,
Cũng chớ hội oán tắng.*

*Nguyện diệt khổ năm uẩn,
Các bệnh lão sinh tử.
Niết-bàn không các hoạn,
Nay ta tự quay về.*

“Cho nên, này Tỳ-kheo, nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân nào, muốn trì bát quan trai, lia các khổ, được chỗ lành; muốn diệt tận các lậu [626a01], vào thành Niết-bàn,

phải tìm cầu phương tiện thành tựu pháp bát quan trai này. Vì sao vậy? Vì vinh vị ở cõi người không đủ làm cao quý, mà khoái lạc trên trời thì không thể kể xiết. Nếu thiện nam tử, thiện nữ nhân nào muốn cầu phước vô thượng, hãy tìm cầu phương tiện thành tựu pháp bát quan trai này. Nay Ta răn dạy lại các người, nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân nào thành tựu bát quan trai, mà muốn cầu sinh lên cõi trời Tứ thiên vương, cũng sẽ đạt được nguyện này. Những gì mà người trì giới kia ước nguyện đều được như nguyện. Vì vậy nên Ta nói nghĩa này. Vinh vị cõi người không đủ làm cao quý. Nếu thiện nam tử, thiện nữ nhân nào, trì bát quan trai, thân hoại mạng chung sẽ sinh thiện xứ, trên trời, hoặc sinh Diễm thiên, Đâu-suất thiên, Hóa tự tại thiên, Tha hóa tự tại thiên, trọn không hư dối. Vì sao vậy? Những gì mà người trì giới kia ước nguyện đều được như nguyện.

“Các Tỳ-kheo, nay Ta nhắc lại cho các người, nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân nào trì bát quan trai, cũng thành tựu sở nguyện của mình sẽ sinh về các cõi trời Dục giới, sinh về các cõi trời Sắc giới.¹⁰⁰ Vì sao như vậy? Những gì mà người trì giới kia ước nguyện đều được như nguyện.

“Lại nữa, nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân nào trì bát quan trai mà muốn sinh về các cõi trời Vô sắc, cũng được kết quả như sở nguyện kia.¹⁰¹

“Tỳ-kheo nên biết, nếu thiện nam tử, thiện nữ nhân nào trì bát quan trai, muốn sinh vào nhà bốn chủng tánh, lại cũng được sinh.

¹⁰⁰ Đây chỉ là điều kiện tiên khởi; không đắc bốn sắc giới thiên, không thể tái sinh lên Sắc giới, dù thọ trai giới tám chi.

¹⁰¹ Cũng như trên, không đạt được bốn vô sắc định không thể tái sinh lên các cõi trong Sắc giới thiên.

“Lại, thiện nam tử, thiện nữ nhân nào trì bát quan trai, muốn cầu làm thiên tử một phương, thiên tử hai phương, ba phương, bốn phương thì cũng được như sở nguyện kia. Muốn cầu làm Chuyển luân Thánh vương cũng được như sở nguyện kia. Vì sao vậy? Những gì mà người trì giới kia ước nguyện đều được như nguyện.

“Nếu thiện nam tử, thiện nữ nhân nào muốn cầu thành Thanh văn, Duyên giác, Phật thừa, ắt sẽ thành tựu sở nguyện. Nay Ta thành Phật là nhờ trì giới kia. Năm giới, mười thiện, không nguyện nào là không được.

“Các Tỳ-kheo, nếu muốn thành đạo kia, hãy học điều này.”

Bấy giờ các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 7¹⁰²

Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật ở tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có ba sự hiện tiền,¹⁰³ khi ấy thiện nam tử, thiện nữ nhân được phước vô lượng. Những gì là ba? Tín hiện tiền, khi ấy thiện nam tử, thiện nữ nhân được phước vô lượng. Tài¹⁰⁴ hiện tiền, khi ấy thiện nam tử, thiện nữ nhân được phước vô lượng. Nếu [626b01] trì phạm hạnh hiện

¹⁰² Bản Hán, TNM bắt đầu quyển 16.

¹⁰³ A. III. 46 (tr.150): *tiṇṇaṃ sammukhībhāvā*.

¹⁰⁴ Tài 財. Pāli: *deyyadhammaṃ*, hiện vật bố thí.

tiền,¹⁰⁵ khi ấy thiện nam tử, thiện nữ nhân được phước vô lượng. Đó gọi là, này Tỳ-kheo, có ba sự hiện tiền thì được phước vô lượng.”

Bấy giờ Thế Tôn liền nói kệ này:

*Tín, tài, phạm khó được,
Người thọ, người trì giới;
Biết ba sự này rồi,
Người trí tùy thời thí.
Luôn luôn được an ổn,
Chư thiên thường phù trợ;
Nơi đó sống yên vui,
Ngũ dục hưởng không chán.*

“Cho nên, này các Tỳ-kheo, thiện nam tử, thiện nữ nhân nào, hãy tìm cầu phương tiện để thành tựu ba pháp này. Này các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy”.

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 8¹⁰⁶

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật trú tại vườn Cù-sư-la,¹⁰⁷ thành Câu-thâm.¹⁰⁸ Bấy giờ, Tỳ-kheo Câu-thâm thường ưa tranh

¹⁰⁵ Đề bản: trì phạm hạnh 持梵行. TNM: trì phạm hạnh nhân, người trì phạm hạnh 持梵行人. Pāli: *dakkhiṇeyyāṇṃ sammukhībhāvā*, sự hiện diện của những vị xứng đáng cúng dường.

¹⁰⁶ Tham chiếu Pāli, M. 48 Kosambiyasuttaṃ (R.i. 320ff); Hán, *Trung*, kinh 72 (T1n26, tr. 532c9)

¹⁰⁷ Cù-sư-la viên 瞿師羅園. Pāli: Ghositārāma.

¹⁰⁸ Câu-thâm 拘深; bản khác: Câu-thiểm-di. Pāli: Kosambi.

tụng, phạm các ác hành. Mỗi khi đối diện bàn cãi, hoặc có lúc dùng dao gây gia hại nhau.¹⁰⁹ Bảy giờ, vào lúc sáng sớm, đức Thế Tôn đến chỗ các Tỳ-kheo kia. Đến nơi đó, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo kia:

“Này các Tỳ-kheo, cẩn thận chớ tranh tụng, chớ nói chuyện thị phi, mà nên cùng hòa hợp nhau. Cùng một thầy học, đồng nhất như nước với sữa, tại sao lại tranh tụng?”

Bảy giờ Tỳ-kheo Câu-thâm bạch Thế Tôn rằng:

“Cúi xin Thế Tôn chớ lo việc này. Chúng con sẽ tự tư duy về lý này. Theo như lỗi lầm này, chúng con tự biết tội của nó.”

Thế Tôn bảo:

“Thế nào, các người vì dòng họ vua mà hành đạo, vì sợ hãi mà hành đạo, hay vì đời sống thiếu thốn mà hành đạo?”

Các Tỳ-kheo đáp:

“Không phải vậy, bạch Thế Tôn.”

Thế Tôn bảo:

“Thế nào Tỳ-kheo, các người há chẳng phải vì muốn lia sinh tử, cầu đạo vô vi, nên hành đạo đó sao? Song thân năm uẩn thật không thể bảo toàn.”

Các Tỳ-kheo đáp:

¹⁰⁹ Hán diễn dịch đi quá xa. Các tỳ kheo này chỉ tranh luận về giải thích luật: phạm hay không phạm, dẫn đến bất hòa. Không có việc ẩu đả. Xem *Tứ phần 43*: vấn đề Câu-thiêm-di 拘睒彌捷度 (T22n1428, tr. 879b23); *Thập tụng 30*: trường hợp Câu-xá-di 俱舍彌法 (T23n1435, tr. 214a20). Pāli, Mahāvagga, Vin. i. 337.

“Thật vậy, bạch Thế Tôn, như lời dạy của Thế Tôn. Chúng con là những thiện gia nam tử xuất gia học đạo là vì lý do cầu đạo vô vi, diệt thân năm uẩn, nên học đạo.”

Thế Tôn bảo:

“Các Tỳ-kheo, không nên hành đạo mà lại đi đấu tranh, đấm đá lẫn nhau¹¹⁰, đối diện thị phi, lời tiếng thô bạo với nhau. Các người cần phải thành tựu hạnh này. Cùng đồng một pháp, cùng theo một thầy, cũng nên thực hành sáu pháp tôn trọng¹¹¹ này, cũng nên thực hành thân, khẩu, ý hành này, cũng nên thực hiện việc cúng dường¹¹² các vị phạm hạnh.”

Các Tỳ-kheo [626c01] đáp rằng:

“Đây là việc của chúng con, không đáng cho Thế Tôn lo lắng việc này.”

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo Câu-thâm:

“Thế nào, những người ngu, các người không tin những lời của Như Lai sao mà nói Như Lai chớ lo việc này? Các người sẽ tự nhận báo ứng về tà kiến¹¹³ này.”

¹¹⁰ 手拳相加 xem cht. 107 trên.

¹¹¹ Lục chủng chi pháp 六種之法. Đề bản chép nhầm trọng 重 thành chủng 種. Nên sửa lại là lục trọng pháp 六重法. Cũng thường nói là pháp lục hòa. Pāli, M.i. 322: “*chayime, bhikkhave, dhammā sāraṇiyā piyakaraṇā garukaraṇā saṅgahāya avivādāya sāmaggīyā ekībhāvāya samvattanti*,” “Này các Tỳ-kheo, có sáu pháp này, cần ghi nhớ, khiến thành thân yêu, tác thành sự tôn kính, đưa đến đoàn kết, không tranh tụng, hòa hợp, nhất trí.”

¹¹² Cúng dường, đây hiểu là tôn kính.

¹¹³ 邪見 tà kiến: từ Hán dịch này có thể sai. Vấn đề tranh chấp giữa các tỳ kheo tại Kiêu-thường-di (Kosambī) không liên hệ đến

Bấy giờ Thế Tôn lại bảo các Tỳ-kheo kia rằng:

“Về quá khứ xa xưa, trong thành Xá-vệ này, có Vua tên là Trường Thọ,¹¹⁴ thông minh trí tuệ, không việc gì không biết. Tuy thiện nghệ về môn đao kiếm nhưng lại thiếu bảo vật, các kho không đầy, tài sản sa sút, binh bốn bộ lại cũng không nhiều, thuộc hạ quần thần phò tá lại cũng ít ỏi.

“Vào lúc bấy giờ, nước Ba-la-nại, có vua tên là Phạm-ma-đạt,¹¹⁵ dũng mãnh kiên cường, không đâu không hàng phục. Tiền của bảy báu đều đầy kho. Binh bốn bộ lại cũng không thiếu. Quần thần phò tá đầy đủ. Bấy giờ vua Phạm-ma-đạt nghĩ thầm: ‘Vua Trường Thọ này không có quần thần phò tá, lại thiếu của cải, không có trân báu. Nay ta có thể đến chinh phạt nước này.’

“Rồi vua Phạm-ma-đạt liền hưng binh đến chinh phạt nước kia. Vua Trường Thọ nghe việc hưng binh chinh phạt nước mình liền thiết lập phương kế: ‘Nay tuy ta không có của cải bảy báu, thuộc hạ quần thần phò tá, binh bốn bộ. Vua kia tuy có nhiều binh chúng. Hôm nay tuy có sức một mình ta cũng đủ để tiêu diệt trăm nghìn binh chúng kia. Nhưng sát hại chúng sanh vô số kể,

tà kiến, mà chi là quan điểm bất đồng trong giải thích luật. Vì đây là biến cố quan trọng trong Tăng đoàn thời Phật, liên hệ đến vấn đề phá Tăng (*saṅghabheda*), nên các Luật bộ đều có đề cập và phân tích.

¹¹⁴ Trường Thọ vương 長壽王. *Trung* kinh 72. Trường Thọ, vua nước Câu-sa-la 拘娑羅國王. Pāli, Mahāvagga, Vin, i. 342: Dīghīti, vua nước Kosala. Chuyện cũng được kể trong Jātaka 428.

¹¹⁵ Phạm-ma-đạt 梵摩達. *Trung*, ibid., Phạm-ma-đạt-đa 梵摩達哆, vua nước Da-xá 加赦國王 (Pāli: nước Kāsi). Pāli, ibid. Brahmadata, vua nước Kāsi, trị tại Bārāṇasī.

không thể vì vinh quang một đời mà tạo tội muôn đời. Nay ta có thể ra khỏi thành này, lánh tại nước khác để không xảy ra đấu tranh.’

“Bấy giờ vua Trường Thọ không nói với quần thần, đem đệ nhất phu nhân, cùng một người nữa, ra khỏi thành Xá-vệ, vào trong núi sâu. Lúc này quần thần phò tá, nhân dân trong thành Xá-vệ, vì không thấy vua Trường Thọ, liền sai tín sứ đến chỗ vua Phạm-ma-đạt nói như vậy: ‘Cúi xin đại vương đến đất nước này. Hiện tại vua Trường Thọ không biết ở đâu.’ Bấy giờ vua Phạm-ma-đạt đến nước Ca-thi cai trị. Vua Trường Thọ có hai phu nhân, đều mang thai sắp đến ngày sinh. Khi ấy phu nhân nằm mộng thấy sinh giữa đô thị. Lại thấy, vào lúc mặt trời mới mọc, binh bốn bộ tay cầm đao nắm thước đứng vây quanh. Chỉ sinh một mình, không người giúp đỡ. Thấy vậy, bà giật mình thức giấc, đem nhân duyên này tâu với vua Trường Thọ. Vua bảo phu nhân rằng, ‘Chúng ta [627a01] nay đang ở trong rừng sâu này, vì đâu mà bảo là sinh tại giữa đô thị trong thành Xá-vệ? Nay phu nhân mà sắp sinh thì phải sinh như hươu nai.

“Lúc ấy phu nhân nói: ‘Nếu tôi không được sinh như vậy, thì chắc tôi phải chết.’

“Vua Trường Thọ sau khi nghe những lời này, ngay trong đêm đó đổi ý phục, không đem theo người nào, đi vào thành Xá-vệ. Vua Trường Thọ có một đại thần tên là Thiện Hoa,¹¹⁶ vốn rất thương mến nhau. Ông này nhân có chút việc ra khỏi thành, gặp vua Trường Thọ đang đi vào thành. Đại thần nhìn sững vua, liền bỏ đi, than thở rơi lệ,

¹¹⁶ Thiện Hoa 善華. *Trung*, ibid., bà-la-môn quốc sư của vua Phạm-ma-đạt-đa. Pāli, ibid. bà-la-môn tư tế (*purohita-brāhmaṇa*) của vua Brahmadata, bạn cũ của Dīghīti.

rồi cứ theo đường mà đi. Vua Trường Thọ đuổi theo đại thần kia, đến chỗ vắng nói rằng: ‘Xin cẩn thận chớ nói ra.’

Đại thần đáp: ‘Sẽ theo như lời dạy của Đại vương. Không hiểu Minh vương có điều chi dạy bảo không.’

“Vua Trường Thọ nói: ‘Nếu ông nhớ ơn xưa của ta thì nên đền trả.’

“Đại thần đáp: ‘Đại vương có ra lệnh, thần sẽ lo liệu xong.’

“Vua Trường Thọ nói: ‘Đêm qua, phu nhân của ta nằm mộng thấy sinh giữa đô thị, lại có binh bốn bộ vây quanh; sinh ra một nam nhi rất là xinh đẹp. Nếu như không sinh theo mộng thì trong vòng bảy ngày sẽ chết.’

“Đại thần đáp: ‘Thần có thể lo việc này, theo như lời dạy của vua.’

“Nói lời này xong, mỗi người đi mỗi đường.

“Sau đó, đại thần liền đến chỗ vua Phạm-ma-đạt, tâu như vậy: ‘Trong vòng bảy ngày, ý tôi muốn xem qua quân lính tượng binh, mã binh, xa binh, bộ binh của đại vương, để biết là nhiều ít.’ Vua Phạm-ma-đạt liền ra lệnh cho tả hữu: ‘Hãy hồi thúc binh chúng theo lời Thiện Hoa.’

“Khi ấy, trong vòng bảy ngày, đại thần Thiện Hoa tụ tập binh chúng tại giữa đô thị Xá-vệ. Trong vòng bảy ngày phu nhân kia đến ở giữa đô thị. Khi đại thần Thiện Hoa từ xa nhìn thấy phu nhân lại liền nói: ‘Hãy đến đây, Hiền nữ. Nay là lúc thích hợp.’ Phu nhân sau khi thấy binh lính bốn bộ rồi, lòng sinh hoan hỷ, sai người hầu cho giăng bức màn lớn. Khi mặt trời vừa lên phu nhân sinh hạ một nam nhi, đẹp đẽ vô song hiếm có trên đời. Khi phu nhân ôm đứa bé trở lại trong núi, vua Trường Thọ từ

xa nhìn thấy phu nhân ôm đứa bé đến, liền bảo: ‘Mong con sống lâu dài, thọ mạng vô cùng.’

‘Phu nhân thưa vua: ‘Xin vua đặt tên cho.’

‘Vua liền đặt tên Trường Sanh.¹¹⁷

‘Khi [627b01] Thái tử Trường Sanh lên tám tuổi, phụ vương Trường Thọ có chút việc vào thành Xá-vệ. Bảy giờ có quan kiếp-tý¹¹⁸ ngày xưa của vua Trường Thọ thấy vua vào thành, liền ngắm kỹ mãi từ đầu đến chân. Thấy rồi, vội đến chỗ vua Phạm-ma-đạt thưa rằng: ‘Đại vương, thật là buồn lung. Vua Trường Thọ hiện nay đang ở tại thành này.’

‘Bảy giờ, nhà vua nổi giận, sai kẻ tả hữu vội vã tìm bắt vua Trường Thọ. Lúc bảy giờ các đại thần tả hữu dẫn kiếp-tý này theo, tìm kiếm khắp đông tây. Khi kiếp-tý từ xa trông thấy vua Trường Thọ, liền chỉ và báo đại thần: ‘Đây là vua Trường Thọ.’ Họ liền đến bắt, dẫn tới chỗ vua Phạm-ma-đạt. Đến nơi, tâu rằng: ‘Đại vương, người này chính là vua Trường Thọ.’

‘Nhân dân trong nước, tất cả đều nghe biết vua Trường Thọ đã bị bắt. Bảy giờ phu nhân cũng lại nghe vua Trường Thọ đã bị Phạm-ma-đạt bắt được, bà nghĩ: ‘Nay ta còn sống để làm gì? Thà cùng chết với Đại vương một lúc.’ Phu nhân liền dẫn thái tử vào thành Xá-vệ. Phu nhân bảo thái tử rằng: ‘Nay con hãy tìm chỗ sống.’

‘Thái tử Trường Sanh nghe xong, im lặng không nói. Phu nhân đi thẳng đến chỗ vua Phạm-ma-đạt. Vua từ xa nhìn thấy bà đến vui mừng phấn khởi, không tự chế được,

¹¹⁷ Trường Sanh 長生. Pāli: Dghāvu.

¹¹⁸ Kiếp-tý 劫比. Pāli: *kappaka*, người hớt tóc, đọc đúng là kiếp-bắc 劫北. Xem phẩm tựa, cht. 50.

liền bảo đại thần đem phu nhân này cùng vua Trường Thọ đến ngã tư đường phân thành bốn đoạn. Các đại thần vâng theo lệnh vua, đem vua Trường Thọ và phu nhân trở ngược dẫn quanh thành Xá-vệ cho muôn dân thấy. Bảy giờ, nhân dân không ai là không đau lòng. Lúc đó thái tử Trường Sanh ở trong đám đông thấy cha mẹ bị đem đến chợ để giết, vẻ mặt không đổi.

“Vua Trường Thọ quay lại bảo Trường Sanh rằng: ‘Con đừng nhìn dài, cũng đừng chớ nhìn ngắn¹¹⁹.’

“Sau đó nói bài kệ này:

*Oán oán không dùng nghĩ,
Pháp này có từ xưa.
Không oán mới thắng oán,
Pháp này luôn bất hủ.¹²⁰*

“Bảy giờ các đại thần bảo nhau rằng, ‘Vua Trường Thọ này mê loạn quá mức rồi. Thái tử Trường Sanh là người nào mà ở trước chúng ta nói kệ này?’ Lúc ấy, vua Trường Thọ bảo quần thần rằng: ‘Ta không mê loạn. Ở đây, chỉ có người trí mới hiểu lời ta. Chư hiền nên biết, chỉ dùng sức một người như ta đủ để có thể phá tan trăm vạn người này. Nhưng ta lại nghĩ như vậy: “Những chúng [27c01] sanh bị chết này khó mà tính số. Không thể vì một thân ta mà chịu tội nhiều đời. ‘*Oán oán không dùng nghĩ, Pháp này có từ xưa; Không oán mới thắng oán, Pháp này luôn bất hủ.*’

“Rồi quần thần kia đem vua Trường Thọ, và phu nhân đến ngã tư đường phân làm bốn đoạn rồi, sau bỏ về nhà.

¹¹⁹ Được hiểu là không nhìn xa cũng không nhìn gần; nghĩa là chớ trông đợi báo thù. Pāli: *mā kho tvam, tāta dīghāvu, dīgham passa, mā rassam.*

¹²⁰ Pāli, Dhp. 5.

Lúc đó thái tử Trường Sanh chờ cho đến chiều, gom góp cây cỏ, hỏa táng cha mẹ xong rồi đi.

“Bấy giờ vua Phạm-ma-đạt ở trên lầu cao, từ xa trông thấy một đứa bé hỏa táng vua Trường Thọ và phu nhân. Thấy vậy sai kẻ tả hữu rằng, ‘Đây ắt là thân quyến của vua Trường Thọ. Các người hãy nhanh chóng bắt về đây.’”

“Các thần dân liền đến chỗ đó. Chưa đến kịp thì cậu bé đã chạy mất rồi. Bấy giờ thái tử Trường Sanh nghĩ thầm: ‘Vua Phạm-ma-đạt này giết cha mẹ ta, lại ở trong nước ta. Nay ta phải báo oán cho cha mẹ ta.’”

“Thái tử liền tìm đến chỗ người dạy đàn. Đến nơi đó, nói như vậy: ‘Nay con muốn học đàn.’ Thầy dạy đàn hỏi: ‘Con họ gì? Cha mẹ ở đâu?’ Cậu bé đáp: ‘Con không còn cha mẹ. Con vốn ở trong thành Xá-vệ này. Cha mẹ đã mất sớm.’ Thầy dạy đàn bảo: ‘Con muốn học thì học.’”

“Tỳ-kheo nên biết, bấy giờ thái tử Trường Sanh học đàn, học ca, học hát kịch. Thái tử Trường Sanh vốn có tố chất thông minh, nên chưa qua mấy ngày mà đã có thể đàn, ca, hát kịch. Không thứ gì không biết.

“Sau đó, thái tử Trường Sanh ôm đàn đến chỗ vua Phạm-ma-đạt. Khi vắng người, ở trong chuồng voi, cậu một mình đàn và cất tiếng ca trong veo. Lúc ấy vua Phạm-ma-đạt đang ngồi trên lầu cao nghe tiếng đàn ca, liền hỏi kẻ tả hữu rằng: ‘Người nào ở trong chuồng voi, đàn ca vui thú một mình vậy?’ Kẻ tả hữu tâu: ‘Ở trong thành Xá-vệ này, có một cậu bé thường đàn ca vui thú một mình.’ Vua bèn bảo quân hầu rằng: ‘Người hãy khiến cậu bé này đến chơi tại đây. Ta muốn gặp nó.’ Người được sai kia vâng lời dạy của vua, đến gọi cậu bé này đến chỗ vua.

“Vua Phạm-ma-đạt hỏi cậu bé: ‘Đêm hôm qua ngươi đàn ở trong chuồng voi phải không?’ Tâu: ‘Thật vậy, Đại vương.’

“Phạm-ma-đạt hỏi, ‘Nay ngươi có thể ở bên cạnh ta, đánh đàn, ca, múa. Ta sẽ cung cấp quần áo, đồ ăn thức uống.’

“Tỳ-kheo nên biết, bấy giờ, thái tử Trường Sanh ở trước [628a01] Phạm-ma-đạt đánh đàn, ca, múa, rất là tuyệt diệu. Khi vua Phạm-ma-đạt nghe tiếng đàn này, trong lòng vô cùng hoan hỷ, liền bảo thái tử Trường Sanh: ‘Hãy giữ kho bảo vật của ta.’

“Thái tử Trường Sanh chấp hành lệnh của vua, chưa từng bị thất thoát; hằng tùy thuận ý vua, cười trước nói sau, luôn nhường ý vua. Bấy giờ vua Phạm-ma-đạt lại ra lệnh rằng: ‘Lành thay, lành thay! Hiện tại ngươi là người rất thông minh. Nay ta cho ngươi vào nội cung, coi sóc mọi thứ, được không?’

Khi thái tử Trường Sanh ở trong nội cung, đem tiếng đàn dạy cho các cung nữ, lại cũng dạy cỡi voi, cỡi ngựa, các kỹ thuật, không việc gì không biết.

“Bấy giờ, ý vua Phạm-ma-đạt muốn xuất du, dạo xem vườn rừng, cùng vui thú, liền sai thái tử Trường Sanh nhanh chóng sửa soạn xe có gắn lông chim báu. Thái tử Trường Sanh vâng lệnh vua, lo chuẩn bị xe có gắn lông chim báu, trái thơm lên voi, thắng yên cương bằng vàng bạc xong, trở lại tâu vua: ‘Đã sửa soạn xe xong, xin vua nên biết đã đến giờ.’

“Vua Phạm-ma-đạt đi xe có gắn lông chim báu, sai Trường Sanh điều khiển, cùng đem theo binh chúng bốn bộ. Lúc này, thái tử Trường Sanh điều khiển xe dẫn đường, luôn luôn cách ly quân chúng.

“Vua Phạm-ma-đạt hỏi thái tử Trường Sanh: ‘Hiện tại binh lính ở đâu?’

Trường Sanh tâu: ‘Thần cũng không biết quân lính ở đâu.’

“Vua bảo: ‘Hãy dừng lại một chút. Người ta mỗi một vô cùng; muốn dừng nghỉ một chút.’

“Thái tử Trường Sanh liền cho dừng lại để vua nghỉ ngơi trong chốc lát khi quân lính chưa đến.

“Tỳ-kheo nên biết, bấy giờ vua Phạm-ma-đạt gồi đầu trên đầu gối thái tử Trường Sanh ngủ say. Thái tử Trường Sanh thấy vua đang ngủ, liền nghĩ: ‘Vua này là kẻ thù lớn nhất của ta, đã bắt giết cha mẹ ta, lại còn ở trên đất nước ta. Nay mà không báo oán thì lúc nào sẽ báo? Bấy giờ ta phải dứt mạng hăn.’ Thái tử Trường Sanh tay phải rút kiếm, tay trái tóm tóc vua; nhưng lại nghĩ thầm: ‘Lúc cha ta sắp lâm chung đã bảo ta rằng: Trường Sanh nên biết, đừng nhìn dài, cũng đừng nhìn ngắn. Còn nói bài kệ này:

*Oán oán không dừng nghỉ,
Pháp này có từ xưa;
Không oán mới thắng oán,
Pháp này luôn bất hủ.*

“‘Nay ta nên bỏ oán này.’ Rồi tra kiếm vào vỏ. Ba phen như vậy, lại tự [628b01] nghĩ: ‘Vua này là kẻ thù lớn nhất của ta, đã bắt giết cha mẹ ta, lại còn ở trên đất nước ta. Nay mà không báo oán thì lúc nào sẽ báo? Nay đúng là lúc ta phải dứt mạng hăn, mới gọi là báo oán.’ Rồi lại nhớ đến: ‘Trường Sanh, con đừng nhìn dài, cũng đừng nhìn ngắn. Phụ vương có những lời dạy này:

*Oán oán không dừng nghỉ,
Pháp này có từ xưa;*

*Không oán mới thắng oán,
Pháp này luôn bất hủ.*

“Nay ta hãy bỏ oán này.’ Liền tra kiếm vào vỏ. Trong khi ấy vua Phạm-ma-đạt lại mộng thấy con trai vua Trường Thọ là thái tử Trường Sanh muốn bắt mình giết, vì vậy nên kinh sợ thức giấc. Thái tử Trường Sanh thưa, ‘Đại vương! Vì sao nổi kinh sợ đến như vậy?’

“Phạm-ma-đạt nói, ‘Lúc ngủ ta mộng thấy con trai vua Trường Thọ là thái tử Trường Sanh rút kiếm muốn bắt ta giết. Cho nên ta kinh sợ!’ Bây giờ, thái tử Trường sanh nghĩ thầm: ‘Hiện tại vua này đã biết ta là thái tử Trường sanh.’ Tay phải vội rút kiếm, tay trái tóm tóc mà nói vua rằng: ‘Hiện tại, tôi chính là thái tử Trường Sanh con trai của vua Trường Thọ. Song vua là kẻ thù lớn nhất của ta, đã bắt giết cha mẹ ta, lại còn ở trên đất nước ta. Nay không báo oán thì đợi lúc nào?’

“Vua Phạm-ma-đạt liền quay qua Trường Sanh mà nói rằng: ‘Nay mạng của ta ở trong tay ngươi, xin được toàn mạng!’

“Trường Sanh đáp: ‘Tôi có thể cho vua sống. Nhưng vua không để tôi toàn mạng!’

“Vua trả lời Trường Sanh: ‘Xin tha mạng. Ta không bao giờ giết ngươi.’

“Bây giờ Thái tử Trường Sanh cùng vua thề rằng, ‘Cả hai cùng tha mạng cho nhau, không bao giờ hại nhau.’

“Tỳ-kheo nên biết, bây giờ Thái tử Trường Sanh liền tha mạng sống cho vua. Lúc đó vua Phạm-ma-đạt bảo Thái tử Trường Sanh rằng: ‘Xin Thái tử cùng tôi trở lại chuẩn bị xe lông chim báu để trở về nước.’

“Bấy giờ, Thái tử liền chuẩn bị xe lông chim báu, cả hai cùng ngồi trên xe về đến thành Xá-vệ. Vua Phạm-ma-đạt liền tập họp quần thần nói rằng: ‘Nếu các khanh gặp con trai vua Trường Thọ, sẽ làm gì?’

“Trong đó, hoặc có đại thần tâu rằng: ‘Sẽ chặt chân tay.’ Hoặc có vị tâu: ‘Sẽ phân thân làm ba đoạn.’ Hoặc có vị tâu: ‘Sẽ bắt giết đi.’

“Lúc đó Thái tử Trường Sanh ngồi bên cạnh vua, chánh thân, chánh ý suy nghĩ về những lời nói này. Bấy giờ, vua Phạm-ma-đạt đích thân tự tay [628c01] nắm lấy tay Thái tử nói với mọi người rằng: ‘Đây là Thái tử Trường Sanh. Con trai vua Trường Thọ, chính là người này. Các khanh không được nói lại những lời như vậy. Vì sao vậy? Vì Thái tử Trường Sanh đã tha mạng sống cho ta. Ta cũng tha mạng sống cho người này.’

“Quần thần sau khi nghe những lời này, khen là chưa từng có. Thái tử con vua này thật là hy hữu, đối với oán mà có thể không báo oán.

“Lúc đó vua Phạm-ma-đạt hỏi Trường sanh: ‘Đáng ra người bắt ta giết. Nhưng tại sao lại tha không giết? Có nhân duyên gì? Nay xin được nghe.’

“Trường Sanh đáp: ‘Đại vương khéo lắng nghe! Khi phụ vương tôi sắp lâm chung, dặn lại rằng: Nay con chớ nhìn dài, cũng chớ nhìn ngắn. Lại dặn những lời này:

*Oán oán chẳng dùng nghĩ;
Từ xưa có pháp này.
Không oán hay thắng oán;
Pháp này luôn bắt từ.*

“Các đại thần khi nghe những lời này của phụ vương tôi, đều báo với nhau rằng: Vua này mê loạn nên nói lung

tung. Vậy chớ Trường Sanh là người nào? Vua Trường Thọ đáp: Các khanh nên biết, trong đây có người trí sẽ rõ những lời này. Khi nhớ lại những lời này của phụ vương, cho nên tôi tha cho vua toàn mạng.’

“Vua Phạm-ma-đạt sau khi nghe những lời này rồi, lấy làm lạ lùng và khen là chưa từng có ai có thể giữ lời dạy dỗ của người cha quá cố không để trái phạm.

“Bấy giờ vua Phạm-ma-đạt nói thái tử rằng: ‘Ý nghĩa của những lời ông nói hôm nay, ta vẫn chưa hiểu. Nay hãy nói cho ta nghĩa của chúng để ta được thông suốt.’

“Thái tử Trường Sanh đáp: ‘Đại vương khéo lắng nghe! Tôi sẽ nói. Vua Phạm-ma-đạt bắt vua Trường Thọ giết. Nếu có quân thần rất thân tín nào của vua Trường Thọ bắt vua giết, thì lại có quân thần phò tá của vua Phạm-đạt-ma cũng sẽ bắt quân thần phò tá của vua Trường Thọ mà giết. Đó gọi là oán oán không bao giờ dứt tuyệt. Muốn đoạn tuyệt oán này chỉ có người không báo oán. Vì tôi đã xét nghĩa này nên không giết vua.’

Vua Phạm-đạt-ma nghe những lời này xong, nghĩ vị vương tử này rất là thông minh, mới có thể quảng diễn được nghĩa này, nên lòng rất vui mừng hơn hờ không tự chế được.

“Lúc ấy vua Phạm-đạt-ma liền hướng về vương tử sám hối tội lỗi của mình là đã bắt giết vua Trường Thọ. Sau đó cỡi lấy mũ mình đội cho Trường Sanh, rồi gả con gái và giao nước Xá-vệ cùng nhân dân lại cho Trường Sanh thống lĩnh. Vua trở về cai trị Ba-la-nại. [629a01]

“Tỳ-kheo nên biết, các nhà vua thời thượng cổ đã có pháp thường này. Tuy có sự tranh giành đất nước như vậy, nhưng vẫn còn nhẫn nhịn nhau chứ không làm tổn hại nhau. Huống chi các người là Tỳ-kheo, vì lòng tin

kiên cố xuất gia học đạo, xả bỏ lòng tham dục, sân nhuế, ngu si, nay lại tranh khắc nhau, không hòa thuận nhau, không ai nhịn nhau, không chịu hối cải. Nay các Tỳ-kheo, căn cứ vào nhân duyên này mà biết rằng tranh cãi chẳng phải là điều nên làm. Cùng một thầy học, như nước với sữa, chớ tranh tụng nhau.”

Bấy giờ, Thế Tôn, liền nói bài kệ này:

*Không tranh, cũng không cãi;
Tâm từ thương tất cả.
Tất cả không ưu hoạn:
Điều chư Phật ngợi khen.*

“Cho nên, nay các Tỳ-kheo, cần phải tu hạnh nhẫn nhục. Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.”

Bấy giờ Tỳ-kheo Câu-thâm bạch đức Thế Tôn:

“Nguyện xin Thế Tôn chớ lo việc này. Chúng con sẽ tự phân giải sự việc này. Thế Tôn tuy có dạy những lời này. Nhưng sự việc không phải vậy.”

Thế rồi, Thế Tôn liền bỏ đi đến nước Bạt-kỳ.

Bấy giờ,¹²¹ trong nước Bạt-kỳ có ba thiện gia nam tử là A-na-luật, Nan-đề, Kim-tỳ-la.¹²² Các vị thiện gia nam tử này cùng giao ước với nhau: “Nếu ai ra đi khát thực, vị còn lại sau phải rưới nước,¹²³ quét đất sạch sẽ, không sót

¹²¹ Từ đây trở xuống, tương đương Pāli, M. 128 Upakkilesasuttam (R.iii. 155ff).

¹²² A-na-luật 阿那律 (Anuruddha), Nan-đề 難提 (Nandiya), Kim-tỳ-la 金毘羅 (Kimbīla), ba vương tử họ Thích. Pāli, ibid., ba vị này ở trong vườn Nai Pācivamsa (Migadāya), vương quốc Cetiya. Trung kinh 72, đã dẫn, nói ba vị này đang trú tại rừng Ban-ba-man-xà tỳ 般那蔓闍寺林.

¹²³ Hán: hậu trụ giả 後住者. Nhưng Hán dịch này không rõ, hoặc

việc gì. Vị đi khát thực về sẽ chia phần cho ăn. Đủ chia thì tốt, không đủ tùy ý ăn phần mình. Cơm còn dư, đổ vào đồ đựng, rồi bỏ đó mà đi. Nếu vị nào khát thực về sau cùng, đủ ăn thì tốt, không đủ thì lấy cơm trong đồ đựng kia rồi bỏ vào bát mình mà ăn, nhưng phải để vào bát mình. Sau đó xách bình nước đặt một nơi. Mỗi ngày phải quét sạch nhà cửa, rồi tìm nơi vắng vẻ chánh thân chánh ý buộc niệm trước mặt tư duy diệu pháp. Họ tự tuyệt đối im lặng, không nói chuyện với nhau.”

Bảy giờ, Tôn giả A-na-luật tư duy dục bất tịnh tướng¹²⁴, có niệm, khinh an và hỷ¹²⁵ mà vào sơ thiền. Lúc đó, Nan-đề và Kim-tỳ-la biết trong tâm niệm của A-na-luật, nên cũng tư duy dục bất tịnh tướng, có niệm, khinh an và hỷ* mà vào sơ thiền. Nếu Tôn giả A-na-luật tư duy nhị thiền, tam thiền, tứ thiền, bảy giờ Tôn giả Nan-đề và Kim-tỳ-la cũng tư duy nhị thiền, tam thiền, tứ thiền. Nếu Tôn giả [629b01] A-na-luật tư duy không xứ, thức xứ, vô sở hữu xứ, phi tướng phi phi tướng xứ, Tôn giả Nan-đề và Kim-tỳ-la cũng lại tư duy không xứ, thức xứ, vô sở hữu xứ, phi tướng phi phi tướng xứ. Nếu Tôn giả A-na-luật tư duy diệt tận định,¹²⁶ bảy giờ Tôn giả Nan-đề và Kim-tỳ-

có nhầm lẫn. Vì những việc này chỉ có thể làm sau khi khát thực về chứ không thể trước. Sáng sớm, tất cả tỳ-kheo đều phải đi khát thực. Các Tỳ-kheo sáng sớm phải đi khát thực. *Trung* kinh 72, và M 128 đều nói việc phân công này chỉ sau khi khát thực về. Ai về trước, ai về sau, phải làm gì.

¹²⁴ Dục bất tịnh tướng 欲不淨想; quán tướng dục là bất tịnh. Chính xác, đây hiểu là tu bất tịnh tướng (Pāli: *asubhasaññā*). Nhưng theo *Trung* kinh 72, M 128, tôn giả này tu quang minh tướng (*obhāsa*), và do kết quả này mà đắc thiên nhãn. Có sự liên hệ gì giữa *asubha* (Skt. *asubha*) và *obhāsa* (Skt. *avabhāsa*)?

¹²⁵ Niệm thị hỷ an 念侍喜安.

¹²⁶ Chi tiết này có thể Hán dịch diễn thêm. Vì theo nội dung các

la cũng lại tư duy diệt tận định. Như các pháp này, các hiền giả cũng tư duy như vậy.

Bấy giờ, Thế Tôn đến vườn Sư tử,¹²⁷ lúc đó người giữ vườn¹²⁸ từ xa trông thấy Thế Tôn đến, liền thưa:

“Sa-môn chớ vào trong vườn! Vì sao vậy? Vì trong vườn này có ba vị thiện gia nam tử tên là A-na-luật, Nan-đề, và Kim-tỳ-la. Hãy cẩn thận chớ quấy nhiễu họ.”

Lúc đó, Tôn giả A-na-luật bằng thiên nhĩ thông¹²⁹ nghe người giữ vườn nói với Thế Tôn như vậy, không để Ngài vào vườn*, Tôn giả A-na-luật liền ra bảo người giữ cửa¹³⁰ rằng:

“Chớ ngăn! Nay Thế Tôn đến đây, là muốn đến thăm chỗ này.”

Sau đó Tôn giả A-na-luật liền vào báo Kim-tỳ-la:

“Đi nhanh, Thế Tôn hiện đang ở ngoài cửa vườn.”

chuyện kể, lúc này các vị này chưa ai chứng A-la-hán thì không thể có việc nhập diệt tận định.

¹²⁷ Nguyên Hán: Sư tử quốc 師子國. Có lẽ là tên khu vườn chứ không phải tên nước. Theo ngữ cảnh dưới, nên hiểu đây là một khu vườn. Có lẽ 園 viên chép nhầm là 國 quốc. Xem cht. dưới. Pāli: Sīha (Skt. Sīma)? Không thấy trong danh sách các nước đương thời Phật. Hoặc có liên hệ phát âm nào giữa *Migadāya* (Skt. *Mṛgadāya*), khu vườn họ đang ở, với *Migarājā* (Skt. *Mrgarājā*), “vua các loài thú”, từ khác chỉ Sư tử?

¹²⁸ Đề bản: Thủ quốc nhơn 守國人. TNM: Thủ viên nhơn 守園人

¹²⁹ Chi tiết thêm do Hán dịch.

¹³⁰ Thủ môn nhơn 守門人. Có lẽ là người giữ vườn như trên.

Tăng nhất A-hàm

Bấy giờ ba Tôn giả liền rời khỏi tam-muội,¹³¹ đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, rồi đứng qua một bên. Mỗi vị tự thưa:

“Lành thay, Thế Tôn đã đến!”

Tôn giả A-na-luật đón lấy bình bát Thế Tôn. Tôn giả Nan-đề trải chỗ ngồi. Tôn giả Kim-tỳ-la lấy nước cho Thế Tôn rửa chân.

Bấy giờ Thế Tôn bảo Tôn giả A-na-luật:

“Ba người ở đây hòa hợp không có trái ý nhau? Khất thực có như ý không?”

A-na-luật thưa:

“Thật vậy, bạch Thế Tôn, khất thực không gì khó nhọc. Vì sao vậy? Vì khi con tư duy sơ thiền, bấy giờ Nan-đề, Kim-tỳ-la cũng tư duy sơ thiền. Nếu con tư duy nhị thiền, tam thiền, tứ thiền, không xứ, thức xứ, vô sở hữu xứ, phi tướng phi phi tướng xứ, diệt tận định, lúc đó Nan-đề, Kim-tỳ-la cũng tư duy nhị thiền, tam thiền, tứ thiền, không xứ, thức xứ, vô sở hữu xứ, phi tướng phi phi tướng xứ, diệt tận định. Như vậy, bạch Thế Tôn, chúng con tư duy về pháp này.”

Thế Tôn bảo:

“Lành thay, lành thay, A-na-luật! Vào lúc ấy các người có đạt được pháp thượng nhân không?”

A-na-luật thưa:

¹³¹ Hán: tùng tam-muội khởi 從三昧起. Có lẽ nguyên là nói “từ chỗ thiền tọa đứng dậy.” Người chép kinh hiểu nhầm chỗ thiền tọa với thiền định (tam-muội). Pāli thường gặp: *paṭisallānā vuttḥito*. Hán cũng thường dịch: Tùng thiền định giác.

“Thật vậy, thưa Thế Tôn, chúng con đạt được pháp thượng nhân.”

Thế Tôn bảo:

“Pháp thượng nhân là gì?”

A-na-luật thưa:

“Có pháp vi diệu này vượt lên trên pháp thượng nhân. Nếu [629c01]chúng con lại rải tâm từ trái đầy khắp một phương; hai phương, ba phương, bốn phương cũng lại như vậy; bốn phía, trên dưới cũng lại như vậy; trong tất cả, mỗi mỗi đều rải tâm từ trái đầy khắp trong đó, vô số, vô hạn, không thể tính hết, mà tự an trú*. Lại rải tâm bi, tâm hỷ, tâm hộ (xả) đầy khắp một phương, hai phương, ba phương, bốn phương, và bốn phía, trên dưới mà tự an trú cũng lại như vậy. Đó gọi là, bạch Thế Tôn, chúng con đạt thêm được pháp thượng nhân nữa.”

Bấy giờ, Tôn giả Nan-đề, Kim-tỳ-la nói với A-na-luật:

“Có bao giờ chúng tôi đến Tôn giả để hỏi nghĩa này đâu, mà hôm nay trước Thế Tôn lại nói như vậy?”

Tôn giả A-na-luật đáp:

“Các Hiền giả cũng chưa bao giờ đến tôi để hỏi nghĩa này. Nhưng chư thiên đã đến chỗ tôi mà nói nghĩa này, cho nên ở trước Thế Tôn tôi nói nghĩa này vậy. Lại nữa, lâu nay tôi biết tâm ý của các Hiền giả, là các Hiền giả đã đạt được tam-muội này, nên ở trước Thế Tôn tôi nói những lời này.”

Trong lúc thuyết pháp này, đại tướng Trường Thọ đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, ngồi qua một bên. Rồi đại tướng Trường Thọ¹³² bạch Thế Tôn:

“Hôm nay có phải Thế Tôn vì các Tỳ-kheo này mà thuyết pháp?”

Lúc ấy Thế Tôn đem nhân duyên này kể lại cho đại tướng Trường Thọ. Đại tướng bạch Thế Tôn:

“Đại quốc Bạt-kỳ sớm được lợi lớn, vì có ba thiện gia nam tử A-na-luật, Nan-đề, Kim-tỳ-la này du hóa.”

Thế Tôn bảo:

“Đại tướng, thật vậy, như lời ông nói. Đại quốc Bạt-kỳ được thiện lợi. Hãy không nói đại quốc Bạt-kỳ, mà đại quốc Ma-kiệt cũng được thiện lợi mới có ba vị thiện gia nam tử này. Nếu mọi người dân trong đại quốc Ma-kiệt này mà nhớ đến ba thiện gia nam tử này, sẽ được an ổn lâu dài. Đại tướng nên biết, nếu huyện ấp, thành quách nào có ba vị thiện gia nam tử này ở trong những thành quách đó, mọi người dân sẽ được an ổn lâu dài. Nhà nào sinh ra ba vị thiện gia nam tử này cũng được lợi lớn, vì đã sinh ra người được tôn quý nhất này. Cha mẹ năm đời thân tộc của họ, nếu nhớ đến ba người này thì cũng được lợi lớn. Nếu trời, rồng, quỷ, thần nhớ đến ba thiện gia nam tử này, thì cũng được lợi lớn. Nếu có người nào khen ngợi bậc A-la-hán thì, cũng nên khen ngợi ba người này. Nếu có người nào khen ngợi người không tham dục, không ngu si, không sân nhuế thì, cũng nên [630a01] khen ngợi ba người này. Nếu có người nào khen ngợi người có ruộng phước này thì, cũng nên khen ngợi ba người này. Như Ta ở trong ba A-tăng-kỳ kiếp thực hành

¹³² Trường Thọ Đại tướng 長壽大將 (?).

cần khổ thành vô thượng đạo, khiến ba người này thành tựu nghĩa pháp này. Cho nên Đại tướng đối với ba thiện gia nam tử này nên khởi lòng hoan hỷ. Đại tướng, hãy học điều này như vậy.”

Đại tướng, sau khi nghe những gì Thế Tôn dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 9

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có ba kết sử trói buộc chúng sanh khiến không thể từ bỏ này đến bờ kia được. Những gì là ba? Là thân tà, giới đạo, nghi.”¹³³

“Thế nào gọi là kết bởi thân tà? Chấp thân có ngã, này sinh tưởng về tôi ta, có tưởng về chúng sanh, có mạng, có thọ, có nhân, có sĩ phu, có duyên, có trước. Đó gọi là kết bởi thân tà.

“Thế nào là kết bởi nghi? Có ngã chẳng? Vô ngã chẳng? Có sinh chẳng? Không sinh chẳng? Có ngã, nhân, thọ mạng, chẳng? Không ngã, nhân, thọ mạng chẳng? Có phụ mẫu chẳng? Không phụ mẫu chẳng? Có đời này, đời sau chẳng? Không đời này, đời sau chẳng? Có sa-môn, bà-la-môn chẳng? Không sa-môn, bà-la-môn chẳng? Đời

¹³³ Thân tà, giới đạo, nghi 身邪, 戒盜, 疑. Cf. *Trung I* (T1n26, tr. 424b28): “thân kiến 身見, giới thù 戒取, nghi 疑, ba kết đoạn tận, đắc Tu-đà-hoàn.” *Tỳ-bà-sa* 46 (T27n1545, tr. 237c5), ba kết: hữu thân kiến 有身見, giới cấm thù 戒禁取, nghi 疑. Pāli, cf. D 33 Saṅgīti (R.iii. 216): *tīṇi saṃyojanāni—sakkāyadiṭṭhi, vicikicchā, sīlabbataparāmāso.*

có A-la-hán chẳng? Đòi không A-la-hán chẳng? Có người chứng đắc chẳng? Không người chứng đắc chẳng? Đó gọi là kết bởi nghi.

“Thế nào là kết bởi giới đạo? Ta do giới này mà sinh vào gia đình giòng họ lớn, sinh nhà gia chủ, sinh nhà bà-la-môn, hoặc sinh lên trời, hay trong các thần. Đó gọi là kết của giới đạo.

“Như vậy, này Tỳ-kheo, có ba kết này trói buộc chúng sanh, khiến không thể từ bờ này đến bờ kia. Giống như hai con bò cùng một ách tất không rời nhau.¹³⁴ Chúng sanh này cũng lại như vậy, bị ba kết trói chặt không thể từ bờ này đến bờ kia được.

“Thế nào là bờ này, thế nào là bờ kia? Bờ này chính là thân tà; bờ kia chính là thân tà bị diệt. Này Tỳ-kheo, đó gọi là ba kết trói buộc chúng sanh, không thể từ bờ này đến bờ kia. Cho nên, này các Tỳ-kheo, cần phải tìm cách tiêu diệt ba kết này. Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 10¹³⁵

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

¹³⁴ Định nghĩa từ Pī. *samyojana* (=Skt.), do *yuga*: Cách ách, và động từ *yuñjati*: buộc vào ách.

¹³⁵ Tham chiếu Pāli, A III 163 (R.i. 299).

“Có ba tam-muội này. Những gì là ba? Là không tam-muội, vô tướng tam-muội, vô nguyện tam-muội.¹³⁶

“Thế nào là Không tam-muội? Không là quán tất cả các pháp đều là không hư. Đó gọi là không tam-muội.

“Thế nào là vô tướng¹³⁷ tam-muội? Vô tướng là đối với tất cả các pháp tất cả đều không tướng niệm gì¹³⁸, cũng không có gì được thấy. Đó gọi là vô tướng tam-muội.

“Thế nào là vô nguyện tam-muội? Vô nguyện là đối với tất cả các pháp cũng không mong cầu. Đó gọi là vô nguyện tam-muội.

“Nhu vậy, này các Tỳ-kheo, ai không đạt được ba tam-muội này thì ở lâu nơi sinh tử, không thể tự giác ngộ. Cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy tìm cầu phương tiện đạt được tam-muội này. Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

¹³⁶ Không, vô nguyện, vô tướng 空 無願 無想. Pāli, A. *ibid.*: *rāgassa, abhiññāya tayo dhammā bhāvetabbā. suññato samādhi, animitto samādhi, appaṇihito samādhi*— để biết rõ tham, hay tu ba pháp: không tam-muội, vô tướng tam-muội, vô nguyện tam-muội. Xem *Trường* 8, kinh 9 “Chúng tập”. Cf. *Câu-xá* 28 (T29n1558, tr. 149c13), có ba đẳng trì (=tam-muội): không 空, vô nguyện 無願, vô tướng 無相.

¹³⁷ 無想 vô tướng; chính xác, nên hiểu là vô tướng 無相, Pāli *animitta-samādhi*.

¹³⁸ Cf. *Tạp* 21 (Hán) tr. 149c28: 云何為無相三昧？謂聖弟子於一切相不念 “Thế nào là vô tướng tam muội? Không niệm tướng đến tất cả tướng.” *Câu-xá* 28, dẫn trên: “Vô tướng tam-ma-địa, là đẳng trì lấy bốn hành tướng của diệt để làm đối tượng. Vì niết-bàn vượt ngoài 10 tướng nên được gọi là vô tướng.”

Kệ tóm tắt:

*Tràng, Tỳ-sa, pháp vương,
Cù-mặc, thần túc hóa;
Trai giới, hiện tại tiền,
Trường Thọ, kết, tam-muội.¹³⁹*

¹³⁹ Bản Hán, hết quyển 16.